

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KANHA SENTHAMMAVONG

VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ  
CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
Ở TỈNH BOLIKHAMXAY HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: XÃ HỘI HỌC

HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KANHA SENTHAMMAVONG

VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ  
CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
Ở TỈNH BOLIKHAMXAY HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÃ HỘI HỌC

Mã số: 9310301

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS, TS. LÊ NGỌC HÙNG

2. TS. ĐỖ VĂN QUÂN

HÀ NỘI - 2024

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.*

**Tác giả luận án**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Kanha Senthammavong', written in a cursive style.

**KANHA SENTHAMMAVONG**

## MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI .....	16
1.1. Những nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới .....	16
1.2. Nghiên cứu về vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở.....	24
1.3. Nghiên cứu về vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới .....	32
1.4. Kết quả, hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu .....	38
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH BOLIKHAMXAY .....	43
2.1. Một số khái niệm - công cụ tiếp cận nghiên cứu của luận án.....	43
2.2. Các lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu luận án .....	68
2.3. Quan điểm, đường lối của Đảng Nhân dân cách mạng Lào về nông thôn và xây dựng nông thôn mới .....	75
Chương 3. THỰC TRẠNG VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH BOLIKHAMXAY.....	84
3.1. Đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hoá và kết quả xây dựng nông thôn mới của tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.....	84
3.2. Thực trạng thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào .....	100
3.3. Đánh giá về kết quả thực hiện, sự chuyển biến các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay .....	125
Chương 4. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH BOLIKHAMXAY .....	134
4.1. Các yếu tố tác động đến vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào .....	134
4.2. Những giải pháp cơ bản phát huy vai trò hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay.....	149
KẾT LUẬN .....	171
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ.....	175
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	176
PHỤ LỤC .....	187

## DANH MỤC CÁC BẢN ĐỒ, BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 3.1: Cơ cấu GDP 5 năm giai đoạn IV (2016 - 2020) của tỉnh Bolikhamxay .....	85
Bảng 3.2. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức được khảo sát về việc thực hiện vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật về xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay .....	101
Bảng 3.3. Đánh giá của nhân dân, cán bộ công chức về mức độ hoàn thành vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay .....	102
Bảng 3.4. Đánh giá của nhân dân và cán bộ công chức về việc thực hiện vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở.....	104
Bảng 3.5. Đánh giá của nhân dân và cán bộ công chức về mức độ hoàn thành vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cơ sở.....	105
Bảng 3.6. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở.....	108
Bảng 3.7. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở.....	109
Bảng 3.8. Các kênh tiếp cận thông tin về xây dựng nông thôn mới của nhân dân được khảo sát ở tỉnh Bolikhamxay.....	110
Bảng 3.9. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở.....	112
Bảng 3.10. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở.....	113
Bảng 3.11. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở .....	114

Bảng 3.12. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở .....	115
Bảng 3.13. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở .....	117
Bảng 3.14. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở .....	118
Bảng 3.15. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò sơ, tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở .....	120
Bảng 3.16. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò sơ, tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở .....	121
Bảng 3.17. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò đề xuất, kiến nghị lên cấp trên của hệ thống chính trị cấp cơ sở.....	122
Bảng 3.18. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò đề xuất, kiến nghị lên cấp trên của hệ thống chính trị cấp cơ sở .....	123
Bảng 3.19. Các tiêu chí xây dựng nông thôn mới có mức độ thực hiện mức “trung bình” theo đánh giá của cán bộ ở tỉnh Bolikhamxay.....	125
Bảng 3.20. Các tiêu chí xây dựng nông thôn mới có mức độ thực hiện mức “khá” theo đánh giá của cán bộ ở tỉnh Bolikhamxay.....	126
Bảng 3.21. Các tiêu chí xây dựng nông thôn mới có mức độ thực hiện mức “trung bình” theo đánh giá của nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay.....	127
Bảng 3.22. Các tiêu chí xây dựng nông thôn mới có mức độ thực hiện “khá” theo đánh giá của nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay.....	128
Bảng 3.23. Các nội dung xây dựng nông thôn mới có mức độ chuyển biến “trung bình” theo đánh giá của nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay.....	129
Bảng 3.24. Các nội dung xây dựng nông thôn mới có mức độ chuyển biến mức “khá” theo đánh giá của nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay.....	130
Bảng 3.25. Các nội dung xây dựng nông thôn mới có mức độ chuyển biến mức “trung bình” theo đánh giá của cán bộ, công chức ở tỉnh Bolikhamxay .....	131

Bảng 3.26. Các nội dung xây dựng nông thôn mới có mức độ chuyên biến mức “khá” theo đánh giá của cán bộ, công chức ở tỉnh Bolikhamxay .	131
Bảng 4.1. Đánh giá của nhân dân và cán bộ về mức độ tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hoá địa phương tới việc hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay .....	138
Bảng 4.2. Mức độ tác động của nhân dân đối với việc thực hiện vai trò trong xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay .....	144

## DANH MỤC CÁC BẢN ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Bản đồ 1.1: Các đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Bolikhamxay.....	84
Biểu đồ 4.1. Kết quả khảo sát đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện ở Bolikhamxay về việc triển khai xây dựng nông thôn mới trong các nghị quyết.....	136
Biểu đồ 4.2. Đánh giá của cán bộ, công chức về mức độ tác động của những yếu tố bên trong đội ngũ cán bộ cơ sở với việc hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới.....	141
Biểu đồ 4.3. Đánh giá của cán bộ, công chức và nhân dân về mức độ tác động khoa học, công nghệ, kỹ thuật với việc hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay .....	146



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Nông thôn có vị trí vô cùng quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân Lào. Sự phát triển của nông thôn có ảnh hưởng quyết định đối với sự thành công của sự nghiệp phát triển toàn diện, bền vững kinh tế-xã hội đất nước Lào theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chương trình xây dựng nông thôn mới đã được nói đến ở Lào nhiều hơn từ sau Đại hội IX. Tại chương trình Đại hội đại biểu Đảng nhân dân Cách mạng Lào đã chỉ rõ tính cần thiết, vị trí ý nghĩa của xây dựng nông thôn mới đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước Lào. Xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đảng nhân dân Cách mạng Lào khởi xướng là yêu cầu tất yếu khách quan và là một chủ trương chiến lược của Đảng và Nhà nước Lào, có ý nghĩa to lớn và tác động toàn diện đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực với sự tham gia của nhiều lực lượng khác nhau. Để xây dựng thành công nông thôn mới cần có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cần huy động nhiều nguồn lực và đặc biệt là phải phát huy được vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Theo đó, hệ thống chính trị cấp cơ sở được xác định vừa là chủ thể trực tiếp đưa các đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước Lào tới nhân dân vừa là chủ thể triển khai, xây dựng các kế hoạch, chương trình cụ thể về xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Vai trò hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới là vô cùng to lớn. Hiệu quả đạt được từ việc phát huy vai trò hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới đem lại lợi ích trên nhiều phương diện khác nhau. Với hệ thống chính trị cấp cơ sở, thông qua phong trào xây dựng nông thôn mới cũng là cơ hội, bằng chứng để khẳng định năng lực lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước Lào trong công cuộc xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, phát triển bền vững của nhân dân và đất nước Lào.

Việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã tạo bước đột phá trong phát triển khu vực “tam nông”, nâng cao đời sống cho người dân. Qua thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở các địa phương, có thể thấy hệ thống chính trị cấp cơ sở có vai trò đặc biệt quan trọng trong lãnh đạo, điều hành, vận động nhân dân tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới ở mỗi địa phương. Tại địa bàn nào mà phát huy được vai trò, thực hiện tốt chức năng của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới thì ở đó đạt được các mục tiêu và mang lại hiệu quả, tính bền vững của nó. Ngược lại, nơi nào vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới chưa được chú trọng và phát huy thì nơi đó không đạt các mục tiêu và hiệu quả của việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới không cao, còn nhiều bất cập. Thực tiễn đã đặt ra những vấn đề cần có lời giải đáp như: hệ thống chính trị cấp cơ sở đang có những vai trò gì và được thể hiện như thế nào trong xây dựng nông thôn mới? Làm thế nào để phát huy được vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào?

Trong những năm đổi mới vừa qua, cấp ủy đảng và chính quyền tỉnh Bolikhamxay đã thường xuyên quán triệt, từng bước cụ thể hóa các Nghị quyết, chỉ thị về xây dựng nông thôn mới của Đảng nhân dân Cách mạng Lào, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết đó, các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền tỉnh đã triển khai nhiều chương trình, kế hoạch và biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng đời sống văn hóa, giữ vững quốc phòng và an ninh, cải thiện đời sống nhân dân của các vùng nông thôn trong địa bàn tỉnh Bolikhamxay. Những chủ trương, biện pháp đó đã đem lại những chuyển biến tích cực trên tất cả các mặt trong đời sống xã hội của nông thôn. Mặc dù vậy, xây dựng nông thôn mới của tỉnh vẫn chuyển biến còn chậm, nhiều mặt chưa thật rõ nét. Cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn chưa có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết cấu

hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông, điện, nước sạch, trường học, trạm y tế, còn nhiều thiếu thốn. Người dân vẫn sinh sống rải rác, phân tán. Sản xuất lúa, hoa màu vẫn chủ yếu dựa vào thời tiết, chưa chủ động được nguồn nước tưới; cơ cấu cây trồng, vật nuôi chậm đổi mới. Tình trạng người dân bị bệnh không được khám, chữa bệnh kịp thời còn diễn ra ở nhiều nơi. Nhiều học sinh đến độ tuổi đi học không có điều kiện đến trường...

Vai trò của lãnh đạo, điều hành của cấp ủy chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở đối với xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay bước đầu được định hình, nhưng vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Theo đó, nhìn chung chưa có sự phân định rõ sự lãnh đạo của tổ chức Đảng với sự quản lý của tổ chức chính quyền gắn với quyền tự chủ của các tổ chức kinh tế, đoàn thể xã hội trong quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới. Về nội dung lãnh đạo, các tổ chức đảng chưa xác định rõ cần lãnh đạo đến đâu, quyết định những vấn đề/nội dung gì, chịu trách nhiệm đến đâu. Về phương thức lãnh đạo, vẫn dễ xảy ra tình trạng cấp trên bao biện cho cấp dưới, cấp dưới ỷ lại, dựa dẫm vào cấp trên; nhiều chủ trương của tổ chức Đảng, chính quyền cấp trên không được cụ thể hóa, thể chế hóa và tiến hành triển khai kịp thời, đồng bộ. Kết quả là hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới còn hạn chế. Do đó, cần phải có những giải pháp có tính khả thi nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Muốn vậy, cần phải có nghiên cứu khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Những câu hỏi và vấn đề đặt ra là hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay có những vai trò gì và những vai trò đó được thực hiện như thế nào trong việc thúc đẩy các hoạt động xây dựng nông thôn mới?. Bên cạnh đó, sự bất cập, hạn chế, và những giải pháp nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay...là những vấn đề cần phải được quan tâm nghiên cứu làm sáng tỏ, nhất là từ phương diện khoa học xã hội học.

Từ những vấn đề như vừa nêu có thể khẳng định việc tiến hành nghiên cứu về vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào từ góc độ tiếp cận của xã hội học là hết sức cấp thiết ở phương diện lý luận và thực tiễn. Trong khuôn khổ luận án Tiến sĩ khoa học xã hội học, để đánh giá một cách đầy đủ, khách quan, toàn diện, dựa trên bằng chứng thực trạng phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới, tác giả lựa chọn vấn đề ***“Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay”*** làm vấn đề nghiên cứu cho Luận án Tiến sĩ chuyên ngành xã hội học.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Hệ thống hóa và làm rõ được những vấn đề lý luận và thực tiễn thực hiện các vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; đánh giá thực trạng thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay; chỉ ra được sự tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay; đề xuất giải pháp nhằm phát huy tốt hơn vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay trong xây dựng nông thôn mới.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Với những mục tiêu như trên, luận án sẽ tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tài liệu trong và ngoài nước có liên quan luận án;
- Hệ thống hóa, xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn của luận án;
- Tiến hành khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay;
- Phân tích, đánh giá những yếu tố tác động (thúc đẩy và rào cản) đến thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay;

- Đề xuất giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò, nâng cao hiệu quả vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay.

### **3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới

#### **3.2. Khách thể nghiên cứu**

Đội ngũ cán bộ cấp cơ sở; người dân và hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể - xã hội cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay

#### **3.3. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi không gian: tập trung nghiên cứu, khảo sát tại tỉnh Bolikhamxay.

- Phạm vi thời gian: luận án tập trung khảo sát trong năm 2021 đối với số liệu điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu; các số liệu thứ cấp: bài báo, báo cáo, đánh giá/tổng kết,... tập trung nghiên cứu từ năm 2016 đến nay (là năm bắt đầu thực hiện giai đoạn 3 của xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay).

- Phạm vi nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay, trong đó tập trung: vai trò quán triệt quan điểm, đường lối, chính sách; vai trò xây dựng chương trình, kế hoạch; vai trò tuyên truyền vận động; vai trò huy động nguồn lực; vai trò tổ chức thực hiện; vai trò kiểm tra, giám sát; vai trò sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm.

### **4. Câu hỏi nghiên cứu**

Luận án nhằm trả lời một số câu hỏi nghiên cứu sau đây:

Câu hỏi 1: hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay có những vai trò như thế nào trong xây dựng nông thôn mới?

Câu hỏi 2: hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay đã thực hiện các vai trò của mình như thế nào trong xây dựng nông thôn mới?

Câu hỏi 3: Những nhân tố nào có ảnh hưởng quyết định đến việc thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay?

## **5. Giả thuyết nghiên cứu, khung phân tích và các biến số**

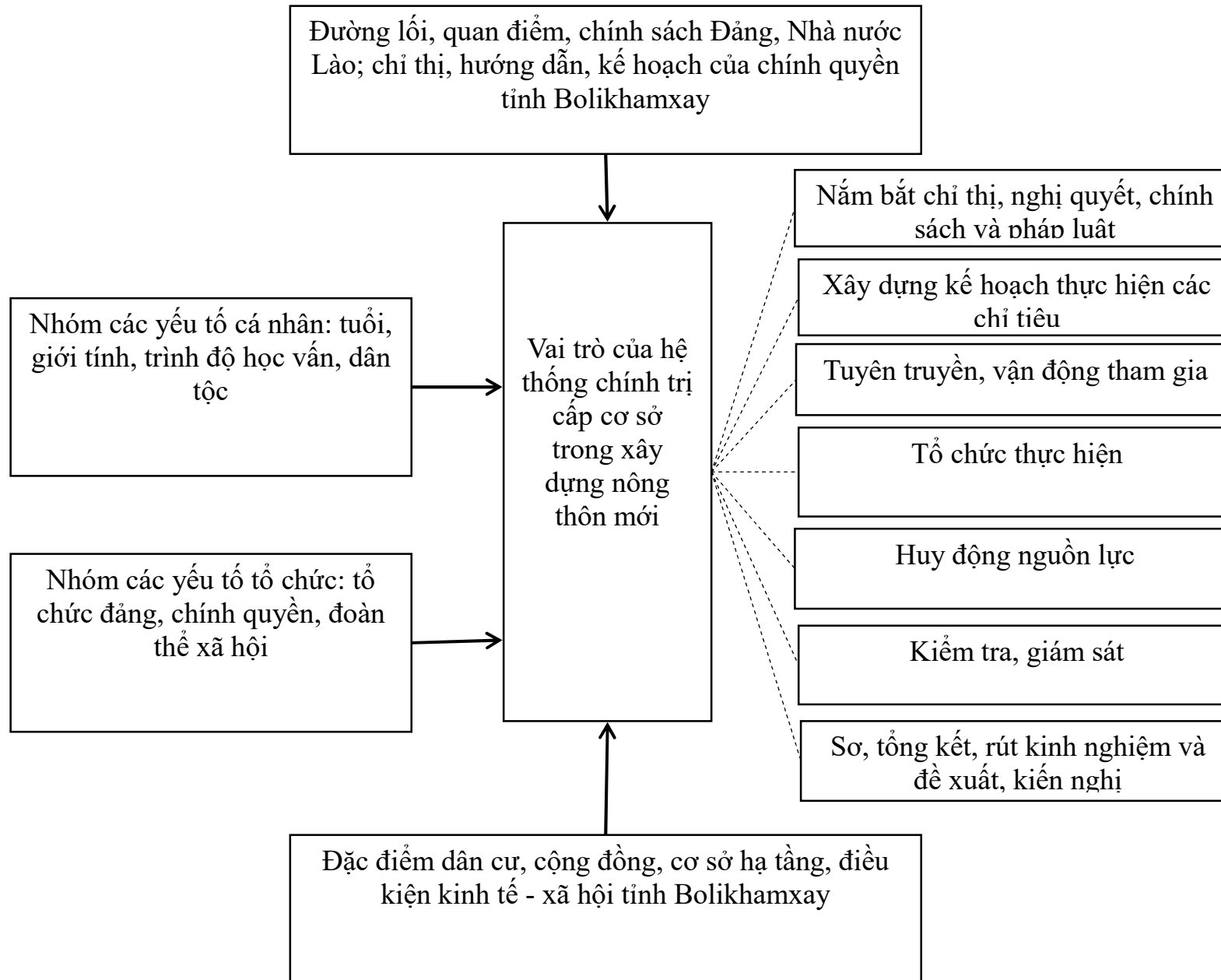
### ***5.1. Giả thuyết nghiên cứu***

Giả thuyết 1: hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay có hệ thống các vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, xây dựng kế hoạch, tuyên truyền vận động, tổ chức thực hiện, huy động nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đề xuất kiến nghị trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Giả thuyết 2: hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay đã thực hiện khá tốt các vai trò trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay.

Giả thuyết 3: Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn là các yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến việc thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay.

### ***5.2. Khung phân tích***



### **5.3. Các biến số**

- Biến số độc lập: Các yếu tố cá nhân: giới tính, độ tuổi, dân tộc, trình độ của đội ngũ cán bộ thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay. Đặc điểm và sự hoàn thiện của các tổ chức: tổ chức đảng, tổ chức chính quyền, tổ chức đoàn thể xã hội.

- Biến số trung gian: quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước Lào và sự cụ thể hóa của tỉnh Bolikhamxay; các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở Lào; đặc điểm cộng đồng, điều kiện cơ sở hạ tầng của địa phương; các yếu tố thuộc về nhân khẩu của nhân dân tỉnh Bolikhamxay.

- Biến số phụ thuộc: các vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới: Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật; xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí; Tuyên truyền, vận động tham gia; Huy động nguồn lực; Tổ chức thực hiện; Kiểm tra, giám sát; Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị lên cấp trên.

## **6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **6.1. Phương pháp luận**

Luận án được thực hiện theo hướng tiếp cận khoa học tổng hợp liên ngành, dựa trên quan điểm hệ thống, quan điểm lịch sử - cụ thể, quan điểm phát triển; trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ tịch KaySon Phomvihane; quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Lào và Việt Nam về hệ thống chính trị cấp cơ sở, xây dựng nông thôn mới.

Hướng tiếp cận nghiên cứu xã hội học giúp cho tác giả thâm nhập thực tế, nắm bắt được mức độ thực hiện vai trò và xu hướng thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Hướng tiếp cận của nhân khẩu học và khoa học chính trị giúp tác giả hiểu biết sâu sắc, đa chiều hơn về các yếu tố thuộc về đặc điểm lứa tuổi, giới tính, dân tộc, trình độ, tôn giáo, các điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương đến việc thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện vai trò đối với chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.



Là một đề tài luận án tiến sĩ thuộc chuyên ngành xã hội học, do đó tác giả vận dụng các lý thuyết: Lý thuyết sự tham gia của cộng đồng; Lý thuyết vai trò của tổ chức để phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện vai trò và xu hướng thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay.

## **6.2. Phương pháp nghiên cứu**

### *6.2.1. Phương pháp phân tích tài liệu*

Tác giả luận án sẽ phân tích các nội dung tư liệu, tài liệu, các văn bản ở trong nước và trên thế giới có liên quan đến vai trò của hệ thống chính trị các cấp trong xây dựng nông thôn mới. Các báo cáo nghiên cứu có liên quan được thu thập và phân tích để làm rõ bức tranh mức độ thực hiện vai trò của hệ thống chính trị/đội ngũ cán bộ các cấp thuộc hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới cũng như các yếu tố có ảnh hưởng/tác động đến thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở. Cụ thể là: các chủ trương của Đảng nhân dân cách mạng Lào, chính sách và pháp luật của Nhà nước Lào và Việt Nam về xây dựng nông thôn mới; Các báo cáo, đề tài/chuyên đề, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến vai trò của hệ thống chính trị/đội ngũ cán bộ trong xây dựng nông thôn mới.

### *6.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu*

- Mục đích phỏng vấn sâu: tìm hiểu sâu, phân tích khách quan, cụ thể hơn các đặc điểm nhận thức, sự hiểu biết và sự tham gia, vai trò năng lực của đội ngũ cán bộ thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay về xây dựng nông thôn mới. Tìm hiểu nhận thức, sự đánh giá của người dân về việc thực hiện vai trò (công việc) của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay.

- Đối tượng phỏng vấn:

+ Cán bộ thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay: 20 người.

+ Người dân tham gia xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay: 15 người.

- Thông tin tìm hiểu khi tiến hành phỏng vấn sâu:

+ Đối với đội ngũ cán bộ thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở: tìm hiểu cách thức xây dựng kế hoạch/triển khai công việc, cách thức giúp đỡ nhân dân trong hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, những yếu tố tác động/gây trở ngại đối với thực hiện vai trò, nhận thức về mục tiêu/phương thức của xây dựng nông thôn mới,...

+ Đối với các tầng lớp nhân dân: đánh giá tính hiệu quả của việc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; các thông tin phản biện của người dân về vai trò của đội ngũ cán bộ/hệ thống chính trị cấp cơ sở; sự đúng đắn của các chính sách/chủ trương/kế hoạch hệ thống chính trị cấp cơ sở triển khai/tổ chức thực hiện.

- Mẫu nghiên cứu phỏng vấn sâu được tiến hành lựa chọn có chủ đích đối với cán bộ và người dân ở 07 huyện, cụm bản và bản trong tỉnh Bolikhamxay.

### 6.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Luận án sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bằng phiếu câu hỏi bán cấu trúc thực hiện theo các bước:

Bước 1: Xác định dung lượng mẫu

Mẫu chọn có 2 đối tượng:

*Thứ nhất*, đối tượng là đội ngũ cán bộ cấp huyện của tỉnh Bolikhamxay:

- Quy mô mẫu: tổng số cán bộ thuộc hệ thống chính trị cấp huyện của tỉnh Bolikhamxay là 1932 người [96, tr.23].

- Xác định quy mô mẫu:

Quy mô mẫu được xác định theo công thức [72, tr.194]:

$$N = \frac{Nt^2 \times 0,25}{N_e^2 + t^2 \times 0,25}$$

Trong đó:

N = Dung lượng của cả tổng thể điều tra.

n = Độ lớn của mẫu điều tra.

t = Độ tin cậy của thông tin cần thu được.

e = Sai số cho phép.

Nếu giả định yêu cầu độ tin cậy thông tin  $t = 99,7\%$  (giá trị tương ứng là 3) và sai số cho phép không vượt quá 10% (0,1) thì dung lượng mẫu cần chọn để đảm bảo mặt dung lượng là:

$$N = \frac{1932 \times 3^2 \times 0,25}{1932 \times 0,1^2 + 3^2 \times 0,25} = 201$$

Như vậy, số lượng mẫu điều tra của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở là 201, tuy nhiên để thuận tiện cho việc lấy mẫu, phân tích, đánh giá các số liệu thống kê mô tả, và loại trừ những sai sót trong quá trình lấy mẫu nghiên cứu sinh nâng số lượng mẫu điều tra lên 250.

Về cách chọn mẫu: tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên phân chùm nhiều giai đoạn với dung lượng mẫu 250 cán bộ, công chức.

Giai đoạn 1: Lập danh sách đội ngũ cán bộ cấp cơ sở ở 7 huyện trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay, chọn mẫu hướng đích mỗi huyện có 1 cụm bản miền núi, 1 cụm bản đồng bằng, 1 cụm bản trung du.

Giai đoạn 2. Chọn ngẫu nhiên mỗi cụm bản 10 - 15 cán bộ.

Tỉnh Bolikhamxay có 7 huyện (trực thuộc tỉnh), do trung tâm tỉnh là huyện Pakxan có số lượng cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở đông hơn so với 6 huyện còn lại nên nghiên cứu sinh sẽ chọn 40 mẫu, các huyện còn lại mỗi huyện 35 mẫu.

Về cơ cấu mẫu của đội ngũ cán bộ: 1) Về tuổi: trung bình 40,5 tuổi; 2) Về giới tính nam 181 người chiếm 72,4%, nữ 69 người chiếm 27,6%; 3) Về tình trạng hôn nhân: chưa kết hôn 39 người chiếm 15,6%, đang có gia đình 205 người chiếm 82,0%, ly thân là 6 người chiếm 2,4%; 4) Về trình độ chuyên môn: cao đẳng có 65 người chiếm 26,0%, đại học có 135 người chiếm 54,0%; 5) Trình độ lý luận chính trị: chưa qua đào tạo có 74 người chiếm 29,6%, sơ cấp có 18 người chiếm 7,2%, trình độ trung cấp có 68 người chiếm 27,2%, trình độ cao cấp có 90 người chiếm 36,0%; 6) Về trình độ quản lý nhà nước: chưa qua đào tạo có 15 người chiếm 6,0%, bồi dưỡng ngắn hạn có 58 người chiếm 23,2%, chuyên viên 117 người chiếm 46,8%, chuyên viên

chính có 46 người chiếm 18,4%, chuyên viên cao cấp có 13 người chiếm 5,2%; 7) Về khối công tác: khối Đảng có 82 người chiếm 32,8%, khối chính quyền có 99 người chiếm 39,6%, khối đoàn thể có 69 người chiếm 27,6%; 8) Về chức vụ hiện nay: lãnh đạo, quản lý có 141 người chiếm 56,4%, nhân viên có 109 người chiếm 43,6%.

*Thứ hai*, đối tượng là các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay. Đến năm 2020 toàn tỉnh Bolikhamxay có 320.580 người [106, tr.79].

- Xác định quy mô mẫu:

Quy mô mẫu được xác định theo công thức [72, tr.194]:

$$N = \frac{Nt^2 \times 0,25}{e^2}$$

Trong đó:  $N_e^2 + t^2 \times 0,25$

$N$  = Dung lượng của cả tổng thể điều tra.

$n$  = Độ lớn của mẫu điều tra.

$t$  = Độ tin cậy của thông tin cần thu được.

$e$  = Sai số cho phép.

Nếu giả định yêu cầu độ tin cậy thông tin  $t = 99,7\%$  (giá trị tương ứng là 3) và sai số cho phép không vượt quá 10% (0,1) thì dung lượng mẫu cần chọn để đảm bảo mặt dung lượng là:

$$N = \frac{320580 \times 3^2 \times 0,25}{320580 \times 0,1^2 + 3^2 \times 0,25} = 224$$

Như vậy, số lượng mẫu điều tra của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở là 224, tuy nhiên để thuận tiện cho việc lấy mẫu và tránh những sai sót trong quá trình lấy mẫu, phân tích, đánh giá các số liệu thống kê mô tả, nghiên cứu sinh nâng số lượng mẫu điều tra lên 250.

Về cách chọn mẫu: tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên phân cụm nhiều giai đoạn với dung lượng mẫu 250 cán bộ, công chức.

Giai đoạn 1: Lập danh sách nhân dân cấp ở 7 huyện trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay, chọn mẫu hướng đích mỗi huyện có 1 cụm bản miền núi, 1 cụm bản đồng bằng, 1 cụm bản trung du.

Giai đoạn 2. Chọn ngẫu nhiên mỗi cụm bản 10 - 15 người dân.

Tỉnh Bolikhamxay có 7 huyện, do trung tâm tỉnh là huyện Pakxan có số lượng người dân trong hệ thống chính trị cấp cơ sở đông hơn so với 6 huyện còn lại nên NCS sẽ chọn 40 mẫu, các huyện còn lại mỗi huyện 35 mẫu.

Về cơ cấu mẫu: 1) Giới tính có 146 nam chiếm 58,4%, nữ có 104 chiếm 41,6%; 2) Tình trạng hôn nhân: chưa kết hôn có 32 người chiếm 12,8%, đang có gia đình 189 người chiếm 75,6%, ly thân có 25 người chiếm 10,0%, góa có 4 người chiếm 1,6%; 3) Trình độ học vấn: tốt nghiệp tiểu học có 37 người chiếm 14,8%, tốt nghiệp trung học cơ sở có 117 người chiếm 46,8%, tốt nghiệp trung cấp-cao đẳng có 24 người chiếm 9,6%, tốt nghiệp đại học có 24 người chiếm 9,6%; 4) Nghề nghiệp: nông dân có 132 người chiếm 52,8%, công nhân có 41 người chiếm 16,0%, buôn bán là 33 người chiếm 13,2%, doanh nhân có 24 người chiếm 9,6%, học sinh-sinh viên có 20 người chiếm 8%.

Bước 2: Xây dựng câu hỏi. Tiến hành xây dựng 2 bảng hỏi bán cấu trúc dành cho 2 nhóm với nội dung các biến quan sát có những sự đồng nhất và khác nhau.

Bước 3: Tiến hành điều tra thử với số lượng 10 phiếu (mỗi nhóm 5 phiếu) nhằm mục đích hoàn thiện các phương án/tình huống có thể xảy ra trong quá trình điều tra thật.

Bước 4: Tiến hành điều tra (sau khi có sự chỉnh sửa theo nội dung điều tra thử chỉ ra) với số lượng đã xác định.

#### 6.2.4. Phương pháp xử lý thông tin

- Thông tin thu thập được từ thực tế bao gồm: báo cáo tình hình xây dựng nông thôn mới tại các địa bàn nghiên cứu, các file ghi âm phỏng vấn sâu và báo cáo điền dã tại thực địa.

- Các file ghi âm sẽ được gỡ băng trên Word.

- Luận án sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý thông tin định lượng.

- Các thông tin định lượng và định tính sẽ được kết hợp hợp lý trên cơ sở khoa học để làm rõ vấn đề nghiên cứu. Các phân tích định lượng được phân tích trên mối quan hệ nhân quả. Các phân tích định tính sẽ hỗ trợ để giải thích, làm rõ số liệu. Số phiếu hợp lệ dùng để phân tích cả 2 đối tượng là 500.

Để có cơ sở đánh giá về việc thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay trong những năm vừa qua, tác giả tiến hành khảo sát 2 nội dung: một là, đánh giá về kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; hai là, đánh giá về sự chuyển biến của các yếu tố so với trước khai thực hiện xây dựng nông thôn mới. Sự đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức được khảo sát là cơ sở quan trọng để đánh giá thực trạng thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay một cách đầy đủ, toàn diện. Qua đó giúp tác giả có cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xây dựng nông thôn mới của đội ngũ cán bộ ở hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay trong thời gian tới.

Việc đánh giá kết quả thực hiện và sự chuyển biến các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay được đánh giá của “điểm trung bình”. Theo đó, điểm trung bình được đo lường ở các câu hỏi sử dụng thang đo Likert (các câu hỏi sử dụng thang đo Likert trong bảng hỏi đều có giá trị 5 mức độ đều nhau và phân phối mỗi phần tương ứng với một giá trị của thang đo. Điểm trung bình được tính theo công thức: Điểm trung bình = (Maximum - Minimum) / 5 = (5-1)/5 = 0.8

Chúng ta sẽ có các đoạn giá trị tương ứng các mức như sau:

Mức	Điểm trung bình	Nội dung đánh giá
1	1.00 – 1.80	Rất kém
2	1.81 – 2.60	Kém
3	2.61 – 3.40	Trung bình
4	3.41 – 4.20	Khá
5	4.21 – 5.00	Tốt

### 7. Điểm mới của luận án

Trên thế giới hiện nay (nhất là ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam...), đã có nhiều nghiên cứu về nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nhưng ở Lào, lĩnh vực này còn ít được đề cập tới. Đến thời điểm hiện tại ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chỉ mới có các nghiên cứu về chủ đề này ở một số chuyên ngành (chính trị học, xây dựng Đảng, kinh tế học...);

cũng như được thể hiện dưới dạng các bài báo khoa học đăng ở các tạp chí khoa học; chưa có công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể, quy mô và dựa trên bằng chứng về vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới dưới lăng kính tiếp cận xã hội học. Do đó, có thể khẳng định kết quả của luận án là một hướng nghiên cứu mới, góp phần nhận diện đầy đủ vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới từ hướng tiếp cận của khoa học xã hội học ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

## **8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **8.1. Ý nghĩa lý luận**

1. Luận án góp phần vào việc kiểm chứng, bổ sung và hoàn thiện lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng để nghiên cứu về thực hiện vai trò của hệ thống chính trị trong thực hiện chức năng nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới từ phương diện xã hội học.

2. Góp phần hệ thống hóa, làm sáng rõ luận cứ khoa học cho việc xác lập và vận dụng chủ đề nghiên cứu về hệ thống chính trị và xây dựng nông thôn mới từ góc độ xã hội học.

3. Góp phần xác lập mối quan hệ biện chứng giữa vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở và xây dựng nông thôn mới.

### **8.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp các số liệu thực tiễn, bằng chứng thực nghiệm, thông tin khoa học cho hệ thống chính trị các cấp của tỉnh Bolikhamxay để đưa ra các quan điểm, giải pháp phù hợp nhằm xây dựng nông thôn mới hiệu quả, bền vững trên địa bàn tỉnh.

1. Góp phần đưa ra luận cứ thực tiễn nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập và chỉ đạo thực tiễn liên quan đến hệ thống chính trị cấp cơ sở và xây dựng nông thôn mới.

## **9. Kết cấu luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận án gồm 4 chương, 11 tiết như sau:

## Chương 1

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

### 1.1. NHỮNG NGHIÊN CỨU VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

#### 1.1.1. Một số công trình nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới ở Lào và Việt Nam

Tác giả Bun-Thoong Chít-ma-ni (2012) trong luận án “Đảng nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay” [15] đã nêu và phân tích các đặc điểm của nông thôn Lào, qua phương thức Đảng nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới; rút ra những kinh nghiệm, đề xuất một số giải pháp có tính đặc thù, khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào trong việc xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Bùi Nhật Phong (2011) trong bài viết “*Một số lý thuyết và chủ đề nghiên cứu phát triển nông nghiệp - nông thôn qua lăng kính xã hội học*” [60] đã khẳng định mặc dù tỉ lệ đô thị hóa ngày càng tăng trên phạm vi toàn cầu, hình thành các khu đô thị và siêu đô thị hiện đại, nhưng phần lớn dân cư trên thế giới vẫn đang sống ở khu vực nông thôn. Hiện nay, sự tập trung dân cư ở các nước có thu nhập thấp và tầm quan trọng của xã hội nông thôn trong các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội ở các quốc gia thuộc thế giới thứ ba khiến cho việc hiểu xã hội nông thôn và các mối tương tác của nó với xã hội tổng thể ngày càng có ý nghĩa. Từ đó tác giả đã trình bày các chủ thuyết, chủ đề và hệ vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp - nông thôn hiện nay dưới quan điểm xã hội học. Trong đó, nội dung lý thuyết phát triển cộng đồng mà tác giả trình bày sẽ được nghiên cứu sinh vận dụng để làm cơ sở việc trình bày lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu.

Nguyễn Việt Anh (2014) “*Xây dựng nông thôn mới: lựa chọn mục tiêu ưu tiên. Nghiên cứu trường hợp xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc*



*Giang*” [2]. Một nghiên cứu đi sâu vào việc phân tích sự lựa chọn các mục tiêu ưu tiên thực hiện của một xã điểm. Nghiên cứu nhận định “Tân Thịnh nhận được sự hỗ trợ lớn về vốn từ nguồn ngân sách; triển khai theo chiều rộng và chủ yếu tập trung vào hạ tầng nông thôn. Khó khăn xuất phát từ sản xuất và thu nhập của cộng đồng khiến việc xây dựng nông thôn mới đã trùng xuống và không đảm bảo tính liên tục của chương trình. Mục tiêu ưu tiên, điều kiện cần cho xây dựng nông thôn mới là nâng cao thu nhập (nội lực của cộng đồng), vì vậy lựa chọn ưu tiên là tập trung vào các hạng mục cải thiện điều kiện sản xuất kinh doanh và thu nhập của cộng đồng. Các mục tiêu khác của nông thôn mới sẽ chỉ được thực hiện khi thu nhập của người dân được đảm bảo. Với phương pháp nghiên cứu định tính bài viết kiến nghị thay đổi phương pháp tiếp cận khi triển khai xây dựng nông thôn mới, như phương pháp tiếp cận có sự tham gia. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia là phương pháp mà trong đó quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát, đánh giá quá trình triển khai xây dựng chương trình có sự tham gia của tất cả các bên liên quan, nhất là sự tham gia cộng đồng dân cư của địa phương. Đây là khía cạnh còn thiếu và yếu ở các xã thí điểm của chương trình” [2, tr.15-16].

Đỗ Văn Quân (2014) trong bài viết “*Phát huy vai trò của vốn xã hội trong xây dựng nông thôn mới*” [68] đã cho biết ở Việt Nam với khoảng 70% dân số đang sống tại 9 nghìn xã, khu vực “tam nông” ở Việt Nam đã xác định được chiến lược phát triển toàn diện, phù hợp - chiến lược xây dựng nông thôn mới. Trong thời gian qua, Việt Nam đã thực hiện hàng loạt các giải pháp cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong đó có phát huy vai trò của vốn xã hội. Trên cơ sở đó, tác giả đã nhận diện các thành tố của vốn xã hội trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam bao gồm: niềm tin trong xây dựng nông thôn mới, các chuẩn mực và giá trị trong xây dựng nông thôn mới, các liên kết xã hội và mạng lưới xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Tác giả khẳng định “vốn xã hội của cộng đồng nông thôn Việt Nam đang có ở một mức độ nhất định nào đó. Sự tin tưởng, giá trị, chuẩn mực, những mối liên kết đồng thuận... Nếu nhìn ở

góc độ tình cảm, tương trợ lẫn nhau thì có lẽ các cộng đồng ở khu vực tam nông giàu vốn xã hội. Tuy nhiên, nếu nhìn theo góc độ tăng trưởng, đa dạng hóa nghề nghiệp, việc làm, chuyển đổi cấu trúc xã hội nông nghiệp, nông thôn theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới thì có lẽ vốn xã hội chưa thực sự mạnh. Vốn xã hội ở nông thôn chưa đủ sức để tạo nên những cú hích phát triển về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội từ bên trong” [68]. Xuất phát từ đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của vốn xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2015) trong bài viết “*Nghiên cứu các giải pháp huy động “vốn xã hội” cho phát triển ngành nghề phi nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới*” [92] đã chỉ ra những đóng góp quan trọng của vốn xã hội đối với sự phát triển của các ngành nghề phi nông nghiệp. Thông qua nghiên cứu khảo sát tại 14 tỉnh/ thành phố, bài viết đã cho thấy một bức tranh tổng thể về vốn xã hội (các khía cạnh thể hiện, các phương pháp đo lường vốn xã hội), chỉ ra những tác động tích cực của vốn xã hội trong phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp... Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, vốn xã hội trong phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp chỉ “co cụm” trong các mối quan hệ tình cảm, quen biết, gần gũi về địa bàn cư trú mà chưa phát triển thành quan hệ rộng mở hơn bên ngoài; vai trò của vốn xã hội thông qua các tổ chức, mạng lưới xã hội chính thức ở địa phương trong việc hỗ trợ, thúc đẩy sự tham gia của người dân trong hoạt động phi nông nghiệp còn mờ nhạt. Kết quả nghiên cứu đã phân tích những nhân tố có tác động đến vai trò của vốn xã hội trong ngành nghề phi nông nghiệp như môi trường chính sách thể chế, nhận thức xã hội, cấu trúc quan hệ xã hội,... vừa là sự thúc đẩy vừa là rào cản. Do vậy để vốn xã hội phát huy được những tác động tích cực, cần có các giải pháp hướng đến thay đổi nhận thức, liên kết hỗ trợ theo hướng “mở”, giảm các hình thức liên kết mang tính “co cụm”; nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp ... đối với cộng đồng.

Lương Thị Thu Hằng, (2015) “*Chương trình xây dựng nông thôn mới: nhìn từ thực tế các xã thí điểm*” [27] đã chỉ ra những bất cập trong việc thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại vùng Bắc Bộ và vùng

Nam Bộ. Nghiên cứu khẳng định “sự cần thiết của việc sửa đổi của các tiêu chí cho phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội và môi trường của mỗi vùng. Nghiên cứu cũng đi sâu tìm hiểu vai trò của các chủ thể (Nhà nước, cộng đồng, doanh nghiệp, các đoàn thể chính trị xã hội) trong quá trình triển khai Chương trình. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tiếp cận của người dân đối với Chương trình chỉ dừng lại ở mức biết thông tin, tham gia góp công, góp tiền vào các hạng mục thực hiện; việc tham gia bàn bạc, giám sát còn hạn chế. Do vậy, việc triển khai như tại 2 xã thí điểm chưa đảm bảo được nguyên tắc vai trò chủ thể của người dân cũng như ảnh hưởng đến tính bền vững của các tiêu chí đã đạt được” [27, tr.16].

Bùi Quang Dũng, (2015) trong bài viết “*Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao trách nhiệm xã hội và vai trò của chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới*” [22] đã cho thấy sự chủ động của người dân trong việc lựa chọn sinh kế trong bối cảnh mới. Nghiên cứu cho thấy, “các hoạt động về nông nghiệp vẫn được duy trì và có sự khác biệt giữa nông nghiệp miền Bắc và nông nghiệp miền Nam, trong khi nông nghiệp miền Bắc chỉ mang chức năng đảm bảo an ninh lương thực thì người dân ở miền Nam đã nâng lên thành sản xuất hàng hóa. Có nhiều cản trở khiến các hộ chưa thay đổi hình thức canh tác của mình, trong đó, sự phụ thuộc vào quy hoạch của chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng bên cạnh các thiếu hụt về vốn, nhân, lực và tập quán. Kết quả khảo sát cho thấy năng lực của người dân, xét theo nghĩa rộng về cả năng lực tâm lý (các thói quen, tâm lý ngại thay đổi, ngại học hỏi, cầu an và sợ rủi ro) hay các tập quán, truyền thống cũ, sự thiếu hụt về kiến thức, kinh nghiệm có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định, ý định chuyển đổi hình thức canh tác của hộ gia đình. Do vậy, nếu trong các chương trình hành động, chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn có tính đến yếu tố nguồn vốn con người, khuyến khích các mặt tích cực về tâm lý, văn hóa sẽ đảm bảo sự phù hợp của các nội dung thực hiện” [22, tr.16].

Hoàng Bá Thịnh (2016) trong bài viết “*xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc và Việt Nam*” [88] đã chỉ ra ở Hàn Quốc bắt đầu từ những năm 1970 đã

tiến hành phong trào Saemaul Undong (Làng mới). Qua đó, Hàn Quốc đã đạt được những thành tựu vô cùng ấn tượng, có sức lan tỏa và ảnh hưởng quốc tế. Bài viết phân tích, so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa phong trào Làng mới của Hàn Quốc và chương trình xây dựng nông thôn mới của Việt Nam, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm có thể vận dụng vào thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm tiếp theo ở Việt Nam.

Vũ Thị Hồng Khanh - Nguyễn Văn Thanh (2017) trong bài “*Những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Khánh Hòa - Một kết quả điều tra xã hội học*” [43] đã sử dụng những phương pháp nghiên cứu xã hội học cơ bản như quan sát, phân tích kế thừa tài liệu thứ cấp và thảo luận nhóm bán cấu trúc một số lãnh đạo cấp xã và cấp huyện tại Khánh Hòa. Qua đó đã nhận diện được những khó khăn thách thức trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Khánh Hòa hiện nay. Cụ thể: 1) sản xuất nông nghiệp nhìn chung vẫn phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang sản xuất hàng hoá lớn, hiệu quả còn thấp, thiếu bền vững; 2) mâu thuẫn giữa bên là yêu cầu quá trình sản xuất lớn, cần phải tích tụ ruộng đất với một bên là nhu cầu về đất sản xuất của các hộ dân đã dẫn đến tình trạng tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn diễn ra chậm; 3) làng nghề sản xuất thiếu ổn định, ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn chậm được khắc phục; 4) đời sống cư dân nông thôn vẫn còn nhiều khó khăn; 5) tình trạng thiếu khu vui chơi giải trí ở nông thôn làm cho chất lượng cuộc sống khu vực nông thôn chưa được cải thiện rõ rệt; 6) nguồn vốn ngân sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới còn hạn hẹp trong khi nhu cầu lớn;...[43, tr.89-90]. Qua đó các tác giả cũng chỉ rõ một số nguyên nhân và đề ra một số giải pháp khắc phục những khó khăn, thách thức trong xây dựng nông thôn mới ở Khánh Hòa thời gian tới.

Đặng Kim Oanh và Nguyễn Hữu Tài (2020) trong bài viết “*Đảng lãnh đạo xây dựng nông thôn mới (2008-2020)*” [59] đã khẳng định xây dựng nông thôn mới là một chủ trương lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Với mục tiêu “thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm xây dựng các làng, xã ấp, bản có cuộc sống no ấm, văn minh, sạch đẹp gắn với việc hình thành các

khu dân cư đô thị hóa” [59, tr.51]. Từ đó Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách quan trọng để triển khai xây dựng chương trình xây dựng nông thôn mới với nhiều kết quả tích cực. Theo đó, đến tháng 9-2019 tổng nguồn lực huy động thực hiện Chương trình khoảng 1.567.091 tỷ đồng, đến hết năm 2019 có 545 xã và 111 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành trước hạn gần 2 năm so với mục tiêu Chiến lược đề ra [59, tr.54]. Bên cạnh những kết quả đạt được, các tác giả cũng chỉ ra những hạn chế như kết quả xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa thực sự vững bền, nhất là sinh kế cho người dân; còn khoảng cách chênh lệch khá lớn giữa các vùng miền; nông thôn phát triển chưa đồng đều; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển... trên cơ sở đó đã đề xuất 6 nhóm định hướng lớn nhằm xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả thực chất, vững bền ở Việt Nam trong thời gian tới [59, tr.51-56].

Trương Xuân Trường (2020) (chủ nhiệm), trong Đề tài cấp Bộ “*Vai trò của văn hóa cộng đồng đối với chương trình xây dựng nông thôn mới*” [93] đã xây dựng một khung lý thuyết và hướng tiếp cận thích hợp trong nghiên cứu vai trò của văn hóa cộng đồng đối với chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay. Kết quả khảo sát đã khẳng định các giá trị nổi bật của văn hóa cộng đồng có tác dụng tích cực đối với chương trình xây dựng nông thôn mới, đó là các giá trị như: tính đoàn kết, thống nhất; là tính tương trợ/liên kết cộng đồng, là tính tự trị tự quản cộng đồng. Những phẩm chất văn hóa cộng đồng đó đã phát huy được giá trị và vai trò trong các phong trào cơ bản của xây dựng nông thôn mới như các phong trào: Giao thông nông thôn, đôn điền đổi thửa, giúp nhau làm kinh tế, cải tạo vườn mẫu, cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn, môi trường xanh - sạch - đẹp và toàn dân xây dựng đời sống văn hóa. Kết quả nghiên cứu cũng phần nào cho thấy các cộng đồng tôn giáo có vai trò đáng kể trong việc thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm ở nông thôn hiện nay. Người dân trong các cộng đồng tôn giáo nhất là Công giáo thường là có ý thức hơn trong các hoạt động vệ sinh và bảo vệ môi trường. Có được điều đó, một phần là sự thấm nhuần một số giáo lý tích cực,

mặt khác các tổ chức tôn giáo có tính tự trị/tự quản cao nên các hoạt động cộng đồng của họ là rất có hiệu quả. Kết quả của nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng vai trò to lớn của các tổ chức chính trị xã hội đối với chương trình xây dựng nông thôn mới ở nông thôn hiện nay. Trong đó có vai trò đầu tàu gương mẫu của đội ngũ đảng viên, của tổ chức đảng ủy, chi bộ thôn xóm; và tiếp theo đó là vai trò các tổ chức như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Mặt trận tổ chức và nhiều đoàn thể khác, trong đó bao gồm các tổ chức xã hội, như: hội tôn giáo, nghề nghiệp, các câu lạc bộ sở thích.v.v...

Nguyễn Thị Phương (2022) trong bài viết “*Biến đổi văn hoá trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay*” [63] đã chỉ ra các xu hướng biến đổi văn hoá trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam bao gồm: Thứ nhất, xu hướng thích ứng với văn hóa đô thị và lối sống hiện đại; Thứ hai, xu hướng tôn trọng sự đa dạng văn hóa và thích ứng linh hoạt của chủ thể văn hóa; Thứ ba, xu hướng gắn kết văn hóa gia đình nông thôn với tư duy thương mại, dịch vụ và lối sống mới; Thứ tư, xu hướng nâng cao năng lực chủ thể văn hóa trên cơ sở kế thừa, giữ gìn và nâng tầm các giá trị truyền thống, tiếp thu các giá trị văn hóa mới, tiến bộ. Đồng thời chỉ rõ những chiều cạnh tác động tới văn hoá của xây dựng nông thôn mới, cụ thể: Thứ nhất, biến đổi văn hóa trong quá trình xây dựng nông thôn mới tác động tích cực, góp phần hình thành lớp nông dân thế hệ mới với tư duy năng động, hiện đại. Thứ hai, biến đổi văn hóa trong quá trình xây dựng nông thôn mới còn diễn ra ở chiều phức tạp xen lẫn tác động tiêu cực. Từ đó đã đề xuất 3 giải pháp cơ bản để xây dựng nông thôn mới thực chất, hiệu quả, bền vững, gắn chặt với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp.

### **1.1.2. Một số công trình nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới ở một số nước khác trên thế giới**

Xây dựng nông thôn mới và phát triển khu vực: nông nghiệp, nông dân và nông thôn là một vấn đề quan trọng đã được nhiều nước trên thế giới quan tâm. Đặc biệt là các quốc gia có cùng hoàn cảnh tương đồng với Việt Nam, như: Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc,... Từ nhu cầu thực tiễn và

lý luận khoa học đã có không ít các công trình nghiên cứu về chủ đề này đã được công bố. Trong khuôn khổ nghiên cứu của luận án có thể kể đến các tác giả và công trình nghiên cứu sau đây:

Nghiên cứu về nông thôn mới tại Trung Quốc với Dự án MISP (2006) “Tăng cường năng lực thông tin phục vụ công tác hoạch định chính sách nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Ngoại giao Pháp đồng soạn thảo với vấn đề “Lý luận và thực tiễn xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa” [91] đã nghiên cứu các định hướng chiến lược và chính sách cho phát triển nông nghiệp và nông thôn theo cơ chế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc trên nhiều khía cạnh. Từ khái niệm, bối cảnh, nội hàm, ý nghĩa thực hiện của sự nghiệp xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, dự án cũng tổng hợp ý kiến nhiều chiều của các học giả trong nước trên những vấn đề cần tiếp tục như hệ thống lý luận xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, mục tiêu, tiêu chuẩn đánh giá và hệ thống chỉ tiêu đánh giá quá trình xây dựng nông thôn mới.

Chu Tiến Quang, Lê Xuân Đình (2007) trong bài viết “*Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong phát triển nông thôn bền vững*” [65]. Bài viết đã chỉ ra nhu cầu bảo tồn các nguồn lực nông nghiệp, nguồn gốc của ô nhiễm môi trường do phát triển nông nghiệp và chỉ ra những kinh nghiệm phát triển nông thôn bền vững như thiết lập mô hình quản lý nông nghiệp bền vững Hàn Quốc, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, duy trì và cải thiện các nguồn lực, thúc đẩy sự tiến bộ của các dự án khuyến khích nông nghiệp bền vững,...

Trác Vệ Hoa (2008) trong bài viết “*Lý luận và thực tiễn cải cách và phát triển nông thôn Trung Quốc 30 năm*” [29] đã khẳng định: Cần phải ra sức thúc đẩy cải cách sáng tạo, tăng cường xây dựng chế độ ở nông thôn, tạo động lực lớn mạnh và sự bảo đảm về chế độ cho phát triển nhịp nhàng kinh tế, xã hội thành thị và nông thôn. Xây dựng chế độ có tính căn bản, tính toàn cục, tính lâu dài, có ý nghĩa to lớn và sâu xa đối với việc thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển nông thôn, thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc. Bài viết nhấn mạnh việc thích ứng với quy luật

phát triển nông nghiệp hiện đại: nâng cao hiệu quả đầu ra đất đai, hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng suất lao động của nông nghiệp, tăng cường năng lực chống chọi rủi ro, năng lực cạnh tranh quốc tế, năng lực phát triển bền vững của nông nghiệp. Điểm cốt lõi là cần tăng cường, cải thiện sự lãnh đạo của Đảng, không ngừng nâng cao trình độ và uy tín Đảng lãnh đạo công tác phát triển nông thôn.

Cát Chí Hoa (2009) trong cuốn sách “*Từ vùng quê đến nông thôn mới*” [28] đã tập hợp các bài nghiên cứu về thực trạng và biến động của nông thôn Trung Quốc trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Lí luận, nguồn gốc hình thành và đặc trưng của vấn đề “Tam nông” ở Trung Quốc.

## **1.2. NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ**

### **1.2.1. Một số công trình nghiên cứu về hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Lào và Việt Nam**

Có thể nhận thấy, trong những năm gần đây chủ đề nghiên cứu về hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Lào, Việt Nam đã được nhiều nhà khoa học khác nhau quan tâm nghiên cứu với hàng loạt các công trình, dưới dạng: sách chuyên khảo, đề tài, luận án, luận văn, bài viết... đã được công bố:

#### **\* Các công trình nghiên cứu hệ thống chính trị ở Lào**

Kham Phouy Chan Tha Va Dy (2019), trong Luận án “*Chất lượng tổ chức cơ sở đảng nông thôn ở các tỉnh phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn hiện nay*” [38] đã làm rõ tiến hành làm rõ về nông thôn và chức năng, nhiệm vụ, vai trò, đặc điểm của các tổ chức cơ sở đảng nông thôn ở các tỉnh phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; chất lượng và tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng nông thôn ở các tỉnh phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; đánh giá thực trạng, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra của chất lượng tổ chức cơ sở đảng nông thôn ở các tỉnh phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Từ đó đề ra phương hướng và các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng nông thôn ở các tỉnh phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cụ thể: i) Tạo ra sự chuyển biến nhận thức



về việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng đối với đội ngũ cán bộ cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy vùng nông thôn các tỉnh phía bắc Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; ii) Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và đội ngũ cán bộ cơ sở nông thôn ở các tỉnh phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; iii) Kiện toàn cấp ủy, đổi mới phương thức lãnh đạo trong quá trình nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng nông thôn các tỉnh phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình; kiện toàn, phát huy vai trò các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở tham gia nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng nông thôn ở các tỉnh phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; v) Sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức cơ sở phù hợp với điều kiện công tác đảng; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy; thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các tổ chức cơ sở đảng nông thôn ở các tỉnh phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

La Chay Sinh Xu Van (2012), trong Luận án “*Đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn Lào hiện nay*” [47] trên cơ sở xác định xác định yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị cơ sở nông thôn ở Lào và một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn Lào hiện nay: đã đề ra 6 giải pháp đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn Lào, bao gồm: 1) Xây dựng, hoàn chỉnh tổ chức đảng ở cấp bản nông thôn Lào; 2) Xây dựng củng cố, kiện toàn, đổi mới và nâng cao hiệu lực của chính quyền cấp cơ sở ở nông thôn Lào; 3) Đổi mới các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở ở nông thôn Lào; 4) Giải quyết tốt mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn Lào; 5) Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở ở nông thôn Lào; 6) Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo đối với vùng nông thôn.

Sa Mut Thong Sôm Pa Nít (2018), trong bài “*Hệ thống chính trị Lào và vấn đề nhất thể hóa các vị trí chủ chốt giữa Đảng và Nhà nước*” [77] đã khẳng định mô hình hệ thống chính trị của Lào khá tương đồng với Việt Nam,

song cũng có nét khác. Trong những năm qua, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã tập trung đổi mới hệ thống chính trị. Từ Đại hội IX, Đảng nhân dân Cách mạng Lào thực hiện nhất thể hóa các vị trí chủ chốt giữa Đảng và Nhà nước. Thực tiễn đã cho thấy, việc thực hiện mô hình trên là phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, truyền thống của nền hành chính Lào: “việc chia tách chức danh đảng và chính quyền ra riêng thì không phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, truyền thống của nền hành chính Lào. Từ Đại hội IX đến nay, Đảng nhân dân Cách mạng Lào thực hiện chế độ kiêm nhiệm hai chức vụ, trong hệ thống hành chính, đồng chí bí thư đồng thời là tỉnh trưởng, huyện trưởng hoặc trưởng bản, nghĩa là được tổ chức thực hiện ở tất cả các cơ quan từ Trung ương đến cơ sở. Đây là một vấn đề cấp thiết để thu gọn bộ máy, mọi công việc có thể triển khai và tiến hành tốt hơn và nhanh hơn” [77]. Thực tiễn cho thấy, việc thực hiện hai chức năng kiêm nhiệm của cán bộ chủ chốt trong thời gian qua đều thành công cả hai vai trò. Trong thời gian tới, Lào sẽ tiếp tục thực hiện mô hình này với các phương hướng sau: a) Xây dựng hệ thống tổ chức đảng trong sạch vững mạnh theo tinh thần: “tổ chức là sức mạnh, bộ máy là yếu tố tạo ra sức mạnh”. b) Tiếp tục cải thiện phương thức lãnh đạo, phong cách làm việc của đảng ủy các cấp phù hợp với điều kiện thực tế, khoa học, dân chủ. c) Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo - quản lý.

Ki Kẹo Khảm Phăm Phị Thun (2019), trong bài “*Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của chế độ dân chủ nhân dân tại Lào trong tình hình mới*” [42] đã khẳng định đây là vấn đề quan trọng và có tính cấp thiết. Từ việc luận giải rõ quá trình nhận thức của Đảng nhân dân Cách mạng Lào nhận thức về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phân tích các hoạt động và thành tựu, những hạn chế khuyết điểm của hoạt động xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của chế độ dân chủ nhân dân ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong thời gian qua để rút ra một số bài học kinh nghiệm. Tác giả đã khẳng định tình hình mới đang đặt ra những đòi hỏi đối với công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của chế độ dân chủ nhân dân ở Lào. Cụ thể

cần làm tốt một số giải pháp: 1. Tiếp tục tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và vững chắc, đảm bảo năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và tính gương mẫu tiên phong xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị dân chủ nhân dân. 2. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện Nhà nước dân chủ nhân dân quản lý bằng pháp luật, là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và thật sự vì nhân dân. 3. Rà soát, củng cố và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của cơ quan Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng tinh gọn, chức năng, vai trò nhiệm vụ rõ ràng, không trùng lặp vai trò, nhiệm vụ của các cơ quan khác trong hệ thống chính trị.

**\* Các công trình về hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam**

Đề tài khoa học độc lập cấp Nhà nước “*Củng cố và tăng cường hệ thống chính trị ở cơ sở trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của nước Việt Nam hiện nay*” (2002) do GS.TS. Hoàng Chí Bảo làm chủ nhiệm Đề tài [6]. Công trình tập trung làm rõ quan điểm, lý luận và phương pháp nghiên cứu hệ thống chính trị ở cơ sở; trình bày lịch sử và lý luận về vấn đề cơ sở và hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn Việt Nam; đánh giá tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, công trình nêu những phương hướng cơ bản, các quan điểm và giải pháp tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn.

Hoàng Chí Bảo (2004) trong cuốn sách “*Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước Việt Nam hiện nay*” [7] trên cơ sở nghiên cứu hệ thống chính trị cấp cơ sở của hệ thống chính trị đang vận hành ở Việt Nam, tác giả đã chỉ ra hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư.

Phạm Minh Anh (2011) trong cuốn sách “*Vai trò của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới ở Việt Nam*” [3] đã giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các cán bộ quản lý và bạn đọc có tài liệu tìm hiểu về những vấn đề trên theo hướng tiếp cận xã hội học đề

đánh giá vai trò của cán bộ lãnh đạo, quản lý trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới ở nước Việt Nam hiện nay.

Trần Quang Cảnh (2011) trong bài viết “*Để phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị cơ sở Hà Nội*” [16] đã tập trung phân tích vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trước yêu cầu của công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thủ đô Hà Nội. Bài viết đề ra yêu cầu để phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị ở cơ sở, Hà Nội tập trung thực hiện một số nội dung cụ thể sau: 1) tiếp tục thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của đảng bộ cơ sở; 2) tập trung củng cố, xây dựng bộ máy chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, thật sự là chính quyền “của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”; 3) tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 2-6-2010 của Thành ủy Hà Nội về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; 4) làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của địa phương đến từng đối tượng quần chúng ở cơ sở; 5) quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ năng lực, phẩm chất, đạo đức và lối sống lành mạnh, trung thành với lý tưởng cách mạng.

Trịnh Thanh Tâm (2012) trong cuốn sách “*Xây dựng đội ngũ nữ cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị cấp xã (qua khảo sát thực tiễn ở đồng bằng sông Hồng)*” [83] đã khái quát và làm rõ những nội dung cơ bản của công tác xây dựng đội ngũ nữ cán bộ của hệ thống chính trị cấp xã. Đồng thời, khẳng định vai trò và tầm quan trọng của công tác này. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn khá phong phú ở vùng đồng bằng sông Hồng, tác giả đã phân tích, nhận xét khách quan và đúc rút được những kinh nghiệm có giá trị. Bên cạnh đó, cuốn sách đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác xây dựng đội ngũ nữ cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị cấp xã.

Nguyễn Huy Kiệm (2013) trong bài viết “*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống chính trị cơ sở*” [44] cho biết tính đến tháng 12/2012, cả nước Việt Nam có 11.120 xã, phường, thị trấn

(9.048 xã, 1.450 phường, 622 thị trấn). Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về “*Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*”, trên các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn đã đạt được một số kết quả quan trọng ở các khía cạnh: i) Về nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng; ii) tổ chức và hoạt động của chính quyền cơ sở; iii) Công tác mặt trận và các đoàn thể; 4) Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở. Tác giả cũng chỉ rõ những hạn chế, yếu kém, cụ thể: chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa được xác định rành mạch, trách nhiệm không rõ ràng; nội dung và phương thức hoạt động chậm đổi mới và chưa đồng bộ, còn nhiều biểu hiện của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Một số nơi sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa chặt chẽ, hiệu quả hoạt động chưa cao. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu,... từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống chính trị cơ sở.

Trương Minh Dục (2014) trong bài viết “*Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Tây Nguyên*” [21] cho rằng, việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên tuy đạt được nhiều thành công song còn chuyển biến chậm. Bộ máy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể chất lượng thấp; năng lực lãnh đạo, trình độ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều nơi không sát dân, không nắm được tình hình trong nhân dân, chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện ở cấp xã trong tình hình hiện nay. Do đó, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Tây Nguyên là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết.

Võ Khánh Vinh (chủ nhiệm) (2015) trong công trình “*Hệ thống chính trị ở cơ sở phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên*”, (mã số TN3/X03), đề tài thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 [95]. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề tài đã phân tích và xây dựng cơ sở khoa học cho việc đổi mới, phát triển hệ thống chính trị ở cơ sở, hiện thực hóa các mối quan hệ cơ bản trong hệ thống chính trị

ở cơ sở tại các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên theo hướng phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân, thực hành dân chủ trong các thiết chế quyền lực chính trị, tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong quá trình đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030.

Phạm Đức Kiên (2015) trong bài viết “*Một số giải pháp nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở các tỉnh Tây Bắc hiện nay*” [45] đã tập trung phân tích các vấn đề: 1) Nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng; 2) Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở đáp ứng yêu cầu tình hình mới; 3) Hiệu quả và hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; 4) Đổi mới nội dung, hình thức hoạt động Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tác giả cũng chỉ rõ trước yêu cầu và nhiệm vụ thời kỳ cách mạng mới, chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Bắc cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Đó là, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng nhiều nơi chưa cao, nhất là việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách vào tình hình cụ thể của địa phương; một số cơ sở còn lúng túng, bị động trong giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ thực tiễn, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến tư tưởng, chính trị; công tác kết nạp đảng viên mới quan tâm đến số lượng, chưa chú trọng chất lượng. Từ đó, đề xuất 4 giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở các tỉnh khu vực Tây Bắc.

Trịnh Tố Tâm (2017) trong bài viết “*Một số giải pháp phát huy dân chủ ở cơ sở*” [84] đã khẳng định, tiến trình dân chủ hóa xã hội cũng là quá trình xây dựng và hoàn thiện không ngừng của pháp luật. Dân chủ càng cao thì pháp luật càng chặt chẽ, khoa học. Để dân chủ cơ sở được phát huy và đi vào cuộc sống phải được cụ thể hóa và quy định trong hệ thống pháp luật. Pháp luật thực thi dân chủ cơ sở là sự cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề này, quy định các nội dung: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ; quy định cách thức, phương pháp để người dân thể hiện quyền làm chủ. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện những cơ chế bảo đảm dân chủ trong

đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đảng phải là tấm gương về dân chủ trong tổ chức và hoạt động của mình. Nâng cao hiệu quả hoạt động của chế độ thực hành dân chủ trong các cơ quan, đơn vị nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

### **1.2.2. Nghiên cứu về hệ thống chính trị ở một số nước khác trên thế giới**

Nghiên cứu về hệ thống chính trị là một chủ đề khoa học quan trọng được các nhà khoa học chính trị trên thế giới hết sức quan tâm. Cho đến nay chủ đề này đã có hàng trăm công trình nghiên cứu đã được công bố. Trong khuôn khổ nghiên cứu của luận án, có thể đề cập đến một số tác giả và công trình nghiên cứu tiêu biểu như sau:

Nghiên cứu của Dr. Dana de la Fontaine và Dr. Thomas Stehnen: *The Political System of Brazil*, Springer, 2015 [109]. Công trình nghiên cứu đã đánh giá quá trình thay đổi kể từ khi Braxin trở thành nước dân chủ vào những năm 1980. Các học giả hàng đầu Brazil và quốc tế đã kiểm tra một cách nghiêm túc sự phát triển của hệ thống chính trị tập trung vào chính quyền Lula và Rousseff.

Nghiên cứu của Melusky, Joseph A: *The American political system: An owner's manual* [110] đã sử dụng “phương pháp tiếp cận hệ thống”, Melusky cung cấp một bản đồ khái niệm về hệ thống chính trị lớn và phức tạp của Mỹ. Bao gồm nền tảng, cấu trúc và các bộ phận của nó; vai trò của Hiến pháp, các bên, bỏ phiếu, đại hội, tổng thống, chính sách công, chính quyền tiểu bang và địa phương, và các nhóm lợi ích; mối quan hệ giữa các bộ phận của nó; mối quan hệ của toàn bộ hệ thống với các hệ thống của các quốc gia khác; mối quan hệ của toàn bộ hệ thống với các hệ thống kinh tế và xã hội...

Bên cạnh đó, còn có đề tài khoa học cấp cơ sở của Viện Chính trị học - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh “*Các mô hình dân chủ trên thế giới*” do Ngô Huy Đức làm Chủ nhiệm [25]. Đề tài đã chỉ ra những nguyên nhân biến các quốc gia và vùng lãnh thổ phương Đông như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore từ những nước có sự chuyên chế về chính trị, nghèo nàn, lạc hậu về kinh tế trở thành những nền dân chủ có tính tiêu biểu trong khu vực, thậm

chí nó khắc phục được những hạn chế trong mô hình dân chủ phương Tây mà vẫn bảo tồn được các giá trị dân tộc của các quốc gia phương Đông.

Từ tác động của bối cảnh quốc tế mới, các xu hướng chính trị hình thành và phát triển, chi phối ở những mức độ khác nhau đến diễn biến chính trị của các nước, tác giả Lê Minh Quân đã có công trình nghiên cứu (2006) (chủ biên), *Về một số xu hướng chính trị chủ yếu trên thế giới hiện nay* [70]. Ở cách tiếp cận này, theo tác giả, có một số xu hướng chính trị chủ yếu như “hòa bình, hợp tác và phát triển; dân chủ hóa; hình thành trật tự thế giới mới; giải quyết các xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo và khủng bố; tìm kiếm, lựa chọn mô hình phát triển mới; cải cách, đổi mới chính trị ở các nước. Những diễn biến của tình hình quốc tế đã có những tác động tích cực và tiêu cực, làm cho công cuộc đổi mới nói chung và đổi mới hệ thống chính trị nói riêng ở Việt Nam đứng trước những vận hội và thách thức mới. Nghiên cứu những xu hướng của hệ thống chính trị trên thế giới, rút ra những bài học kinh nghiệm, tham khảo và vận dụng các lý thuyết chính trị hiện đại của thế giới cũng là mục đích mà công trình này hướng tới” [70].

### **1.3. NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

#### **1.3.1. Các công trình nghiên cứu ở Lào**

Chăn Ma Ni Xềng (2003) trong công trình *“Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở nông thôn tỉnh Luông Năm Thà Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn hiện nay”* [17] đã đánh giá chất lượng đội ngũ đảng viên ở nông thôn tỉnh Luông Năm Thà, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn hiện nay. Chất lượng đội ngũ đảng viên bao gồm chất lượng của từng cá nhân đảng viên gắn với chất lượng của cả đội ngũ đảng viên, nó được quy định bởi yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của cách mạng trong từng giai đoạn. Theo tác giả để có tiêu chí đánh giá đúng về chất lượng đội ngũ đảng viên nông thôn hiện nay, trước hết phải căn cứ vào đặc thù của khu vực nông thôn nói chung và nông thôn tỉnh Luông Năm Thà nói riêng để đánh giá cho chính xác. Từ đó



tác giả đã xác định phương hướng, đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở nông thôn tỉnh Luông Nặm Thà, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn hiện nay.

Som Phon Kheo Ni Lăn Lặt (2011) trong bài viết *“Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, kết hợp với xây dựng bản, cụm bản phát triển”* [81] đã chỉ rõ về nhận thức: xây dựng các đảng ủy, chi ủy bản, cụm bản phát triển có vai trò rất quan trọng; do đó các tổ chức cơ sở đảng đều rất coi trọng việc kiện toàn cấp ủy và các ban tham mưu cấp ủy; việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng được nhiều cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng tiến hành tốt theo đúng quy định của Điều lệ Đảng nhân dân Cách mạng Lào và các quy định của cấp trên.

Bun Thong Chít Ma Ni (2011) trong bài *“Một số giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng nhân dân Cách mạng Lào đối với vấn đề xây dựng, phát triển nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay”* [14] đã chỉ rõ xây dựng, phát triển nông thôn mới ở Lào là một vấn đề lớn có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trước hết là trách nhiệm của Đảng. Xây dựng và phát triển nông thôn mới là vấn đề còn mới mẻ, Đảng và Nhà nước Lào chưa trải nghiệm nhiều. Vì vậy, để đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào về vấn đề này cần phải có quá trình nhận thức và thời gian trải nghiệm nhiều hơn nữa cả về lý luận và thực tiễn. đồng thời khẳng định “Quan điểm chỉ đạo lớn, xuyên suốt của Đảng nhân dân Cách mạng Lào: Phát triển nông thôn mới thực chất là phát triển con người ở nông thôn, làm cho nhân dân các bộ tộc ở vùng nông thôn biết làm ăn một cách tiên bộ và có hiệu quả, đảm bảo cho mọi người dân nông thôn được sinh sống ấm no, hạnh phúc, tự do, bình đẳng, có trình độ về khoa học kỹ thuật, vận dụng vào tự phát triển làm giàu hộ gia đình và bản của mình. Đây là sự nghiệp lâu dài, khó khăn, gian khổ đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân; trong đó, trước hết là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn”.

Bun Thong Chit Ma Ni (2012) trong Luận án “*Đảng nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*” [15] khẳng định nông thôn chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với 85% dân số, là địa bàn chiến lược, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Lào. Luận án đã góp phần làm rõ đặc điểm của nông thôn Lào; có quan niệm đúng về nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới ở Lào, làm rõ quan niệm, nội dung và phương thức của Đảng nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới. Lãnh đạo xây dựng nông thôn mới là hệ thống các hoạt động của Đảng từ đề ra đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới đến tổ chức thực hiện nhằm cải tạo và xây dựng, làm biến đổi nông thôn còn nhiều khó khăn, nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển hiện nay thành nông thôn xã hội chủ nghĩa năng động, phát triển mạnh mẽ, giàu có, văn minh, hiện đại, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng. Trên cơ sở đánh giá toàn diện cả thành tựu và hạn chế, yếu kém cùng những nguyên nhân của chúng trong lãnh đạo xây dựng nông thôn mới vừa qua, luận án đã rút ra được 5 *kinh nghiệm* quan trọng làm cơ sở cho tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân Cách mạng Lào trong xây dựng nông thôn mới.

Kham Bay Ma La Sing (2012) trong Luận án tiến sĩ Xã hội học “*Vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở và những người có uy tín ở thôn bản trong phát triển cộng đồng ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” (Nghiên cứu trường hợp tại huyện Xay Tha Ny và huyện Na Xai Thoong, thành phố Viêng Chăn) [37]. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực trạng vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở và những người có uy tín ở thôn bản trong phát triển cộng đồng thuộc hai huyện: Xay Tha Ny và huyện Na Xai Thoong - thành phố Viêng Chăn, đề tài đã chỉ ra được mức độ cụ thể của việc thực hiện các vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở và những người có uy tín ở thôn bản trong phát triển cộng đồng ở Lào dựa trên 11 khía cạnh. Nghiên cứu cho thấy có sự tác động của các yếu tố giới, tuổi, học vấn, mức sống, tình trạng hôn nhân, nơi công tác,... tới vai trò của đội ngũ cán bộ

lãnh đạo quản lý cấp cơ sở và những người có uy tín ở thôn bản trong phát triển cộng đồng ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, trong đó yếu tố tuổi tác động mạnh nhất. Từ đó, tác giả đưa ra một số các khuyến nghị, giải pháp nhằm nâng cao vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở và những người có uy tín ở thôn bản trong phát triển cộng đồng trong thời gian tới.

### **1.3.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam**

Vi Lưu Bình (2014) trong bài viết “*Vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới*” [12] khẳng định trong quá trình xây dựng nông thôn mới, bài học kinh nghiệm cho thấy những nơi nào hệ thống chính trị cấp cơ sở hoạt động hiệu quả, quyết liệt thì ở đó khai thác được tiềm năng to lớn trong nhân dân để nhanh về đích. Đồng thời, để làm tốt những yêu cầu mới đặt ra trong quá trình xây dựng nông thôn mới, tác giả đề xuất cấp ủy, chính quyền các cơ sở phải tự đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của mình; thực hiện tốt cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để người dân thực sự được làm chủ trong xây dựng nông thôn mới. Quá trình thực hiện phải tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch; thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của người dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; Đồng thời làm tốt công tác thi đua khen thưởng để động viên kịp thời những xóm bản, tổ chức, cá nhân có thành tích trong xây dựng nông thôn mới. Các cấp, ngành cần xem kết quả xây dựng nông thôn mới là thước đo năng lực, tinh thần trách nhiệm, là tiêu chuẩn để bình xét, thi đua của tổ chức và cá nhân người đứng đầu trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

Phạm Thị Bích Hồng (2014) trong bài viết “*Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở Ninh Bình*” [30] đã khẳng định công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi nhiệm vụ của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị cơ sở đối với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới được tiến hành thường xuyên. Thông qua kiểm tra, giám sát, các tổ chức cơ sở Đảng đã đánh giá được tính hiệu quả, tính thực tế của đường lối, chủ trương đã đề ra, kịp thời khắc phục những khuyết điểm, phát huy những

mặt tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Đồng thời trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới, UBND cấp xã ở hầu hết các địa phương đã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, kế hoạch, kinh phí, ngân sách, thu hút mọi người dân tham gia tích cực vào xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh những kết quả đã nêu, việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Ninh Bình cũng còn một số hạn chế. Từ đó, bài viết đã đề ra một số giải pháp như: nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới; đổi mới phương thức hoạt động và mối quan hệ giữa các thành viên trong hệ thống chính trị cấp cơ sở; đổi mới và hoàn thiện chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ cấp cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác xây dựng nông thôn mới nhằm phát huy tốt hơn vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở Ninh Bình.

Bùi Thọ Quang (2016) trong bài viết *“Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Bình - thực trạng và giải pháp”* [66] cho biết, chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Bình đã đạt được những kết quả quan trọng, trở thành phong trào mạnh mẽ, rộng khắp, với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và đông đảo nhân dân. Đồng thời là tiền đề để đạt mục tiêu đến năm 2020, 75% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Thái Bình, hệ thống chính trị, đặc biệt là hệ thống chính trị cấp cơ sở nhận thức của lãnh đạo một số địa phương chưa đầy đủ, chưa đúng mức về Chương trình; sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa chặt chẽ nên hiệu quả chưa cao; bệnh thành tích dẫn đến những sai sót trong khâu kiểm tra, xét duyệt.

Đào Thu Huyền (2017) trong bài viết *“Hệ thống chính trị cấp xã tổ chức, vận động xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Bình - kết quả và giải pháp”* [36] đã chỉ ra Thái Bình là tỉnh nông nghiệp với gần 90% dân số và hơn 70% lao động ở nông thôn. Toàn tỉnh có 267 xã (trong tổng số 285 xã,

phường, thị trấn). Đến cuối năm 2015, Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả đáng quan trọng: đã có 135 xã (51,1%) đạt Chuẩn nông thôn mới; 129 xã đạt từ 13 - 18 tiêu chí; riêng về xây dựng quan hệ sản xuất mới, toàn tỉnh có 322 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, 106 hợp tác xã dịch vụ điện, 2.889 trang trại. Đó là cơ sở tiền đề để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2020, Thái Bình cơ bản trở thành tỉnh có nền nông nghiệp, công nghiệp hiện đại. Một trong những nhân tố quyết định để Thái Bình đạt được kết quả trên là Đảng bộ tỉnh Thái Bình đã phát huy tốt vai trò của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị vào cuộc, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới thành phong trào sâu rộng, mạnh mẽ và hiệu quả. Bên cạnh những thành quả đạt được, việc tham gia của hệ thống chính trị cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Bình còn một số tồn tại, đó là: Công tác tuyên truyền về Chương trình xây dựng nông thôn mới còn hạn chế; Công tác xây dựng quy hoạch (quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết) chất lượng chưa cao; Cá biệt có nơi việc thực hiện công khai dân chủ còn hạn chế, nên có hiện tượng còn thắc mắc về quỹ đóng góp đối ứng của nhân dân, đền bù giải phóng mặt bằng... Bài viết cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp xã, cụ thể: tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và của chính quyền cấp xã trong việc chỉ đạo, điều hành, giám sát việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chương trình xây dựng nông thôn mới; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã cả về trình độ, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc, gắn với các yêu cầu mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Trần Nhật Duật (2017) trong bài viết “*Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Bắc*” [20] đã khẳng định, chương trình xây dựng nông thôn mới ở khu vực Tây Bắc nước Việt Nam sau hơn 5 năm triển khai thực hiện còn nhiều hạn chế, bất cập. Kết quả đạt chưa cao, tính ổn định, bền vững chưa đi vào thực chất, còn có biểu hiện chạy theo thành tích, phong trào; đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới chưa chuyên nghiệp, chưa đáp ứng yêu cầu, còn

nhieu lúng túng khi triển khai thực hiện. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở Tây Bắc nước Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới.

Trần Quỳnh (2018) trong bài “*Phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới*” [71] khẳng định kết quả thành công của Chương trình xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh có nguyên nhân từ việc phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo của cả hệ thống chính trị ở cơ sở cùng chung tay với người dân xây dựng nông thôn mới. Theo đó, trong quá trình triển khai Quyết định 491/QĐ-TTg, bắt đầu từ năm 2012, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành thêm tiêu chí thứ 20. Đây thực chất là một Bộ tiêu chí riêng của tỉnh Hà Tĩnh, trong đó có 10 tiêu chí về “Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”, gọi ngắn gọn là “Khu dân cư kiểu mẫu”; và 5 tiêu chí về “Xây dựng vườn nông thôn mới”, gọi ngắn gọn là “Vườn kiểu mẫu”.

#### **1.4. KẾT QUẢ, HẠN CHẾ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG KHOẢNG TRỐNG CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU**

##### **1.4.1. Khái quát kết quả đạt được và hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

###### **\* *Kết quả đạt được***

Có thể nhận thấy, các công trình nghiên cứu được tổng quan ở trên đã có nghiên cứu, tiếp cận về hệ thống chính trị và xây dựng nông thôn mới từ nhiều khoa học khác nhau, đa dạng về cấp độ, phong phú về hướng tiếp cận của các chuyên ngành khoa học với những kết quả đạt được, cụ thể:

*Thứ nhất*, các công trình nghiên cứu đã làm rõ được quan niệm về hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cấp cơ sở, nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới ... Có nhiều công trình đã trình bày hệ thống lý luận khá đầy đủ, toàn diện về nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới; vị trí, vai trò của xây dựng nông thôn mới đối với sự phát triển của khu vực nông thôn nói riêng, của cả xã hội nói chung. Đây chính là những tiền đề về mặt tài liệu tham khảo giúp tác giả trong quá trình luận giải cơ sở lý luận của đề tài luận án.

*Thứ hai*, các công trình cũng đã làm rõ và nhận diện được thực trạng của vai trò hệ thống chính trị từ cấp trung ương đến cấp cơ sở trong việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của địa phương; trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ với tư cách là một bộ phận của cấu thành của quá trình xây dựng nông thôn mới ở bình diện chung của xã hội và trên từng địa bàn nghiên cứu.

*Thứ ba*, với nhiều hướng tiếp cận khác nhau các công trình nghiên cứu cũng đã chỉ rõ những đặc trưng của quá trình xây dựng nông thôn mới gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi vùng, miền, địa phương, quốc gia, dân tộc; đã chỉ rõ được những thành tựu và hạn chế của hệ thống chính trị trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở các địa phương khác nhau.

Ngoài ra, các công trình còn đạt được một số kết quả như chỉ ra các vấn đề lý luận mang tính cơ bản, mối quan hệ giữa các thành tố của hệ thống chính trị cấp cơ sở, thực trạng hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới; đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở từng địa bàn, địa phương cụ thể trong xây dựng nông thôn mới; làm rõ mối quan hệ giữa hệ thống chính trị cấp cơ sở và dân chủ cơ sở trong xây dựng nông thôn mới.

***\* Hạn chế của các công trình nghiên cứu***

Dù các nghiên cứu đã có nhiều kết quả đạt được nhưng trong các công trình vẫn còn một số hạn chế, cụ thể:

*Một là*, chưa có nhiều nghiên cứu chỉ ra bằng chứng cụ thể đối với từng vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới từ phương pháp nghiên cứu xã hội học (định lượng và định tính). Vấn đề đặt ra là cần phải tìm kiếm các giải pháp để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới hiệu lực và hiệu quả hơn...

*Hai là*, chưa có công trình nào nghiên cứu đi sâu vào vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới dựa trên lý thuyết tiếp cận cụ thể, cũng như xác định vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong

xây dựng nông thôn mới là đối tượng, mục tiêu nghiên cứu chính. Cơ bản chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu xây dựng nông thôn mới, hoặc nghiên cứu đơn thuần vai trò của hệ thống chính trị trong các lĩnh vực khác mà chưa có các công trình về vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

*Ba là*, nhiều công trình nghiên cứu chỉ mới dừng lại ở nghiên cứu thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp đối với việc xây dựng nông thôn mới, ít có công trình chỉ ra xu hướng vận động, phát triển của nông thôn từ tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đang được triển khai từ góc độ phương pháp và lý thuyết xã hội học.

*Bốn là*, các công trình nghiên cứu về hệ thống chính trị cấp cơ sở, cũng như xây dựng nông thôn mới dưới dạng sách chuyên khảo, đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước ở Lào chưa nhiều; do đó chưa đánh giá hết vị trí, vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước; các công trình nghiên cứu về hệ thống chính trị cấp cơ sở, đặc biệt là vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở với quá trình xây dựng nông thôn mới chủ yếu dừng lại ở các bài viết chưa mang tính hệ thống, chuyên sâu.

*Năm là*, các nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới, hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào còn ít, đặc biệt chưa có công trình nghiên cứu nào làm nổi bật vai trò của hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cấp cơ sở trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay.

#### **1.4.2. Những khoảng trống luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

Dựa trên những kết quả đạt được và hạn chế của các công trình nghiên cứu đã tổng quan phân tích như trên, Luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu như sau:

*Thứ nhất*, Luận án sẽ làm rõ hơn các khái niệm, lý thuyết tiếp cận, phương pháp nghiên cứu... để hệ thống hóa, phân tích như những vấn đề liên quan đến lý luận xây dựng nông thôn mới, phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở từ phương diện tiếp cận xã hội học; Phân tích đầy đủ quan điểm của Đảng



nhân dân Cách mạng Lào và Nhà nước Lào về xây dựng nông thôn mới, phát huy vai trò trong xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt là việc tập trung khảo sát, phân tích làm rõ 7 vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới từ góc độ luận án tiến sĩ xã hội học. Phân tích, chỉ ra bằng chứng cụ thể về thực đối với từng vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Vấn đề đặt ra là cần phải tìm kiếm các giải pháp để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới hiệu lực và hiệu quả hơn...

*Thứ hai*, tiến hành phân tích thực trạng xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng việc thực hiện vai trò trong xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay; làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế trong việc thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Boilkhamxay.

*Thứ ba*, nhận diện và đánh giá đầy đủ các yếu tố tác động đến việc thực hiện vai trò trong xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay, từ đó xác định quan điểm và đề ra giải pháp phát huy, nâng cao hiệu quả việc thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

### **Kết luận chương 1**

Từ việc thực hiện tổng quan các công trình khoa học nghiên cứu trong nước về hệ thống chính trị và xây dựng nông thôn mới có thể khẳng định, phần lớn các công trình khoa học trên đây đều tiếp cận hệ thống chính trị cấp cơ sở từ nhiều phương thức, góc độ về những vấn đề căn cốt của hệ thống chính trị cấp cơ sở với những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình nào được thực hiện nghiên cứu về hệ thống chính trị ở dạng luận án tiến sĩ xã hội học về vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, từ những hướng nghiên cứu về nông thôn mới như đã nêu trên cho thấy, một trong những khoảng trống của chủ đề nghiên cứu về chủ đề này chính là chưa đặt chủ đề nghiên cứu: xây dựng nông thôn mới ở

một lát cắt khoa học chuyên sâu, mang tính hệ thống trong mối liên hệ với vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở thông qua khảo sát tại một địa phương tiêu biểu/điển hình ở góc độ luận án tiến sĩ xã hội học. Bên cạnh đó, từ việc thực hiện tổng quan những xu hướng nghiên cứu về hệ thống chính trị và xây dựng nông thôn mới, có thể rút ra những luận điểm ý tưởng khoa học quan trọng cho việc tiến hành nghiên cứu về vai trò, quá trình hệ thống chính trị cấp cơ sở tham gia thực hiện xây dựng xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay sẽ được khảo sát, hệ thống, phân tích, đánh giá làm rõ ở các chương 2, 3 và 4 của Luận án.

Vai trò của hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, xây dựng nông thôn mới nói riêng là vấn đề dành được sự quan tâm nghiên cứu khá toàn diện, đa dạng hướng tiếp cận của các khoa học khác nhau ở cả trong và ngoài nước Lào.

Khu vực nông thôn với tư cách là một địa bàn chủ yếu là người nông dân sinh sống, gắn liền với đó là hoạt động nông nghiệp là cơ bản của người nông dân. Xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển bền vững và văn minh là đòi hỏi tất yếu của quá trình phát triển đối với mỗi quốc gia trên thế giới. Tầm quan trọng và những đòi hỏi này cũng đã được các nghiên cứu trình bày một cách khá đầy đủ, chi tiết. Với tư cách là một nghiên cứu từ hướng tiếp cận của xã hội học, luận án sẽ cố gắng chắt lọc những thông tin, những cơ sở tài liệu ở các công trình tổng quan để xây dựng khung lý thuyết cho việc thực hiện nghiên cứu đề tài trong thực tiễn để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ mà luận án đã đặt ra.

## Chương 2

# CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH BOLIKHAMXAY

## 2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM - CÔNG CỤ TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

### 2.1.1. Khái niệm vai trò xã hội

Theo từ điển tiếng Việt vai trò có nghĩa là “tác dụng, chức năng trong sự hoạt động, sự phát triển của cái gì đó” [94, tr.1400]. Như vậy, vai trò ở đây được hiểu là những tác dụng, chức năng của những hoạt động hoặc sự phát triển cụ thể của sự vật, sự việc. Trong khoa học xã hội học vai trò được định nghĩa là “tập hợp những kỳ vọng ở trong một xã hội gắn với hành vi của những người mang các địa vị... Ở mức độ này thì mỗi vai trò riêng là một tổ hợp hay nhóm các kỳ vọng hành vi (Dahrendorf)” [Dẫn theo 86, tr.536]. Nhà xã hội học người Mỹ, Robert Merton (1910 - 2003) đưa ra khái niệm “hệ vai trò” để chỉ một cấu trúc gồm các vai trò và các quan hệ của chúng mà cá nhân thực hiện khi nắm giữ một vị thế xã hội nhất định. Ông đặc biệt quan tâm tới hệ vai trò bởi nó liên quan trực tiếp tới chức năng. Vai trò theo ông chính là chức năng mà hành vi cá nhân hay thiết chế xã hội đảm nhận thực hiện. Hệ vai trò thực chất là hệ thống các chức năng và phản chức năng, chức năng trội và chức năng lặn có liên quan chặt chẽ với nhau [74, tr.248].

Theo tác giả Kham Bay Ma La Sing: “Khái niệm vai trò dùng để chỉ chức năng xã hội, mô hình, hành vi được xác lập một cách khách quan bởi vị thế xã hội của cá nhân trong hệ thống các quan hệ xã hội hoặc hệ thống quan hệ cá nhân. Hay nói cách khác vai trò xã hội là tập hợp các mong đợi các quyền và nghĩa vụ gán cho địa vị cụ thể, những mong đợi này xác định các hành vi của con người được như là phù hợp đối với người chiếm giữ một địa vị” [37].

Theo các tác giả Việt Nam “Vai trò là một tập hợp các chuẩn mực, hành vi, nghĩa vụ và quyền lợi gắn với một vị thế nhất định” [86, tr.127].

Theo cách hiểu này vai trò là hệ thống của những hành vi, hành động gắn với một vị thế xã hội mà cá nhân hay nhóm đảm nhiệm.

Trong thực tế các nhà xã hội học thường phân loại vai trò xã hội thành: Vai trò chủ yếu - thứ yếu, chính - phụ; vai trò then chốt. Hoặc có thể phân chia thành các loại vai trò xã hội: kỳ vọng tất yếu; kỳ vọng nghĩa vụ; kỳ vọng không cưỡng chế. Trong các loại vai trò xã hội như vừa nêu, xã hội học quan tâm đến hai loại vai trò: 1) *Vai trò gán cho* do di truyền, quyền lực tạo ra. Là loại vai trò con người không tự lựa chọn mà nó được quy định bởi các yếu tố như: dòng dõi, thành phần gia đình, giới tính, màu da hay tuổi tác, quy định, bầu cử...; 2) *Vai trò đạt được* do uy tín, nỗ lực của cá nhân tạo ra. Là loại vai trò mà các cá nhân đạt được bằng trí tuệ, năng lực và những cố gắng của bản thân trong quá trình xã hội hoá của mình. Cá nhân lựa chọn, hướng tới có ý nghĩa quyết định đối với việc cá nhân đó đạt được vai trò xã hội cao hay thấp. Như vậy, từ đặc điểm vị thế xã hội nói chung như vừa trình bày, chúng ta có thể xác định trong lĩnh vực chính trị sẽ có vai trò *chính trị gán cho* và *vai trò chính trị đạt được*.

Vai trò xã hội được xác lập 4 mô hình/tình huống/khuynh hướng để xác lập, đánh giá việc thực hiện vai trò xã hội của cá nhân và tổ chức: 1) Mô hình vai trò xã hội luôn được đồng đúng, tương thích với nhau, đòi hỏi cá nhân, tổ chức đồng đúng vai trò xã hội trong mọi tình huống xã hội, mọi lúc, mọi nơi...phải luôn đáp ứng được sự kỳ vọng của xã hội. Thực tế mô hình này mang tính định hướng, lý tưởng cho mỗi cá nhân và tổ chức; 2) Mô hình vai trò xã hội có xu hướng đồng lệch nhau, phản ánh phần lớn các cá nhân, tổ chức có xu hướng đồng lệch vai trò xã hội, tức là khả năng lựa chọn và thực hiện tốt một số vai trò xã hội; một số vai trò sẽ không được ưu tiên lựa chọn hoặc thực hiện tốt trong những bối cảnh tình huống cụ thể; 3) Mô hình vai trò xã hội đồng nhầm lẫn - tức là trong những bối cảnh, tình huống và quy định nhất định đòi hỏi cá nhân, tổ chức phải thực hiện đúng một vai trò xã hội nào đó theo quy định và sự kỳ vọng của xã hội. Tuy nhiên, vì lý do khách quan và chủ quan họ lại đồng nhầm vai trò xã hội. Trong trường hợp này tổ chức và xã

hội sẽ xảy ra tình trạng rối loạn nếu như mô hình đóng nhằm vai trò của các cá nhân, tổ chức, nhất là người đứng đầu có xu hướng gia tăng; 4) Mô hình vai trò xã hội bị mâu thuẫn, xung đột với nhau, thường xảy ra khi cá nhân, tổ chức có nhiều vai trò xã hội khác nhau, phải cùng lúc thực hiện nhiều vai trò xã hội khác nhau theo quy định và sự kỳ vọng của xã hội. Xã hội càng hiện đại và phát triển thì xu hướng xung đột vai trò của các cá nhân, tổ chức sẽ gia tăng, đặc biệt là những người và tổ chức được xã hội kỳ vọng cao.

Như vậy, trong phạm vi Luận án, vai trò được hiểu: *“Vai trò xã hội của tổ chức được xác định là một tập hợp các chuẩn mực, hành vi, quyền lợi và nghĩa vụ được gắn liền với vị thế xã hội nhất định. Vai trò xã hội là mô hình hành vi xã hội được xác lập một cách khách quan căn cứ vào đòi hỏi của xã hội đối với từng tổ chức xã hội nhất định; để thực hiện quyền, lợi ích và trách nhiệm tương ứng với các vị trí, vị thế xã hội đó”*. Vai trò xã hội của tổ chức chính là những đòi hỏi của xã hội đặt ra với các vị thế xã hội dựa trên các chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội. Muốn thực hiện tốt vai trò phải dựa trên sự tương tác với các cá nhân khác và sự trợ giúp của nhóm xã hội mà các cá nhân trong tổ chức đó tham gia. Vai trò là kết quả của quá trình tương tác xã hội, là sự trông chờ của xã hội về hành vi của một vị trí xã hội. Vai trò xã hội phụ thuộc vào điều kiện xã hội cụ thể. Nó chính là mặt động của vị thế xã hội. Có nghĩa là trên cơ sở vị thế đang nắm giữ các cá nhân lựa chọn cho mình những hành động phù hợp.

### **2.1.2. Khái niệm hệ thống chính trị**

Hệ thống chính trị của một quốc gia, một chế độ có chức năng, nhiệm vụ thực hiện mục tiêu chính trị, lợi ích của quốc gia, dân tộc, của giai cấp và đảng chính trị cầm quyền và thể hiện nền dân chủ tương ứng. Trong chính trị học phương Tây thì thuật ngữ hệ thống chính trị đã được sử dụng từ lâu. Tuy nhiên, đối với các nước xã hội chủ nghĩa, thuật ngữ hệ thống chính trị được dùng lần đầu trong Văn kiện Đại hội lần thứ 25 Đảng Cộng sản Liên Xô và được trình bày đầy đủ trong các văn kiện Đại hội lần thứ 27 của Đảng Cộng sản Liên Xô. Tại Việt Nam thuật ngữ hệ thống chính trị được chính thức sử

dụng từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (3-1989).

Từ hướng tiếp cận của khoa học chính trị, hệ thống chính trị với tư cách là kết cấu để thực thi quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền. Trong các nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chủ thể của quyền lực chính trị, tổ chức và quản lý xã hội, quyết định nội dung hoạt động của hệ thống chính trị.

Trong khuôn khổ nghiên cứu của Luận án, có thể hiểu khái quát: *“hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội bao gồm các đảng chính trị, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội, để củng cố, duy trì và phát triển chế độ đương thời phù hợp với lợi ích của chủ thể giai cấp cầm quyền. hệ thống chính trị xuất hiện cùng với sự thống trị của giai cấp, nhà nước và thực hiện đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền, do đó hệ thống chính trị mang bản chất giai cấp của giai cấp cầm quyền”*.

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là nhà nước dân chủ nhân dân, của dân, do dân, vì dân, bao gồm các tầng lớp trong xã hội, trong đó công nhân, nông dân và trí thức là lực lượng nòng cốt. Nhà nước bảo vệ quyền tự do và quyền dân chủ của người dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Các tổ chức của hệ thống chính trị ở Lào hiện nay bao gồm:

1. Đảng nhân dân Cách mạng Lào. Đảng nhân dân Cách mạng Lào được thành lập ngày 22/3/1955, tiền thân là Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng nhân dân Cách mạng Lào là chính đảng duy nhất lãnh đạo toàn diện các tổ chức chính trị của Lào và đất nước Lào. Đảng nhân dân cách mạng Lào đã tổ chức XI kỳ Đại hội. Tổ chức của Đảng nhân dân Cách mạng Lào gồm Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc, Bộ Chính trị, Ban bí thư trung ương Đảng, Ban chấp hành Trung ương Đảng. Tổ chức của Đảng có 4 cấp: trung ương, tỉnh, huyện và cơ sở.

2. Quốc hội. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất, do nhân dân bầu trực tiếp, đại diện lợi ích của nhân dân, là cơ quan lập pháp, quyết định các

vấn đề quan trọng của đất nước, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan hành pháp, toà án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân.

Quốc hội có quyền bầu hoặc bãi nhiệm Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, các uỷ viên Ban Thường vụ Quốc hội; bầu hoặc bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước theo kiến nghị của Ban thường vụ Quốc hội; xem xét thông qua kiến nghị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án Nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao theo đề nghị của Chủ tịch nước; xem xét và thông qua cơ cấu bộ máy của Chính phủ; bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Chính phủ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ. Mỗi khoá Quốc hội có nhiệm kỳ 5 năm.

3. Nhà nước. Nhà nước Lào là Nhà nước dân chủ nhân dân, của dân, do dân, vì dân, bao gồm các tầng lớp trong xã hội, trong đó công nhân, nông dân và trí thức là lực lượng nòng cốt. Nhà nước bảo vệ quyền tự do và quyền dân chủ của người dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, được Quốc hội bầu với số phiếu chấp thuận của ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước có nhiệm kỳ 5 năm. Chủ tịch nước kiến nghị lên Quốc hội bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ; bổ nhiệm, điều chuyển hoặc cách chức thành viên Chính phủ sau khi Quốc hội đã thông qua; bổ nhiệm hoặc cách chức Phó Chánh án Toà án Nhân dân Tối cao trên cơ sở kiến nghị của Chánh án Toà án Nhân dân Tối cao; bổ nhiệm hoặc cách chức Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao trên cơ sở kiến nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao; bổ nhiệm, điều chuyển hoặc cách chức Tỉnh trưởng, Đô trưởng trên cơ sở kiến nghị của Thủ tướng Chính phủ.

Chủ tịch nước ban hành Hiến pháp và Luật pháp sau khi được Quốc hội thông qua; ra Sắc lệnh và Pháp lệnh; quyết định trao tặng Huân, Huy chương; ân xá cho phạm nhân.

4. Chính phủ. Chính phủ Lào, là cơ quan hành pháp cao nhất của nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Chính phủ quản lý thống nhất việc thực hiện

nhiệm vụ công trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, an ninh - quốc phòng, ngoại giao, văn hoá - xã hội, giáo dục đào tạo, y tế... Chính phủ có nghĩa vụ thực hiện Hiến pháp, pháp luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định và Sắc lệnh của Chủ tịch nước. Chính phủ bao gồm Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với nhiệm kỳ công tác theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

5. Chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương được chia thành 3 cấp: Tỉnh, Huyện và Bản. Cấp tỉnh bao gồm Tỉnh và thành phố (thủ đô). Cấp Huyện bao gồm Huyện và Thành phố. Người đứng đầu Tỉnh là Tỉnh trưởng, đứng đầu thành phố là Đô trưởng. Huyện có Huyện trưởng, Đô trưởng, Bản có Trưởng Bản. Các Tỉnh trưởng/ Đô trưởng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy/Thành ủy.

6. Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của Nhà nước, bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa Phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, Tòa án nhân dân huyện, Tòa án Quân sự. Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của Nhà nước. Tòa án nhân dân tối cao quản lý về mặt hành chính đối với Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án Quân sự và thực hiện việc kiểm tra xét xử của các Tòa án nói trên. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch nước. Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm hoặc cách chức trên cơ sở kiến nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

7. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan chính trị của Lào kiểm sát việc thực thi pháp luật, bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân huyện, Viện Kiểm sát Quân sự. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo việc hoạt động của cơ quan kiểm sát nhân dân các cấp. Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm hoặc cách chức trên cơ sở kiến nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao [113].



8. Các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân. Các tổ chức chính trị c - xã hội của Lào và đoàn thể nhân dân gồm: Mặt trận Lào xây dựng đất nước, Liên hiệp cựu chiến binh quốc gia Lào, Liên hiệp Công đoàn, Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng Lào, Liên hiệp phụ nữ, và nhiều tổ chức xã hội và các đoàn thể nhân dân khác [113].

### **2.1.3. Khái niệm hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn**

Hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là tổng thể gồm: Đảng bộ cơ sở, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội hoạt động trong một cơ chế nhất định nhằm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cấp cơ sở thuộc khu vực nông thôn.

Như vậy, hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn bao gồm các tổ chức: Đảng, Chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, Liên hiệp cựu chiến binh quốc gia Lào và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động trên địa bàn cụm bản và bản. Ngoài những đặc điểm chung của hệ thống chính trị cả nước, hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn Lào còn có các đặc điểm riêng sau:

*\* Đặc điểm cơ cấu - tổ chức hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*

Về tổ chức cơ sở Đảng: Tổ chức cơ sở đảng là đơn vị cơ sở của đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, là nơi sinh hoạt đảng của đảng viên, là đơn vị giáo dục, bồi dưỡng và kết nạp đảng viên mới, là đơn vị tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, Điều lệ đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước thành hiện thực; tổ chức cơ sở đảng gồm có đảng ủy, chi bộ cơ sở và chi bộ cơ sở trực thuộc đảng ủy cơ sở, được tổ chức theo các đơn vị cơ sở bản, cụm bản, đơn vị hành chính, đơn vị chuyên môn, trường học, bệnh viện, đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, kinh doanh trong và nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân và đơn vị cơ sở khác có từ 3 đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng. Nếu chưa đủ 3 đảng viên chính thức thì cấp ủy cấp trên trực tiếp

giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp; tổ chức cơ sở đảng dưới 30 đảng viên chính thức, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc; tổ chức cơ sở đảng có từ 30 đảng viên chính thức trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng ủy, song cấp ủy cấp trên đồng ý.

Tổ chức cơ sở đảng ở bản là chi bộ bản có đảng viên chính thức từ 3 đồng chí trở lên, có vai trò là hạt nhân chính trị ở cơ sở bản. Tổ chức cơ sở đảng ở cụm bản hoặc bản lớn. Đảng bộ cụm bản hoặc bản lớn “được tổ chức ở những cụm bản có từ 5 bản nhỏ hoặc nhiều hơn và có từ 3 chi bộ hoặc nhiều hơn và có đảng viên chính thức từ 30 đồng chí trở lên; là hạt nhân chính trị trong hệ thống chính trị ở bản và cụm bản phát triển.

Từ năm 1991, tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã có sự đổi mới trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là về chính trị và hành chính. Trong đó, đặc biệt là thay đổi cách lãnh đạo và quản lý theo vùng, khu vực thành phân cấp quản lý; đổi mới cách quản lý bằng Nghị quyết, chỉ thị thành quản lý bằng pháp luật. Hiến pháp 1991 đã quy định: “cộng hòa dân chủ nhân dân Lào gồm có tỉnh, Thủ đô, huyện và bản”. Từ đây tỉnh và Thủ đô có Bí thư tỉnh, Thủ đô kiêm cả Chủ tịch tỉnh và Thủ đô; huyện có Bí thư huyện kiêm cả chủ tịch huyện; bản có Bí thư chi bộ kiêm cả trưởng bản. Theo đó, Cấp bản: có bí thư chi bộ kiêm trưởng bản. (Nếu cụm bản hoặc bản lớn số ban chi ủy phải trên 5-7 đồng chí và ban chi ủy bản nhỏ phải có từ 3-5 đồng chí do huyện ủy hoặc cán bộ chủ chốt cấp huyện làm bí thư và có 1 phó bí thư. Còn lại là ủy ban, số ủy ban gồm có cán bộ của huyện và một số bí thư).

Về Ủy ban nhân dân cụm bản/Bản được tổ chức theo Luật về Hành chính địa phương (sửa đổi) số 68/QH ngày 14/12/2015. UBND bản là tổ chức hành chính Nhà nước và do dân lập để quản lý hành chính bản, có vai trò làm đại biểu và chịu trách nhiệm trước UBND huyện và nhân dân trong quản lý hành chính, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi và phục vụ nhân dân, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường và các tài nguyên khác trong phạm vi quản lý của mình. UBND cụm bản/bản sẽ có

1 trưởng, 5 tổ công tác bao gồm: 1) Tổ công tác quốc phòng-an ninh do trưởng bản chỉ đạo; 2) Tổ công tác Đảng và các tổ chức chính trị-xã hội do một phó chỉ đạo, 3). Tổ công tác quản lý hành chính do một phó chỉ đạo; 4) Tổ công tác kinh tế do một cấp phó chỉ đạo; 5) Tổ công tác văn hoá - xã hội do một phó chỉ đạo.

Về Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản được tổ chức theo Luật về Mặt trận Lào xây dựng đất nước, số 01/QH, ngày 8/7/2009. Trong đó chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là: 1) Tổ chức thực hiện nghị quyết của cấp trên và cấp mình có hiệu quả; 2) Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, chương trình hành động, hướng dẫn của Mặt trận Lào xây dựng đất nước trong phạm vi của bản mình; 3) Vận động, giáo dục nhân dân các bộ tộc Lào, các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, giới tự giác về chính trị, làm công dân tốt, phát huy truyền thống đoàn kết, tham gia bảo vệ, xây dựng đất nước và bản của mình; 4) Tham gia hoà giải xung đột trong dân trong phạm vi trách nhiệm của mình; 5) Giám sát hoạt động công việc của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và việc phát triển bản; 6) Thường xuyên tổng kết, báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ của mình cho Mặt trận Lào xây dựng đất nước huyện và các tổ chức liên quan của bản; 7) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo luật định.

Về các tổ chức chính trị - xã hội ở bản có: Hội Liên hiệp Phụ nữ cơ sở được tổ chức theo Luật về Hội Liên hiệp Phụ nữ, số 32/QH, ngày 23/7/2013. Đoàn Thanh niên được tổ chức theo Luật về Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng Lào số 06/QH ngày 26/11/2011. Hội Liên hiệp Cựu chiến binh bản được tổ chức theo Luật về Hội Liên hiệp Cựu chiến binh số 42/QH, ngày 13/3/2018.

#### **2.1.4. Khái niệm vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở được hiểu là phương thức tổ chức thực hiện và các kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở theo các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước. Hệ thống chính trị cấp cơ sở có vai trò là cơ chế thực thi quyền lực ở cơ sở; là hệ thống các tổ chức mà thông qua đó thực hiện quyền lực chính trị trong xã hội-mà cấp cơ sở là nền tảng. Không những vậy, hệ thống chính trị cấp cơ sở còn có vai trò trong thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao

động trên những địa bàn cụ thể. Có thể cụ thể hóa các vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở như sau:

*Một là*, Đảng bộ cơ sở giữ vị trí hạt nhân lãnh đạo chính quyền, đoàn thể và nhân dân nhằm thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, trong sạch;

*Hai là*, Đảng bộ ở cơ sở lãnh đạo toàn diện bằng nghị quyết. Thực hiện định hướng nhiệm vụ trọng tâm, lựa chọn nhân sự, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của UBND, kiểm tra chính quyền, cán bộ, công chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước;

*Ba là*, chính quyền cấp cơ sở, thực thi chính sách pháp luật của Nhà nước theo thẩm quyền luật định. Trực tiếp điều hành, quản lý xã hội duy trì trật tự, an ninh, ổn định chính trị, tổ chức thực hiện kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân;

*Bốn là*, chính quyền cấp cơ sở giữ vị trí trung tâm, trụ cột của hệ thống chính trị trực tiếp tổ chức, điều hành, quản lý xã hội đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, Nghị quyết của Đảng bộ cơ sở và nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân của địa phương;

*Năm là*, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở đại diện và thay mặt nhân dân tham gia quản lý nhà nước ở cơ sở và giám sát hoạt động của chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách, pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở. Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

### **2.1.5. Khái niệm nông thôn**

Nông thôn được quan niệm khác nhau ở mỗi nước vì điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội là khác nhau. Để có được định nghĩa nông thôn, các nhà nghiên cứu thường so sánh nông thôn với thành thị. C.Mác-Ph.Ăngghen trong tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức” (viết năm 1845 -1846), hai ông đã trình bày một cách cơ bản quan niệm duy vật lịch sử về nông thôn - đặt trong mối quan hệ với thành thị. Theo C.Mác, “sự phân công lao động

trong nội bộ của một dân tộc gây ra trước hết là sự tách rời giữa lao động công nghiệp với lao động nông nghiệp và do đó gây ra sự tách rời giữa thành thị và nông thôn” [52, tr.270]. Sự hình thành đô thị cũng là quá trình làm cho xã hội nông thôn được nhìn nhận rõ hơn. Giữa thành thị và nông thôn có những điểm khác biệt, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra “sự đối lập giữa thành thị và nông thôn xuất hiện cùng với bước quá độ từ thời đại dã man lên thời đại văn minh, từ tổ chức bộ lạc nhà nước, từ tính địa phương lên dân tộc, và cứ tồn tại mãi suốt toàn bộ lịch sử văn minh cho đến ngày nay” [52, tr.323].

Theo V. Staroverov - nhà xã hội học người Nga đã đưa ra một định nghĩa khá bao quát về nông thôn, khi ông cho rằng: “Nông thôn có những đặc trưng riêng biệt của nó, nông thôn phân biệt với đô thị bởi trình độ phát triển kinh tế-xã hội thấp kém hơn, thua kém hơn về mức độ phúc lợi xã hội, sinh hoạt... Nông thôn là hệ thống độc lập tương đối ổn định, là một tiểu hệ thống không gian - xã hội. Nông thôn và đô thị hợp lại thành chỉnh thể xã hội và lãnh thổ (không gian) của cơ cấu xã hội” [Dẫn theo 18, tr.58].

Trong phạm vi Luận án có thể hiểu: *Nông thôn dựa vào sự phân chia theo địa giới hành chính, chính trị để phân biệt với thành thị, nhưng có những nét đặc thù về phương thức lao động sản xuất, cư dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, văn hóa, lối sống, có tính cố kết cộng đồng cao.*

Như vậy, nông thôn khác với thành thị, ở đó một cộng đồng chủ yếu là nông dân, có mật độ dân cư thấp, kết cấu hạ tầng kém phát triển, có trình độ dân trí, trình độ tiếp cận thị trường và sản xuất hàng hóa kém hơn đô thị. Từ những ý hiểu này cho thấy nông thôn cũng có những đặc trưng như: về nghề nghiệp chủ yếu là lao động xã hội truyền thống, hoạt động sản xuất nông nghiệp; mật độ dân cư trên km<sup>2</sup> thấp; lối sống, có tính cố kết cộng đồng cao thể hiện trong mối quan hệ ứng xử giữa con người với con người. Đặc thù riêng biệt của nông thôn ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là sự phân công lao động chưa cao, trình độ chuyên môn thấp, chủ yếu vẫn là sản xuất nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi. Để hiểu nông thôn cần tiếp cận từ những đặc trưng cơ bản về phương thức sản xuất, kinh tế, văn hóa, lối sống...

### 2.1.6. Khái niệm nông thôn mới

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã tiếp cận vấn đề nông thôn mới. Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định nông nghiệp, nông dân, nông thôn đóng vai trò rất to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay sau khi cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy một đặc điểm có tính chất đặc thù của nước ta: là một nước nông nghiệp - không những thế mà còn là một nước nông nghiệp lạc hậu, tàn dư của chế độ thuộc địa nửa phong kiến nặng nề. Tháng 11 năm 1940, trong thư gửi Hội nghị cán bộ nông dân cứu quốc toàn quốc, Người viết: “Nước Việt Nam là một nước nông nghiệp. Hơn 9 phần 10 dân ta là nông dân trung, bần và cố nông” [53, tr.248].

Người cũng đã chỉ rõ: quá trình, bước đi để xây dựng “Nông thôn mới” thiết thực, có hiệu quả, là phải xây dựng cơ sở vật chất cho người nông dân để họ ổn định và có điều kiện tăng gia sản xuất, trước hết là “nhà ở”. Người nói: “chúng ta đang chuẩn bị xây dựng nông thôn mới. Việc đầu tiên của nông thôn mới là xây dựng nhà ở cho đảng hoàng” [54, tr.446].

Thuật ngữ “Nông thôn mới” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng ở đây để phân biệt với nông thôn cũ trong chế độ hàng nghìn năm phong kiến, thực dân xâm lược, Người nhấn mạnh đến mục đích của nông thôn mới là làm cho đời sống nhân dân nông thôn được cải thiện, tuy nhiên chưa đạt đến các tiêu chí như nông thôn mới hiện nay, nhưng dù vậy cũng đã cho thấy phát triển nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng đối với một nước mới giành độc lập như Việt Nam.

Thuật ngữ “Nông thôn mới” đã xuất hiện từ kỳ đại hội lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng nông thôn mới như là nông thôn xã hội chủ nghĩa chỉ mới dừng lại ở loại hình lý tưởng và chưa được định hình một cách rõ rệt. Đến Nghị quyết 26-NQ/TU của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “Nông thôn mới là khu vực nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với

đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [24].

Theo tác giả Nguyễn Văn Hùng, công thức nông thôn mới là: *Nông thôn mới = Nông dân mới + Nền nông nghiệp mới*. Nông thôn mới đó là, nông thôn có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, dân trí cao, bản sắc văn hóa dân tộc được gìn giữ và tái tạo [31].

Từ những phân tích trên có thể quan niệm về nông thôn mới trong phạm vi Luận án như sau: *Nông thôn mới trước hết phải là nông thôn, bao hàm các đặc trưng, chức năng cơ bản của nông thôn là vùng nông dân quần tụ trong đơn vị thôn làng và chủ yếu làm nông nghiệp, nhưng có những thuộc tính khác với nông thôn truyền thống, nông thôn mới phải được gắn chặt với “quy hoạch mới”, phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội, “cơ sở hạ tầng mới”, “văn hóa mới” và có những bước phát triển “mới” văn minh hiện đại hơn so với nông thôn truyền thống, song vẫn bảo lưu và giữ gìn, phát huy được những giá trị tốt đẹp của xã hội nông thôn truyền thống.*

Theo đó, nông thôn mới là một kiểu tổ chức nông thôn theo các tiêu chí mới, đáp ứng yêu cầu của phát triển trên các phương diện sau: *i) Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; ii): Nông thôn phát triển theo quy hoạch, cơ cấu hạ tầng, kinh tế, xã hội hiện đại, môi trường sinh thái được bảo vệ; iii) Dân trí được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát huy; iv): Chất lượng hệ thống chính trị được nâng cao; v) An ninh tốt, dân chủ được phát huy.*

### **2.1.7. Khái niệm xây dựng nông thôn mới**

Xây dựng nông thôn mới là cuộc cách mạng và cuộc vận động lớn để cộng đồng dân cư ở nông thôn đồng lòng xây dựng thôn, cụm bản, gia đình của mình khang trang, sạch đẹp; phát triển sản xuất toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ); có nếp sống văn hoá, môi trường và an ninh nông thôn được đảm bảo; thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được

nâng cao. Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị. Theo đó xây dựng nông thôn mới không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội, mà còn là vấn đề chính trị, văn hóa tổng hợp. Xây dựng nông thôn mới là giúp cho nông dân có niềm tin, trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

Cụ thể là: 1) Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; 2) Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị; 3) Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn; 4) Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn; 5) Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn; 6) Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân; 7) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn.

Từ những phân tích trên, trong phạm vi Luận án đưa ra quan niệm: *Xây dựng nông thôn mới là cuộc cách mạng nông nghiệp, nông thôn và cuộc vận động lớn để người dân, cộng đồng dân cư trên địa bàn nông thôn đồng sức, đồng lòng xây dựng nhà cửa, đường xá, thôn, cụm bản khang trang, sạch đẹp, phát triển sản xuất toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ), có nếp sống văn hoá, giữ gìn môi trường và đảm bảo an ninh nông thôn; nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân.*

*\* Tính tất yếu của xây dựng nông thôn mới ở Cộng hòa Dân chủ Nhân Lào*

Do đặc thù của nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Lào cho nên Đảng và Nhà nước Lào hết sức quan tâm đến xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Đại hội VIII của Đảng nhân dân Cách mạng Lào đã chỉ rõ: “Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát



triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội” [97]. Tính tất yếu về kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội của quá trình xây dựng nông thôn mới ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được thể hiện cụ thể trên các phương diện sau:

*Một là*, sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, bảo quản chế biến còn hạn chế, chưa gắn chế biến với thị trường tiêu thụ sản phẩm; chất lượng nông sản chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Do vậy, xây dựng nông thôn mới là nhằm đáp ứng yêu cầu, quy luật của nền kinh tế thị trường; của quá trình thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực tam nông;

*Hai là*, mặc dù đã có nhiều thay đổi tuy nhiên nhìn chung hiện nay, kinh tế-xã hội khu vực nông thôn Lào chủ yếu phát triển tự phát, chưa theo quy hoạch... Thu nhập của nông dân thấp; số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn ít; sự liên kết giữa người sản xuất và các thành phần kinh tế khác ở khu vực nông thôn chưa chặt chẽ. Do vậy, xây dựng nông thôn mới là biện pháp kinh tế quan trọng nhằm khai thác hợp lý, nuôi dưỡng các nguồn lực, đạt tăng trưởng kinh tế cao, bền vững;

*Ba là*, nhìn chung kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, chợ, thủy lợi) ở khu vực nông thôn còn nhiều yếu kém, vừa thiếu, vừa không đồng bộ. Do vậy, xây dựng nông thôn mới là quá trình hiện đại hóa kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn, tạo nền tảng cho khu vực này phát triển toàn diện và bền vững.

*Bốn là*, xây dựng nông thôn mới là biện pháp thúc đẩy nông dân, nông thôn có văn hoá phát triển, dân trí được nâng cao, sức lao động được giải phóng. Người nông dân có cuộc sống ổn định, giàu có, trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật, tay nghề cao, lối sống văn minh hiện đại nhưng vẫn giữ được những giá trị văn hoá, bản sắc truyền thống, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng nhân dân Cách mạng Lào, tham gia tích cực mọi phong trào chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

*Năm là*, xây dựng nông thôn mới là biện pháp nhằm thúc đẩy tính hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội ở khu vực nông thôn.

Kết hợp hài hòa giữa quản lý của Nhà nước, quản lý xã hội và tự quản ở nông thôn nhằm hướng đến bảo tồn và phát huy các giá trị, chuẩn mực truyền thống bản, cội bản.

*Sáu là*, xây dựng nông thôn mới là biện pháp chính trị nhằm thúc đẩy dân chủ nông thôn mở rộng và đi vào thực chất. Các chủ thể nông thôn có khả năng, điều kiện, trình độ để tham gia tích cực vào các quá trình ra quyết định về chính sách phát triển nông thôn; thông tin minh bạch, thông suốt, hiệu quả giữa các tác nhân có liên quan; phân phối công bằng.

*\* Mục tiêu, nội dung xây dựng nông thôn mới ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*

Mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào: Thực hiện một bước cơ bản về phân công lao động trên địa bàn nông thôn, phân bố hợp lý số lao động vào sản xuất nông - lâm nghiệp, các ngành phi nông nghiệp như công nghiệp - thủ công nghiệp dịch vụ, tập trung sức lao động thâm canh, mở rộng dịch vụ nông thôn. Đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế nông thôn nhanh hơn và vững chắc hơn so với các thời kỳ trước. Dành nguồn ngân sách của nhà nước ưu tiên nhằm nâng cao dân trí miền núi thông qua giáo dục; đối với y tế có các biện pháp phòng tránh các dịch bệnh, phát hiện sớm các bệnh đột xuất, tăng cường công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, hạ thấp tỷ lệ tử vong đối với trẻ sơ sinh; thực hiện vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường, cung cấp nguồn nước sạch cho dân số các vùng, giữ gìn an ninh nông thôn, tăng cường kỷ cương pháp chế trong nông thôn; xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho thanh niên nông thôn, chăm sóc người già, phụ nữ và trẻ em, xóa bỏ tệ nạn mê tín và các tiêu cực khác ở nông thôn.

*\* Nội dung xây dựng nông thôn mới ở Cộng hòa Nhân dân Lào*

*Thứ nhất*, công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho quần chúng nhân dân nông thôn. Tăng cường công tác chính trị tư tưởng làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân các bộ tộc Lào nói chung và ở khu vực nông thôn nói riêng hiểu rõ tình hình, thấu suốt những nhận định và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

*Thứ hai*, tập trung phát triển kinh tế nông thôn. Xây dựng nông thôn mới cần quan tâm xây dựng cơ chế “lấy công nghiệp thúc đẩy nông nghiệp, lấy thành thị lôi kéo nông thôn từng bước chuyển giao công nghệ vào nông thôn, đổi mới tư duy làm ăn sinh sống của người dân thoát khỏi lạc hậu và bảo thủ chuyển sang đời sống ấm no, hạnh phúc.

*Thứ ba*, về mặt công tác bảo vệ Tổ quốc giữ gìn an ninh quốc phòng, an ninh trật tự khu vực nông thôn. Chống tội phạm, giữ gìn trật tự ở những nơi công cộng phòng ngừa tai nạn, đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội và chống ô nhiễm, bảo vệ đời sống và hoạt động bình thường hợp pháp của các cơ quan Nhà nước, của các tổ chức và thành viên trong xã hội văn minh của con người.

*Thứ tư*, xây dựng đời sống văn hóa nông thôn. Chú trọng hoạt động thông tin tuyên truyền cổ động nhằm thực hiện mục tiêu phổ biến rộng rãi trong công chúng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như các quyết định của địa phương.

*Thứ năm*, tích cực củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn vững mạnh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng nông thôn mới qua tổ chức Đảng và sự gương mẫu của Đảng viên ở nông thôn, trước hết là đảng viên cốt cán chỉ đạo ở từng bản, từng tổ chức trong ngành sản xuất.

*\* Tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay*

Cụ thể hoá các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Lào về xây dựng nông thôn mới, mà trực tiếp là việc cụ thể hoá Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới của Chính phủ nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. UBND tỉnh Bolikhamxay đã ban hành Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 20/9/2015 về Bộ tiêu chí bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay giai đoạn 2016 - 2020 với 19 tiêu chí cụ thể dựa trên 5 nhóm lĩnh vực: I) Quy hoạch; II) Hạ tầng kinh tế - xã hội; III) Kinh tế và tổ chức sản xuất; IV) Văn hoá - xã hội - môi trường; V) hệ thống chính trị (Chi tiết xem thêm ở Phụ lục V).

### **2.1.8. Khái niệm vai trò hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới**

Từ những tiếp cận trên, trong phạm vi Luận án quan niệm: *“Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới là tổng thể những phương thức tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị theo các quy định của Đảng, Nhà nước Lào nhằm hiện thực hoá các mục tiêu, nội dung về xây dựng nông thôn mới vào từng địa phương, cơ sở”*.

Trong thực tế, “hệ thống chính trị cấp cơ sở không phải là cấp hoạch định đường lối, chính sách, mà là *cấp hành động*, tổ chức hành động; biến đường lối, chính sách từ cấp vĩ mô thành hoạt động thực tiễn của dân [7, tr.26]. Có thể khái quát vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên một số nội dung sau:

*Một là, vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật xây dựng nông thôn mới*. Khâu quan trọng của xây dựng nông thôn mới, chính là việc hệ thống chính trị cấp cơ sở thực hiện việc nắm bắt Nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, sự cụ thể hóa văn bản của cấp ủy Đảng và chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện; vận dụng sáng tạo các quy luật khoa học, phù hợp với đặc thù của từng địa phương; nhằm tạo sự đồng thuận chung về nhận thức, hành động trong phát triển tổng thể, bền vững kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng ở khu vực nông thôn. Thông qua vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết và chính sách pháp luật xây dựng nông thôn mới, hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn sẽ quán triệt triệt kỹ nội dung cốt lõi xây dựng nông thôn mới là nâng cao đời sống nhân dân. Việc nắm bắt nghị quyết, chính sách hướng vào việc giải quyết những vấn đề tư tưởng phát sinh, góp phần phát huy dân chủ trong xây dựng nông thôn mới. Khi thực hiện vai trò này Ban chấp hành đảng bộ cụm bản, UBND bản có nhiệm vụ ra quyết định ban hành Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới. Nghị quyết nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và giải pháp xây dựng nông thôn mới.

Đặc biệt cấp ủy cơ sở Đảng có nhiệm vụ quán triệt, đưa nội dung xây dựng nông thôn mới trở thành nhiệm vụ chính trị, thường xuyên được thảo

luận trong sinh hoạt định kỳ. Mỗi tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn cụm bản, bản căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mà xác định vai trò của mình trong việc phối hợp, hỗ trợ hay trực tiếp lãnh đạo quần chúng thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các tổ chức chính trị - xã hội lồng ghép nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong hoạt động thường xuyên; quán triệt tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và người lao động tinh thần, ý thức trách nhiệm tham gia xây dựng nông thôn mới; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp tạo sức mạnh tổng hợp trong triển khai thực hiện. Với vai trò nắm bắt chỉ thị nghị quyết và chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước Lào và các cơ quan thuộc hệ thống chính trị cấp trên, Đảng uỷ cụm bản, bản giữ vai trò lãnh đạo toàn diện quá trình xây dựng nông thôn mới đảm bảo đúng chủ trương, mục tiêu của Đảng, Nhà nước Lào đã đề ra.

*Hai là, vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới.* Vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới là việc đưa ra các dự án, xây dựng chương trình hoạt động. Đây là vai trò mấu chốt, bao gồm việc tìm ra các phương tiện và nguồn lực thích hợp để thực hiện mục tiêu. Để triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới được hiệu quả, công việc hàng đầu của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở các địa phương phải thực hiện là xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí của từng giai đoạn và từng năm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống chính trị cấp huyện có vai trò lập kế hoạch các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới cho địa phương mình điều hành việc hiện thực hóa nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Lào về xây dựng nông thôn mới. Lập kế hoạch các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới là quá trình dự kiến xây dựng chương trình hoạt động cho tương lai của tổ chức, nhằm đạt tới mục đích đã xác định. Thông thường, vai trò này bao gồm ba cấp: *một là*, vạch ra các mục tiêu dài hạn và các kế hoạch chiến lược; *hai là*, lập các kế hoạch tác nghiệp và; *ba là*, xây dựng các mục tiêu ngắn hạn và huy động ngân sách. Việc vạch kế hoạch chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị

cấp cơ sở đóng một vai trò mang tính định hướng trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở từng địa phương cụ thể. Chỉ khi xác lập kế hoạch xây dựng các chỉ tiêu phù hợp chọn lựa giữa các khả năng khác nhau dẫn tới các quyết định phù hợp và hiệu quả.

Thông qua vai trò của cấp ủy Đảng, việc lập kế hoạch chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới được thể hiện trong Nghị quyết chuyên đề hoặc lồng ghép nội dung về xây dựng nông thôn mới mang tính định hướng chỉ đạo. Thông qua vai trò của UBND huyện được thể hiện trong việc ban hành Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới nhằm thực hiện Nghị quyết do cấp ủy Đảng ban hành. Quyết định dự toán thu-chi, phân bổ, điều chỉnh dự toán, phê chuẩn quyết toán ngân sách đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn cụm bản và bản. Thông qua vai trò của UBND huyện được thể hiện trong xây dựng chủ trương xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cụm bản, bản; tổ chức thực hiện Nghị quyết của UBND huyện về xây dựng nông thôn mới; giao nhiệm vụ, chỉ đạo Ban phát triển tiến hành thực hiện các nội dung công việc cụ thể; Ban hành quyết định thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới có vai trò tổ chức xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch tổng thể đầu tư hàng năm xây dựng nông thôn mới của cụm bản và bản, lấy ý kiến nhân dân và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*Ba là, vai trò tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới.* Vai trò tuyên truyền, vận động là một nhiệm vụ không thể thiếu được của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Về thực chất, chức năng này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chuyển hướng từ “biết” sang “hiểu và hành động” [3]. Trong các thành viên của hệ thống chính trị cấp cơ sở thì Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ số một trong thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến các thành viên, nhân dân chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước; làm cho các thành viên, tầng lớp nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung chương trình; nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi thành viên tự giác tham gia phong trào một cách tích cực và phù hợp với điều kiện của mình [56, tr.84]. Theo quy định hiện hành,

Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và bản vận động các hội viên, nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới với 5 nội dung: 1) đoàn kết giúp nhau giảm nghèo bền vững; tích cực tham gia phát triển kinh tế, ổn định đời sống, khuyến khích làm giàu chính đáng; 2) đoàn kết xây dựng văn hóa; chăm lo sự nghiệp giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; chăm lo sức khỏe nhân dân, xây dựng gia đình văn hóa hạnh phúc; phát huy truyền thống đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái; 3) đoàn kết tham gia bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng cảnh quan môi trường, xanh, sạch đẹp; 4) đoàn kết, chấp hành pháp luật, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; 5) đoàn kết, phát huy dân chủ, tích cực tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh [7, tr 84 - 85].

Vai trò tuyên truyền, vận động của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới thể hiện trên các mặt: *Thứ nhất*, tuyên truyền, vận động giúp nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở về xây dựng nông thôn mới, từ đó, có các hoạt động phối hợp, hỗ trợ triển khai thiết thực. Ý thức rõ vai trò của mình trong nhiệm vụ chính trị đó, hệ thống chính trị cấp cơ sở, chỉ đạo các ngành, đơn vị triển khai tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và người lao động với mục tiêu cụ thể, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị cấp cơ sở tham gia xây dựng nông thôn mới; tích cực hưởng ứng, cụ thể hoá, vận dụng các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ chung vào điều kiện cụ thể. *Thứ hai*, tuyên truyền, vận động của hệ thống chính trị cấp cơ sở góp phần thay đổi nhận thức của người dân nông thôn, qua đó phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dân nông thôn trong xây dựng nông thôn mới. *Thứ ba*, thông qua tuyên truyền, vận động của hệ thống chính trị cấp cơ sở, những mô hình hiệu quả, những cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới có điều kiện lan tỏa để các địa phương có thể áp dụng. Đồng thời, những bất cập trong triển khai cũng được cảnh báo để các đơn vị, địa phương khác rút kinh nghiệm.

*Bốn là, vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới.* Chúng ta có thể hiểu rằng, vai trò tổ chức thực hiện là sự sắp xếp và sử dụng nguồn lực nói

chung, trong đó con người là yếu tố cơ bản. Tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới là quá trình sau khi đã xác định những công việc cần phải làm tiến hành phân công cho các tổ chức, cá nhân đảm nhận những nhiệm vụ cụ thể của hoạt động xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở đó, tạo ra mối quan hệ ngang dọc trong nội bộ hệ thống nhằm vận hành nhịp nhàng, đồng bộ và hướng tới thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng nông thôn mới của địa phương. Vai trò tổ chức thực hiện trong xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở thể hiện thông qua việc thành lập hệ thống bộ máy chỉ đạo, điều hành. Ở cấp cụm bản có Ban chỉ đạo và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới; ở cấp cụm bản có bản phát triển. Đồng thời, thông qua hệ thống tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên với sự gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, nói đi đôi với làm chính là cơ sở để tạo dựng niềm tin chính trị trong quần chúng, nhân dân. Đồng thời, thông qua Ban chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới chính quyền cấp cơ sở tổ chức tiến hành các hoạt động xây dựng nông thôn mới, như các tổ chức, lực lượng tham gia xây dựng nông thôn mới; tiến hành đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ năng lực tham gia xây dựng nông thôn mới; bố trí cán bộ của Đảng trong các tổ chức chính quyền và hệ thống chính trị, các tổ chức nòng cốt, chuyên trách tham gia xây dựng nông thôn mới để bảo đảm triển khai thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, nghị quyết của tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới [38]. Hệ thống chính trị cấp cơ sở có vai trò lãnh đạo, tổ chức, điều hành, quản lý, hướng dẫn nhân dân về mọi mặt trong xây dựng nông thôn mới bảo đảm theo đúng pháp luật và các chính sách, kế hoạch, chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm có hiệu quả, chống tham ô, lãng phí, chống thất thoát, bảo đảm chất lượng.

Vai trò của cấp ủy Đảng trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới là lãnh đạo thành công việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp cụm bản. Với vai trò là thành viên nòng cốt trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới, UBND huyện có nhiệm vụ phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; phê duyệt dự toán và quyết toán kinh phí quản lý dự án của chủ đầu tư với các dự án, công trình do huyện



quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật; Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới đến các cơ quan có thẩm quyền [57, tr.82]. UBND huyện thông qua Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp cụm bản có nhiệm vụ với tư cách là chủ đầu tư các dự án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cụm bản và bản. Quản lý, triển khai các dự án, bao gồm: chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng; Ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng dân cư hoặc cá nhân cung cấp các hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư [56, tr.82].

*Năm là, vai trò huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới.* hệ thống chính trị cấp cơ sở có vai trò, trách nhiệm vận động huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới thể hiện phương châm và nguyên tắc xã hội hóa dựa trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm. Điều này được biểu hiện ở 4 nội dung như sau: 1) nhân dân làm chủ trong việc sáng tạo cách làm để thực hiện thành công các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; 2) xã hội hóa trong việc xây dựng nông thôn mới là nhân dân chủ động tự giác bỏ tiền, của và công sức lao động để làm, có sự hỗ trợ của Nhà nước mà chủ yếu là cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện tốt các tiêu chí theo quy định; 3) xã hội hóa đã tạo ra chất lượng hưởng lợi cho chính người dân tại địa phương; 4) xã hội hóa trong quá trình xây dựng nông thôn mới phải gắn liền với sự quản lý của Nhà nước.

Nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới trước hết là từ Ngân sách nhà nước các cấp, tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, phúc lợi xã hội công cộng... với vai trò “bệ đỡ” cho sự phát triển. Theo đó, “nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng chương trình chiếm tỷ trọng cao nhất (40%), thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước Lào trong phát triển nông thôn. Bên cạnh đó, nguồn vốn tín dụng được xác định với tỷ lệ 30% tổng vốn huy động cho chương trình thông qua kênh tín dụng đầu tư phát triển nhà nước và tín dụng thương mại” [103, tr.45]. Nguồn lực thứ hai là của các doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội hóa khác. Cụ thể hóa và bổ sung các chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp - nông thôn. Vận động người dân địa phương

làm ăn ở nơi xa hướng về quê hương, đầu tư về vùng nông thôn, giúp giải quyết việc làm, ổn định “đầu vào, đầu ra”, đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế... Nguồn lực thứ ba là từ trong nội lực của cộng đồng. Chính là nguồn vốn xã hội, sự tham gia của cộng đồng, khả năng tự tổ chức, khả năng ra quyết định tập thể, khả năng giám sát, tạo ra sự năng động thiết thực hiệu quả của xây dựng nông thôn mới.

*Các hình thức huy động của hệ thống chính trị cấp cơ sở* bao gồm: tiền mặt; hiện vật (như đất đai, hoa màu và các tài sản gắn liền với đất,...) ngày công lao động,... và các hình thức xã hội hoá khác. Cơ chế huy động khá linh hoạt đã tạo sự chủ động cho các địa phương trong huy động nguồn lực. Nhiều địa phương đã xây dựng các cơ chế huy động cụ thể như cơ chế “vốn môi” nhằm lôi cuốn, kích thích nguồn vốn huy động đóng góp từ các cá nhân, tổ chức kinh tế trên địa bàn. Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực tài chính từ nhân dân phải thực hiện từng bước, không nóng vội chạy theo thành tích để huy động cao trong thời gian ngắn, quá sức dân. Đồng thời, công khai, minh bạch trong sử dụng nguồn lực tài chính để tăng lòng tin của nhân dân. Hằng năm phải tiến hành sơ kết, đánh giá và có hình thức động viên khen thưởng cộng đồng các thôn/bản, cá nhân những người dân có thành tích trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

*Sáu là, vai trò kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới.* Vai trò kiểm tra, giám sát của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới bao gồm: 1) Xây dựng chương trình hoạt động công tác kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước các cấp về xây dựng nông thôn mới; 2) Phân công cấp ủy viên và các cơ quan tham mưu giúp việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; 3) Chỉ đạo ủy ban kiểm của cấp ủy hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ; 4) Quan tâm và tạo điều kiện để Ban giám sát cộng đồng hoạt động có hiệu quả; 5) Chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm tra với các lực lượng có liên quan để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; 6) Nghe báo cáo và chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; giải quyết kịp thời các kiến nghị của tổ chức đảng cấp dưới. Vai trò kiểm tra, giám sát của hệ thống chính

trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới là công việc thường xuyên và tất yếu. Bởi vì chỉ có dựa vào việc giám sát kiểm tra, có thể điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch đã vạch ra, điều chỉnh sự sắp xếp lực lượng hay sự phân phối giữa các bộ phận, và do vậy, nâng cao hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới. Có thể khẳng định, vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở thể hiện thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát quá trình xây dựng nông thôn mới là một nội dung quan trọng. Kiểm tra, giám sát là những chức năng, là phương thức, là khâu không tách rời vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Nhờ kiểm tra, giám sát mới phát hiện kịp thời và đúng đắn những bất cập, hạn chế, thậm chí là những vi phạm trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời khả thi nhằm thúc đẩy việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ngày càng hiệu quả và bền vững.

Thực hiện giám sát thông qua thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hoạt động Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng. Thực hiện giám sát thông qua văn bản, tài liệu, đơn thư khiếu nại tố cáo, phản ánh của các tổ chức cá nhân; tham gia giám sát do UBND huyện đề nghị. Trong khi đó, UBND huyện có nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi để các ban ngành, đoàn thể và cộng đồng tham gia giám sát quá trình thực hiện các chương trình; có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân liên quan đến xây dựng nông thôn mới; Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp huyện có vai trò tổ chức và tạo điều kiện cho nhân dân tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện [57, tr.82].

*Bây là, vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền.* Trong xây dựng nông thôn mới việc hệ thống chính trị cấp cơ sở thực hiện đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền là một vai trò quan trọng không thể thiếu được. Hiện nay các địa phương của nước Lào đang đẩy mạnh việc thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mỗi địa phương sẽ có những điều kiện thế mạnh, thuận lợi, khó khăn, nhu cầu và năng lực khác nhau trong việc triển

khai chương trình xây dựng nông thôn mới; tuy nhiên các tiêu chí, nguồn lực, phương pháp và cách thức triển khai xây dựng nông thôn mới về cơ bản là thống nhất và ít có sự khác biệt. Điều này đặt ra một yêu cầu khách quan và tất yếu là chương trình xây dựng nông thôn mới phải thường xuyên được bổ sung, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của thực tiễn của mỗi địa phương. Song ai sẽ là người đứng ra đề xuất, kiến nghị với các cơ quan và cấp có thẩm quyền những vấn đề bất cập cần phải bổ sung, điều chỉnh những vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới ở cơ sở. Theo các quy định hiện hành chính là Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

Hơn nữa trong quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới một yêu cầu đặt ra là cần phải phát huy trách nhiệm, năng lực của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong việc đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền trong việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, mục tiêu, phương pháp, kế hoạch và nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện tốt vai trò này hệ thống chính trị cấp cơ sở sẽ góp phần tổng kết những mô hình, kinh nghiệm quý báu trong xây dựng nông thôn mới; phát hiện những bất cập trong xây dựng nông thôn mới; chỉ ra những điểm phù hợp và phát hiện những vấn đề khiếm khuyết, không hợp lý trong thực hiện các chính sách liên quan đến xây dựng nông thôn mới trên từng địa bàn cụ thể. Từ đó đề xuất với các cơ quan và cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, bổ sung, hoàn chỉnh và tổ chức thực hiện chính sách, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

## 2.2. CÁC LÝ THUYẾT VẬN DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN

### 2.2.1. Lý thuyết phát triển cộng đồng

Về thuật ngữ *phát triển cộng đồng*, Liên Hợp Quốc cũng đã đưa ra một định nghĩa chung hết sức cô đúc, coi nó như là “*một quá trình nơi các thành viên cộng đồng cùng nhau thực hiện hành động tập thể và tạo ra giải pháp cho các vấn đề chung*” [6]. Lý thuyết phát triển cộng đồng xuất hiện vào những năm 40 của thế kỷ XX ở các nước thuộc địa của Anh và chỉ phổ biến ở Việt Nam vào những thập kỷ 60 - 70 của thế kỷ XX. Tuy nhiên trước đó vào

năm 1887, nhà xã hội học người Đức - F. Tonnies đã có những quan điểm liên quan đến vấn đề cộng đồng [60, tr.73].

Tonnies chia các loại hình xã hội thành hai dạng: Dạng xã hội thứ nhất gần như cộng đồng tính bao gồm các cộng đồng truyền thống tiền công nghiệp và thuộc các xã hội nông nghiệp; Dạng thứ hai có tính hiệp hội giống các cộng đồng thuộc xã hội công nghiệp và đô thị. Lý thuyết phát triển cộng đồng nhấn mạnh đến quá trình phát triển kinh tế cộng đồng cùng với tiến bộ văn hóa xã hội theo hướng hoàn thiện các giá trị chân thiện mỹ. Phát triển cộng đồng là một đặc trưng của phát triển xã hội, là tiến trình giải quyết vấn đề dựa trên phương pháp luận đi từ dưới lên, xuất phát từ nhu cầu của chính người dân, qua đó giúp người dân tăng cường sức mạnh về kiến thức, kỹ năng phát hiện các nhu cầu, vấn đề, ưu tiên hóa chúng, huy động các nguồn lực bên trong và ngoài cộng đồng để giải quyết chúng. Dòng lý thuyết này chủ trương phát triển cộng đồng là phát triển con người và vì con người, hướng đến sự công bằng, tính bền vững” [60, tr.74].

Về cơ bản, nền tảng của lý thuyết phát triển cộng đồng dựa trên ba nguyên lý: tính tương đối của phát triển cộng đồng; tính đa dạng của cộng đồng; tính bền vững của phát triển cộng đồng, với những mục tiêu cần hướng đến: “i) Cải thiện chất lượng sống cộng đồng, cân bằng cả vật chất và tinh thần, qua đó tạo sự chuyển biến trong cộng đồng. ii) Tạo sự bình đẳng trong việc tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng giữa các nhóm xã hội, chú ý nhiều đến các nhóm thiệt thòi, qua đó đẩy mạnh công bằng xã hội. iii) Cung cấp các thiết chế, tổ chức xã hội để tạo thuận lợi trong chuyển biến xã hội và sự tăng trưởng. iv) Thu hút sự tham gia tối đa của người dân vào tiến trình phát triển. v) Giúp cộng đồng từ tình trạng kém phát triển, không tự giải quyết được các vấn đề của họ, tiến tới tự lực, tự cường” [60, tr.74].

Lý thuyết phát triển cộng đồng thể hiện ở chủ trương phát huy vai trò chủ thể của người dân và cách vận động người dân tham gia trong mọi lĩnh vực xây dựng nông thôn mới: “*Dân biết, dân bàn, dân chọn, dân làm, dân*

*đóng góp, dân kiểm tra, dân thụ hưởng*” không chỉ trong xây dựng hệ thống hạ tầng thiết yếu, mà còn phát huy vai trò chủ thể của dân phát triển kinh tế hộ, hợp tác xã, trong quản lý xã hội, phát triển cộng đồng xây dựng đời sống nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phát triển các giá trị văn hóa mới, bảo vệ môi trường, tôn tạo cảnh quan nông thôn... Đồng thời cũng yêu cầu phải đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

Lý thuyết phát triển cộng đồng nhấn mạnh việc hướng về cơ sở thể hiện ở cách chọn địa bàn chính để triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới là cụm bản, bản, ấp, là các địa bàn cơ sở gần với dân nhất, đưa Chương trình cấp quốc gia thành các chương trình, dự án, phong trào của người dân ở các địa phương, triển khai với sự tham gia, kiểm tra giám sát của người dân, đảm bảo hiệu quả nhất. Đồng thời, văn hóa dân tộc trú ngụ chủ yếu là ở nông thôn, được lưu giữ, bảo tồn và phát huy mạnh nhất ở các bản. Ở đó, các mô hình tổ chức, mối quan hệ cộng đồng người dân là bền vững nhất, có điều kiện tốt nhất để mang tải, lưu truyền và phát triển các bản sắc dân tộc.

Vận dụng lý thuyết về phát triển cộng đồng, luận án tiếp cận đánh giá vai trò đội ngũ cán bộ ở hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay có tuân thủ những nguyên tắc chung nhất của phát triển cộng đồng trong đó có việc trao quyền, việc thực thi nguyên tắc về sự tham gia của nhân dân, hiệu quả kinh tế - xã hội của các chương trình, dự án trong xây dựng nông thôn mới trên địa phương. Lý thuyết về phát triển cộng đồng cũng định hướng quan trọng cho việc xây dựng các chỉ báo đo lường, đánh giá thực nghiệm trong toàn bộ đề tài nghiên cứu. Lý thuyết phát triển cộng đồng nhấn mạnh trong để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay cần phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, từ Trung ương đến cơ sở; cũng như sự tham gia tích cực chủ động, sáng tạo của cả hệ thống xã hội, các giai tầng xã hội ở khu vực nông thôn. Lý thuyết phát triển cộng đồng giúp hình thành và vận hành tốt hệ thống chủ

trương, đường lối, thể chế của Đảng, Nhà nước Lào trong xây dựng nông thôn mới gắn với ý nguyện, sự tham gia tích cực, chủ động, hài hòa trách nhiệm và quản lý giám sát của các tổ chức chính trị xã hội chính thức và phi chính thức; giữa phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở và sự tham gia của người dân.

### **2.2.2. Lý thuyết vai trò tổ chức**

Lý thuyết vai trò tổ chức được nhấn mạnh trong chuyên ngành Xã hội học về Tổ chức được khởi nguồn từ những nghiên cứu của K.Marx, Max Weber và E. Durkheim, khi nhìn nhận các loại hình tổ chức, trong đó có tổ chức chính quyền các cấp trong hệ thống chính trị, vừa là kết quả vừa đáp ứng mục tiêu phát triển xã hội. Những nhà xã hội học đầu tiên xem xét tổ chức như “hình thức biểu hiện hợp lý của trật tự xã hội” thông qua mục tiêu hoạt động của tổ chức và cấu trúc phân công lao động trong tổ chức [13, tr.155].

Tập trung vào nghiên cứu vai trò tổ chức Buschges, Lutke - Bornefeld cho rằng do sự phát triển của quy mô tổ chức sự đa dạng hóa các nhiệm vụ và phân hóa chức năng mà khuôn mẫu và yêu cầu về các hành động của tổ chức và cá nhân, còn được xem là vai trò lao động. Hai tác giả cho rằng việc định nghĩa và truyền đạt vai trò của tổ chức có ý nghĩa đặc biệt đối với hoạt động của tổ chức và sự tuân thủ của các thành viên tổ chức. Việc định nghĩa vai trò tổ chức biểu hiện qua nhiều tầng bậc và có tác động qua lại lẫn nhau:

“Định nghĩa về vai trò của tổ chức từ giác độ quản lý tổ chức và những đại diện hoặc đại lý cũng như toàn thể biên chế của tổ chức. Định nghĩa riêng về vai trò của tổ chức thông qua mỗi người với tư cách là cá nhân hành động theo những mục tiêu và lợi ích riêng. Định nghĩa về vai trò của tổ chức thông qua các đại lý, đại diện hay các cá nhân hành động của từng phạm vi môi trường của tổ chức (Các khách hàng, những người giao việc, công chúng, những người cung cấp, những người nhận hàng, những người đại diện tổ chức...) mà người giữ cương vị phải hòa nhập với họ thông qua những nhiệm vụ của mình” [13, tr.161-163].

Gunter Buschges (1996) cho rằng các quan điểm về phân loại là đặc biệt quan trọng quyết định các công cụ nhận thức về vai trò tổ chức. Ông cho rằng cần có những tiêu chuẩn phân loại tổ chức như: mục tiêu của tổ chức, thành quả hoạt động của tổ chức, chương trình của tổ chức; những tôn chỉ của tổ chức (Những quy tắc mà thành viên tổ chức phải tôn trọng...); các thành viên của tổ chức; công nghệ tổ chức; cấu trúc tổ chức; lãnh đạo tổ chức; người tài trợ tổ chức... [13, tr.106-107]. Từ cách phân loại tổ chức, Gunter Buschges phân tích sự khác biệt trong nghiên cứu vai trò tổ chức với cách tiếp cận hệ thống khi sử dụng vai trò nghiên cứu hành vi cá nhân. Theo Gunter Buschges, tổ chức xã hội là hệ thống các vai trò dựa trên sự phân chia thứ bậc của bộ máy quản lý tổ chức [13, tr.154].

Phân tích vai trò tổ chức theo hai chuẩn mực “thành văn” và “bất thành văn”, Gunter Buschges cho rằng vai trò tổ chức không chỉ dựa trên quan niệm của cấp quản lý mà còn của những người tham gia hoạt động trong và ngoài tổ chức. Theo Gunter Buschges, vai trò tổ chức có sự phân cấp, phân chia nhỏ theo các bộ phận trong tổ chức cho đến các cá nhân và không ngừng tương tác với nhau. Tính hai mặt luôn biểu hiện trong việc thực hiện vai trò tổ chức đó là chuẩn mực được xác định về vai trò và hành vi mâu thuẫn trong việc thực hiện các vai trò vì vậy trong các tổ chức cần có các thiết chế kiểm soát và điều chỉnh vai trò của tổ chức.

Từ phân tích vai trò tổ chức, Gunter Buschges cho rằng hành động của những người thuộc tổ chức được định danh qua các khía cạnh: Các chuẩn mực về vai trò sự mâu thuẫn và tính 2 mặt của vai trò tổ chức; Tính chất từng phần của vai trò, các vai trò bộ phận liên kết, tương hợp với nhau; Sự định nghĩa hiện thời của vai trò tổ chức; Sự sẵn sàng của cá nhân đang hành động tuân theo chuẩn mực về vai trò trong khi hành động và sự xác định tính đặc thù đối với vai trò tổ chức; Các thành tích của tổ chức phục vụ cho cá nhân hành động thực hiện vai trò; Các mục tiêu phấn đấu của cá nhân đang hành động thực hiện vai trò; Các phương tiện và khả năng hành động của cá nhân thực hiện vai trò.



Như vậy, với vai trò là một bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị của Đảng, Nhà nước Lào, có một địa vị xã hội tương xứng trong hệ thống cơ cấu xã hội, chúng ta thấy rằng hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay ra đời để thực hiện những vai trò nhất định mà xã hội mong đợi như thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước Lào về xây dựng nông thôn mới. Khi hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay đáp ứng được những mong đợi mà xã hội kỳ vọng thì nó sẽ khẳng định được vị thế của nó, góp phần đảm bảo sự ổn định của hệ thống xã hội ấy. Ngược lại, khi hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay không đáp ứng được những mong đợi mà xã hội kỳ vọng thì nó sẽ dẫn đến xung đột về vai trò và đương nhiên sẽ gây ra những trở ngại đến quá trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Vận dụng lý thuyết vai trò, luận án xác định vị thế hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay từ sự tổng hợp các quan điểm của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước Lào, xác định nghiên cứu 7 nhóm vai trò lớn của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay trong xây dựng nông thôn mới là: vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật xây dựng nông thôn mới; vai trò lập kế hoạch, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới; vai trò tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới; vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới; vai trò huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới; vai trò kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền.

Vận dụng lý thuyết vai trò tổ chức, luận án tập trung phân tích làm rõ những vấn đề sau đây:

*Một là*, nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới là nghiên cứu cấp độ thấp nhất, cấp cơ sở của hệ thống chính trị trong mối quan hệ với vai trò, chức năng thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới tức là nghiên cứu đặc điểm về chức năng, khả năng của từng cơ quan thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở. Điều đó có

nghĩa là tập trung khảo sát, phân tích, đánh giá và giải quyết mối quan hệ nhân quả giữa xây dựng hệ thống chính trị và xây dựng nông thôn mới.

*Hai là*, nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới là làm rõ mối quan hệ giữa hệ thống chính trị với vai trò, chức năng, cách thức, phương pháp, nội dung thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Điều đó có nghĩa là tập trung khảo sát, phân tích, đánh giá và giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở và xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới mấu chốt là phải tìm ra được chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Bởi vì, hệ thống chính trị cấp cơ sở là địa chỉ cuối cùng và quyết định mọi chủ trương chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, hệ thống chính trị cấp cơ sở là cấp hành động, đưa đường lối nghị quyết, chính sách pháp luật về xây dựng nông thôn mới vào thực tiễn cuộc sống.

*Ba là*, nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở một khía cạnh nhất định là nghiên cứu góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn. Đồng thời, thông qua đó thấy được tính phức tạp, đặc thù và sinh động của xã hội nông thôn tỉnh Bolikhamxay hiện nay; cũng như những tình huống trong phát triển liên quan trực tiếp đến hệ thống chính trị cấp cơ sở và xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới được tập trung vào việc khảo sát, điều tra, đánh giá các vai trò của từng thành viên thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới.

*Bốn là*, nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới là nghiên cứu những tình huống liên quan trực tiếp đến hệ thống chính trị cấp huyện và xây dựng nông thôn mới. Không những vậy, nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới cần tập trung làm rõ mối quan hệ của các yếu tố: quyền lực chính trị và tự quản tham gia của cộng đồng. Do vậy, vai trò hệ thống chính trị cấp cơ sở

trong xây dựng nông thôn mới luôn chịu sự chi phối của yếu tố địa phương, dòng họ, thôn làng.

*Năm là*, nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới dựa trên sự tiếp cận liên ngành: chính trị học, xã hội học nông thôn để khảo sát, phân tích đánh giá các vai trò cụ thể, cách thức thể hiện vai trò, mức độ thực hiện thành công các vai trò của từng thành viên thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở. “Trong quá trình tổ chức cuộc vận động xã hội về xây dựng nông thôn mới, phải nhận thức được vị thế chủ thể của người nông dân (bao gồm cả vị thế chính trị, kinh tế)”. Vì vậy, trong xây dựng nông thôn mới cần có cách tổ chức, vận động phù hợp với điều kiện, nhu cầu và năng lực của từng cộng đồng dân cư.

*Sáu là*, nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới tức là nghiên cứu về khả năng, mức độ thành công của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong việc xác định những vấn đề cơ bản, trọng tâm, cấp bách cần giải quyết trước, tạo điều kiện mở đường thực hiện các tiêu chí khác như một phản ứng dây chuyền trong quá trình lãnh đạo của cấp ủy, quản lý điều hành của chính quyền đối với quần chúng. Đồng thời, đo lường mức độ ảnh hưởng của yếu tố dân chủ, biết lắng nghe ý kiến của nhân dân của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong quá trình vận động, thuyết phục xây dựng nông thôn mới.

*Bảy là*, “xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng của cả hệ thống chính trị và tất cả các tầng lớp nhân dân. Nông thôn mới không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội, mà là vấn đề kinh tế - chính trị tổng hợp. Xây dựng nông thôn mới là giúp cho nông dân có niềm tin, trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, dân chủ, văn minh”.

## **2.3. QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO VỀ NÔNG THÔN VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

### **2.3.1. Quan điểm của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào về nông thôn**

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Lào có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn

định chính trị - xã hội bảo đảm an ninh quốc phòng; giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

Nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng Cay Xôn Phon Vi Hản về giai cấp nông dân, xuất phát từ tình hình đặc điểm xã hội Lào và yêu cầu của cách mạng Lào trong từng thời kỳ cách mạng Đảng nhân dân cách mạng Lào đã nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của giai cấp nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có một vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển đất nước. Nông nghiệp nông dân, nông thôn có mối quan hệ hữu cơ cần phải có sự nhận thức đúng đắn để đề ra đường lối chính sách đúng đắn nhằm phát triển toàn diện nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Lào. Thực tế cho thấy, không phải ngay từ đầu Đảng, Nhà nước Lào đã nhận thức được một cách thấu đáo mà phải trải qua quá trình trải nghiệm thực tiễn, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để phát triển. Thực tiễn khách quan này đòi hỏi Đảng nhân dân cách mạng Lào phải đổi mới tư duy lý luận, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Từ Đại hội V (1991), Đảng nhân dân Cách mạng Lào đã xác định: lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đặc biệt phải vượt qua cửa ải lương thực. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1996), Đảng nhân dân Cách mạng Lào chủ trương đổi mới toàn diện về kinh tế. Đây là cuộc cách mạng thật sự trong nhận thức, trong tư duy lý luận của Đảng nhân dân Cách mạng Lào về kinh tế. Nổi bật nhất của tư duy mới về cơ cấu kinh tế lúc bấy giờ là phải đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, cho phép và khuyến khích kinh tế tư nhân, cá thể phát triển, chú ý kích thích kinh tế tư nhân, cá thể phát triển, chú ý kích thích lợi ích cá nhân làm động lực cho phát triển kinh tế, điều chỉnh việc xây dựng cơ cấu kinh tế ngành. Đại hội VII đã xác định nền kinh tế quốc dân sẽ bao gồm nhiều ngành nghề, nhiều quy mô, nhiều trình độ công nghệ; phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghệ chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình

phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội lần thứ VIII của Đảng nhân dân Cách mạng Lào đã khẳng định việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát huy vai trò quan trọng của nông dân trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

Tiến trình đổi mới ở Lào được bắt đầu từ đột phá nông nghiệp với chính sách cơ chế khoán, từ khoán sản phẩm trong nông nghiệp, lợi ích cá nhân của người nông dân được coi trọng và kinh tế hộ gia đình nông dân được xác định là đơn vị kinh tế cơ bản ở nông thôn. Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường để khơi dậy được tiềm năng sáng tạo ở nông thôn, giải phóng mọi năng lực sản xuất, tạo động lực thực sự cho nông dân bằng việc giải quyết hợp lý các quan hệ lợi ích trong nông nghiệp và nông thôn. Trước yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, thực trạng kinh tế - xã hội nông thôn đang đặt ra nhiều vấn đề bức xúc như: thiếu việc làm, thu nhập thấp, tỷ lệ đói nghèo còn cao, chênh lệch mức sống ngày càng tăng... hiện đang là những thách thức, cản trở cho sự phát triển nhất là trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, vấn đề nông nghiệp nông dân, nông thôn là vấn đề chiến lược cần được đặc biệt quan tâm như Cương lĩnh của Đảng nhân dân Cách mạng Lào đã nêu: “Phát triển nông-lâm-ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội” [97, tr.138].

Hội nghị lần thứ 4 khoá VII của Đảng nhân dân Cách mạng Lào đã xác định: nông nghiệp, nông thôn, nông dân có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và là lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Đảng nhân dân cách mạng Lào khẳng định, trong mối quan hệ của nông nghiệp, nông dân, nông thôn thì nông dân là chủ thể của quá trình phát triển công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Xây dựng nông thôn mới gắn với việc xây dựng các

cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản, phát triển toàn diện, hiện đại hoá nông nghiệp là then chốt.

Đảng nhân dân Cách mạng Lào nhấn mạnh sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết sau:

- Nông nghiệp và kinh tế nông thôn là bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Nông nghiệp đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho công nghiệp và xuất khẩu, tạo việc làm và thu nhập, ổn định đời sống cho đa số nhân dân. Nông thôn là môi trường sống, nơi bảo tồn và phát triển các giá trị truyền thống văn hoá dân tộc.

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Qua các thời kỳ cách mạng, giai cấp nông dân luôn là lực lượng hùng hậu nhất đi theo Đảng, là nền tảng chính trị của cách mạng, đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn, xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân là nhiệm vụ chiến lược, là cơ sở góp phần đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, phát triển đất nước hài hoà và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế có nhiều cơ hội cũng như những thách thức mới. Đảng cần phải xem xét đánh giá đúng tình hình và có những quyết sách mạnh mẽ giải quyết kịp thời những vấn đề đang đặt ra.

Để thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội VII của Đảng nhân dân Cách mạng Lào, sớm đưa Lào ra khỏi tình trạng kém phát triển cần thực hiện chiến lược công nghiệp hoá rút ngắn để chuyển từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030.

### **2.3.2. Quan điểm của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào về xây dựng nông thôn mới**

Các Văn kiện Đại hội lần thứ IV, V, VI của Đảng nhân dân Cách mạng Lào và nhiều Chỉ thị, Nghị quyết Hội nghị Trung ương trong các nhiệm kỳ

nói trên của Đảng nhân dân Cách mạng Lào đều thể hiện một chiến lược nhất quán đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; từng bước xác định ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Đến Đại hội VII của Đảng nhân dân Cách mạng Lào đã nhấn mạnh: “hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững” [98, tr.49]. Từ đó, Đảng nhân dân Cách mạng Lào xác định: “Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm xây dựng các cụm bản, làng, ấp, bản có cuộc sống no ấm, văn minh, sạch đẹp, gắn với việc hình thành các khu dân cư đô thị hóa” [98, tr.136] là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của những năm tới.

Trong giai đoạn hiện nay tại HNTU 4 Khóa VIII (tháng 5 - 2008) đã ban hành Nghị quyết số 21 NQ/TW “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” được xem là khởi đầu cho chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Theo đó, Nghị quyết đã khẳng định “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước”. “Chính vì vậy các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”. Những quan điểm này là sự kế thừa và phát huy những bài học kinh nghiệm lịch sử về phát huy sức mạnh toàn dân, huy động mọi nguồn lực để tạo ra sức mạnh tổng hợp xây dựng nông thôn mới.

Dựa trên Nghị quyết 21, Chính phủ Lào đã ra Nghị quyết 13/2005/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2005 về “Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện HNTU 4 Khóa VII “về nông nghiệp, nông dân, nông

thôn”. Nghị quyết 13 đã chính thức cụ thể hoá đường lối phát triển của Đảng thành chương trình hành động, hay nói cách khác, chuyển từ lý thuyết thành thực hiện trên phạm vi cả nước Lào. Nghị quyết 13 đã cụ thể hóa Nghị quyết 21 vào 5 mục tiêu Chương trình hành động của Chính phủ, bao gồm: xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn; tập trung đào tạo nguồn nhân lực ở nông thôn; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn; hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn; và nâng cao năng lực phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

Đến Đại hội VIII của Đảng nhân dân Cách mạng Lào tiếp tục chủ trương xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân. Nhằm khắc phục những hạn chế và bất cập trong phát triển nông thôn mới nước Lào hiện nay, Đảng nhân dân Cách mạng Lào xác định: “Xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp, đi đôi với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân” [100, tr.101]. Khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, Đảng nhân dân cách mạng Lào nhấn mạnh: “đảm bảo sự phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của nông thôn Lào; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động. Mặt khác, xây dựng nông thôn mới văn minh, giàu đẹp phải gắn với việc không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân. Trong giai đoạn hiện nay cần tập trung triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nghề lao động nông thôn mỗi năm; thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, chương trình nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí hợp lý dân cư, bảo đảm an toàn ở những vùng ngập lũ, sạt lở núi, ven sông” [100, tr.102].

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng nhân dân Cách mạng Lào chỉ rõ nhiệm vụ và giải pháp cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 là “tập trung thực hiện đồng bộ,



hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của nông dân” [101, tr.122]. Theo đó, cần “tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới. Phần đầu đến năm 2020 khoảng 20-35 % số cụm bản đạt chuẩn nông thôn mới” [101, tr.168]. Đồng thời “rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù từng vùng. Quy hoạch lại các điểm dân cư phân tán tại địa bàn miền núi, đồng bào dân tộc. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn lực ngoài nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế-xã hội. Có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tại địa bàn nông thôn” [101, tr.168].

Tại Đại hội X của Đảng nhân dân Cách mạng Lào bên cạnh việc đánh giá tổng quát những kết quả đạt được, Đảng nhân dân Cách mạng Lào cũng xác định xây dựng nông thôn mới còn có các hạn chế, cụ thể: “cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn chậm và kết quả đạt được chưa đồng bộ, chưa đạt mục tiêu đề ra; nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu; hợp tác liên kết trong sản xuất nông nghiệp phát triển còn chậm, kinh tế tập thể hoạt động còn lúng túng. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, thiếu bền vững, hiệu quả chưa cao, chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và thu nhập của người dân còn thấp” [102, tr.52].

Xuất phát từ những hạn chế đó, trong Báo cáo chính trị Đại hội XI của Đảng nhân dân Cách mạng Lào khẳng định “Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững” [103, tr.67]. Có thể thấy nội dung xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững là sự phát triển cả về mặt lý luận và thực tiễn hơn so với chủ trương “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới” [103, tr.67] tại Đại hội XI của

Đảng nhân dân cách mạng Lào. Để thực hiện được mục tiêu này, đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập như trong Văn kiện Đại hội XI chỉ rõ và từ thực tiễn tình hình Đảng nhân dân cách mạng Lào yêu cầu: “Thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản, cụm bản” [103, tr.113]. Muốn vậy Đảng nhân dân Cách mạng Lào yêu cầu, cần “tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, kết nối chặt chẽ xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa. Thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn để xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị; tập trung xử lý ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải” [103, tr.113].

### **Kết luận chương 2**

*Thứ nhất*, làm rõ và đưa ra các khái niệm công cụ nghiên cứu của đề tài: khái niệm vai trò xã hội, khái niệm hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn, khái niệm nông thôn, khái niệm xây dựng nông thôn mới. Khẳng định về tính tất yếu xây dựng nông thôn mới ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, từ đó đưa ra nhận diện đầy đủ vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới dựa trên các khía cạnh cụ thể: i) Vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật xây dựng nông thôn mới; ii) Vai trò lập kế hoạch chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới; iii) Vai trò tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới; iv) Vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới; v) Vai trò huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới; vi) Vai trò kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; vii) Vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền.

*Thứ hai*, tiến hành phân tích nội dung các lý thuyết phát triển cộng đồng, lý thuyết vai trò, lý thuyết cấu trúc chức năng và khả năng vận dụng của các lý thuyết trong nghiên cứu đánh giá đề tài, đây là cơ sở quan trọng để tác giả xây dựng các câu hỏi trong việc đánh giá phân thực trạng ở chương 3.

*Thứ ba*, trình bày quan điểm, đường lối của Đảng nhân dân Cách mạng Lào về nông thôn và xây dựng nông thôn mới; các yếu tố tác động đến vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới, bao gồm: i) Đường lối,

chính sách và pháp luật liên quan đến hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới; ii) Đặc điểm, điều kiện kinh tế-xã hội của mỗi địa phương; iii) Trình độ học vấn, chuyên môn, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở; iv) Dân chủ cơ sở và vai trò chủ thể của người nông dân trong xây dựng nông thôn mới; v) Khoa học và công nghệ trong xây dựng nông thôn mới ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.



lao động chính và thanh niên [106, tr.79]. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3,7% năm 2016 xuống còn 1,8% năm 2018. Kế hoạch đến năm 2020 là dưới 2%, các chỉ tiêu này cho thấy tỉnh Bolikhamxay đã đạt được mục tiêu đề ra (mục tiêu phát triển bền vững dưới 10%); Giảm suy dinh dưỡng: trẻ thấp còi giảm từ 24% năm 2016 xuống còn 21% năm 2019 và dự kiến đạt 20% năm 2020 (mục tiêu phát triển SDGs là 32%), trẻ nhẹ cân giảm từ 20% năm 2016 xuống còn 16% năm 2019 và dự kiến sẽ năm 2020 đạt 15% [108, tr.79].

\* *Về điều kiện kinh tế:* Trong giai đoạn 2016 - 2020 tốc độ tăng trưởng của tỉnh liên tục ổn định đạt bình quân 7,8%/năm trở lên. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 của tỉnh đạt 6.682 tỷ Kíp, bình quân đầu người 2.730 đô la Mỹ, tương đương 21.979.000 Kíp. Thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người khoảng 2.320 đô la Mỹ. Cơ cấu kinh tế đang diễn ra theo xu hướng giảm dần sự đóng góp của nông nghiệp, cụ thể: Khu vực nông nghiệp tăng trưởng 3,5%/năm, chiếm 36% GDP, tương đương 2.405,52 tỷ Kíp; Khu vực công nghiệp tăng trưởng 10%/năm, chiếm 34% GDP, tương đương 2.271,88 tỷ kip; Khu vực dịch vụ tăng 8,8%/ năm, chiếm 30% GDP, tương đương 2.004,6 tỷ kip [108] (xem thêm ở bảng 3.1).

**Bảng 3.1: Cơ cấu GDP 5 năm giai đoạn IV (2016 - 2020) của tỉnh Bolikhamxay**

	2016 - 2020	2016	2017	2018	2019	2020
Nông - lâm nghiệp (%)	36.00	30,54	29,19	25,05	24,87	24,0
Công nghiệp (%)	34.00	39,69	41,71	44,36	45,61	46,0
Dịch vụ (%)	30.00	29,77	29,10	30,59	29,52	30,0
<b>Tổng (GDP)</b>	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

*Nguồn: Trung tâm Thống kê tỉnh Bolikhamxay [104].*

Đánh giá chung về sự phát triển kinh tế của tỉnh liên tục tăng trưởng và ổn định, cơ cấu kinh tế tổng thể phát triển cân đối. Do tăng trưởng kinh tế chung giảm nhưng điều kiện sống của người dân được cải thiện; Khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, nhất là kinh tế hộ gia đình có thể đảm bảo sinh kế tốt, điều này cho thấy có du lịch trong và ngoài nước, trang thiết bị gia đình đầy đủ và tốt hơn; Chăn nuôi tự cung tự cấp; Hầu hết người dân được tiếp cận với hệ thống y tế công cộng; Có cơ sở chế biến, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp phục vụ

trong nước và xuất khẩu; Công nghiệp và dịch vụ không phát triển về số lượng nhưng có thể tự cải thiện để có thể cạnh tranh về nhiều mặt.

Cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội ở thành thị và nông thôn được phát triển như các đô thị, các làng và cụm bản lớn của tỉnh đều có đường vào đến từng thôn, bản, sử dụng được quanh năm. ngày, có hệ thống điện thoại cố định và tín hiệu điện thoại di động chiếm 96%, 12 thôn bản không có tín hiệu điện thoại chiếm 4%; Cơ sở thương mại, dịch vụ và du lịch phát triển về số lượng và chất lượng, chất lượng giáo dục thanh niên được cải thiện, công tác xóa mù chữ và ngoại học được quan tâm, mạng lưới y tế ngày một hoàn thiện.

Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh đã quan tâm sâu sát cơ sở, giúp huyện xây dựng thôn, bản, tổ dân gắn với phát triển nông thôn toàn diện và xóa nghèo, số thôn, bản, gia đình nghèo giảm còn 1,8%; Điển hình nhất là đã thực hiện nhiệm vụ xây dựng tỉnh là đơn vị chiến lược, xây dựng huyện là đơn vị vững mạnh toàn diện và xây dựng thôn là đơn vị phát triển và có khả năng quản lý tốt các công việc hành chính.

*\* Về điều kiện văn hoá - xã hội:*

Lĩnh vực giáo dục đào tạo đã quan tâm đến việc xây dựng các chiến lược giáo dục như: phát triển giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề và đổi mới giáo dục phổ thông, đẩy mạnh nâng cao chất lượng giáo dục, giải quyết tình trạng thừa giáo viên, dạy chưa đạt chuẩn, tiếp tục thực hiện các chế độ chính sách đối với giáo viên theo quy định và theo năng lực thực tế của tỉnh.

Lĩnh vực dịch vụ y tế phổ cập và chất lượng. Mạng lưới dịch vụ y tế công phát triển rộng khắp, mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ có chất lượng, cơ sở hạ tầng được cải thiện, sửa chữa, xây mới và nâng cấp; Trong 5 năm qua, việc xây dựng các tòa nhà cấp cứu cho các bệnh viện tỉnh, bệnh viện cộng đồng ở Huyện Pak Kading, Huyện Borikan, Huyện Viengthong, Huyện XayChamphon và 10 bệnh viện nhỏ như: (Bệnh viện Little Nakun, Bệnh viện Chom Thong, Bệnh viện Trang Sann, Bệnh viện Hong Xay, Bệnh viện Pak Kading, Bệnh viện Na Kham, Bệnh viện Sam Teriya, Bệnh viện Nong Kok, Bệnh viện Phủ Khăm và Bệnh viện Phu Hom

Xai); Các nhóm làng và làng lớn có bệnh viện nhỏ, trung tâm dịch vụ tư nhân, ngoài giờ, hiệu thuốc và bộ dụng cụ thuốc tại nhà.

Trong lĩnh vực lao động và phúc lợi xã hội chủ động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho thanh niên tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và người có hoàn cảnh khó khăn thuộc 7 lĩnh vực chuyên môn, với tổng số 8.417 người, nữ là 3.422 người, bình quân 1.683 người. so với kế hoạch 5 năm (kế hoạch 5 năm là 7.000 người), thực hiện được 120% kế hoạch, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trong và ngoài nước là 11.220 người, nữ là 3.870 người, so với bình quân chung của cả giai đoạn vượt 160% (kế hoạch 5 năm 7000 người).

Về văn hóa: 45.973 gia đình đạt gia đình văn hóa, bằng 85,05% số gia đình toàn tỉnh, vượt 0,05% kế hoạch, 38 làng văn hóa được xây dựng so với kế hoạch năm (72 làng).

### **3.1.2. Đặc điểm hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào**

Tỉnh Bolikamxay bao gồm 7 huyện, 35 cụm bản, 284 bản. Toàn tỉnh có 7.227 cán bộ công chức, 3.456 nữ, trong đó: cấp huyện là 5.298, nữ là 2.570 và toàn tỉnh có 906 đảng ủy và 813 tổ đảng, có 13.828 đảng viên, nữ 3.447 người, có đảng viên dự bị 774 người, nữ 260 người.

Về đặc điểm tổ chức, biên chế bộ máy: bao gồm đảng ủy cụm bản, đảng ủy bản, ủy ban nhân dân cụm bản và bản, hội cựu chiến binh, hội liên hiệp phụ nữ, đoàn thanh niên của các cụm bản và bản các bộ phận đã nêu là dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền và bí thư các tổ chức đoàn thể của mà trực tiếp là sự lãnh đạo chỉ đạo của đảng ủy cụm bản, ủy ban nhân dân cụm bản.

Về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở: chất lượng độ ngũ cán bộ cấp cụm bản và bản ở tỉnh Bolikhamxay đang có xu hướng gia tăng, cải thiện về chất lượng. Theo đó, tổng số cán bộ cấp cơ sở là 839 người, trong đó nữ là 160 người, về trình độ học vấn của độ ngũ cán bộ cấp cơ sở đã tốt nghiệp tiểu học 167 người, nữ 58 người, tốt nghiệp trung học cơ sở 466 người, nữ 63 người,

tốt nghiệp phổ thông 206 người, nữ 40 người. Về cơ cấu đội ngũ cán bộ cấp cơ sở của tỉnh Bolikhamxay có sự phân chia khá đồng đều với cơ cấu tổ chức và bộ máy cấp cơ sở. Cụ thể cán bộ khối đảng chiếm 28%, khối chính quyền chiếm 32% và khối các đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội chiếm 40%.

Về chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của hệ thống chính trị cấp cơ sở: trong những năm gần đây cùng với sự gia tăng về chất lượng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở, do đó chất lượng hoàn thành của bộ máy chính quyền cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay cũng có sự gia tăng về kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tổng số bộ máy cấp cơ sở. Cụ thể, theo báo cáo tổng kết giai đoạn 2016 - 2021 toàn tỉnh Bolikhamxay có 28/35 chiếm 80,0% bộ máy cấp cụm bản được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ mà cấp trên giao phó và tương ứng có 85,0% cán bộ cấp cơ sở ở cụm bản và bản được đánh giá, xếp loại cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

### **3.1.3. Kết quả xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2016 - 2020**

#### ***3.1.3.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình***

- Tính đến 29/02/2020, toàn tỉnh có 27 cụm bản được công nhận đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới (tăng thêm 15 cụm bản so với thời điểm cuối năm 2015); Số tiêu chí đạt bình quân toàn tỉnh là 16,9 tiêu chí/cụm bản (tăng thêm 11,2 tiêu chí so với thời điểm năm 2010 và tăng thêm 5,2 tiêu chí so với thời điểm cuối năm 2015); không có cụm bản đạt dưới 05 tiêu chí; không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình xây dựng nông thôn mới; kết quả đạt được của các cụm bản đã được công nhận nông thôn mới đảm bảo đúng thực chất (không có tình trạng cho nợ tiêu chí khi thẩm định, công nhận cụm bản đạt chuẩn nông thôn mới).

- Kết quả thực hiện các tiêu chí phân theo nhóm như sau:

- + Nhóm 1 (đạt 19/19 tiêu chí): 27/35 cụm bản, chiếm 77,14%. Số cụm bản đạt 19/19 tiêu chí tăng thêm 15 cụm bản so với thời điểm cuối năm 2015.
- + Nhóm 2 (đạt từ 15 đến 18 tiêu chí): 02 cụm bản, chiếm 5,71%.
- + Nhóm 3 (đạt từ 10 đến 14 tiêu chí): 3 cụm bản, chiếm 8,57%.



+ Nhóm 4 (đạt từ 5 đến 10 tiêu chí): 03 cụm bản, chiếm 8,57%. Với kết quả này, tỉnh Bolikhamxay đã hoàn thành chỉ tiêu nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra đến năm 2020 (có 50% số cụm bản đạt chuẩn) và vượt chỉ tiêu của Trung ương giao tại Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 (chỉ tiêu giao đến năm 2020 tỉnh Bolikhamxay phải đạt 30 cụm bản).

### ***3.1.3.2. Kết quả đạt được theo từng tiêu chí cụ thể (theo nhóm tiêu chí)***

#### ***a) Quy hoạch***

Hiện nay, tỉnh Bolikhamxay đã hoàn thành công tác lập quy hoạch xây dựng cụm bản nông thôn mới tại 35 cụm bản, đạt 100% số cụm bản trên địa bàn tỉnh; tất cả các cụm bản đều đã có quy chế quản lý quy hoạch theo quy định. Song song đó, hiện có 02 huyện (Paksan và ThaPhabat) đang thực hiện lập quy hoạch vùng huyện để phân đầu đạt tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ- TT của Thủ tướng Chính phủ (dự kiến sẽ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong tháng 3/2020). Số cụm bản đạt tiêu chí quy hoạch đến nay vẫn duy trì ở mức 35/35 cụm bản (tất cả các cụm bản đều đạt tại thời điểm cuối năm 2015).

#### ***b) Về hạ tầng kinh tế xã hội***

Tiêu chí giao thông: toàn tỉnh đã thực hiện đầu tư mới 1.085,7 km; nâng cấp 850,6 km; bảo trì 479,4km đường giao thông nông thôn và đầu tư mới 388 cầu giao thông nông thôn. Cụ thể: (1) Đối với đường huyện: đầu tư mới 145,334km; nâng cấp 313,44km; bảo trì 405,87km và xây dựng mới 133 cầu; (2) Đối với đường trục cụm bản: đầu tư mới 364km; nâng cấp 99,82km; bảo trì 9,73km và xây dựng mới 152 cầu; (3) Đối với đường trục bản: đầu tư mới 576,36km; nâng cấp 437,34km; bảo trì 63,8 km và xây dựng mới 103 cầu. Đến nay toàn tỉnh có 23/35 cụm bản đạt tiêu chí giao thông (đạt 70,62% số cụm bản trên địa bàn tỉnh), dự kiến đến cuối năm 2020 có ít nhất 29/35 cụm bản đạt tiêu chí giao thông.

- Tiêu chí thủy lợi: đã thực hiện thi công nạo vét thủy lợi nội đồng được: 1.588 công trình, chiều dài 2.677 km, khối lượng 9,344 triệu m<sup>3</sup>, kinh phí 356.311 triệu kíp. Hiện nay, hệ thống công trình thủy lợi toàn tỉnh đã cơ bản đảm bảo phục vụ tưới tiêu cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Các công trình thủy lợi đã góp phần ổn định hoạt động sản xuất, giảm được chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân. Đến nay đã có 35/35 cụm bản đạt tiêu chí thủy lợi (đạt 100%, tăng thêm 6 cụm bản so với năm 2015); Từ nay đến hết năm 2025 tiếp tục thực hiện công tác thi công, nạo vét thủy lợi nội đồng theo kế hoạch; đảm bảo tất cả các cụm bản đều duy trì và đạt tiêu chí thủy lợi trong năm 2025.

- Tiêu chí điện: hệ thống lưới điện nông thôn trên địa bàn tỉnh được nâng cấp và mở rộng để các cụm bản thực hiện lộ trình đạt chuẩn theo kế hoạch. Theo đó, từ năm 2016 đến nay ngành điện đã thực hiện đầu tư 442,529km đường dây trung áp; 2.035,775km đường dây hạ áp; 1.287 máy biến áp với tổng dung lượng 54.745kVA. Tỷ lệ hộ dân có điện kế chính đến nay đạt gần 100% số hộ dân trên địa bàn; có 27/35 cụm bản đạt tiêu chí số 4 về điện (tăng 15 cụm bản so với cuối năm 2015); Dự kiến đến cuối năm 2022 có 30/35 cụm bản đạt tiêu chí điện.

- Tiêu chí trường học: từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh đã xây mới 2.014 phòng học, phòng học bộ môn, phòng hành chính quản trị (trong đó: Mầm non: 604 phòng, Tiểu học: 1167 phòng, Trung học cơ sở: 157 phòng và Trung học phổ thông: 86 phòng); sửa chữa 313 phòng học, phòng hành chính quản trị; xây mới 131 nhà vệ sinh. Đã đóng mới 6.888 bộ bàn ghế học sinh Mầm non, 13.248 bộ bàn ghế học sinh Tiểu học, 11.904 bộ bàn ghế học sinh Trung học; đóng mới 1.708 bộ bàn ghế giáo viên và 1.139 bảng lớp.

Đến nay toàn tỉnh có 38% số trường mẫu giáo, mầm non đạt chuẩn quốc gia (tăng thêm 24,1% so với năm 2015); có 70% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (tăng thêm 37.5% so với năm 2015); có 38% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia (tăng thêm 34% so với năm 2015). Số cụm bản đạt

tiêu chí trường học là 26 cụm bản (chiếm 76,2%, tăng thêm 14 cụm bản so với năm 2015). Phân đầu đến cuối năm 2025 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở bậc mầm non là 50%, bậc tiểu học 75%, trung học cơ sở 50% và trung học phổ thông là 50%.

- Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa: toàn tỉnh hiện có 27 Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp cụm bản được xây dựng, trang thiết bị tương đối đầy đủ với một số mô hình hoạt động có hiệu quả như Câu lạc bộ âm nhạc, câu lạc bộ Dưỡng sinh, câu lạc bộ Võ thuật,... thu hút khoảng 80.000 lượt người dân năm đến sinh hoạt, giao lưu, góp phần từng bước nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân và đều đạt chuẩn theo quy định; có 284 Nhà văn hóa Bản trong đó có 132 đạt chuẩn theo quy định. Đến nay toàn tỉnh có 27/35 cụm bản được công nhận đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa, tăng thêm 15 cụm bản so với thời điểm cuối năm 2015.

- Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đã thực hiện đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp, sửa chữa 118 chợ nông thôn; số cụm bản đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đến nay là 33/35 cụm bản (chiếm 94,4%, tăng thêm 17 cụm bản so với năm 2015).

- Tiêu chí thông tin và truyền thông: hiện nay hầu hết các cụm bản trên địa bàn tỉnh đều có điểm phục vụ bưu chính cơ bản đáp ứng được các tiêu chuẩn về điểm phục vụ bưu chính theo quy định; tất cả các cụm bản đều có dịch vụ viễn thông, Internet đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ viễn thông, Internet của người dân; hệ thống mạng truyền dẫn cáp quang, mạng viễn thông nông thôn đã phát triển đến hầu hết các cụm bản, hầu hết các thuê bao Internet đều là thuê bao băng rộng; tất cả các cụm bản đều có hệ thống truyền thanh cơ sở đến cho nhân dân, hệ thống cụm loa của các đài truyền thanh cơ sở đã phủ sóng trên 70% số bản; các cụm bản trên địa bàn tỉnh đều có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các điều kiện trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của địa phương; đến nay, toàn tỉnh có 29/35 cụm bản đạt tiêu chí thông tin và truyền.

- Tiêu chí nhà ở. Nhằm góp phần nâng cao chất lượng nhà ở đạt chuẩn trên địa bàn tỉnh, từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn tỉnh cũng đã triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ các đối tượng khó khăn về nhà ở theo Quyết

định số 26/2015/QĐ-TT ngày 10/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ cho 1.572 hộ nghèo để xây dựng, sửa chữa nhà ở đảm bảo không còn nhà tạm; hỗ trợ người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TT ngày 26/4 2013 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án hỗ trợ nhà ở cho người có công cách mạng theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 18/9/2013). Hiện nay, số cụm bản đạt tiêu chí và nhà ở dân cư là 31/35 cụm bản, tỷ lệ 92,06% (tăng thêm 16 cụm bản so với thời điểm cuối năm 2015).

*c) Về kinh tế và tổ chức sản xuất*

- Tiêu chí thu nhập: thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh đến đầu năm 2020 là 21.979.000 Kíp/người/năm. Hiện nay toàn tỉnh có 31/35 cụm bản đạt tiêu chí thu nhập (tăng năm 2015), Ước đến cuối năm 2020, thu nhập bình quân đầu người bình quân của tỉnh đạt khoảng 22 triệu kíp người/năm (gần bằng 1,8 lần so với năm 2015).

- Tiêu chí hộ nghèo. Tính đến cuối năm 2019, toàn tỉnh còn 12.692 hộ nghèo (chiếm 2,51% so với tổng số hộ trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ này ở khu vực nông thôn là 2,68%); số hộ cận nghèo là 17.677 hộ (chiếm 3,52% so với tổng số hộ trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ này ở khu vực nông thôn là 3,59%); có 30/35 cụm bản đạt tiêu chí hộ nghèo (chiếm 93,7% tổng số cụm bản trên địa bàn tỉnh; tăng 8 cụm bản so với năm 2015); Phần đầu đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh còn 2,25%.

- Tiêu chí lao động có việc làm: Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, sự hình thành các khu, cụm công nghiệp, các chính sách thu hút đầu tư dần dần được hoàn thiện tạo môi trường thông thoáng để thu hút các nhà đầu tư. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về tạo việc làm từ các chương trình mục tiêu về việc làm như cho vay hỗ trợ việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, các chính sách, biện pháp phát triển thị trường lao động đã góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh đạt chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

Thông qua việc thực hiện đồng bộ các biện pháp tạo việc làm như đầu tư phát triển tạo việc làm, cho vay hỗ trợ việc làm và đưa người lao động đi

làm việc ở nước ngoài, tình trạng việc làm của người lao động trong tỉnh đã cải thiện rõ rệt. Đối với khu vực nông thôn, những năm gần đây chưa có khảo sát chính thức về tỷ lệ sử dụng thời gian lao động; tuy nhiên, sự khan hiếm lao động trong khu vực này, nhất là vào cao điểm mùa vụ, do hầu hết lao động trẻ đều rời khỏi địa phương để làm việc trong các doanh nghiệp tại khu/cụm công nghiệp; điều này cho thấy, lực lượng lao động nông thôn đã khai thác tốt quỹ thời gian lao động.

Đến nay có 35/35 cụm bản đạt tiêu chí lao động có việc làm (đạt 100% tổng số cụm bản trên địa bàn tỉnh; tăng 17 cụm bản so với năm 2015).

- Tiêu chí tổ chức sản xuất: Đã triển khai thực hiện 105 cuộc tập huấn, tư vấn các quy định của pháp luật về kinh tế hợp tác, hướng dẫn thành lập mới tổ hợp tác/hợp tác cụm bản với 2.162 lượt người tham dự. Thực hiện 133 lượt củng cố nâng chất tình hình hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác cụm bản nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động, hỗ trợ xây dựng điều lệ/hợp đồng hợp tác, phương án sản xuất kinh doanh cho các hợp tác cụm bản hướng đến hoạt động hiệu quả bền vững. Song song đó, đã tổ chức thực hiện 15 lớp bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý hợp tác cụm bản nông nghiệp với các nội dung như: kỹ năng quản lý, điều hành; quản lý tài chính; kiến thức về kế toán, thuế; xây dựng phương án sản xuất kinh doanh đa dịch vụ trong hợp tác cụm bản; xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại v.v... Đến nay, toàn tỉnh có 33 hợp tác cụm bản nông nghiệp với 19.219 thành viên và 220 tổ hợp tác với 56.782 tổ viên; Có 26/35 cụm bản đạt tiêu chí về hình thức tổ chức sản xuất, chiếm 76,38% (tăng 10 cụm bản so với năm 2015).

#### *d) Về văn hóa - xã hội và môi trường*

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: tỉnh Bolikhamxay được Bộ Giáo dục và Thể thao công nhận đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ em năm tuổi và năm 2015; hiện có 35/35 cụm bản và 7 đơn vị cấp huyện đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Thể thao.

- Xóa mù chữ: 100% cụm bản đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1. - Phổ cập giáo dục tiểu học: hiện có 100% cụm bản đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu

học mức độ 3; Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi ra lớp đạt 100%; Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi được đến trường chiếm 99,9%; Số trẻ từ 6 đến 10 tuổi đi học đúng độ tuổi chiếm 98,1%, trong đó, trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 97,6%. Tỷ lệ trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình trung học cơ sở đạt 99,99%.

Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Tiếp tục củng cố kết quả phổ cập trung học cơ sở. Đến nay, có 35/35 cụm bản đạt chỉ tiêu này (tăng 10 cụm bản so với năm 2011).

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp): 84,2%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: hiện có 34/35 cụm bản đạt chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo”.

- Tiêu chí y tế: Đến nay, tất cả các cụm bản trên địa bàn tỉnh có trạm y tế hoặc phòng khám khu vực phục vụ cho công tác y tế dự phòng cũng như khám chữa bệnh cho người dân; tất cả các cụm bản đều đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế cụm bản. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh đến nay là 78,5%. Số cụm bản đạt tiêu chí tỷ lệ người dân tham gia BHYT là 25 cụm bản (chiếm 72,22%, tăng thêm 9 cụm bản so với năm 2015) và đạt tiêu chí y tế là 32 cụm bản, chiếm tỷ lệ 92,3%. Phấn đấu đến cuối năm 2025 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh đạt 90%.

- Tiêu chí văn hóa: hàng năm toàn tỉnh đều có trên 95% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có trên 90% hộ đạt 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa; đến nay đã có 24/35 cụm bản đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới, đạt tỷ lệ 68,05% và đã có 29 cụm bản đạt tiêu chí văn hóa (tăng thêm 5 cụm bản so với năm 2015).

- Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm:

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: hiện tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh là 99,39% (trong đó: tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước từ trạm cấp nước tập trung là 93,97%); Có 26/35 cụm bản đạt chỉ tiêu này (chiếm 75,69% tổng số cụm bản trên địa bàn

ting, tăng 11 cụm bản so với năm 2015); Phấn đấu đến cuối năm 2025 toàn tỉnh có 95% hộ dân nông thôn được sử dụng nước từ hệ thống nước tập trung.

+ Có 8.719 cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng, làng nghề thuộc đối tượng phải thực hiện hồ sơ môi trường đã lập hồ sơ môi trường đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (đạt 100%); trong đó, có 03 làng nghề.

+ Qua công tác tuyên truyền và vận động các hộ gia đình từng bước nâng cao ý thức trong công tác bảo vệ môi trường tại khu vực công cộng và hộ gia đình như: có trên 90% hộ gia đình đã có hồ xí hợp vệ sinh; các địa phương đã bố trí được khoảng trên 3.000 hố thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật; 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn cụm bản đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý; UBND các cụm bản đã xây dựng phương án thu gom rác thải sinh hoạt nông thôn, kết quả đến nay có hơn 15% các hộ gia đình tại các trục đường lớn đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý, còn lại khoảng 85% các hộ gia đình tự phân loại và xử lý (riêng các cụm bản của huyện Huyện paksan tỷ lệ ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt tại các cụm bản từ 60 - 80%); có trên 90% số hộ gia đình trên địa bàn cụm bản tham gia cải tạo cảnh quan môi trường, trồng cây xanh, hoa kiểng trước cửa nhà; có khoảng 40% - 50% các tuyến đường chính trên địa bàn cụm bản các trồng hoa, thảm cỏ.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 26/35 cụm bản đạt tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm (chiếm 72,22%, tăng thêm 7 cụm bản so với năm 2015 và tăng thêm 12 cụm bản so với năm 2011); Phấn đấu đến cuối năm 2025 có ít nhất 33 cụm bản đạt tiêu chí này.

#### *e) Về hệ thống chính trị*

- Tiêu chí HTCT và tiếp cận pháp luật:

+ Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay tỉnh đã thực hiện rà soát tiêu chuẩn chức danh, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức cấp cụm bản để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí nhằm chuẩn hóa đội ngũ đội ngũ cán bộ, công chức cấp cụm bản theo chuẩn quy định. Từ đó công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp cụm bản có nhiều chuyển biến

và được các cấp, các ngành quan tâm; cán bộ, công chức sau khi được đào tạo, bồi dưỡng đều phát huy tốt khả năng chuyên môn, góp phần tích cực hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

+ Đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có 22/35 cụm bản đạt tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (chiếm tỷ lệ 64,58%, tăng thêm 10 cụm bản so với năm 2015).

- Tiêu chí Quốc phòng và an ninh:

+ Chi tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng trong những năm qua cấp ủy, chính quyền các cấp đã quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ các văn bản, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ công tác quốc phòng, Dân quân tự vệ, Giáo dục Quốc phòng an ninh; cấp ủy, chính quyền các cấp đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh vững mạnh, rộng khắp và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, góp phần quan trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc trong tình hình mới.

Xây dựng lực lượng thường trực, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên tổ chức biên chế theo quy định, nâng cao chất lượng tổng hợp chính trị, khả năng chiến đấu sẵn sàng cơ động trong mọi tình huống. Công tác Giáo dục Quốc phòng an ninh đi vào nề nếp, tạo sự lan tỏa về nhận thức, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, các ngành và nhân dân về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Kết quả đến thời điểm hiện tại đã có 34/35 cụm bản (chiếm 98,61% tổng số cụm bản trên địa bàn tỉnh) đã được thẩm định và đánh giá đạt chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp”, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.



+ Chỉ tiêu cụm bản đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Công tác đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn đã và đang phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị (thông qua việc tham mưu cấp ủy - Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng nghị quyết và kế hoạch tổ chức triển khai cho các ngành, đoàn thể, các tổ chức quần chúng và nhân dân tham gia đảm bảo an ninh trật tự ở ấp của lực lượng công an cụm bản cùng với sự hỗ trợ của cấp huyện, tỉnh); việc nắm bắt tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của nhân dân được thực hiện kịp thời; công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân ở các vùng nông thôn làm cho công tác bảo vệ an ninh tổ quốc, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội được hiệu quả hơn. Đến nay toàn tỉnh có 34/35 cụm bản đảm bảo an toàn về an ninh trật tự xã hội và đảm bảo bình yên.

### ***3.1.3.3. Kết quả thực hiện tiêu chí cụm bản đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và cụm bản nông thôn mới kiểu mẫu***

Trên cơ sở hướng dẫn và định hướng của Bộ Nông nghiệp và lâm nghiệp tại công văn số 1345/BNN ngày 08/02/2018 về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận cụm bản đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 ban hành Bộ tiêu chí cụm bản đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020; Đồng thời có văn bản phân công trách nhiệm từng sở, ngành tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện (Công văn số 1466/UBND ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Hiện nay, trên cơ sở đăng ký của Ủy ban nhân dân các huyện và đề xuất của Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh đang xem xét lựa chọn mỗi đơn vị hành chính cấp huyện 01 cụm bản (trừ huyện Xai Champhon do chưa có cụm bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới) để hướng dẫn, hỗ trợ phấn đấu đạt chuẩn cụm bản nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn 2019 - 2020 (làm điểm để nhân rộng); phấn đấu trong năm 2025 có từ 05 đến 07

cụm bản đạt chuẩn cụm bản nông thôn mới nâng cao. Tiếp theo đó sẽ xem xét đến việc hỗ trợ các cụm bản phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025 (nếu có điều kiện, trên cơ sở các cụm bản đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).

#### ***3.1.3.4. Kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới/đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới***

Với mục tiêu phấn đấu đến cuối năm 2025, tỉnh Bolikhamxay có 01 thành phố (tỉnh lỵ Paksan) và 02 huyện (Tha Phabat và Borikan) được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 02 huyện (huyện Pakkadding và huyện Khăm Kad) được Thủ tướng Chính phủ Lào công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới theo quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 552/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ Lào. Hiện nay, Hội đồng thẩm định Trung ương đã tổ chức thẩm định và Bộ Nông nghiệp và lâm nghiệp đang trình Thủ tướng Chính phủ Lào xem xét, công nhận tỉnh lỵ Paksan hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm 2019. Đối với 04 địa phương còn lại hiện đã cơ bản đạt chuẩn theo quy định và đang khẩn trương hoàn thành các nội dung còn lại để tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm tra và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trong quý II/2020.

#### ***3.1.3.5. Đánh giá chung***

##### ***\* Những mặt đạt được***

- Sau 05 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (giai đoạn 2016-2020); Đến nay, với sự nỗ lực không ngừng của toàn bộ hệ thống chính trị; Chương trình xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào rộng khắp trên toàn tỉnh; được đa số nhân dân tích cực tham gia, vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới đã từng bước được xác lập,... góp phần quyết định trong việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân cũng như hoàn thành vượt mức các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đến nay, với 27/35 cụm bản đạt chuẩn (tăng thêm 15 cụm bản so với năm 2015), tỉnh đã hoàn thành mục tiêu có 50% số

cụm bản đạt chuẩn trước hơn 1 năm so với nghị quyết của Tỉnh ủy, của Hội đồng nhân dân tỉnh và vượt chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 (chỉ tiêu giao đến năm 2020 tỉnh Bolikhamxay phải đạt 30 cụm bản).

- Giai đoạn 2016-2020, Chương trình đã có mức phát triển nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng. Cuối năm 2015, số cụm bản đạt chuẩn của tỉnh có chiếm 8,7 %, thấp hơn so với mức bình quân chung của vùng, thấp hơn rất nhiều so với cả nước là 18%; Tuy nhiên, đến nay tỷ lệ số cụm bản đạt chuẩn của tỉnh đã cao hơn tỷ lệ bình quân chung của vùng và bằng với tỷ lệ bình quân chung của cả nước. Mức độ, chất lượng đạt chuẩn của các cụm bản trong các năm gần đây đều cao hơn so với các cụm bản ở giai đoạn trước.

*\* Những tồn tại, hạn chế*

Mặc dù đạt được nhiều kết quả nổi bật, nhưng quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế đó là:

- Chương trình chủ yếu được tổ chức thực hiện đồng bộ ở các cụm bản có trong danh sách phần đầu đạt chuẩn theo kế hoạch năm của UBND tỉnh; một số địa phương vẫn còn trông chờ việc hỗ trợ từ cấp trên trong việc đầu tư các công trình về kết cấu hạ tầng mà chưa quan tâm đúng mức đến việc phát huy vai trò chủ thể, đến việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí gắn liền với việc phát huy thức cộng đồng của nhân dân như: Tổ chức sản xuất, Y tế (chỉ tiêu tỷ lệ ngư dân tham gia bảo hiểm y tế), Môi trường và an toàn thực phẩm,... Công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện Chương trình phần lớn chỉ tế trung cao ở 5 cụm bản phần đầu đạt chuẩn. Do vậy, sau khi đạt chuẩn thì một số địa phương có biểu hiện thỏa mãn với kết quả đã đạt được, từ đó công tác lãnh đạo điều hành Chương trình có dấu hiệu chững lại, nhiều cụm bản không nâng chất được các tiêu chí đã đạt, thậm chí không duy trì được đủ 19/19 tiêu chí như ở thời điểm được đánh giá đạt chuẩn.

- Kết quả xây dựng nông thôn mới giữa huyện, thành, thị chưa thật sự đồng đều nhau và có sự chênh lệch khá lớn; còn có huyện chưa có cụm bản đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Xai Champhon).

*\* Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế*

- Nguồn lực xây dựng nông thôn mới thời gian qua chủ yếu là nguồn ngân sách nhà nước, chưa có cơ chế phù hợp để huy động các nguồn lực khác. Tuy nhiên, do nguồn ngân sách có hạn nên chỉ tập trung hỗ trợ cho các cụm bản trong kế hoạch đạt chuẩn của năm; không có nguồn lực hỗ trợ đáng kể cho các cụm bản còn lại cũng như các cụm bản đã đạt chuẩn nên chưa tạo được động lực thực hiện cho các cụm bản này.

- Năng lực, kỹ năng quản lý, điều hành thực hiện Chương trình ở các cấp đặc biệt là cấp cơ sở còn nhiều hạn chế nên chưa thực hiện tốt được yêu cầu cốt lõi của Chương trình là phải phát huy được vai trò chủ thể của nhân dân thì các kết quả của Chương trình mới thực sự thiết thực và bền vững.

### **3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH BOLIKHAMXAY, NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

#### **3.2.1. Vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật trong xây dựng nông thôn mới**

Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật trong xây dựng nông thôn mới là vai trò quan trọng của hệ thống chính trị cấp cơ sở nói chung và đội ngũ cán bộ cấp cơ sở nói riêng. Bởi lẽ, chỉ có trên cơ sở của việc nắm tốt các chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước Lào và của chính quyền cấp trên trong nội dung xây dựng nông thôn mới mới tạo điều kiện cho việc thực hiện tốt các vai trò khác của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Trong giai đoạn 2016 - 2020, vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở thực hiện vai trò này đã được Đảng bộ tỉnh Bolikhamxay đánh giá cao, cụ thể: “Đội ngũ cán bộ các cấp đã thường xuyên nghiên cứu, kịp thời cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện của từng bản, cụm bản. Từng bước mang lại những kết quả vững chắc trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh ở giai đoạn 2016 - 2020” [106, tr.11].

**Bảng 3.2. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức được khảo sát về việc thực hiện vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật về xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay**

Đơn vị tính: %

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	3,2	26,4	54,8	15,6	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	0,0	15,2	75,2	9,6	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	2,4	18,0	69,6	10,0	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	0,0	19,6	70,0	10,4	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	1,6	27,6	40,8	30,0	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	1,6	18,0	50,8	29,6	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	0,0	10,0	67,2	22,8	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	0,0	15,6	59,6	24,8	100,0

Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021

Theo đó, qua kết quả khảo sát 2 đối tượng là nhân dân và đội ngũ cán bộ, công chức cho thấy về cơ bản việc thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay trong việc nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật trong xây dựng nông thôn mới là khá tốt. Cụ thể, theo kết quả khảo sát ở bảng 3.2 cho thấy sự tương đồng trong mức độ đánh giá của cả đội ngũ cán bộ-công chức với đối tượng nhân dân. Theo đó, *Đảng ủy cụm bản* là các tổ chức được đánh giá cao hơn so với UBND bản, các tổ chức chính trị-xã hội, Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản trong thực hiện vai trò này (theo NCS đây là đánh giá có cơ sở khách quan và phù hợp với thực tiễn vị trí, vai trò của các bộ phận này trong hệ thống chính trị cấp cơ sở hiện nay ở Lào nói chung, Bolikhamxay nói riêng). Cùng chung nhận định, theo kết quả PVS cũng thể hiện nội dung này, cụ thể: *“Có thể nhận thấy, mặc dù còn có những hạn chế nhất định về trình độ, tuy nhiên qua thực tiễn triển khai của chính quyền huyện, đội ngũ cán bộ ở các cụm bản đã có nhận thức đầy đủ, đúng trong việc nắm bắt các nghị quyết, chính sách về xây dựng nông thôn mới của Nhà nước, chính quyền tỉnh, huyện để triển khai thực hiện ở địa phương thời gian qua; qua kiểm tra của các cơ quan chức năng cho thấy đội ngũ cán bộ cấp cơ sở nắm khá chắc về số lượng và nội dung các chỉ thị, nghị quyết liên*

quan đến xây dựng nông thôn mới của Chính phủ, chính quyền tỉnh và huyện đưa ra” - PVS PCT huyện Xai Champhon.

Từ việc thực hiện vai trò trong nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện về cơ bản nằm ở mức khá và tốt do đó mà mức độ hoàn thành vai trò này cũng khá cao. Theo đánh giá của cán bộ huyện cho thấy “qua làm việc cùng với đội ngũ cán bộ ở các cụm bản, bản tôi nhận thấy họ khá tích cực trong việc nắm, triển khai các chỉ thị, nghị quyết về xây dựng nông thôn mới của chính quyền cấp trên tới địa phương; thường xuyên có những nội dung trao đổi trong quá trình triển khai thực hiện những nội dung chưa hiểu. Số lượng văn bản đề nghị, đề xuất lên trên khá thường xuyên, phản ánh đúng thực tế của địa phương trong quá trình xây dựng nông thôn mới” - PVS Cán bộ Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Borikan.

**Bảng 3.3. Đánh giá của nhân dân, cán bộ công chức về mức độ hoàn thành vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay**

Đơn vị tính: %

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	0,0	12,0	74,4	13,6	100,0
2. Tổ chức Đảng	2,4	6,8	73,6	17,2	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	2,4	23,6	65,6	8,4	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	0,0	15,2	66,8	18,0	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	1,6	9,6	54,4	34,4	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	0,0	9,6	48,0	42,4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	1,6	18,0	54,4	26,0	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	2,8	21,2	48,0	28,0	100,0

Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021

Từ số liệu ở bảng 3.3 cho thấy, Đảng ủy cụm bản cũng là bộ phận được đánh giá ở mức độ hoàn thành vai trò nắm bắt, chỉ thị, nghị quyết xây dựng nông thôn mới cao hơn cả. tiếp đến là mức độ hoàn thành của UBND bản. Theo đó, đây là kết quả phản ánh đúng chức năng, nhiệm vụ của 2 bộ phận này trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội ở cụm bản nói chung,

trong xây dựng nông thôn mới ở cụm bản nói riêng. Bởi lẽ đây là 2 bộ phận chính trong việc nắm trên, triển khai dưới. Đồng thời đội ngũ cán bộ cơ sở đã có mức độ hoàn thành vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật trong xây dựng nông thôn mới về cơ bản ở mức khá và tốt. Tuy nhiên, qua số liệu cũng thấy nhân dân có mức độ đánh giá cao hơn so với chính đội ngũ cán bộ. Điều này khẳng định trong thực tiễn đội ngũ cán bộ cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay cũng đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để hoàn thành vai trò này. Góp phần quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở địa bàn công tác.

### **3.2.2. Vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới**

Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới là nội dung quan trọng trong triển khai thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở mỗi địa phương. Đó là bước chuyển của việc nắm bắt các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, đường lối về xây dựng nông thôn mới của Đảng, Nhà nước và chính quyền cấp trên vào thực tiễn ở địa phương mình của đội ngũ cán bộ ở hệ thống chính trị cấp cơ sở. Do đó, đây là vai trò quan trọng, có tính chất quyết định đến mức độ thành công của xây dựng nông thôn mới ở mỗi địa phương, bởi nếu hệ thống chính trị cấp cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp, sát với điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá, phong tục của địa phương, của người dân khả năng thực hiện được sẽ cao; ngược lại kế hoạch thực hiện các tiêu chí cứng nhắc, không sát với điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá của địa phương sẽ là trở lực cho xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Nhận thức tầm quan trọng của vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới cho địa phương, hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay đã có nhiều cố gắng trong quá trình công tác, thường xuyên ban hành, xây dựng các nội dung, cụ thể hoá các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới của Đảng, Nhà nước Lào, của chính quyền cấp trên vào thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở địa phương công tác cơ bản phù hợp, phản ánh sát với tình hình kinh tế, xã hội, văn hoá của địa phương và các tầng lớp nhân

dân. Theo đó, “trong giai đoạn của nhiệm kỳ 2015-2020, hệ thống chính trị cấp cơ sở của tỉnh Bolikhamxay đã ban hành hơn 300 kế hoạch, chương trình thực hiện để cụ thể hoá 1 bước các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới của Chính phủ ban hành” [100, tr.21].

**Bảng 3.4. Đánh giá của nhân dân và cán bộ công chức về việc thực hiện vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

Đơn vị tính: %

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	1.6	35.6	53.6	9.2	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0.8	45.2	30.8	3.2	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	4	47.6	44.8	3.6	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	2.4	49.6	43.2	4.8	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND cụm bản	1.6	22.8	44.8	30.8	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0,0	20.4	65.2	14.4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	1.6	31.2	57.6	9.6	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	1.6	32.8	52.8	12.8	100,0

Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021

Qua kết quả khảo sát 2 đối tượng cán bộ công chức và nhân dân cũng cho thấy về cơ bản các chủ thể của hệ thống chính trị cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay thực hiện khá tốt vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở địa phương, cụ thể đối tượng nhân dân đánh giá về mức độ khá và tốt của Đảng uỷ cụm bản là tốt nhất với 79,7%, của UBND bản thứ hai với 70,8%, của các tổ chức chính trị-xã hội thứ ba với 67,2%, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước cụm bản là 65,6%; đánh giá của cán bộ - công chức có xu hướng thấp hơn so với nhân dân và có sự khác biệt giữa các tổ chức, cụ thể UBND tốt nhất với 62,8% khá-tốt, các tổ chức chính trị-xã hội với 48,2% và Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản thứ ba với 48,0%. Đánh giá này theo tác giả là khá chính xác bởi chính đội ngũ cán bộ-công chức là những người trực tiếp thực hiện các vai trò xây dựng nông thôn mới, và trong thực tiễn đội ngũ cán bộ các cấp, các loại hình khác nhau thuộc UBND bản là



những người trực tiếp tổ chức thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với lĩnh vực họ đảm nhiệm (xem bảng 3.4).

Về mức độ hoàn thành vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cơ sở qua khảo sát của tác giả cho thấy, có sự tương đồng của cả 2 đối tượng trong đánh giá về mức độ hoàn thành vai trò. Cụ thể, theo đánh giá của nhân dân theo các rất kém-mức kém-trung bình-khá-tốt của UBND bản là 0,0%-0,8%-38,8%-58,0%-2,4%, của Đảng uỷ cụm bản là 0,0%-0,8%-45,2%-30,8%-3,2%, của các tổ chức chính trị-xã hội bản là 0,0%-5,6%-69,6%-19,2%-5,6%, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là 0,0%-4,4%-43,6%-41,6%-10,4% và của Ban cán sự bản là 0,0%-1,6%-40,4%-54,8%-3,2%. Đánh giá của cán bộ khảo sát theo các mức kém-trung bình-khá-tốt của UBND bản là 0,0%-0,0%-34,4%-48,0%-17,6%, của Đảng uỷ cụm bản là 0,0%-3,2%-34,8%-42,8%-19,2%, của các tổ chức chính trị-xã hội bản là 0,0%-4,8%-42,4%-43,2%-16,4%, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là 0,0%-6,8%-31,2%-47,6%-14,4% (xem bảng 3.5).

**Bảng 3.5. Đánh giá của nhân dân và cán bộ công chức về mức độ hoàn thành vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	0,0	34,4	48,0	17,6	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	3,2	34,8	42,8	19,2	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	4,8	42,4	43,2	16,4	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	6,8	31,2	47,6	14,4	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	0,8	38,8	58,0	2,4	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0,8	45,2	30,8	3,2	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	5,6	69,6	19,2	5,6	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	4,4	43,6	41,6	10,4	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Từ bảng số liệu 3.4 cho thấy, mức độ hoàn thành vai trò xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới của đội ngũ cán bộ

ở UBND bản được đánh giá cao hơn cả. Theo NCS đây cũng chính là điều trong thực tế đang diễn ra, chính họ là những người hàng ngày cũng với nhân dân nghiên cứu, tổ chức thực hiện những chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới bằng hàng loạt các công việc cụ thể gắn với lĩnh vực đảm nhiệm và cũng thể hiện đúng với vai trò của họ được quy định. Những dữ liệu trên cho thấy, dưới góc độ tổ chức đội ngũ thuộc bộ máy cấp cơ sở đã có sự liên kết chặt chẽ, hiểu biết khá rõ về đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Qua những hiểu biết đó, họ mới có các cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp trên địa bàn. *“Bản thân tôi nhận thấy, những cán bộ ở cụm bản đã thường xuyên về các bản để tìm hiểu thực tế. Những lần họp nhân dân trong bản để lấy ý kiến về việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở bản, những tiêu chí còn chưa thực hiện được đều có sự phù hợp cao và nhận được sự ủng hộ khá cao của người dân”* - PVS người dân bản Von Thát.

### **3.2.3. Vai trò tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới**

Tuyên truyền vận động sự tham gia xây dựng nông thôn mới của toàn thể nhân dân là vai trò quan trọng, mang tính chất cầu nối của chủ trương, đường lối xây dựng nông thôn mới của Đảng, Nhà nước Lào, của chính quyền các cấp và của cả kế hoạch, chương trình thực hiện các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới của chính quyền cấp cơ sở tới thực tiễn ở địa phương. Công tác tuyên truyền, vận động nếu được các chủ thể của hệ thống chính trị cấp cơ sở thực hiện tốt, với nhiều biện pháp phù hợp, sáng tạo, linh hoạt sẽ tạo ra những điều kiện cần cho thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Theo đánh giá của Đảng bộ tỉnh Bolikhamxay trong Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2015 - 2020 trong Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 khẳng định *“hệ thống chính trị các cấp, đặc biệt là hệ thống chính trị cấp cơ sở đã có nhiều biện pháp, đa dạng hoá hình thức trong việc tuyên truyền, vận động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân vào thực hiện, cụ thể hoá mục tiêu xây dựng nông thôn mới ngay từ đầu nhiệm kỳ đã đề ra”* [98, tr.31]. Do đó *“trong thời gian qua, các cấp, ngành, địa phương trong*

*tinh đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động góp phần nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Qua đó, đã có nhiều địa phương thực hiện hiệu quả, góp phần làm chuyển biến tích cực bộ mặt nông thôn, đời sống người dân nâng lên, ý thức xây dựng nông thôn mới trong cộng đồng dân cư dần đi vào nề nếp” [107, tr.5].*

Đội ngũ cán bộ-công chức tham gia trực tiếp trong thực hiện vai trò tuyên truyền, vận động từ kết quả điều tra là 62,0%, đây là con số không nhỏ trong bối cảnh thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến xây dựng nông thôn mới là không nhiều [Phụ lục 3]. Bởi trong thực tế, những cán bộ có liên quan trực tiếp đến xây dựng nông thôn mới là những cán bộ ở UBND, một bộ phận của tổ chức Đảng, của các tổ chức chính trị-xã hội, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước. Từ đó, trong đánh giá của nhân dân và cán bộ được khảo sát về việc thực hiện vai trò tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới của đội ngũ cán bộ ở bộ máy cơ sở “khá tốt”. Theo đánh giá của nhân dân, Đảng uỷ cụm bản có mức độ thực hiện tốt nhất, tiếp đến là UBND bản, thứ ba là Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản và thứ tư là các tổ chức chính trị-xã hội bản. Đội ngũ cán bộ có mức đánh giá thấp hơn vài điểm phần trăm so với nhân dân và mức độ thực hiện của các tổ chức trong bộ máy cũng khác, theo đó, Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản cao nhất với 79,2% khá-tốt”, tiếp đến là Đảng uỷ cụm bản với 78,4% khá-tốt, thứ ba mới đến UBND bản và cuối cùng là các tổ chức chính trị-xã hội bản. Thực tế cho thấy, vai trò tuyên truyền, vận động gần nhiều hơn với UBND bản, Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản, do đó mà việc đánh giá của cả nhân dân và cán bộ đối với hai chủ thể này cao hơn là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Từ thực tiễn và số liệu ở bảng 3.6 cho thấy, mức độ thực hiện vai trò này của Mặt trận Lào xây dựng đất nước cụm bản được đánh giá cao nhất, đội ngũ cán bộ ở Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là những người đại diện cho quyền lợi trực tiếp của nhân dân, họ nắm rõ cần phải tuyên truyền vận động nhân dân bằng cách thức nào, bằng phương thức nào thì hiệu quả cho nên kết quả tuyên

truyền, vận động của lực lượng này là kênh hiệu quả cần phát huy trong hoạt động xây dựng nông thôn mới. Cũng từ việc tuyên truyền vận động tốt mà việc huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới của Mặt trận Lào xây dựng đất nước cũng được đánh giá khá cao trong so sánh với các bộ phận khác của hệ thống chính trị cấp cơ sở.

**Bảng 3.6. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

Đơn vị tính: %

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	0,0	21,6	52,4	26,0	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0,0	24,8	61,6	13,6	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	8,8	18,8	52,8	19,6	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	0,8	20,0	58,4	20,8	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	3,2	35,6	47,2	14,0	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0,0	13,6	58,0	28,4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	1,6	21,6	44,0	32,8	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	2,0	18,4	52,0	27,6	100,0

Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021

“Qua quan sát trong quá trình làm việc với các cụm bản trong huyện ở nhiệm kỳ vừa qua, tôi thấy có sự đa dạng, linh hoạt và cũng hết sức sát thực tế với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương mà đội ngũ cán bộ đã sử dụng trong tuyên truyền, vận động người dân tham gia xây dựng nông thôn mới như bằng bano, khẩu hiệu, bằng tuyên truyền trên phát thanh của cụm bản, của bản, bằng việc tận dụng Internet trong tuyên truyền,...” - PVS Chủ tịch UBND Huyện Thà Pha bạt.

Từ đó, mức độ hoàn thành nhiệm vụ tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới của đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay cũng được đánh giá đều ở mức “khá” qua kết quả khảo sát của hai đối tượng nhân dân và cán bộ công chức. Cụ thể: theo kết quả khảo sát của đối tượng cán bộ, công chức có tỷ lệ % đánh giá ở mức khá và tốt đối

với UBND bản là 80,0%, của Đảng uỷ cụm bản là 76,0%, của các tổ chức chính trị-xã hội cụm bản là 70,4%, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là 77,8%; đánh giá của nhân dân được khảo sát có tỷ lệ % tương ứng của các chủ thể là 67,9% - 74,0% - 73,2% - 76,8% (xem bảng 3.7). Qua đây cho thấy, mức độ hoàn thành vai trò này của Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản cũng được đánh giá cao hơn cả so với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị cấp cơ sở. Điều này bắt buộc trong thực tiễn tổ chức triển khai xây dựng nông thôn mới chính quyền mà trực tiếp là UBND bản cần phối hợp tốt hơn với Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản để làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các hoạt động xây dựng nông thôn mới ở địa bàn.

**Bảng 3.7. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	0,0	20,0	65,6	14,4	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	4,8	19,2	60,0	16,0	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	8,8	20,8	52,4	18,0	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	3,2	17,0	52,4	25,4	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	0,0	32,4	40,4	27,2	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0,0	26,0	34,0	40,0	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	3,2	23,6	56,8	16,4	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	9,6	13,6	44,0	32,8	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Để đánh giá sát nội dung này, tác giả đã lượng hoá chất lượng các hình thức tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới qua các kênh thông tin khác nhau như: đài tiếng nói, truyền hình, Internet, báo/sách/tạp chí, tờ rơi/pano/khẩu hiệu,... qua kết quả khảo sát cho thấy, trong các kênh thông tin phục vụ cho việc tuyên truyền xây dựng nông thôn mới chỉ có kênh đài tiếng nói, truyền hình, Internet, tờ rơi/pano/khẩu hiệu là các kênh có mức độ tiếp cận thường xuyên hơn so với các kênh khác như báo/sách/tạp chí, hội

họp, tham gia lớp tập huấn đều ở mức tiếp cận ít thường xuyên hơn (xem bảng 3.8). Qua số liệu này cho thấy, việc thực hiện tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới đã được bộ máy chính quyền cơ sở chú ý thực hiện, đa dạng hoá hình thức tuyên truyền với các kênh khác nhau. Ta đều thấy, các kênh mà tác giả đưa ra khảo sát đều có sự tiếp cận của người dân với những mức độ là khác nhau.

**Bảng 3.8. Các kênh tiếp cận thông tin về xây dựng nông thôn mới của nhân dân được khảo sát ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: %*

Kênh tiếp cận	Chưa bao giờ	Hiếm khi	Bình thường	Thường xuyên	Rất thường xuyên	Tổng
1. Đài tiếng nói	3,2	15,2	17,6	34,4	29,6	100,0
2. Truyền hình	0,0	9,6	26,8	46,0	17,6	100,0
3. Internet	8,0	14,4	41,6	24,8	11,2	100,0
4. Báo/sách/tạp chí	9,6	37,2	33,6	18,0	1,6	100,0
5. Tờ rơi/pano/khẩu hiệu	12,8	30,0	45,2	8,0	4,0	100,0
6. Hội họp	0,0	14,8	34,8	45,6	4,8	100,0
7. Tham gia lớp tập huấn	20,8	36,4	36,4	4,8	1,6	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Tuy được đánh giá ở việc thực hiện và mức độ hoàn thành vai trò tuyên truyền, vận động mức “khá”, trong thực tế, việc thực hiện nội dung tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở vẫn còn những hạn chế, bất cập chưa theo kịp với sự phát triển của tình hình thực tiễn ở địa phương và sự phát triển chung của các công cụ, phương tiện hỗ trợ như đã đề cập ở biểu đồ 3.2. Theo đánh giá của Đảng bộ tỉnh Bolikhamxay trong Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2015 - 2020 cũng đã khẳng định sự hạn chế, bất cập việc thực hiện vai trò này “*mặc dù đã có nhiều cố gắng song hệ thống chính trị các cấp trong Đảng bộ tỉnh chưa có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức tuyên truyền thực hiện các chủ trương, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội đề ra đầu nhiệm kỳ*” [98, tr.57]. Đây là hạn chế cần sớm khắc phục trong thời gian tới của cả hệ thống chính trị, của hệ thống chính trị cấp cơ sở nói riêng ở tỉnh Bolikhamxay thời gian tới để sớm đưa các

chủ trương, nghị quyết, mục tiêu xây dựng nông thôn mới của Đảng, Nhà nước Lào và của chính quyền tỉnh trở thành hiện thực.

### **3.2.4. Vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới**

Tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới là sự cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, chỉ thị, nghị quyết, mục tiêu xây dựng nông thôn mới của Nhà nước Lào, của các cấp chính quyền tỉnh, huyện vào triển khai trong thực tiễn ở từng cụm bản, từng bản. Đạt kết quả tốt, với thực hiện có kết quả các mục tiêu, chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương hay không phụ thuộc rất lớn vào việc tổ chức thực hiện của hệ thống chính trị cấp cơ sở. Để thực hiện nội dung này, trong thời gian qua và qua quan sát, tìm hiểu của tác giả có thể nhận thấy các chủ thể của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay đã có nhiều biện pháp để tổ chức thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới từ việc thông tin tuyên truyền về ý nghĩa của xây dựng nông thôn mới với cải thiện, nâng cao đời sống của các tầng lớp nhân dân, vận động đảng viên, quần chúng tích cực tham gia bằng nhiều hình thức như đóng góp ngày công, đóng góp nguyên vật liệu, đóng góp đất đai, đóng góp tiền... Sự nỗ lực tích cực của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới đã được đánh giá cao của chính quyền tỉnh. Cụ thể: “các cấp chính quyền, đặc biệt là chính quyền các cụm bản, ban cán sự các bản đã tích cực tổ chức thực hiện, cụ thể hoá các mục tiêu, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới của Chính phủ, của chính quyền tỉnh bằng nhiều biện pháp, hình thức. Kết quả là đã có nhiều người, nhiều thành phần xã hội khác nhau trong địa phương, cơ sở tích cực tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa bàn” [100, tr.12].

Theo kết quả khảo sát của 2 đối tượng nhân dân và cán bộ - công chức việc thực hiện ở mức độ từ khá đến tốt đều cơ bản có trên 50% người được khảo sát đồng ý. Tuy nhiên vẫn có chủ thể có mức độ thực hiện vai trò này chưa tốt, cụ thể các tổ chức chính trị-xã hội cụm bản chỉ đạt có 45,4% cán bộ-công chức đánh giá mức độ thực hiện vai trò khá tốt (xem bảng 3.8). Trong tương quan thực hiện vai trò khác như tuyên truyền, vận động thì vai trò này của đội ngũ cán bộ cơ sở là thấp hơn cả. Theo tác giả, đánh giá về những hạn chế, bất cập trong

quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay thời gian qua ở phần 3.1 đã chứng minh phần nào cho kết quả khảo sát này.

Trong bản thân các tổ chức của bộ máy ở cấp cụm bản, vai trò tổ chức thực hiện được đánh giá cao hơn vẫn là UBND bản và Đảng ủy cụm bản. theo đó trong đánh giá của nhân dân thì Đảng ủy cụm bản là cao nhất với 64,2% khá tốt, trong đánh giá của cán bộ, công chức là UBND bản 51,2%. Về kết quả này cũng phản ánh trong thực tiễn rằng chính Đảng ủy cụm bản với nhiệm vụ quán triệt từ cấp trên để chuyển thành hành động ở cấp mình và cho chính UBND bản trong tổ chức thực hiện. Cũng chính việc thực hiện tốt vai trò tổ chức thực hiện mà trong kết quả khảo sát và nghiên cứu thực tế cho thấy, đánh giá về mức độ hoàn thành vai trò này của Đảng ủy bản và UBND bản cũng được đánh giá cao nhất (xem bảng 3.9).

**Bảng 3.9. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	6,8	45,2	45,6	5,6	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	1,6	47,6	50,8	0,0	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	14,4	39,2	41,6	4,8	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	2,4	44,8	42,4	10,4	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	8,4	33,6	47,2	10,8	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	0,0	35,6	59,6	4,8	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	4,8	35,6	49,6	11,6	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	5,2	39,6	46,8	8,4	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Việc thực hiện vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay được thực hiện ở mức “khá” cũng đã được phản ánh qua sự đánh giá của cán bộ, công chức và nhân dân được khảo sát đánh giá mức độ hoàn thành vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới đều ở mức khá thấp khi chỉ có khoảng trên dưới 50% số lượng cán bộ-công chức và nhân dân được khảo sát cho rằng khá đến tốt. Theo đó, đánh giá của cả 2 đối tượng về việc hoàn thành vai trò này của UBND bản và



Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là cao hơn so với Đảng uỷ cụm bản và các tổ chức chính trị-xã hội (xem bảng 3.10).

**Bảng 3.10. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

Đơn vị tính: %

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	0,8	36,8	60,0	2,4	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	8,8	46,0	39,2	6,0	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	8,0	37,6	47,6	6,8	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	4,8	44,4	42,8	8,0	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	3,2	29,6	47,2	20,0	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	2,8	37,2	39,2	20,8	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	1,6	42,4	38,0	18,0	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	14,6	25,4	49,2	19,8	100,0

Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021

Tổ chức thực hiện đã được các chủ thể của hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay thực hiện với mức độ hoàn thành khá, điều đó còn được thể hiện qua nhận định sau “*Cán bộ cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay nhiều năm qua đã thực sự cố gắng trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa phương, đã thực sự vào cuộc, đã bằng nhiều phương cách từ tuyên truyền, làm gương, kêu gọi mọi người trong cơ quan, trong nhân dân để cùng nhau thực hiện các chỉ tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới*” - PVS PCT huyện Borikan. Nhưng cũng qua số liệu cho thấy, về cơ bản việc thực hiện vai trò và mức độ hoàn thành vai trò tổ chức thực hiện chỉ mới dừng lại ở mức “khá”, chưa có sự đánh giá tốt trong thực hiện vai trò này. Theo đánh giá của chính quyền tỉnh Bolikhamxay trong Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bolikhamxay 2021-2025 cũng khẳng định: “*trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên vẫn còn một số hạn chế, bất cập, nhiều cứng nhắc trong khâu triển khai các tiêu chí gắn với đặc điểm của từng địa phương*” [109, tr.14]. Đây cũng là nội dung vai trò cần thực hiện tốt hơn trong xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ

sở tỉnh Bolikhamxay trong thời gian tới để đạt được các mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### 3.2.5. Vai trò huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới

Huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới là nội dung vai trò quan trọng, thể hiện khả năng vận động sức mạnh tổng hợp của các chủ thể trong hệ thống chính trị nói chung, hệ thống chính trị cấp cơ sở nói riêng. Xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng hợp trong việc xây dựng, cải thiện, nâng cao toàn diện các mặt của đời sống vật chất, tinh thần của cả xã hội. Do đó, để thực hiện thành công các mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở một địa phương cần rất nhiều nguồn lực khác nhau. Để thực hiện và hoàn thành tốt vai trò này đòi hỏi sự cố gắng rất lớn của cả hệ thống chính trị. Trong giai đoạn 2016 - 2020 ở tỉnh Bolikhamxay, vốn huy động ở ngân sách huyện/cụm bản đạt 1.015 tỉ kíp, vốn huy động trong cộng đồng dân cư đạt 6.049 tỷ kíp [100, tr.6], đây là số tiền không nhỏ trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội của toàn tỉnh Bolikhamxay vẫn còn nhiều khó khăn.

**Bảng 3.11. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	0,8	32,0	57,2	10,0	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0,0	33,2	58,4	8,4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	6,4	33,6	49,6	10,4	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	0,8	22,8	61,6	14,8	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	3,2	30,8	43,6	22,4	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	1,6	22,0	56,0	20,4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	3,2	31,2	40,8	26,4	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	2,0	28,0	44,0	26,0	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Theo đó, từ kết quả khảo sát 2 đối tượng nhân dân và cán bộ, công chức đều đánh giá việc thực hiện vai trò này ở mức “khá”, cụ thể về đánh giá mức khá, tốt của cán bộ, công chức được khảo sát với tỷ lệ % của UBND bản là 67,2%, của Đảng uỷ cụm bản là 66,8%, của các tổ chức chính trị- xã hội bản

60,0%, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước cụm bản 76,4%; đánh giá của nhân dân được khảo sát với tỷ lệ % tương ứng các chủ thể của hệ thống chính trị cấp cơ sở là 66,0% - 76,4% - 67,2% - 70,0% (xem bảng 3.11). Như vậy mức độ thực hiện vai trò này của các tổ chức ở bộ máy cơ sở có sự tương đồng nhau khá lớn. Nhưng lớn hơn cả là UBND bản, tiếp đến là Đảng ủy cụm bản và Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản.

**Bảng 3.12. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	0,0	24,0	69,2	6,8	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	0,0	34,0	52,8	13,2	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	2,8	41,6	42,4	13,2	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	1,6	37,2	46,0	15,2	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	0,0	26,4	51,6	22,0	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	0,0	33,6	37,6	28,8	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	1,6	24,8	57,6	16,0	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	6,4	28,4	40,4	24,8	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Quá trình thực hiện vai trò huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở cũng được đánh giá “khá” cũng là cơ sở để việc đánh giá mức độ hoàn thành vai trò huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới nhìn chung cũng có sự tương đồng với việc thực hiện vai trò, cụ thể: theo đánh giá của nhân dân được khảo sát cho thấy mức độ hoàn thành vai trò của các tổ chức trong bộ máy cơ sở từ cao nhất là UBND bản, thứ hai là Đảng ủy cụm bản, thứ ba là các tổ chức chính trị-xã hội bản và cuối cùng là Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản; đánh giá của cán bộ - công chức về mức độ hoàn thành vai trò của các chủ thể theo thứ tự cũng tương đồng với đánh giá của nhân dân (xem bảng 3.12). Như vậy, trong thực tiễn UBND bản ở tỉnh Bolikhamxay về cơ bản đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan chính trong việc tổ chức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Từ bảng 3.12 cho thấy, trong đánh giá của cả cán bộ công chức và nhân dân thì mức độ hoàn thành vai trò này cao nhất là UBND bản, kể đến là Đảng ủy cụm bản và điểm đáng lưu ý là Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản cũng có mức độ hoàn thành theo kết quả khảo sát khá cao việc huy động nguồn lực. Nếu như UBND bản và Đảng ủy cụm bản hoàn thành cao là bởi theo quy định, chức năng và vai trò được giao đã tạo ra những thuận lợi nhất định để họ có thể huy động được vốn, ngân sách, các nguồn xã hội hóa khác trong huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới. Nhưng đối với các thành viên của Mặt trận Lào xây dựng đất nước thì đó là kết quả của việc xây dựng được niềm tin trong nhân dân, để người dân chịu bỏ sức người, sức của, tài lực và vật lực cho việc đạt được các mục tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Đánh giá chung, về cơ bản hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay đã thực hiện khá vai trò huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới ở địa phương, cơ sở. Tuy nhiên trong thực tế, việc huy động nguồn lực của hệ thống chính trị cấp cơ sở vẫn còn những hạn chế, bất cập *“một số địa phương vẫn còn trông chờ việc hỗ trợ từ cấp trên trong việc đầu tư các công trình về kết cấu hạ tầng mà chưa quan tâm đúng mức đến việc phát huy vai trò chủ thể, đến việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí gắn liền với việc phát huy ý thức cộng đồng của nhân dân như tổ chức sản xuất, y tế, môi trường và an toàn thực phẩm”* [107, tr.14]. Là một vai trò có tính chất quan trọng đến việc thực hiện thành công các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở cơ sở, địa phương, nhưng trong quá trình thực hiện của hệ thống chính trị cấp cơ sở vẫn còn những hạn chế, bất cập như vậy nên trong thời gian tới cần nhiều hơn nữa sự khắc phục của chính quyền các cấp trong việc thực hiện vai trò này của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay.

### **3.2.6. Vai trò kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới**

Kiểm tra, giám sát nói chung, kiểm tra giám sát trong xây dựng nông thôn mới nói riêng là hoạt động quan trọng của quá trình tổ chức thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở mọi địa phương. Tính chất quan trọng của kiểm tra, giám sát được thể hiện ở chỗ qua kiểm tra, giám sát của hệ thống chính trị

nhằm kịp thời điều chỉnh những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện, kịp thời đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập. Do đó, nếu thực hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới cũng là tiền đề quan trọng để mỗi địa phương thực hiện tốt, hoàn thành sớm các chỉ tiêu, tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới đã đề ra.

Ở tỉnh Bolikhamxay việc kiểm tra, giám sát được hệ thống chính trị của tỉnh xác định là 1 trong 8 nhiệm vụ của công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Theo đó, ngay từ đầu Ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã yêu cầu đội ngũ cán bộ cấp huyện, cụm bản “*tập trung kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, thực hiện xây dựng nông thôn mới; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc bàn; trong việc huy động và sử dụng nguồn lực của nhân dân. Qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời nắm bắt được tình hình, những kiến nghị, đề xuất của các cụm bản, từ đó có những giải pháp cụ thể, kịp thời tháo gỡ những khó khăn cho từng địa phương*” [107, tr.5].

**Bảng 3.13. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	3,2	58,0	37,2	1,6	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	2,0	48,0	47,6	2,4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	14,8	35,6	44,8	4,8	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	5,6	40,8	47,2	6,4	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	1,6	37,6	50,8	10,0	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0,0	33,6	50,0	16,4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	5,2	49,2	34,4	11,6	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	3,2	31,6	57,2	8,0	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Qua đó đã thúc đẩy thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay, theo kết quả khảo sát việc thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát của các chủ thể hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây

dựng nông thôn mới từ 2 đối tượng là nhân dân và cán bộ, công chức có kết quả khá tích cực. Tuy nhiên trong tương quan việc thực hiện vai trò này với các vai trò khác như trên đã phân tích vẫn còn khá thấp. Theo đó, có chủ thể như UBND bản trong kết quả khảo sát của chính đội ngũ cán bộ chỉ có 38,8% cho rằng mức độ thực hiện khá-tốt, các tổ chức chính trị-xã hội bản cũng chỉ có 49,6% cho rằng khá-tốt (xem bảng 3.13).

Từ đó, đặt ra trong trong thời gian tới để hiệu quả xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay mang tính bền vững hơn cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của đội ngũ cán bộ cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ thuộc UBND bản.

**Bảng 3.14. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	4,4	45,6	50,0	0,0	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0,8	51,2	45,6	2,4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	1,6	41,2	52,8	4,4	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	6,4	33,6	56,0	4,0	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	3,2	27,2	53,2	16,4	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	33,2	47,2	19,2	19,2	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	4,8	40,4	43,6	11,2	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	8,0	24,0	48,8	19,2	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Về mức độ hoàn thành vai trò, theo ý kiến của cán bộ cấp trên cơ sở nhận định: “Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện xây dựng nông thôn mới đã được đội ngũ cán bộ ở cơ sở quan tâm, luôn thường trực xem đó là nhiệm vụ trọng tâm, có tính chất quan trọng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Do đó, về cơ bản tôi đánh giá cao nội dung kiểm tra, giám sát của đội ngũ cán bộ ở hệ thống chính trị cấp cơ sở của huyện thời gian qua” - PVS, PCT huyện Borikan. Cũng qua kết quả khảo sát 2 đối tượng nhân dân và cán bộ, công chức cho thấy mức độ hoàn thành của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh

Bolikhambay đều có ĐTB các chủ thể đều đạt mức “khá”. Cụ thể, đánh giá của nhân dân với mức khá và tốt có tỷ lệ % của UBND bản là 69,6%, của Đảng uỷ cụm bản là 66,4%, của các tổ chức chính trị-xã hội bản là 54,8%, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là 68,0%; đánh giá của cán bộ, công chức được khảo sát có tỷ lệ % tương ứng với các chủ thể là 50,0% - 48,0% - 57,2% - 60,0% (xem bảng 3.14).

Từ số liệu trên ta thấy, việc hoàn thành vai trò kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới của Đảng uỷ cụm bản là thấp nhất chỉ với 38,4% nhân dân được khảo sát và 48% cán bộ-công chức cho rằng hoàn thành vai trò ở mức khá-tốt, rất thấp. Trong khi đó, chính Đảng uỷ cụm bản là chủ thể quan trọng trong việc đề ra các nghị quyết xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Việc thiếu kiểm tra, giám sát của Đảng uỷ cụm bản với UBND, với Mặt trận Lào xây dựng đất nước, với các tổ chức chính trị-xã hội bản theo chức năng, nhiệm vụ cũng là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập còn tồn tại trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhambay thời gian qua. Điều đó, cũng phản ánh thực tế trong thời gian qua kết quả việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhambay vẫn còn những hạn chế, bất cập và chưa mang tính bền vững là có nguyên nhân từ chính công tác kiểm tra, giám sát của đội ngũ cán bộ các cấp, trong đó có cán bộ cấp cơ sở.

### **3.2.7. Vai trò sơ, tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị lên cấp trên**

*\* Vai trò sơ, tổng kết rút kinh nghiệm.*

Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm trong xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng, với thực chất của sơ, tổng kết rút kinh nghiệm là đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập vẫn còn tồn tại để kịp thời điều chỉnh các biện pháp thực hiện trong quá trình thực hiện; đồng thời qua sơ, tổng kết rút kinh nghiệm cũng là tiền đề để hệ thống chính trị cấp cơ sở đề xuất, kiến nghị lên cấp trên trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Nhận thức được tầm quan trọng của sơ tổng kết, rút kinh nghiệm trong xây dựng nông thôn mới, hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhambay

đã có nhiều cố gắng, thường xuyên tiến hành sơ kết theo quý, theo năm với tinh thần trách nhiệm cao, kiểm điểm nghiêm túc những kết quả của quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Qua kết quả khảo sát 2 đối tượng nhân dân và cán bộ, công chức đều đánh giá “khá” về việc thực hiện vai trò sơ tổng kết, rút kinh nghiệm trong xây dựng nông thôn mới. Cụ thể, đánh giá khá tốt của nhân dân với UBND bản là 52,8%, của Đảng uỷ cụm bản là 71,2%, của các tổ chức chính trị-xã hội là 55,6%, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là 68,0%; đánh giá của cán bộ, công chức với UBND bản là 60,8%, của Đảng uỷ cụm bản là 60,4%, của các tổ chức chính trị-xã hội 52,8%, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản 55,2% (xem bảng 3.15).

**Bảng 3.15. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò sơ, tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	4,0	37,2	52,8	6,0	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	9,6	30,0	54,8	5,6	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	8,4	38,8	45,6	7,2	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	8,0	36,8	46,8	8,4	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	6,4	40,8	39,6	13,2	100,0
2. Đảng uỷ cụm bản	0,0	28,8	48,8	22,4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	5,2	39,2	39,6	16,0	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	3,2	28,8	56,8	11,2	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

“Công tác sơ, tổng kết những kết quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới theo quý, nửa năm, hàng năm và từng giai đoạn đều được đội ngũ cán bộ các cấp, đặc biệt là những người đứng đầu cơ sở chú ý thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Qua sơ, tổng kết đã kịp thời chỉ rõ những kết quả, đạt được, đồng thời chỉ ra những hạn chế, bất cập cần khắc phục. Tôi đánh giá cao đội ngũ cán bộ ở cụm bản, bản về nội dung này” - PVSPHONVILAYE - Chủ tịch UBND Huyện Thà Pha бат.



**Bảng 3.16. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò sơ, tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	3,2	33,2	62,0	1,6	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	10,4	33,2	50,4	6,0	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	4,0	36,4	52,8	6,8	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	6,4	23,2	61,2	9,2	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	4,8	25,2	50,4	19,6	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	4,8	22,4	48,8	24,0	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	3,2	30,8	53,2	12,8	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	10,0	22,8	44,8	22,4	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Tương ứng với mức độ đánh giá về việc thực hiện vai trò sơ tổng kết, rút kinh nghiệm trong xây dựng nông thôn mới khá tốt, việc đánh giá về mức độ hoàn thành vai trò này của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới cũng khá tương đồng khi cả 2 đối tượng đều có mức đánh giá từ khá đến tốt thấp nhất cũng lên tới 56,4% của Đảng ủy cụm bản. Tuy vậy, trong các mức đánh giá dựa trên thang đo của phiếu điều tra, đối tượng nhân dân về chủ thể Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản vẫn có 10,0% nhân dân được khảo sát cho rằng “kém”; của cán bộ, công chức vẫn có 10,4% đánh giá mức “kém” của chủ thể là Đảng ủy cụm bản (xem bảng 3.16).

Từ số liệu ta nhận thấy, mức độ hoàn thành vai trò này của UBND bản và Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản trong đánh giá của cả nhân dân và cán bộ, công chức được khảo sát tốt hơn. Theo đó, trung bình chung mức khá đến tốt của UBND bản là 70% của nhân dân, 63,6% của cán bộ, công chức; của Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là 67,2% của nhân dân và 70,4% của cán bộ, công chức. Theo kết quả quan sát và nghiên cứu thực tế của NCS thì đánh giá trên đây cũng là điều phù hợp với thực tế bởi chính chủ thể UBND là chủ thể chính trong tổ chức thực hiện và thực hiện việc kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới nên xuất phát từ thực tiễn việc thực hiện và hoàn thành vai trò

này của hai chủ thể này được đánh giá cao hơn Đảng ủy cụm bản và các tổ chức chính trị-xã hội bản là phù hợp với vị trí, vai trò của các tổ chức trong bộ máy chính quyền cơ sở.

*\* Vai trò đề xuất, kiến nghị lên cấp trên.*

Như trên đã đề cập việc thực hiện vai trò sơ tổng kết, rút kinh nghiệm là điều kiện để đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cấp cơ sở gửi các đề xuất, kiến nghị lên cấp trên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Trong thực tiễn triển khai xây dựng nông thôn mới ở địa phương cơ sở, việc đề xuất, kiến nghị nhằm giải quyết các vướng mắc, khó khăn lên cấp trên trong quá trình thực hiện là nhiệm vụ cần thiết, quan trọng. Theo đánh giá của cán bộ cấp huyện tỉnh Bolikhamxay về việc thực hiện vai trò này của hệ thống chính trị cấp cơ sở về vai trò này: *“trong thời gian qua, phụ trách việc tiếp nhận kiến nghị, đề xuất của các cụm bản trong quá trình xây dựng nông thôn mới, tôi nhận thấy đội ngũ cán bộ ở cơ sở đã có nhiều nội dung kiến nghị, đề xuất sát với đặc điểm kinh tế- xã hội của bản, của các bản và của các tầng lớp nhân dân ở địa phương; các kiến nghị, đề xuất đã làm rõ hơn những hạn chế, đặc biệt là những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở địa phương”* - PVS Chủ tịch UBND Huyện Thà Phabát.

**Bảng 3.17. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò đề xuất, kiến nghị lên cấp trên của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	4,0	30,8	55,6	9,6	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	3,2	24,8	64,0	8,0	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	2,4	42,8	45,2	9,6	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	3,2	30,8	56,4	9,6	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	4,8	32,4	42,0	20,8	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	0,0	22,0	59,2	18,8	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	3,2	35,6	46,4	14,8	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	3,2	33,6	44,0	19,2	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Theo kết quả khảo sát 2 đối tượng nhân dân và cán bộ, công chức cũng cho thấy mức độ đánh giá tương đồng với nhận định trên, cụ thể độ đánh giá của cả 2 đối tượng về việc thực hiện vai trò đề xuất, kiến nghị lên trên đều đạt mức khá. Cụ thể hơn, mức đánh giá khá và tốt của nhân dân được khảo sát với UBND bản là 62,8%, của Đảng ủy cụm bản là 78,0%, của các tổ chức chính trị-xã hội bản, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là 61,2%; đánh giá của cán bộ, công chức được khảo sát với tỷ lệ % tương ứng các chủ thể là 65,2% - 72,0% - 54,8% - 66,0% (xem bảng 3.17).

Trong so sánh với các vai trò, đây là vai trò có mức độ thực hiện khá tốt theo kết quả khảo sát cao, tương đồng với các vai trò như vai trò tuyên truyền vận động, vai trò tổ chức thực hiện, vai trò sơ, tổng kết. Trong tương quan số liệu và thực tiễn chỉ ra rằng Đảng ủy cụm bản và UBND bản thực hiện vai trò này tốt hơn so với các tổ chức chính trị - xã hội cụm bản và Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản. Xuất phát từ thực tiễn chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở thì đây là vai trò của các bộ phận đã được thực hiện đúng với chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận theo quy định của pháp luật.

**Bảng 3.18. Đánh giá của nhân dân và cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò đề xuất, kiến nghị lên cấp trên của hệ thống chính trị cấp cơ sở**

*Đơn vị tính: %*

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tổng
<b>* Cán bộ, công chức</b>					
1. UBND bản	3,2	21,6	55,6	19,6	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	25,2	57,2	17,6	17,6	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	3,2	27,6	54,8	14,4	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	6,8	19,6	49,6	24,0	100,0
<b>* Nhân dân</b>					
1. UBND bản	2,4	25,6	68,0	4,0	100,0
2. Đảng ủy cụm bản	1,6	26,0	64,0	8,4	100,0
3. Các tổ chức chính trị-xã hội	1,6	28,8	57,6	12,0	100,0
4. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản	4,0	14,8	70,8	10,4	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Tương ứng với việc thực hiện vai trò đề xuất, kiến nghị lên trên đạt mức khá, về mức độ hoàn thành vai trò đề xuất, kiến nghị lên trên cũng có mức đánh giá “khá”. Duy có chủ thể là Đảng ủy cụm bản trong đánh giá thấp

hơn theo kết quả khảo sát của đối tượng nhân dân với 35,2% cho rằng ở mức khá và tốt. Một tỷ lệ rất thấp. Điều đó cũng đặt ra trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ cụm bản cần quan tâm thực hiện nhiệm vụ này hơn nữa để đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn (xem bảng 3.18).

Việc đánh giá mức độ thực hiện và mức độ hoàn thành vai trò đề xuất, kiến nghị lên trên chỉ ở mức “khá” và “trung bình” của hệ thống chính trị cấp cơ sở của cán bộ - công chức và nhân dân được khảo sát là có cơ sở. Theo đó, trong giai đoạn 2016 - 2020, việc thực hiện nội dung kiến nghị, đề xuất lên cấp trên của hệ thống chính trị cấp cơ sở nhìn chung đã bước đầu có kết quả. Tuy nhiên đánh giá một cách khái quát và khách quan với yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương, của cơ sở có thể nhận thấy đây cũng là nội dung còn hạn chế của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, trong giai đoạn này, số lượng văn bản kiến nghị, đề xuất lên trên của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới chỉ có khoảng hơn 100 kiến nghị từ tất cả các cụm bản của 5 huyện, các văn bản kiến nghị, đề xuất lên trên chủ yếu tập trung vào việc xin hỗ trợ ngân sách để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các thiết chế văn hoá, hỗ trợ ngân sách cho đội ngũ cán bộ chuyên trách,... Chưa có nhiều kiến nghị, đề xuất về các nội dung phát triển sinh kế bền vững cho nhân dân, cải thiện nâng cao chất lượng sống cho nhân dân.

Từ thực tế số liệu cho thấy, UBND bản là tổ chức được đánh giá cao nhất về mức độ hoàn thành vai trò này từ kết quả khảo sát của nhân dân. Có thể nhận thấy đây là nội dung phù hợp với thực tiễn bởi nhân dân khi làm việc với chính quyền về việc thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới chủ yếu tiếp xúc với cán bộ ở UBND. Trong khi đó chính quyền các cấp ở Lào đã được nhất thể hóa về Đảng và chính quyền do đó đứng đầu tổ chức Đảng cũng là người đứng đầu tổ chức chính quyền điều này được thể hiện khá rõ ở kết quả khảo sát của cán bộ, công chức. Chính đội ngũ cán bộ công chức hiểu khá rõ điều này do đó mức đánh giá về việc hoàn thành nhiệm vụ của Đảng uỷ và UBND là khá tương đồng.

### 3.3. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN, SỰ CHUYỂN BIẾN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH BOLIKHAMXAY

#### 3.3.1. Đánh giá về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của người dân và cán bộ công chức được khảo sát

##### 3.3.1.1. Đánh giá của cán bộ được khảo sát

Trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay được thực hiện qua kết quả khảo sát của cán bộ về cơ bản đều đạt mức 3 - “trung bình” và mức 2 - “khá”. Cụ thể:

Các tiêu chí thực hiện đạt được mức 3: “trung bình” có 9 tiêu chí bao gồm: 1) hệ thống giao thông; 2) thông tin và truyền thông; 3) nhà ở dân cư; 4) tăng thu nhập, mức sống người dân; 5) tăng tỷ lệ lao động có việc làm; 6) chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất; 7) giáo dục, đào tạo nghề; 8) hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; 9) Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Cả 9 tiêu chí này chỉ có ĐTB đánh giá mức độ thực hiện trung bình chiếm số đông trong số lượng cán bộ khảo sát (xem bảng 3.19).

**Bảng 3.19. Các tiêu chí xây dựng nông thôn mới có mức độ thực hiện mức “trung bình” theo đánh giá của cán bộ ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: điểm trung bình và %*

Lĩnh vực/mức độ	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Điểm trung bình
1. Hệ thống giao thông	0,8	13,2	39,2	25,6	1,2	<b>3.13</b>
2. Thông tin và truyền thông	0,0	11,6	54,4	33,2	0,8	<b>3.23</b>
3. Nhà ở dân cư	0,0	5,6	64,8	28,8	0,8	<b>3.25</b>
4. Tăng thu nhập, mức sống người dân	0,0	13,2	63,2	22,8	0,8	<b>3.11</b>
5. Tăng tỷ lệ lao động có việc làm	0,8	11,2	58,4	19,6	0,0	<b>3.07</b>
6. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất	0,0	4,4	57,6	36,8	1,2	<b>3.35</b>
7. Giáo dục, đào tạo dạy nghề	0,0	14,4	65,6	20,0	0,0	<b>3.06</b>
8. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	0,8	18,4	49,2	30,8	0,8	<b>3.12</b>
9. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	0,8	12,4	57,2	28,8	0,8	<b>3.16</b>

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Các tiêu chí ở mức 4: “khá” có 10 tiêu chí, cụ thể: 1) quy hoạch nông thôn; 2) hệ thống điện; 3) hệ thống trường học; 3) giảm tỷ lệ hộ nghèo; 5) y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; 6) văn hoá tinh thần; 7) môi trường và an

toàn thực phẩm; 8) Cơ sở vật chất văn hóa; 9) quốc phòng-an ninh; 10) hệ thống thủy lợi (bảng 3.20). Trong đó, các tiêu chí như hệ thống trường học, giảm tỷ lệ hộ nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay qua đánh giá của nhân dân có mức độ tương đồng khá lớn báo cáo thực hiện xây dựng nông thôn mới của tỉnh ở giai đoạn 2016-2020.

**Bảng 3.20. Các tiêu chí xây dựng nông thôn mới có mức độ thực hiện mức “khá” theo đánh giá của cán bộ ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: điểm trung bình và %*

Lĩnh vực/mức độ	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Điểm trung bình
1. Quy hoạch nông thôn	3,2	30,0	56,0	10,8	<b>3.74</b>
2. Hệ thống điện	3,2	18,0	45,6	33,2	<b>4.09</b>
3. Hệ thống trường học	0,0	14,0	75,4	10,8	<b>3.97</b>
4. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	3,2	45,2	51,6	0,0	<b>3.48</b>
5. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	1,6	26,4	61,6	10,4	<b>3.81</b>
6. Văn hóa tinh thần	1,6	31,6	58,4	8,4	<b>3.74</b>
7. Môi trường và an toàn thực phẩm	0,0	22,4	57,2	20,4	<b>3.98</b>
8. Cơ sở vật chất văn hoá	0,0	30,8	62,4	6,8	<b>3.76</b>
9. Quốc phòng và an ninh	0,8	21,6	58,4	19,2	<b>3.96</b>
10. Hệ thống thủy lợi	6,8	31,6	53,2	8,4	<b>3.63</b>

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Qua việc đánh giá của nhân dân về mức độ thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay cho thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn những khó khăn, hạn chế trong việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Có thể thấy những tiêu chí gắn với đời sống, phát triển kinh tế-xã hội và sinh kế bền vững của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn chỉ mới đạt ở mức “trung bình”. Việc thực hiện các tiêu chí như xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà ở dân cư, tăng thu nhập mức sống cho nhân dân ngoài sự nỗ lực của hệ thống chính trị cấp cơ sở, của mỗi người dân còn cần đến sự hỗ trợ vật chất, ngân sách từ Tỉnh, Huyện mới có thể thực hiện được kết quả cao. Đồng thời việc chuyển biến các tiêu chí này không đơn thuần diễn ra trong khoảng thời gian ngắn là có kết quả được mà nó

còn là sự chuyển biến của một quá trình với sự tác động tổng hợp của cả những nhân tố khách quan, chủ quan như trên đã khẳng định.

### 3.3.1.2. *Đánh giá của nhân dân được khảo sát*

Nhân dân được khảo sát cũng có mức độ đánh giá khá tương đồng với đội ngũ cán bộ, theo đó trong đánh giá của nhân dân cũng có 2 nhóm yếu tố ở 2 mức độ thực hiện khác nhau. Về mức độ thực hiện “trung bình” có 10 tiêu chí: 1) hệ thống giao thông; 2) cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; 3) thông tin và truyền thông; 4) nhà ở dân cư; 5) tăng thu nhập, mức sống người dân; 6) tăng tỷ lệ lao động có việc làm; 7) chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất; 8) giáo dục, đào tạo nghề; 9) hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; 10) Cơ sở văn hóa (bảng 3.21). Trong nhóm các tiêu chí được đánh giá mức độ thực hiện “trung bình” của đội ngũ cán bộ, công chức trùng với nhân dân cả 8/9 tiêu chí. Như phần đánh giá của nhân dân đã luận giải về lý do việc các tiêu chí này chỉ được đánh giá mức thực hiện trung bình cũng sẽ được lý giải như vậy.

**Bảng 3.21. Các tiêu chí xây dựng nông thôn mới có mức độ thực hiện mức “trung bình” theo đánh giá của nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: điểm trung bình và %*

Lĩnh vực/mức độ	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Điểm trung bình
1. Hệ thống giao thông	6,4	24,8	52,8	11,2	4,8	<b>2.83</b>
2. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	0,0	0,0	26,4	49,6	24,0	<b>2.98</b>
3. Thông tin và truyền thông	0,0	23,2	55,2	16,8	4,8	<b>3.03</b>
4. Nhà ở dân cư	0,0	10,4	68,8	17,6	3,2	<b>3.14</b>
5. Tăng thu nhập, mức sống người dân	0,0	9,6	66,4	22,4	1,6	<b>3.16</b>
6. Tăng tỷ lệ lao động có việc làm	0,0	16,0	52,0	28,8	3,2	<b>3.19</b>
7. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất	0,0	10,8	55,2	29,2	1,6	<b>3.28</b>
8. Giáo dục, đào tạo dạy nghề	0,0	16,4	56,4	24,0	3,2	<b>3.14</b>
9. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	0,0	22,8	54,8	17,6	1,6	<b>2.92</b>
10. Cơ sở văn hóa	0,0	0,0	2,0	57,6	40,4	<b>3.38</b>

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Về các tiêu chí được nhân dân đánh giá ở mức 4: “khá” bao gồm 8 tiêu chí, cụ thể: 1) quy hoạch nông thôn; 2) hệ thống thủy lợi; 3) hệ thống điện; 4) hệ thống trường học; 5) giảm tỷ lệ hộ nghèo; 6) y tế, chăm sóc sức khỏe nhân

dân; 7) văn hoá tinh thần; 8) môi trường và an toàn thực phẩm; và một tiêu chí ở mức 5 - “tốt” quốc phòng và an ninh với ĐTB là 4.27 (bảng 3.21). Trong so sánh với đánh giá của cán bộ về 8 tiêu chí trùng nhau, ngoài ra theo nhân dân được khảo sát có thêm 2 tiêu chí bao gồm 1) cơ sở vật chất văn hoá và 2) quốc phòng và an ninh ở mức “khá”.

**Bảng 3.22. Các tiêu chí xây dựng nông thôn mới có mức độ thực hiện “khá” theo đánh giá của nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: điểm trung bình và %*

Lĩnh vực/mức độ	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Điểm trung bình
1. Quy hoạch nông thôn	9,6	43,2	37,6	9,6	<b>3.47</b>
2. Hệ thống thuỷ lợi	6,0	52,8	36,0	8,0	<b>3.46</b>
3. Hệ thống điện	1,6	24,0	41,6	32,8	<b>4.06</b>
4. Hệ thống trường học	0,0	32,4	54,8	12,8	<b>3.80</b>
5. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	6,8	49,6	35,6	8,0	<b>3.45</b>
6. Y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân	2,0	35,6	54,4	8,0	<b>3.68</b>
7. Văn hoá tinh thần	5,2	39,6	46,8	8,4	<b>3.57</b>
8. Môi trường và an toàn thực phẩm	3,6	18,4	54,8	23,2	<b>3.98</b>
9. Quốc phòng và an ninh	2,0	6,4	54,4	36,2	<b>4.27</b>

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Theo tác giả, việc đánh giá 10 tiêu chí này ở mức “khá” trong việc thực hiện của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay của cả nhân dân và cán bộ, công chức là có cơ sở thực tiễn. Trong 10 năm gần đây, đặc biệt là từ khi thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 1 từ 2010-2015 và giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay đời sống của nhân dân ngày càng cải thiện về nhiều mặt, sinh kế của người dân phát triển theo hướng bền vững hơn, cùng với đó là sự gia tăng của các yếu tố bảo đảm tinh thần. Điều đó, bước đầu có thể ghi nhận và khẳng định những nỗ lực, cố gắng của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong việc thực hiện các vai trò được tổ chức, Đảng, Nhà nước giao phó trong các hoạt động xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

### **3.3.2. Đánh giá về việc chuyển biến các nội dung trước và sau khi thực hiện xây dựng nông thôn mới**

#### **3.3.2.1. Đánh giá của nhân dân**

Trong đánh giá của nhân dân được khảo sát về việc chuyển biến các nội dung trước và sau khi thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa phương có 3



nội dung có sự chuyển biến ở mức 3 - “trung bình”, cụ thể: 1) Phong cách làm việc của cán bộ với ĐTB là 3.38; 2) Cơ sở hạ tầng nông thôn với ĐTB là 3.31; 3) Nghề nghiệp, việc làm của người dân với ĐTB 3.19 (bảng 3.23). Theo đánh giá của tác giả qua quan sát và nghiên cứu các báo cáo về phát triển kinh tế-xã hội, báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay về cơ bản đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay về trình độ chuyên môn cơ bản được đào tạo chấp vá, ngắn hạn, chủ yếu phát triển qua việc công tác lâu năm rồi trở thành cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Do đó, việc chuyển biến về phong cách làm việc gắn với những đổi mới của thực hiện xây dựng nông thôn mới chưa thực sự đáp ứng yêu cầu là nguyên nhân có thể hiểu được. Về cơ sở hạ tầng nông thôn và nghề nghiệp, việc làm của người dân việc chuyển biến ở mức “trung bình” có thể được giải thích là Bolikhamxay vẫn là một tỉnh còn nhiều khó khăn, vẫn phải nhận kinh phí từ Trung ương trong phát triển kinh tế-xã hội; sự phát triển của các khu công nghiệp, khu chế xuất, phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp chưa nhiều, chưa nhanh do đó số lượng công việc mới tạo ra cho nhân dân trên địa bàn chưa nhiều. Tình trạng lao động trẻ của tỉnh đi lao động ở các tỉnh khác vẫn còn diễn ra phổ biến và có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây như báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới tỉnh Bolikhamxay giai đoạn 2016 - 2020 đã chỉ ra.

**Bảng 3.23. Các nội dung xây dựng nông thôn mới có mức độ chuyển biến “trung bình” theo đánh giá của nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: điểm trung bình và %*

Lĩnh vực/mức độ	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Điểm trung bình
1. Phong cách làm việc của cán bộ	0,0	42,0	47,6	10,4	<b>3.09</b>
2. Cơ sở hạ tầng nông thôn	10,0	52,0	34,8	3,2	<b>3.31</b>
3. Nghề nghiệp, việc làm của người dân	9,6	63,6	25,2	1,6	<b>3.19</b>

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Về các nội dung có mức chuyển biến khá theo đánh giá của nhân dân được khảo sát có 12 tiêu chí, cụ thể: 1) Bầu không khí dân chủ ở địa phương;

2) Quyền làm chủ của nhân dân; 3) Lòng tin của nhân dân với Đảng, Chính quyền; 4) Tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; 5) Công tác xây dựng chính quyền của địa phương; 6) Công tác xây dựng chính quyền của địa phương; 7) Công tác xây dựng mặt trận và các đoàn thể; 8) Tình hình an ninh trật tự của địa phương; 9) Trách nhiệm của người đứng đầu; 10) Đời sống vật chất của người dân; 11) Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm; 12) Giáo dục, văn hoá, sức khỏe cư dân (bảng 3.24).

**Bảng 3.24. Các nội dung xây dựng nông thôn mới có mức độ chuyển biến mức “khá” theo đánh giá của nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: điểm trung bình và %*

Lĩnh vực/mức độ	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Điểm trung bình
1. Bầu không khí dân chủ ở địa phương	0,0	22,8	50,4	26,8	<b>4.04</b>
2. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện	3,2	28,0	38,8	30,0	<b>3.96</b>
3. Lòng tin của dân với Đảng, chính quyền	1,6	22,0	35,2	41,2	<b>4.16</b>
4. Tình hình phát triển KT - XH của địa phương	3,2	35,6	43,6	17,6	<b>3.76</b>
5. Công tác xây dựng Đảng của địa phương	0,0	27,6	58,8	17,6	<b>3.86</b>
6. Công tác xây dựng C.Quyền ở địa phương	0,0	29,2	62,0	8,8	<b>3.80</b>
7. Công tác xây dựng Mặt trận và các đoàn thể	0,0	37,2	55,6	7,2	<b>3.70</b>
8. Tình hình an ninh trật tự của địa phương	0,0	29,6	45,6	24,8	<b>3.95</b>
9. Trách nhiệm của người đứng đầu	0,0	27,6	54,0	18,4	<b>3.91</b>
10. Đời sống vật chất của người dân	0,0	49,2	37,6	8,4	<b>3.50</b>
11. Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm	0,0	27,2	51,6	21,2	<b>3.94</b>
12. Giáo dục, văn hóa, sức khỏe cư dân	0,0	37,2	52,8	10,0	<b>3.73</b>

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Những nội dung có mức chuyển biến mức “khá” so với trước khi triển khai xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay theo đánh giá của nhân dân được khảo sát thể hiện rõ mức độ thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trên 2 phương diện: *thứ nhất*, là sự nỗ lực cố gắng trong việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện bộ máy, hoàn thành chức trách nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở; *thứ hai*, sự nỗ lực cố gắng của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, của huyện vào thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

### **3.3.2.2. Đánh giá của cán bộ, công chức**

Theo đánh giá của đội ngũ cán bộ - công chức, nội dung “Lòng tin với Đảng, Chính quyền” là nội dung được đánh giá mức 1 - “tốt” với điểm trung bình là 4.27 [Phụ lục 3: C18].

Các nội dung có mức chuyển biến mức 3 - “trung bình” có 2 nội dung, cụ thể: 1) cơ sở hạ tầng nông thôn với ĐTB là 3.36; 2) nghề nghiệp, việc làm của người dân với ĐTB là 3.22 (bảng 3.25). Có sự tương đồng giữa đánh giá của cán bộ, công chức với đánh giá của nhân dân được khảo sát về sự chuyển biến ở mức “trung bình” của 2 nội dung này.

**Bảng 3.25. Các nội dung xây dựng nông thôn mới có mức độ chuyển biến mức “trung bình” theo đánh giá của cán bộ, công chức ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: điểm trung bình và %*

Lĩnh vực/mức độ	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Điểm trung bình
1. Cơ sở hạ tầng nông thôn	0,8	4,4	56,4	34,4	4,0	<b>3.36</b>
2. Nghề nghiệp, việc làm của người dân	0,0	6,0	67,6	24,4	2,0	<b>3.22</b>

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Về các nội dung có mức chuyển biến “khá” so với trước khi xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay có 12 nội dung như ở bảng 3.26 đã trình bày.

**Bảng 3.26. Các nội dung xây dựng nông thôn mới có mức độ chuyển biến mức “khá” theo đánh giá của cán bộ, công chức ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: điểm trung bình và %*

Lĩnh vực/mức độ	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Điểm trung bình
1. Bầu không khí dân chủ ở địa phương	0,0	24,6	52,8	23,2	<b>3.99</b>
2. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện	1,6	24,4	34,8	19,2	<b>3.92</b>
3. Tình hình phát triển KT - XH của địa phương	2,4	42,4	41,6	13,6	<b>3.66</b>
4. Công tác xây dựng Đảng của địa phương	0,0	8,8	78,0	13,2	<b>4.04</b>
5. Công tác xây dựng C.Quyền ở địa phương	0,0	20,4	70,4	9,2	<b>3.89</b>
6. Công tác xây dựng Mặt trận và các đoàn thể	0,0	29,6	65,6	4,8	<b>3.75</b>
7. Phong cách làm việc của cán bộ	1,6	30,4	59,2	8,8	<b>3.76</b>
8. Tình hình an ninh trật tự của địa phương	2,0	23,2	62,8	12,0	<b>3.85</b>
9. Trách nhiệm của người đứng đầu	0,8	24,4	56,4	18,4	<b>3.92</b>
10. Đời sống vật chất của người dân	4,4	51,6	37,6	6,4	<b>3.46</b>
11. Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm	0,0	30,8	52,8	16,4	<b>3.86</b>
12. Giáo dục, văn hóa, sức khỏe của cư dân	2,4	39,6	52,4	5,6	<b>3.61</b>

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Ở đây theo NCS, việc đánh giá các nội dung này có mức chuyển biến “khá” của đội ngũ cán bộ, công chức cũng có sự tương đồng với đánh giá của nhân dân. Qua đây cho thấy, đội ngũ cán bộ công chức các cấp cũng đánh giá

cao những nỗ lực của đội ngũ cán bộ ở hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay trong việc cụ thể hoá, triển khai quyết liệt các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới vào địa phương thời gian qua.

### **Kết luận chương 3**

Trong chương 3, NCS đã tiến hành khảo sát, phân tích, đánh giá bối cảnh thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp huyện ở tỉnh Bolikhamxay trên 3 phương diện chủ yếu: 1) Khái lược điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa-xã hội của tỉnh; 2) Đặc điểm hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay; 3) Vài nét về kết quả xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Điều này có ý nghĩa làm cơ sở thực tiễn cho việc tiến hành phân tích vai trò của hệ thống chính trị cấp huyện và cặn bản trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay, trên 7 khía cạnh khác nhau. Bao gồm: 1) Vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết và chính sách, pháp luật trong xây dựng nông thôn mới; 2) Vai trò tuyên truyền vận động tham gia xây dựng nông thôn mới; 3) Vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; 4) Vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới; 5) Vai trò kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; 6) Vai trò huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới; 7) Vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền. Trong mỗi vai trò luôn thể hiện khả năng và tính hiệu quả nhất định trong thực hiện của các thành viên thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở. Tuy nhiên, có một sự khác nhau đáng kể trong đảm nhận công việc và kết quả thực hiện vai trò trong xây dựng nông thôn mới giữa các thành viên thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở. Ngoài việc phân tích đánh giá trực tiếp kết quả thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở và từng thành viên trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, NCS còn tiến hành phân tích, đánh giá gián tiếp thông qua kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới so với nhu cầu, sự hài lòng của người dân; quy trình thực hiện, cách thức và mức độ tham gia xây dựng nông thôn mới; mức độ chuyển biến về kinh tế-xã ở địa phương hiện nay so với trước khi thực hiện xây dựng nông thôn mới. Qua đó, cho thấy có sự khác biệt đáng kể trong thực hiện các vai trò và kết quả thực hiện các vai trò của từng thành viên trong hệ thống chính trị cấp huyện trên địa

bản tỉnh Bolikhamxay. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của chương 3 cũng gợi lên sự khác biệt đáng kể trong đánh giá vai trò của hệ thống chính trị cấp huyện và kết quả xây dựng nông thôn mới giữa hai nhóm chủ thể quyền lực: cán bộ bản và người dân trong cộng đồng. Đặc biệt, từ kết quả nghiên cứu này đã gợi mở những vấn đề đặt ra và các giải pháp nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp huyện trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay sẽ được phân tích làm rõ ở chương 4 của Luận án.

Việc thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới đã và đang được các chủ thể thực hiện về cơ bản ở mức khá và tốt. Tốt hơn trong các vai trò là tuyên truyền, vận động, vai trò tổ chức thực hiện, vai trò sơ tổng kết. Kém hơn trong việc thực hiện các vai trò đó chính là vai trò kiểm tra, giám sát. Vai trò xây dựng nông thôn mới được UBND bản, Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản có mức độ thực hiện thường xuyên hơn hơn so với Đảng uỷ cụm bản và các tổ chức chính trị-xã hội bản trong triển khai các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Trong thực tế, chính hai chủ thể UBND bản và Mặt trận Lào xây dựng đất nước bản là các tổ chức thực hiện vai trò trực tiếp và gián tiếp nhiều hơn trong xây dựng nông thôn mới.

Về cơ bản các thành viên của hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay đã có nhiều cố gắng, nỗ lực thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa phương; bằng nhiều hình thức, gắn sát với những điều kiện kinh tế-xã hội và đặc điểm văn hoá, xã hội, dân cư trên địa bàn đã hệ thống chính trị cấp cơ sở đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt và vượt nhiều chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Tuy nhiên, xét một cách tổng thể cho những kết quả về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay có nhiều nội dung chỉ tiêu chưa đạt, hoặc có những nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới có chuyển biến nhưng chưa mang tính chất bền vững, gắn sát với điều kiện, khả năng của địa phương và người dân. Trong đó nổi lên hạn chế cơ bản là năng lực, kỹ năng quản lý, điều hành thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở cấp cơ sở vẫn còn nhiều hạn chế do đó chưa thực hiện tốt yêu cầu cốt lõi của chương trình là phải phát huy được vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới.

**Chương 4****CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY  
VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH BOLIKHAMXAY****4.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH  
TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH  
BOLIKHAMXAY, NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO****4.1.1. Đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước Lào  
liên quan đến hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới**

Đảng và Nhà nước Lào luôn quan tâm và có nhiều chủ trương lớn về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Các chủ trương của Đảng nhân dân cách mạng Lào đã được thể chế hóa bằng các chính sách, cơ chế và được các cấp, các ngành, các địa phương ở Lào triển khai trong thực tế. Cho đến nay nước Lào đã có một hệ thống đường lối, cơ chế, chính sách và pháp luật khá đồng bộ và đầy đủ liên quan đến xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở và xây dựng nông thôn mới. Cần khẳng định rằng sự thành công hay không của xây dựng nông thôn mới ở cả nước Lào nói chung và của từng địa phương là tổng hợp của nhiều nguyên nhân, tuy nhiên có thể nhận thấy nguyên nhân quan trọng, đầu tiên là hệ thống chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Lào cũng như sự cụ thể hoá thành thực tiễn phù hợp với từng địa phương.

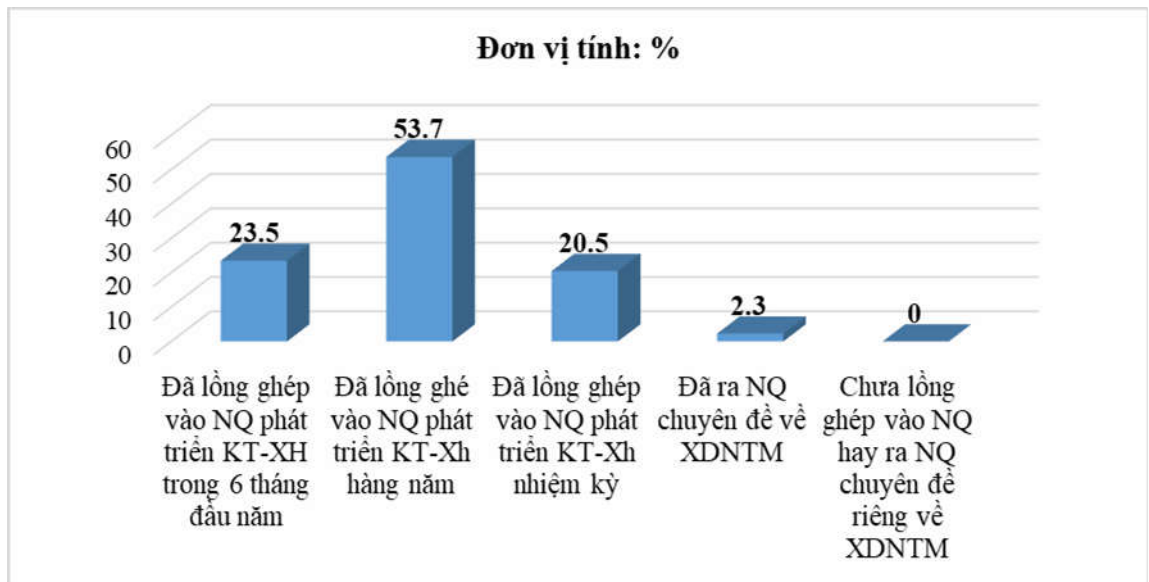
Cụ thể hoá các Nghị quyết số 25, ngày 22/12/2014 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc tạo tỉnh là đơn vị chiến lược, tạo huyện là đơn vị vững mạnh toàn diện, tạo thôn là đơn vị phát triển. Nghị định số 348, ngày 16/11/2017 của Chính phủ về tiêu chuẩn toàn diện và tiêu chuẩn phát triển, Pháp Lệnh số 097, ngày 18/02/2020 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển nông thôn và giải quyết tình trạng đói nghèo của người dân. Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng số 056, ngày 19/12/2018 về nâng cao bản lĩnh chính trị, chế độ dân chủ nhân dân trong

sạch vững mạnh. Đảng bộ tỉnh Bolikhamxay đã ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy số 10/UBND, ngày 17/01 2022 về công tác xây dựng nông thôn mới với các nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng cơ sở chính trị, phát triển nông thôn toàn diện và công tác 3 có liên quan đến cuộc vận động yêu nước và phát triển năm 2022.

Đồng thời với quan điểm xác định chương trình xây dựng nông thôn mới là chương trình có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc. Để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí cụm bản, bản phát triển trong giai đoạn 2011 - 2015 và tiếp tục phấn đấu đạt chi tiêu về số lượng cụm bản đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020. Rút kinh nghiệm về những vấn đề chưa làm được trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn của giai đoạn I. Ở giai đoạn II, trên cơ sở vận dụng các văn bản hướng dẫn của Trung ương. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục có thêm những Nghị quyết, công văn và các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 làm cơ sở để phát huy những kết quả đạt được cũng như kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế ở giai đoạn trước. Cụ thể một số văn bản chính như: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về chỉ phân bổ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xây dựng NTM cấp cụm bản trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay giai đoạn 2018 - 2020; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 về việc bổ sung, sửa đổi Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Nghị quyết này đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình vì đã khắc phục được tình trạng trông chờ vào sự hỗ trợ của ngân sách cấp tỉnh, khắc phục được sự chậm trễ trong quá trình thực hiện đầu tư các công trình về kết cấu hạ tầng đồng thời phát huy được tinh chủ động trong việc sử dụng nguồn lực được hỗ trợ của địa phương. Tỉnh ủy có công văn số 1475-CV/TU ngày 15/3/2019 về việc tiếp tục tăng cường lãnh đạo thực hiện Chương trình. Qua thực tiễn các khung khổ pháp lý ban hành đã có tác động lớn, tích cực tới việc thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay.

Theo kết quả khảo sát đội ngũ cán bộ, công chức đều khẳng định sự tác động rất lớn của chủ trương, đường lối của Đảng, Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ Huyện tới vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay khi có tới 52,0% cho rằng tác động “rất lớn”, 35,2% cho rằng tác động “lớn”; về nội dung đánh giá sự tác động của chính sách, pháp luật của Nhà nước có 70,8% cán bộ, công chức được khảo sát cho rằng tác động “rất lớn”, 17,2% cho rằng tác động “lớn” [Phụ lục 3: C18].

**Biểu đồ 4.1. Kết quả khảo sát đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện ở Bolikhamxay về việc triển khai xây dựng nông thôn mới trong các nghị quyết**



*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Cũng qua kết quả khảo sát cán bộ, công chức từ cấp huyện đến cấp cơ sở của tác giả cho thấy, trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương, đội ngũ cán bộ các cấp đã thường xuyên cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng nhân dân cách mạng Lào, của Đảng bộ tỉnh Bolikhamxay vào các nghị quyết, hướng dẫn khác nhau, cụ thể: có 23,5% cán bộ được khảo sát cho biết đã lồng ghép vào nghị quyết phát triển kinh tế-xã hội trong 6 tháng đầu năm, có 53,7% cán bộ được khảo sát cho biết lồng ghép vào nghị quyết phát triển kinh tế-xã hội hàng năm, 20,5% cán bộ được khảo sát cho biết đã lồng ghép vào nghị quyết phát triển kinh tế-xã hội nhiệm kỳ và 2,3% cho biết đã ra nghị quyết chuyên đề về xây dựng nông thôn mới (xem biểu đồ 4.1).



*“Việc quan tâm, triển khai và đưa các nội dung, chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới trong nghị quyết lãnh đạo của Đảng bộ huyện, của Đảng uỷ cụm bản tạo ra những điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong quá trình triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu mà Chính phủ, Chính quyền tỉnh, huyện đã cụ thể hoá và giao phó. Đó còn thể hiện sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng với nội dung quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế-xã hội của từng địa phương” - PVS Trưởng bản Thát; “Việc có Nghị quyết lãnh đạo về xây dựng nông thôn mới trên tư cách là người đứng đầu UBND bản thân tôi nhận thấy chính Nghị quyết về lãnh đạo xây dựng nông thôn mới giúp cho chúng tôi dễ triển khai, cụ thể hoá thành các biện pháp chỉ đạo trong thực tiễn, cũng thông qua nghị quyết của Đảng bộ cụm bản giúp cho chính quyền xác định được nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm gắn với điều kiện thực tiễn của địa phương hơn” - PVS Chủ tịch UBND Huyện Thà Phabát, như là minh chứng thêm cho những số liệu điều tra của tác giả.*

#### **4.1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa của tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào**

Thực hiện vai trò, nhiệm vụ của hệ thống chính trị nói chung, hệ thống chính trị cấp cơ sở nói riêng chịu sự chi phối, tác động lớn của các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hoá của địa phương. Với một địa phương có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội, văn hoá phát triển cao và toàn diện, đời sống xã hội của các tầng lớp nhân dân bảo đảm, trình độ dân trí cao,... sẽ tác động thuận lợi tới quá trình thực hiện vai trò, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ các cấp trong đó có đội ngũ cán bộ cấp cơ sở. Ngược lại, nếu các điều kiện này có nhiều hạn chế, sẽ tác động theo chiều hướng khó khăn tới quá trình thực hiện vai trò của hệ thống chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển địa phương phát triển kinh tế-xã hội.

Bolikhamxay là một tỉnh với sự đa dạng trong điều kiện địa hình khi có cơ bản là đồi núi, các vùng đồng bằng chủ yếu là nhỏ, xen kẽ giữa các giải núi; khí hậu nằm chung trong bối cảnh khí hậu nhiệt đới gió mùa nên lượng mưa lớn, nắng nhiều nhưng cũng chính điều kiện khí hậu này có tác động tiêu

cực nhất định tới phát triển nông nghiệp ở tỉnh. Về cơ bản trình độ dân trí còn thấp, trong đời sống của các tầng lớp nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn, các phong tục tập quán lạc hậu vẫn còn được nhân dân duy trì; các tư tưởng của xã hội cũ vẫn còn tồn tại và ám ảnh trong suy nghĩ, hành động của nhiều người; tâm lý an phận, ngại thay đổi vẫn còn phổ biến trong nhân dân... Những điều kiện đó đã tác động không nhỏ theo hướng tiêu cực tới việc thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay từ khi triển khai cho đến nay.

**Bảng 4.1. Đánh giá của nhân dân và cán bộ về mức độ tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hoá địa phương tới việc hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: %*

<b>Cán bộ - công chức</b>						
	<b>Không tác động</b>	<b>Tác động nhỏ</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Lớn</b>	<b>Rất lớn</b>	<b>Tổng</b>
1. Điều kiện tự nhiên của địa phương	2,0	2,4	3,2	25,6	66,8	100,0
2. Điều kiện KT - XH hội của địa phương	0,8	2,4	9,2	60,6	31,2	100,0
<b>Nhân dân</b>						
1. Điều kiện tự nhiên của địa phương	3,6	8,0	6,4	42,0	40,0	100,0
2. Điều kiện KT - XH hội của địa phương	6,8	9,6	11,2	47,6	24,8	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Qua kết quả khảo sát 2 đối tượng nhân dân và cán bộ, công chức nhận thấy, mức độ tác động của các điều kiện tự nhiên, kinh tế trong so sánh có lớn hơn mức độ tác động của các điều kiện về văn hoá, xã hội. Cụ thể, về điều kiện tự nhiên, kinh tế theo đánh giá của nhân dân là 40% rất lớn, 42,0% lớn; của cán bộ, công chức rất lớn là 66,8% và lớn là 25,6%. Về điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương có 24,8% nhân dân được khảo sát cho rằng rất lớn, 47,6% cho rằng lớn; đối tượng cán bộ-công chức có 60,6% cho rằng lớn, 31,2% cho rằng rất lớn (bảng 4.1). Trong thực tế, với việc thực hiện xây dựng nông thôn mới từ những khó khăn về nhiều mặt như ở tỉnh Bolikhamxay, lại là một tỉnh thuần nông, chưa có sự phát triển nông nghiệp lớn, nông nghiệp hàng hoá thì chính những điều kiện về tự nhiên, về cơ sở hạ tầng kinh tế sẽ có

tác động lớn, vai trò quan trọng đến việc hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới. Cũng đồng thời, khi kinh tế thực sự phát triển, đời sống vật chất của các tầng lớp nhân dân được nâng cao lúc đó các yếu tố về văn hoá, xã hội mới có điều kiện được nâng cao, cải thiện. Sự nâng cao về văn hoá, xã hội sẽ có tác động lớn đến sự phát triển mang tính vững bền, thực chất quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay nói chung và tác động đến vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới nói riêng.

Minh chứng thêm cho những số liệu trên là nhận định: *“Trên cương vị là một người đứng đầu địa phương, đồng thời là trưởng ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của cụm bản, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đội ngũ cán bộ và nhân dân thực hiện các nội dung chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới bản thân tôi nhận thấy, những chuyển biến trong thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa phương chưa mang tính vững bền là vẫn còn một bộ phận không nhỏ nhân dân chưa thoát khỏi nếp sống cũ của trước để lại, việc chuyển đổi sản xuất và vận dụng các phương thức sản xuất mới chưa có, chưa nhiều; vẫn còn những phong tục cũ mang tính lạc hậu, trì trệ tồn tại trong dân”* - PVS Chủ tịch UBND bản Nongkon.

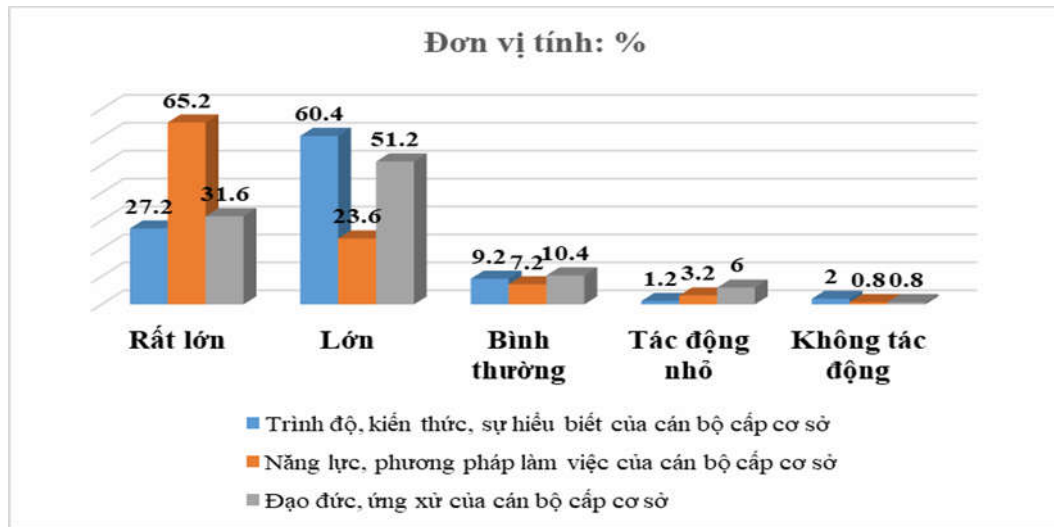
#### **4.1.3. Những yếu tố thuộc về đội ngũ cán bộ, công chức ở hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào**

Hệ thống chính trị cấp cơ sở có ổn định vững chắc hay không, có hoàn thành các chức năng nhiệm vụ hay không và hoàn thành ở mức độ như thế nào sẽ phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố như: trình độ phát triển kinh tế-xã hội, trình độ dân trí, mức sống, đặc điểm lịch sử và truyền thống văn hóa của địa phương; trình độ chính trị, chuyên môn lãnh đạo và quản lý của đội ngũ cán bộ thuộc hệ thống chính trị cơ sở, và tất nhiên, còn phụ thuộc cả vào các tác nhân khác thuộc môi trường thể chế vĩ mô [47]. Các yếu tố chủ quan và khách quan của hệ thống chính trị cấp cơ sở có ảnh hưởng quyết định đến việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Yếu tố khách quan của hệ thống chính trị cấp cơ sở gắn liền với hoàn cảnh,

điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng ở cơ sở; đặc điểm lịch sử, truyền thống văn hóa, tâm lý, tập quán của địa phương và các yếu tố khác thuộc môi trường thể chế vĩ mô [51]. Nhóm các yếu tố chủ quan của hệ thống chính trị cấp cơ sở là những phẩm chất thuộc về chủ thể gắn liền với sự hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở. Chủ thể trong hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở không phải là cấp vạch ra mà là tổ chức quán triệt thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên; hệ thống chính trị cơ sở là cấp vận dụng vào thực tiễn cơ sở, tổ chức, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng ở cơ sở nhằm không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân [51].

Trong thực tế, để tạo điều kiện cho việc thực hiện vai trò của hệ thống chính trị các cấp trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay, Đảng bộ, Chính quyền tỉnh đã thành lập, hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cụm bản và bản. Theo đó, ở cấp cụm bản, tất cả các cụm bản trên địa bàn tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Quản lý cấp cụm bản. Trong đó, Bí thư Đảng ủy hoặc Ban bí thư Đảng ủy cụm bản là Trưởng ban; Ban Quản lý do Chủ tịch UBND bản làm Trưởng ban, cùng các thành viên là các lãnh đạo các bộ phận chuyên môn, lãnh đạo Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể và Bí thư hoặc Trưởng các bản trên địa bàn cụm bản [107, tr.2]. Đồng thời kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp, ở cấp cụm bản có công chức phụ trách nông thôn mới, tất cả các cụm bản trên địa bàn tỉnh đều có bố trí 01 cán bộ công chức phụ trách xây dựng nông thôn mới theo quy định là công chức nông nghiệp - địa chính - xây dựng và môi trường kiêm nhiệm [107, tr.3].

**Biểu đồ 4.2. Đánh giá của cán bộ, công chức về mức độ tác động của những yếu tố bên trong đội ngũ cán bộ cơ sở với việc hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới**



*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Theo đó, qua kết quả khảo sát của tác giả cho thấy những yếu tố bên trong bản thân đội ngũ cán bộ ở hệ thống chính trị cơ sở có mức độ tác động từ khá lớn tới khả năng hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay. Cụ thể, theo đánh giá của đội ngũ cán bộ - công chức được khảo sát yếu tố trình độ, kiến thức, sự hiểu biết của cán bộ cơ sở có 27,2% cho rằng tác động rất lớn, 60,4% cho rằng tác động lớn; yếu tố năng lực, phương pháp làm việc của đội ngũ cán bộ cơ sở có 65,2% cho rằng tác động rất lớn, 23,6% cho rằng tác động lớn; và yếu tố đạo đức, ứng xử của cán bộ cấp cơ sở có 31,6% cho rằng tác động rất lớn, 51,2% cho rằng tác động lớn (biểu đồ 4.2).

Trong thực tiễn, những yếu tố thuộc về đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở như trình độ học vấn, kiến thức chuyên môn, sự am hiểu về điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương, năng lực và uy tín, tinh thần trách nhiệm và phương pháp công tác là những yếu tố chủ quan quan trọng ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành các nhiệm vụ nói chung của mỗi người, cũng như ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành các vai trò của họ. muốn có những yếu tố đó, đòi hỏi đội ngũ cán bộ cấp cơ sở phải được đào tạo cơ bản, chuyên sâu ở hệ thống các nhà trường, cùng với đó là quá trình tự học hỏi, tự tìm hiểu thông qua thực tiễn công tác của mỗi người. “*Có một điều dễ nhận thấy là đội ngũ cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản ở*

*các trường đại học về nông, lâm nghiệp,...lại có xu hướng hoàn thành tốt hơn các nhiệm vụ của xây dựng nông thôn mới so với đội ngũ cán bộ có tuổi ở các cụm bản”* – PVS Chủ tịch UBND Huyện Thà Phabát.

Qua số liệu khảo sát chúng ta thấy có sự chênh lệch nhau về đánh giá mức độ tác động của các yếu tố bên trong đội ngũ cán bộ cấp cơ sở ở hệ thống chính trị tỉnh Bolikhamxay ở cán bộ, công chức và nhân dân được khảo sát. Sự khác nhau này qua tìm hiểu của tác giả trong điều tra, khảo sát thực tế nhận thấy có các nguyên nhân sau: *một là*, đội ngũ cán bộ, công chức trong một chừng mực nào đó vẫn nhận định, nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của chính họ trong việc triển khai các chủ trương, đường lối vào thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế-xã hội nói chung, xây dựng nông thôn mới nói riêng trên địa bàn. Do đó mà có xu hướng đánh giá cao vai trò, mức độ tác động rất lớn của đội ngũ cán bộ ở hệ thống chính trị cấp cơ sở đến việc triển khai xây dựng nông thôn mới ở địa phương; *hai là*, đối với nhân dân được khảo sát chỉ đánh giá ở mức độ tác động “bình thường” (2 nội dung) và “lớn” (1 nội dung) là bởi chính họ là những người cảm nhận đầy đủ vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở đến việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Trong thực tế, không phải lúc nào đội ngũ cán bộ cấp cơ sở cũng có thể sâu sát, thường xuyên có mặt mọi lúc, mọi nơi trong quá trình triển khai các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở địa bàn; và bản thân đội ngũ cán bộ cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay cũng còn có nhiều người trình độ, năng lực, phương pháp làm việc còn hạn chế, chưa theo kịp thực tiễn, thua kém so với một bộ phận nhân dân. Cho nên mức độ đánh giá không cao của nhân dân về sự tác động của đội ngũ cán bộ tới khả năng hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở theo tác giả là có cơ sở thực tiễn.

#### **4.1.4. Dân chủ cơ sở, vai trò chủ thể của người nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào**

Do sự quan tâm Đảng và Nhà nước Lào đến việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở nông thôn trong khoảng 10 năm vừa qua đã dẫn đến việc triển

khai thực hiện dân chủ ở các cụm bản, bản được thực hiện tương đối tốt, quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng và phát huy, đã tác động tích cực đến việc phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở cụm bản, bản. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền và khối đại đoàn kết toàn dân trong tỉnh Bolikhamxay không ngừng được củng cố. Điều này được biểu hiện rất rõ thông qua quá trình người dân tự nguyện tự giác đóng góp nhiều công sức, thời gian và tài chính cho công cuộc xây dựng nông thôn mới. Theo đó, qua kết quả khảo sát của tác giả với nội dung *“tham gia các hoạt động nào liên quan đến xây dựng nông thôn mới”* của nhân dân được khảo sát có 24,7% đã trực tiếp đóng góp ngày công, 9,2% đã trực tiếp đóng góp nguyên vật liệu, 2,7% trực tiếp đóng góp đất đai, 8,1% đã trực tiếp đóng góp tiền, 6,2% trực tiếp tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới và có 2,7% đã trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới [Phụ lục 4: C1].

Kết quả khảo sát của tác giả cho thấy, sự tham gia tích cực của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới có 25,2% cán bộ-công chức cho rằng tác động lớn, 69,2% cho rằng tác động rất lớn. Đối với yếu tố trình độ dân trí, đội ngũ cán bộ - công chức được khảo sát có 32,8% cho rằng tác động lớn, 56% cho rằng tác động rất lớn; nhân dân được khảo sát cho rằng yếu tố này tác động lớn có 43,6% và tác động rất lớn với 37,2% (xem bảng 4.2).

Trong thực tiễn và cả lý luận cũng chứng minh rất rõ trình độ dân trí, sự hiểu biết của các tầng lớp nhân dân với việc thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước và hỗ trợ các cấp chính quyền có tỷ lệ thuận với nhau. Nếu các tầng lớp nhân dân có trình độ dân trí cao, có sự hiểu biết sẽ là yếu tố có tác động tích cực đến khả năng hoàn thành vai trò của đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị các cấp và ngược lại.

**Bảng 4.2. Mức độ tác động của nhân dân đối với việc thực hiện vai trò trong xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay**

*Đơn vị tính: %*

<b>Cán bộ - công chức</b>						
	<b>Không tác động</b>	<b>Tác động nhỏ</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Lớn</b>	<b>Rất lớn</b>	<b>Tổng</b>
1. Dân chủ hoá, công khai, minh bạch trong XDNTM	0,8	1,2	10,8	50,0	37,2	100,0
2. Trình độ dân trí	0,8	3,6	6,8	32,8	56,0	100,0
3. Sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân	0,0	3,2	2,4	25,2	69,2	100,0
<b>Nhân dân</b>						
1. Dân chủ hoá, công khai, minh bạch trong XDNTM	40,8	36,0	13,2	3,2	6,8	100,0
2. Trình độ dân trí	37,2	43,6	9,6	4,8	4,8	100,0
3. Sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân	51,6	24,4	14,4	9,6	0,0	100,0

*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Không ít trường hợp việc thực hành dân chủ còn mang tính hình thức, có nơi, có lúc còn biểu hiện lợi dụng dân chủ, khiêu khích đông người, vượt cấp hoặc gây mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Tình trạng quan liêu, không thực sự tôn trọng dân chủ còn khá nặng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức ở cấp cơ sở. Có biểu hiện quan liêu, xa dân ngay từ cơ sở. Quy chế dân chủ cơ sở, Pháp lệnh dân chủ ở cụm bản, bản tuy có triển khai thực hiện nhưng còn thiếu sự chỉ đạo, kiểm tra và giám sát thường xuyên. Đáng chú ý, quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Có lúc, có nơi, việc thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức. Việc xây dựng nông thôn mới đang bị lạm dụng với nhiều vấn đề tiêu cực xảy ra, tình trạng lạm thu chưa được khắc phục thậm chí là điều ám ảnh với nhiều nông dân. Chính những mặt trái, lệch lạc trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay đang làm cho đời sống của nông dân ở một số địa phương đã nghèo lại càng nghèo hơn, đã khó và khổ lại càng khó và khổ hơn.



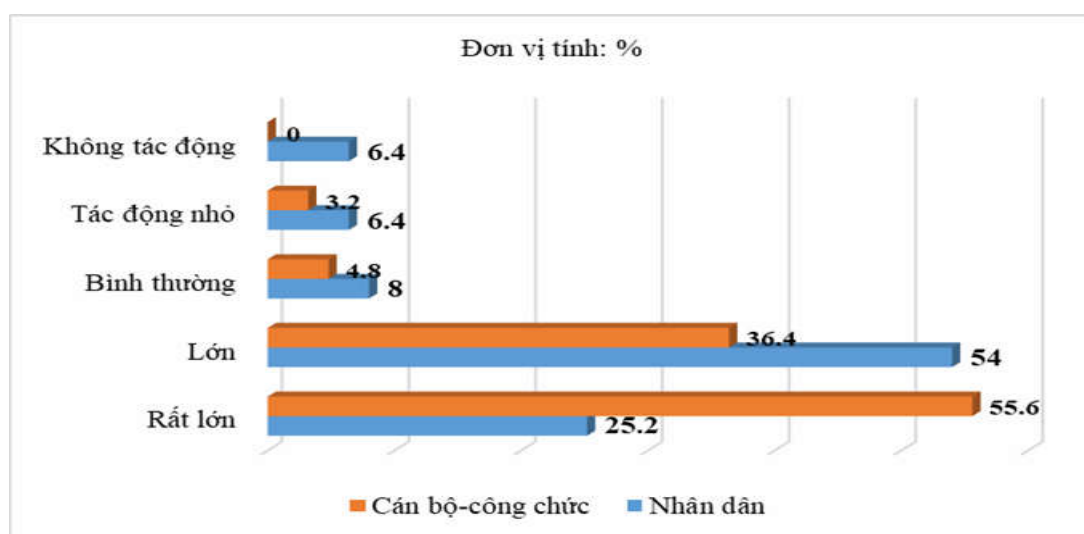
#### **4.1.5. Tác động của khoa học - công nghệ và kỹ thuật trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào**

Ở nước Lào, đã có nhiều chủ trương của Đảng và Nhà nước xác định rõ vị trí và tầm quan trọng của khoa học và công nghệ trong xây dựng nông thôn mới. Trong công cuộc đổi mới, nhất là những năm gần đây khi thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng vai trò của khoa học - công nghệ trong việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới càng đặc biệt quan trọng. Thành bại của quá trình này phụ thuộc rất nhiều vào khả năng tác động của yếu tố khoa học - công nghệ, kỹ thuật trong sản xuất nói chung, sản xuất nông nghiệp nói riêng. Khoa học công nghệ gắn liền với hoạt động của các nhà khoa học, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân... Đây là những người có năng lực tốt, trình độ cao, giàu kinh nghiệm thực tiễn, có nhiều tâm huyết, luôn muốn khẳng định và cống hiến cho xã hội và quê hương và hiện nay ít nhiều cũng tham gia, góp sức vào phong trào xây dựng nông thôn mới.

Là một tỉnh còn nhiều khó khăn cả về cơ sở hạ tầng, hạn chế về nguồn ngân sách phục vụ cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội nên trong nhiều năm qua sự phát triển về khoa học, kỹ thuật và công nghệ của tỉnh Bolikhamxay nhìn chung còn chậm, chưa có những chuyển biến lớn, phát triển chủ yếu mang tính chất nhỏ lẻ, tự phát mà chưa mang tính đồng bộ, có kế hoạch với một chiến lược dài hạn của chính quyền tỉnh. Do đó, trong thực tế tác động của khoa học, công nghệ và kỹ thuật tới sản xuất nông nghiệp, tới đời sống của người dân ở khu vực nông thôn còn chưa thực sự rõ nét, chưa tạo ra nhiều điều kiện để nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Bolikhamxay phát triển nhanh. Tuy nhiên, trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng mà Đảng, Nhà nước Lào đang thực hiện. Việc vận dụng khoa học, kỹ thuật và các công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, trong quản lý nông nghiệp và xây dựng nông thôn

mới là một quá trình không thể đảo ngược. Do đó, cần nhận thức đầy đủ về những tác động, những thời cơ và thách thức của khoa học, công nghệ và kỹ thuật mang lại trong sản xuất nông nghiệp, trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay.

**Biểu đồ 4.3. Đánh giá của cán bộ, công chức và nhân dân về mức độ tác động khoa học, công nghệ, kỹ thuật với việc hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp sơ sở ở tỉnh Bolikhamxay**



*Nguồn: Điều tra của tác giả tháng 10/2021*

Theo kết quả khảo sát của tác giả với 2 đối tượng nhân dân và cán bộ công chức cho thấy, mức độ tác động của việc vận dụng khoa học và công nghệ trong quản lý xây dựng nông thôn mới và vận dụng khoa học và kỹ thuật trong sản xuất ở nông thôn có mức độ tác động từ “lớn” đến rất lớn” việc thực hiện và hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay. Cụ thể: đội ngũ cán bộ - công chức được khảo sát có 55,6% cho rằng tác động rất lớn, 36,4% cho rằng tác động lớn; đối tượng nhân dân có 25,2% cho rằng tác động rất lớn, 54% cho rằng tác động lớn (xem biểu đồ 4.3).

Qua số liệu ta thấy có sự chênh lệch đánh giá mức độ tác động của nhân dân và cán bộ, công chức được khảo sát. Theo đó, mức độ đánh giá của nhân dân đều ở mức “lớn” và của cán bộ, công chức là mức “rất lớn”. Lý giải về sự chênh lệch này theo tác giả xuất phát từ 2 nguyên nhân: *một là*, trình độ

dân trí của cơ bản nhân dân ở vùng nông thôn tỉnh Bolikhamxay còn thấp, chủ yếu là tốt nghiệp trung học cơ sở và một bộ phận thể hệ sau này có khá hơn khi phần lớn tốt nghiệp trung học phổ thông. Tuy nhiên, bộ phận thể hệ trẻ lại chủ yếu tham gia sản xuất công nghiệp, dịch vụ ở các nhà máy, xí nghiệp trong các khu công nghiệp, còn lại ở nông thôn gắn với nông dân và sản xuất nông nghiệp là cư dân của thể hệ trước do đó việc đánh giá về vai trò của khoa học, công nghệ, kỹ thuật trong nâng cao chất lượng sản xuất nông nghiệp nói chung, trong ảnh hưởng tới khả năng hoàn thành vai trò chỉ đạo, lãnh đạo xây dựng nông thôn mới của cán bộ cấp cơ sở ở mức “lớn” là phù hợp; *hai là*, đội ngũ cán bộ, công chức về cơ bản có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật được đào tạo cơ bản qua hệ thống trường, lớp nên họ có nhận thức đầy đủ hơn vị trí, vai trò của khoa học, kỹ thuật và công nghệ tới phát triển kinh tế-xã hội vùng nông nghiệp, ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò và mức độ hoàn thành vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở mức “rất lớn” cũng là phù hợp.

Trong xu thế chung trước những tác động ngày càng sâu, rộng và toàn diện của khoa học, kỹ thuật và công nghệ tới đời sống xã hội, có thể khẳng định đây là những yếu tố có tác động to lớn tới việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới nói chung và tới việc thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở nói riêng ở tỉnh Bolikhamxay nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong thời gian tới.

#### **4.1.6. Tác động của cộng đồng dân cư; tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội ở tỉnh Bolikhamxay**

Mặc dù là nơi có trình độ phát triển kinh tế-xã hội, có nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; tuy nhiên, tại khu vực nông thôn của tỉnh Bolikhamxay vẫn đang xảy ra tình trạng khác biệt về trình độ phát triển và điều kiện để phát triển giữa các bản, cụm bản, huyện. Trình độ dân trí, thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần người dân nông thôn còn chênh lệch lớn giữa các cụm bản, bản, huyện. Chính điều này dẫn đến xu hướng tác động đa chiều, phức tạp khi xét đến các yếu tố: cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế - văn hóa - xã hội

tác động đến vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới là rất khác nhau. Thực tế khảo sát tại các bản của tỉnh Bolikhamxay cho thấy, những điều kiện về tự nhiên, kinh tế-xã hội của địa phương có ảnh hưởng mang tính thúc đẩy/thuận lợi hoặc rào cản/thách thức đối với vai trò của hệ thống chính trị cấp huyện trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay.

Bên cạnh đó, do địa bàn nông thôn ở tỉnh Bolikhamxay khá rộng, số đơn vị hành chính bản ở khu vực nông thôn lớn, với cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn và chưa đồng bộ, đòi hỏi nguồn lực đầu tư rất lớn. Nhìn chung mặt bằng trình độ dân trí của nhân dân ở tỉnh Bolikhamxay đã được nâng cao, do đó đã nâng cao nhu cầu phát triển, tính chất quản lý ở các bản ngày càng phức tạp. Sự phát triển của các địa phương không đồng đều, trình độ dân trí, thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực nông thôn còn chênh lệch lớn so với khu vực nội thành. Một số cộng đồng dân cư thiếu năng động, còn tâm lý ỷ lại, trông chờ nguồn ngân sách cấp trên, cho nên không chỉ các tiêu chí về hạ tầng nông nghiệp, nông thôn không đạt mà các tiêu chí khác cũng khó thực hiện. Ngoài ra, khảo sát cho thấy vai trò của các hộ gia đình và tổ chức kinh tế trong xây dựng thương hiệu và tìm thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản hàng hóa chưa được quan tâm đúng mức, do đó chưa có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp thật sự điển hình để nhân rộng... Đây chính là những rào cản và thách thức đối với hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay.

Ngoài ra, do thực tiễn phong phú đa dạng và thường xuyên biến động khó lường của thực tiễn trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay dẫn đến công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, phương châm, cách làm trong xây dựng nông thôn mới tuy đã được cải tiến nhưng hiệu quả chưa cao, hình thức chưa phong phú, một số nơi chưa phát huy được nội lực của địa phương. Công tác dự báo còn hạn chế, chưa lường hết được diễn biến phức tạp của tình hình và những khó khăn, thách thức nên xây dựng một số nhiệm vụ,

mục tiêu, giải pháp chưa phù hợp. Đây thực sự là một vấn đề đặt ra đối với việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp huyện trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay.

## **4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT HUY VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH BOLIKHAMXAY**

### **4.2.1. Đổi mới, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị cấp trên trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay**

Hệ thống chính trị cấp cơ sở là cấp cuối cùng trong hệ thống chính trị của Đảng, Nhà nước Lào, đồng thời đây cũng là cấp trực tiếp triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước Lào tới toàn thể nhân dân trong địa bàn. Việc thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở đối với phát triển kinh tế-xã hội nói chung, đối với thực hiện xây dựng nông thôn mới nói riêng ngoài việc cần có hệ thống chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách đồng bộ từ Trung ương tới cơ sở ở nước Lào, còn cần thiết có sự đổi mới, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị cấp trên mà trực tiếp ở đây là cấp tỉnh và cấp huyện trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Theo kết quả khảo sát của tác giả với nội dung giải pháp “*tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị cấp trên trong xây dựng nông thôn mới*” có 93,2% cán bộ, công chức được khảo sát cho biết từ cần thiết đến rất cần thiết; của nhân dân được khảo sát là 91,6% cho biết từ cần thiết đến rất cần thiết. Như vậy, qua số liệu định lượng khảo sát và trong thực tiễn triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay có thể thấy đây là giải pháp rất cần thiết tạo điều kiện cho hệ thống chính trị cấp cơ sở hoàn thành vai trò xây dựng nông thôn mới. Để thực hiện tốt giải pháp này cần cụ thể hoá một số biện pháp cơ bản:

*Thứ nhất*, một trong những bài học được rút ra là công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới phải có sự thống nhất và quyết tâm chính trị cao từ trung ương đến cơ sở; đảm bảo vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng. Do vậy, Đảng bộ, Chính quyền tỉnh Bolikhamxay cần

quán triệt vấn đề đổi mới, phát huy và nâng cao vai trò của hệ thống chính trị cấp trên cơ sở có mối quan hệ trực tiếp, quan trọng đến việc thực hiện thành công các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở mỗi địa phương, cơ sở. Có thể khẳng định đây là nền tảng để đảm bảo sự phát triển, ổn định bền vững của xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay.

*Thứ hai*, hệ thống chính trị các huyện ở tỉnh Bolikhamxay cần thường xuyên giao ban với cơ sở để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Giải quyết linh hoạt và đúng nguyên tắc các kiến nghị của địa phương, của cơ sở; phân công rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị. Cấp ủy, chính quyền các cấp cần tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, đồng thời chú trọng xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay trong phát triển sản xuất, huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới. Các cấp ủy đảng cấp trên cơ sở ở Bolikhamxay cần nắm rõ đặc thù địa phương để cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước Lào về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong việc tổ chức thực hiện thí điểm cần có sự linh hoạt, sáng tạo, tự thiết kế các mô hình thí điểm phù hợp điều kiện địa phương. Cấp ủy đảng cấp trên cần trực tiếp phân công các tổ chức, cấp ủy viên theo dõi, chỉ đạo các cụm bản, bản trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

*Thứ ba*, hệ thống chính trị cấp trên cơ sở ở Bolikhamxay (cấp tỉnh, cấp huyện) cần quán triệt, tuyên truyền, vận động sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành và nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, cơ chế, chính sách của Nhà nước Lào trong thực hiện xây dựng nông thôn mới. Làm cho dân hiểu, dân tin, dân hưởng ứng bằng sự tham gia bàn bạc, hiến kế, đóng góp công, tài sản và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình là yếu tố quyết định sự thành công mang tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới.

#### **4.2.2. Kiện toàn, đổi mới và phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, nhất là quán triệt Nghị quyết của tổ chức cơ sở đảng trong xây dựng nông thôn mới**

Qua khảo sát ở phân thực trạng cho thấy vai trò của tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn ở tỉnh Bolikhamxay cơ bản thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là vai trò quán triệt, cụ thể hoá nghị quyết, chính sách về xây dựng nông thôn mới của cấp tỉnh, cấp huyện. Tuy nhiên, để phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng ở khu vực nông thôn tỉnh Bolikhamxay với vai trò là lực lượng đi đầu trong xây dựng nông thôn mới cần tiếp tục củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và chi bộ bản, đảng bộ cụm bản, bản trong sạch, vững mạnh về tư tưởng, năng lực tổ chức thực hiện, năng lực quản lý, điều hành xây dựng nông thôn mới. Theo kết quả khảo sát của tác giả với nội dung giải pháp “*kiện toàn, đổi mới và phát huy vai trò lãnh đạo, quán triệt nghị quyết của tổ chức cơ sở đảng trong xây dựng nông thôn mới*” cho thấy cả 2 đối tượng đều đánh giá mức độ cần thiết đến rất cần thiết phải thực hiện giải pháp này.

Đây là giải pháp quan trọng, cần thiết để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Để thực hiện tốt giải pháp này cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

*Thứ nhất*, cấp ủy đảng cơ sở có vai trò cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước Lào về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả tại địa phương. Do vậy, Bolikhamxay cần tiếp tục thực hiện đổi mới, chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của đảng bộ cơ sở, nhất là cơ sở đảng ở huyện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa IX) bảo đảm cho cơ sở đảng đủ sức đóng vai trò hạt nhân chính trị của hệ thống chính trị ở cơ sở cụm bản, bản. Đồng thời, với kiện toàn tổ chức, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ cần làm tốt công tác giáo dục chính trị, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo toàn diện các mặt trong xây dựng nông

thôn mới. Cấp ủy đảng ở các cụm bản, bản cần tập trung chỉ đạo tốt việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu rõ các quan điểm, nhiệm vụ về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cấp huyện và việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới; từ đó xây dựng chương trình hành động, xây dựng kế hoạch, đề án cụ thể sát với thực tế, có tính khả thi. Quan tâm rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc và các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện nghị quyết, bảo đảm sát thực, đồng thời tập trung cao trong chỉ đạo thực hiện nhằm đưa các nội dung, yêu cầu của nghị quyết, chỉ thị của Đảng về xây dựng nông thôn mới thực sự đi vào cuộc sống.

*Thứ hai*, Chính quyền tỉnh Bolikhamxay cần tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đảng thực sự là hạt nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tiến hành rà soát, bổ sung quy chế làm việc của các cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đổi mới phương thức hoạt động theo hướng sâu sát, cụ thể, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, làm việc trên cơ sở chương trình, kế hoạch, phân công rõ trách nhiệm với từng đồng chí cấp ủy. Xây dựng các nghị quyết theo hướng ngắn, gọn, thiết thực, dễ hiểu và được thể chế hóa thành kế hoạch, chương trình hành động có tính thực tiễn và khả thi cao. Từng cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo trong ổn định và phát triển sản xuất, giữ vững kỷ cương, bảo đảm an ninh chính trị, nâng cao thu nhập của người dân [81].

*Thứ ba*, xác định việc nâng cao năng lực định hướng của tổ chức cơ sở đảng là một nhiệm vụ căn bản trong việc xây dựng và thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Bởi vì, xây dựng nông thôn mới không chỉ ở việc thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội ở nông thôn mà còn là cơ hội để kiện toàn bộ máy quản lý cơ sở, trong đó có các tổ chức cơ sở đảng ở cụm bản, bản. Để kinh tế-xã hội nông thôn phát triển, mấu chốt là phải có sự lãnh đạo hiệu quả, nhất quán, quyết liệt, triệt để của các cấp ủy đảng với những cách làm sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở, ở địa phương. Cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở ở nông thôn tỉnh Bolikhamxay cần chọn



ra cho mình một hướng đi, cách tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương mình. Không làm ồ ạt, không nên cố làm cho đủ các tiêu chí, không nên chạy theo phong trào, cố ép phải đạt cho đủ các tiêu chí, càng không nên coi nông thôn mới là một danh hiệu.

*Thứ tư*, thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức sinh hoạt đảng bộ, chi bộ theo hướng thiết thực, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn mới nông thôn ở tỉnh Bolikhamxay. Trong sinh hoạt chi bộ, đảng bộ cơ sở nội dung xây dựng nông thôn mới phải được xác định là một trong những vấn đề trọng yếu của công tác lãnh đạo, chỉ đạo và coi đó là một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng trong tình hình mới. Chi bộ, đảng bộ cơ sở “cần xây dựng nghị quyết chuyên đề về xây dựng nông thôn mới, chương trình hoạt động cụ thể để thực hiện các tiêu chí của Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới đề ra; Đổi mới việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết, qua đó chỉ đạo chính quyền, các đoàn thể và các chi bộ, đảng bộ trực thuộc thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới; về vai trò lãnh đạo phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong xây dựng nông thôn mới” [81].

*Thứ năm*, các cấp ủy đảng cơ sở ở nông thôn tỉnh Bolikhamxay, trực tiếp là chi bộ, đảng bộ ở nông thôn phải thường xuyên phân công, giao nhiệm vụ cho từng cán bộ, đảng viên làm công tác dân vận, phụ trách từng nhóm gia đình nông thôn. Phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên nông thôn trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nông dân trên địa bàn trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, “cán bộ, đảng viên nông thôn cần động viên nông dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể thông qua đóng góp ý kiến xây dựng tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi để nông dân giám sát đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, chính quyền” [1].

*Thứ sáu*, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 13/10/2016 của Tỉnh ủy Bolikhamxay về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là thực hiện dân chủ ở cụm bản, bản. Thông qua đó, thực

hiện đúng đắn, sáng tạo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Cần coi trọng công khai những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước Lào có liên quan trực tiếp đến đời sống của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở; các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương; quy hoạch đất đai và quản lý đất đai; các khoản thu, chi từ ngân sách và các nguồn thu khác. Để nhân dân có thể tham gia giám sát các hoạt động của chính quyền phải thực hiện công khai nội quy, quy chế làm việc của cơ quan chính quyền; thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính; về phân công, công việc và chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức; về tuyển dụng và bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức; chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm cán bộ, công chức... Đồng thời, thực hiện có hiệu quả và thực chất việc lấy phiếu tín nhiệm các chức vụ chủ chốt của UBND bản và việc giám sát của nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên tại cấp cơ sở.

#### **4.2.3. Nâng cao năng lực, phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cấp cơ sở trong lập kế hoạch chỉ tiêu, tổ chức xây dựng nông thôn mới**

Kết quả khảo sát cho thấy, chính quyền cụm bản (Đảng uỷ, UBND bản ở tỉnh Bolikhamxay) đã đóng vai trò khá tích cực và toàn diện trong xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, thực tế triển khai các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới cho thấy chính quyền cụm bản ở nhiều nơi ở tỉnh Bolikhamxay chưa thực sự đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng nông thôn mới, nhất là vai trò: xây dựng chỉ tiêu, tổ chức thực hiện, huy động các nguồn lực, đề xuất kiến nghị. Theo kết quả khảo sát về tính cần thiết của giải pháp trên với 2 nội dung “*nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong tổ chức xây dựng nông thôn mới*” và “*phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cấp cơ sở trong lập kế hoạch chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới*” cho thấy cả 2 đối tượng được khảo sát đều cho rằng đây là giải pháp rất cần thiết. Như vậy qua kết quả khảo sát và thực tiễn, đây là giải pháp quan trọng, có tính cần thiết cao, để tiếp tục thực hiện tốt giải pháp này trong thời gian tới ở chính quyền các cấp đặc biệt là chính quyền cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay cần cụ thể hoá một số biện pháp.

*Thứ nhất*, để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cụm bản, bản trong xây dựng nông thôn mới, cần đảm bảo cho chính quyền cấp cụm bản, bản ở tỉnh Bolikham xay tính hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý, điều hành. Cần có sự phân công rõ ràng các chức năng giữa chủ tịch, phó chủ tịch, các ủy viên thường trực của UBND; chuyên môn hóa các chức danh chuyên môn của UBND. Đảng uỷ và UBND cấp bản phải xây dựng được quy chế làm việc cụ thể dựa trên quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương; nâng cao trách nhiệm và năng lực của người đứng đầu, đổi mới phong cách, lề lối làm việc, bảo đảm dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân. Thường xuyên hướng dẫn UBND các bản rà soát đề bổ sung, điều chỉnh đề án xây dựng nông thôn mới bảo đảm phù hợp với quy hoạch cụm bản nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới mà Chính phủ Lào đã ban hành.

*Thứ hai*, nâng cao chất lượng các kỳ họp, đổi mới phương thức tiếp xúc cử tri và trực tiếp đối thoại với nhân dân của UBND bản; tăng cường công tác giám sát việc thực hiện nghị quyết của UBND và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, trong đó có những vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân, trong đó có liên quan đến xây dựng nông thôn mới phải được coi là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của chính quyền cụm bản. Muốn vậy, cần tuân thủ thật nghiêm túc những quy định của pháp luật về chế độ tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Đồng thời chính quyền cần phối hợp chặt chẽ, đề cao trách nhiệm của Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, tổ chức tự quản của nhân dân, đẩy mạnh hoạt động hòa giải ở cơ sở. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để hội đồng nhân dân thực hiện đầy đủ quyền lực, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Chính quyền cấp cụm bản ở tỉnh Bolikhamxay cần xây dựng cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của nông dân, Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng Lào trực tiếp thực hiện có hiệu quả một số chương trình, dự án phục vụ xây dựng nông thôn mới.

*Thứ ba*, đổi mới phương thức hoạt động của chính quyền cấp cụm bản, bản trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay phải hướng đến mục đích nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý, điều hành, trong đó có điều hành xây dựng nông thôn mới. Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân với tư cách là cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, nhất là trong việc thảo luận, quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương và giám sát việc tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới, nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành theo pháp luật của UBND bản.

*Thứ tư*, ở phạm vi vĩ mô cần xác định lại vai trò, vị trí của chính quyền cấp cụm bản trong xây dựng nông thôn mới để xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước. Theo đó cần sửa đổi các quy định về phân cấp nguồn thu ngân sách cho cấp cụm bản trên cơ sở phân cấp nhiệm vụ chi tại Luật Ngân sách Nhà nước theo hướng tăng thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền cấp cụm bản trong phân cấp nguồn thu. Khi các cụm bản có quyền tự chủ về nguồn thu thì mới có thể chủ động quyết định cung cấp loại dịch vụ theo nhu cầu cho người dân, chủ động và chịu trách nhiệm trong thực hiện vay, trả nợ cho đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở địa phương khi tiến hành xây dựng cơ bản.

#### **4.2.4. Nâng cao năng lực, phát huy vai trò tập hợp lực lượng, tuyên truyền và giám sát của Mặt trận Lào xây dựng đất nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới**

Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các tổ chức chính trị-xã hội ở cấp cơ sở như Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng Lào, Hội Cựu chiến binh với tư cách là một bộ phận của hệ thống chính trị cấp cơ sở, đồng thời cũng là các tổ chức mang nhiều tiếng nói của các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Do đó, việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở địa phương có thành công hay không cũng có vai trò quan trọng của các tổ chức chính trị-xã hội, Mặt trận Lào xây dựng đất nước của bản. do đó, có thể nhận thấy việc nâng cao năng lực, phát huy vai trò tập hợp lực lượng,

tuyên truyền và giám sát của Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các tổ chức chính trị-xã hội cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới là giải pháp quan trọng, cần thiết. Theo đó, để thực hiện giải pháp này cần cụ thể hoá một số nội dung sau:

*Thứ nhất*, cần tiếp tục việc xác định rõ nội dung, phương thức hoạt động và cần đề cao vị trí, vai trò của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội cấp bản và bản ở tỉnh Bolikhamxay trên cơ sở bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích, hướng về cụm bản, bản tập trung cho cụm bản, bản bảo vệ thiết thực quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, đoàn viên, nhằm nâng cao chất lượng công tác vận động quần chúng; khắc phục tình trạng “hành chính hóa” công tác đoàn thể; dần thực hiện chế độ “tự quản” trong cộng đồng dân cư; tăng cường chức năng phản biện xã hội, tham gia quản lý của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội đối với bộ máy chính quyền trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý kinh tế-xã hội tại cơ sở nói chung và xây dựng nông thôn mới tại cơ sở nói riêng.

*Thứ hai*, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và tăng cường tính phản biện, giám sát của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội cấp bản và bản theo hướng gần dân, thiết thực, phản ánh đầy đủ kịp thời nguyện vọng chính đáng của nhân dân đến cấp ủy đảng và chính quyền để giải quyết, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát, nhất là kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, giám sát đầu tư cộng đồng, giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở các cụm bản, bản theo pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở và giám sát các hoạt động xây dựng nông thôn mới.

*Thứ ba*, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội cấp bản và bản ở nông thôn tỉnh Bolikhamxay cần phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình; tạo được sự đồng thuận trong nhân dân và huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân cùng tham gia để xây dựng nông thôn mới. Phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, đảm bảo nhân dân vừa là

người thực hiện, vừa là người được thụ hưởng những thành quả của chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cần đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động; phát huy hiệu quả quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, thực hiện tốt việc “*nghe dân nói, nói dân nghe*” để người dân hiểu chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm mục đích phát triển nông thôn toàn diện, bền vững.

*Thứ tư*, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội cấp cơ sở ở nông thôn tỉnh Bolikhamxay phải đóng vai trò đi đầu, gương mẫu tiên phong tham gia các hoạt động nói chung, đóng góp tiền công, ngày công, nguyên vật liệu... nói riêng trong các hoạt động xây dựng nông thôn mới. Tích cực tạo dựng và tham gia thường xuyên vào các phong trào thi đua thực hiện chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương, cơ sở. Chẳng hạn, đối với Đoàn thanh niên bản, bản cần phát huy vai trò xung kích của mình, tích cực đăng ký các công trình, phần việc cụ thể và phù hợp để chủ động tham gia có hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới. Tập trung vào các hoạt động hỗ trợ thanh niên trong bản xây dựng thành công nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh do thanh niên làm chủ. Trong khi đó, đối với Hội Phụ nữ ở các cụm bản và bản cần tập trung hỗ trợ cán bộ, hội viên phát triển kinh tế, giảm nghèo, làm giàu chính đáng và xây dựng gia đình hạnh phúc.

*Thứ năm*, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng nông thôn mới trên các nội dung: một là, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước Lào về các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới; hai là, thường xuyên nhân rộng, lan toả, chia sẻ những điển hình tiên tiến, những mô hình hay, tạo ra sức lan toả và phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới; ba là, thường xuyên đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả, thiết thực tránh phô trương hình thức, lãng phí và tốn kém; bốn là, xác định nhiệm vụ, biện pháp tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của mỗi cấp, mỗi ngành và của cơ quan đơn vị; năm là, xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể cho phù hợp với từng nhiệm vụ của tổ chức gắn với từng giai đoạn, thời điểm, thời kỳ cụ thể.

*Thứ sáu*, xây dựng ủy ban nhân dân bản và bản vững mạnh về chính trị tư tưởng, tổ chức và thống nhất về hành động, thực sự là “Trung tâm và nòng cốt trong phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới”. Trong phiếu khảo sát, có ý kiến cho rằng “xây dựng nông thôn mới cần thiết phát huy vai trò của ủy ban nhân dân bản và bản, với tư cách là tổ chức đại diện, tập hợp người nông dân trên địa bàn nên họ sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc tập hợp, vận động người nông dân thay đổi phương thức sản xuất nông nghiệp, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới”. Theo đó ủy ban nhân dân bản cần phát huy vai trò là tổ chức chính trị - xã hội có thể nắm bắt được xu hướng diễn biến về tâm tư, nguyện vọng, về những thế mạnh trong sản xuất của người nông dân tại mỗi địa phương trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới. Do đó, ủy ban nhân dân bản, bản phải thường xuyên tập hợp ý kiến, nguyện vọng của nông dân, những đòi hỏi bức xúc của cơ sở; thực sự chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, nông dân, đồng thời tạo điều kiện cho họ được học tập, lao động, nâng cao trình độ về mọi mặt, thi đua xây dựng nông thôn mới.

#### **4.2.5. Đổi mới phương thức hoạt động, mối quan hệ giữa các thành viên góp phần phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới**

Sự phân công rõ ràng về mối quan hệ, chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên, của mỗi tổ chức thuộc hệ thống chính trị là tiền đề quan trọng để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Chỉ có trên cơ sở phân công rõ ràng mối quan hệ công tác, từng thành viên của hệ thống chính trị biết rõ vai trò, nhiệm vụ của mình mới xác định đầy đủ động cơ, kế hoạch công tác cũng như tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc thực tiễn. Thực tiễn khảo sát ở tỉnh Bolikhamxay cho thấy, tỉnh ủy, huyện ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chi bộ, các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cụm bản, bản đổi mới nội dung, phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo gắn với phát huy tinh thần nêu gương của đội

ngũ cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ chủ chốt trong thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Nhờ đó, đã phát huy được vai trò của hệ thống chính trị cấp cụm bản, bản trong xây dựng nông thôn mới, đã phát huy tác dụng và có vai trò quyết định đến thành công của phong trào xây dựng nông thôn mới ở địa bàn tỉnh trong những năm qua. Tuy nhiên, so với mục tiêu yêu cầu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay vẫn còn không ít bất cập, trong đó có hạn chế về việc phân công trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên hệ thống chính trị cấp cụm bản, bản trong xây dựng nông thôn mới.

Theo kết quả khảo sát đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân với nội dung *“đổi mới phương thức hoạt động, mối quan hệ giữa các thành viên trong hệ thống chính trị cấp cơ sở”* có 86,8% cho rằng cần thiết đến rất cần thiết; có 88,0% nhân dân được cho rằng cần thiết đến rất cần thiết. Để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cụm bản trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay cần tiếp tục thực hiện tốt những vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền cơ sở cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội ở cơ sở vững mạnh. Một mặt phải quan tâm kiện toàn tổ chức, cán bộ. Xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ đi đôi với xây dựng cơ chế phối hợp giữa các thành viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Mặt khác, “thường xuyên lãnh đạo việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đổi mới cách tập hợp, vận động nhân dân để tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị ở cơ sở” [17].

*Thứ hai*, đổi mới mối quan hệ công tác giữa các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị ở cấp cụm bản, bản. Đây là một giải pháp quan trọng nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị này trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay. Trong đó, cần đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ giữa cấp ủy Đảng và chính quyền cấp cụm bản,



bản. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng cơ sở, phải đảm bảo tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể cấp bản; chính quyền cụm bản, bản hỗ trợ, tạo điều kiện cho Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội hoạt động có hiệu quả. Đồng thời, có những cơ chế phương pháp phù hợp để phát huy sức mạnh tổng hợp của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội, các tầng lớp nhân dân cùng chung sức, đồng lòng xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, một biện pháp quan trọng nữa là cần phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, thành viên/cá nhân cụ thể, rõ ràng, không để né tránh và thường xuyên đúc rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới ở địa phương, cơ sở và đơn vị.

#### **4.2.6. Nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay**

Sự thành bại của xây dựng nông thôn mới suy đến cùng là phụ thuộc vào nhân tố con người, vào sự sự tham gia của người dân ở khu vực nông thôn, trong đó không thể thiếu được vai trò đi đầu, tiên phong về năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp cụm bản, bản. Việc nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của cán bộ cấp cụm bản, bản trong xây dựng nông thôn mới thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu và tầm quan trọng của đội ngũ này trong thực hiện xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Là đội ngũ cán bộ trực tiếp cụ thể hoá, triển khai các chỉ tiêu, tiêu chí của xây dựng nông thôn mới vào địa phương, là những người trực tiếp tiếp xúc với nhân dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới do đó năng lực, ý thức trách nhiệm và tinh thần phát huy cao nhất vai trò trong công tác sẽ là điều kiện bảo đảm cho sự thành công của xây dựng nông thôn mới ở mỗi địa phương. Qua kết quả khảo sát có tới 37,2% ý kiến “cần thiết” và 58,0% “rất cần thiết” của cán bộ, công chức; có 33,6% ý kiến “cần thiết” và 58,4% ý kiến “rất cần

thiết” với nội dung giải pháp “Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phát huy vai trò của cán bộ cơ sở” [Phụ lục 3: C19; Phụ lục 4: C19].

Để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cụm bản trong xây dựng nông thôn mới, việc nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở cần phải được tiếp tục đẩy mạnh theo các hướng sau:

*Thứ nhất*, tỉnh Bolikhamxay cần coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cụm bản, bản theo hướng chuyên nghiệp, chính quy, vừa có năng lực chuyên môn thành thạo, vừa được nâng cao đạo đức công vụ và trách nhiệm phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở. Hằng năm phải tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ đảng viên và cán bộ, công chức cơ sở để có căn cứ làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng đúng cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cụm bản. Đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nông thôn của tỉnh Bolikhamxay phải “thật sự tiên phong, gương mẫu về mọi mặt trong xây dựng nông thôn mới để người dân noi theo. Bolikhamxay cần đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Đây cũng là khâu trọng yếu để nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng khu vực nông thôn” [81].

*Thứ hai*, đổi mới và hoàn thiện chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ cấp cụm bản, bản đặc biệt là đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác xây dựng nông thôn mới. Muốn xây dựng thành công nông thôn mới cần phải có đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Do vậy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở có ý nghĩa rất quan trọng trong việc góp phần đảm bảo chất lượng và đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các cụm bản. Đặc biệt, cần tăng cường chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cụm bản, bản chuyên sâu về kỹ thuật nông nghiệp ở cơ sở đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp có ứng khoa học, kỹ thuật và công nghệ cao.

*Thứ ba*, tiếp tục đổi mới và phát huy vai trò của các cơ sở đào tạo cán bộ cấp cụm bản, bản ở Bolikhamxay như Trung tâm chính trị huyện, Trường

Chính trị tỉnh. Cần đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp cụm bản theo hướng đa diện, coi trọng kỹ năng thực hành, gắn đào tạo với chuẩn hoá chức danh. Đồng thời, nghiên cứu đổi mới tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức cơ sở hướng mạnh vào kỹ năng thực hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý đối với các quá trình phát triển kinh tế-xã hội ở vùng nông thôn. Trong giai đoạn hiện nay, cần gắn việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp cụm bản, bản với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Các ngành kế hoạch, đầu tư, nội vụ và nông nghiệp của Bolikhamxay cần phối hợp chỉ đạo, triển khai, đôn đốc, kiểm tra, xây dựng đề án cho từng cụm bản, bản hoàn thiện quy hoạch và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở. Tuỳ điều kiện, tình hình thực tế của từng huyện/cụm bản trên địa bàn Bolikhamxay để quy hoạch mẫu cán bộ phù hợp với địa phương mình.

*Thứ tư*, tỉnh Bolikhamxay cần làm tốt công tác phân công, giao nhiệm vụ chính trị nói chung và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nói riêng cho từng cán bộ đảng viên ở cấp cụm bản. Các cấp ủy phân công nhiệm vụ cho đảng viên phải giao việc, địa bàn, đối tượng cụ thể như phân công đảng viên phụ trách hộ, bản, giúp các hộ nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất; vận động các gia đình thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và của địa phương; vận động nông dân xây dựng gia đình, bản văn hoá, kế hoạch hoá gia đình... Phân công công tác cho cán bộ, đảng viên phải trên cơ sở năng lực, sở trường, nguyện vọng, điều kiện, môi trường hoạt động, hoàn cảnh của từng người.

*Thứ năm*, đổi mới và thực hiện đồng bộ các quy định, quy chế về bố trí, sử dụng, luân chuyển cán bộ cấp cụm bản đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đúng thời điểm, đúng quy trình và phải phù hợp với khả năng, thể mạnh của từng người với yêu cầu công việc; tăng cường kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới; đồng thời, phải đổi mới chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ thuộc hệ thống chính trị ở cụm bản trên nguyên tắc tương xứng với trách nhiệm, khối lượng và chất lượng công tác của từng chức danh. Thực hiện đầy đủ đồng bộ các chế độ, chính sách hiện hành cho cán bộ cơ sở.

*Thứ sáu*, có chính sách phù hợp để giải quyết “đầu ra” đối với những cán bộ chuyên trách, công chức cấp cụm bản có năng lực yếu hoặc không đủ chuẩn nhưng chưa đủ tuổi và thời gian đóng bảo hiểm xã hội được hưởng chế độ hưu trí theo tỷ lệ phần trăm lương hưu tương ứng mức đóng bảo hiểm xã hội. Xây dựng đề án cán bộ chuyên trách cấp cụm bản, bản hoạt động theo nhiệm kỳ, hết nhiệm kỳ nếu tiếp tục được bầu vào chức danh nào thì làm việc theo chức danh đó, nếu không được bầu vào chức danh mới thì nghỉ, đóng bảo hiểm tự nguyện.

*Thứ bảy*, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, tạo ra sự thống nhất về nhận thức, trước hết là trong cấp ủy, lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể ở địa phương và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, những yêu cầu, tiêu chí đặt ra theo Bộ tiêu chí quốc gia đối với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở địa phương, đơn vị mình phụ trách. Coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, xuyên suốt của chương trình, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân và huy động sức mạnh toàn dân cùng tham gia. Bởi vì, khi người dân được bàn bạc, thấy công việc có lợi cho thôn, làng cũng là có lợi cho mình thì có được sự đồng thuận, nhất trí cao và tích cực tham gia.

#### **4.2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, làm tốt công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng và kỷ luật trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay**

Thực tế thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cần có quá trình kiểm tra, giám sát, làm tốt công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật. Đây là cách thức hiệu quả, góp phần phát huy tối đa tinh thần trách nhiệm, năng lực, sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên đặc biệt là những người đứng đầu, của cán bộ chủ chốt. Đồng thời kiểm tra, giám sát và đánh giá, thi đua, khen thưởng và kỷ luật công bằng, khách quan còn là yếu tố tạo nên động lực cố gắng, nỗ lực đối với mỗi cán bộ, công chức trong quá trình công tác. Do đó, có thể khẳng định giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, làm tốt công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng và kỷ luật trong xây dựng nông thôn mới là giải pháp quan trọng và có tính cần thiết cao.

Theo kết quả khảo sát cũng cho thấy đây là giải pháp rất cần thiết, cụ thể theo cán bộ công chức được khảo sát với 2 nội dung “*tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cán bộ cơ sở*” và “*đánh giá, thi đua khen thưởng, kỷ luật công bằng công khai*” là “rất cần thiết”. Để thực hiện tốt giải pháp này trong thực tế cần cụ thể hoá một số biện pháp sau:

*Thứ nhất*, các cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy và Huyện ủy cần hoàn thiện, ban hành đầy đủ và tổ chức thực hiện nghiêm túc hệ thống các quy định, quy chế mẫu, các loại văn bản hướng dẫn của tổ chức đảng cấp trên đối với các loại hình tổ chức cơ sở Đảng và chi bộ ở nông thôn ở Bolikhamxay. Cần định kỳ hàng quý, thường trực cấp ủy cấp trên cơ sở giao ban với Bí thư, Chủ tịch các bản. Thường trực, Ban thường vụ Huyện ủy có chương trình làm việc với tập thể Đảng ủy các cụm bản, bản để nắm tình hình và chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở, trong đó có những vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới. Nhất là những vấn đề liên quan đến việc rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch và lập đề án xây dựng nông thôn mới ở cấp cụm bản, bản; tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất; tiếp tục phát triển giáo dục, y tế và đời sống văn hóa ở nông thôn...

*Thứ hai*, đổi mới về nhận thức và việc tổ chức thực hiện công tác đánh giá, xếp loại, khen thưởng tổ chức Đảng, nhất là tổ chức cơ sở Đảng, bảo đảm sát, đúng thực chất, không chạy theo thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở các cụm bản, bản trong đó có chương trình xây dựng nông thôn mới. Tiến hành đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát ở tất cả các cấp từ chi bộ trở lên; cấp ủy Đảng phải xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, giám sát, lấy phòng ngừa là chính; tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm, dư luận quan tâm. Đổi mới quy trình, phương pháp, kiện toàn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát.

*Thứ ba*, làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc; đồng thời, xử lý nghiêm những vi phạm, gây mất đoàn kết nội bộ. Xử lý nghiêm, dứt điểm, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm tiêu chuẩn đảng viên ở nông thôn; tiếp tục nâng cao uy tín của cán bộ, đảng viên ở nông

thôn trong vận động, xây dựng nông thôn mới. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên có thành tích xuất sắc và xử lý nghiêm với tổ chức, cá nhân vi phạm; chú trọng bồi dưỡng quần chúng ưu tú trong quá trình xây dựng nông thôn mới để tạo nguồn phát triển cán bộ, đảng viên.

*Thứ tư*, nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch; thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của người dân trong việc quyết định, lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình nông thôn mới ở địa phương. Đồng thời luôn luôn kiện toàn ban chỉ đạo, thực hiện phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng, mỗi thành viên trong ban chỉ đạo cần có chương trình hành động thiết thực, sát hợp với tình hình lĩnh vực mình phụ trách [14].

#### **4.2.8. Phát huy cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn cụm bản ở tỉnh Bolikhamxay**

Cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn cụm bản, bản ở tỉnh Bolikhamxay là những chủ thể trực tiếp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Đó là những chủ thể quan trọng, có vai trò chuyển những lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị cấp cơ sở thành những việc làm cụ thể của quá trình xây dựng nông thôn mới. Do đó, việc phát huy vai trò của những chủ thể này trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay là giải pháp quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến thành công của quá trình xây dựng nông thôn mới. Theo kết quả khảo sát 2 đối tượng với nội dung “phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn” đều cho thấy tính “rất cần thiết”, cụ thể theo đánh giá của nhân dân được khảo sát có 36,0% ý kiến “rất cần thiết”; của cán bộ, công chức được khảo sát có 32,8% ý kiến “rất cần thiết”. Để thực hiện tốt giải pháp này cần thực hiện tốt một số biện pháp cụ thể:

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức của cả xã hội về vai trò của hệ thống chính trị cấp cụm bản, bản ở tỉnh Bolikhamxay trong xây dựng nông thôn mới. Qua thực tế xây dựng nông thôn mới ở các địa phương trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay có thể thấy hệ thống chính trị cấp cơ sở có vai trò đặc biệt quan

trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, vận động các tầng lớp nhân dân tổ chức xây dựng nông thôn mới ở mỗi địa phương, đây cũng chính là nhân tố quyết định mức độ thành công của thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới, trước hết phải thông qua công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động nhân dân. Chỉ khi nào người dân nông thôn thấy rằng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở là nhằm phục vụ cho lợi ích của họ, cho cộng đồng, khi đó họ mới tự giác, tự nguyện xây dựng chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, nội lực thực sự được phát huy, từ đó mới tạo đà thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, trong đó có nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

*Thứ hai*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và có cơ chế khuyến khích đề người nông dân, các tổ chức của nông dân nhận thức và tham gia đầy đủ về các vai trò: từ hiến kế xây dựng đề án, góp ý quy hoạch đến việc xác định công trình, hạng mục đầu tư, hiến đất, đóng góp trí tuệ, kinh nghiệm, công sức, tiền của, trực tiếp làm và giám sát toàn bộ quá trình thực hiện. Chủ thể tích cực tham gia vào quá trình xây dựng quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới; chủ thể tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ở nông thôn; chủ thể trực tiếp trong phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; chủ thể tích cực, sáng tạo trong xây dựng và gìn giữ đời sống văn hoá - xã hội, môi trường ở nông thôn; nhân tố góp phần quan trọng vào xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội ở cơ sở. Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Bolikhamxay và các huyện cần quan tâm xây dựng và có các hình thức tôn vinh tấm gương nông dân điển hình, tiên tiến trong các phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, phong trào xây dựng nông thôn mới và xây dựng gia đình văn hóa.

*Thứ ba*, Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Bolikhamxay cần xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ quyền, lợi ích cho các cộng đồng dân cư nông thôn. Các cơ quan nhà nước của tỉnh Bolikhamxay cần tích cực thực thi thẩm quyền về xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nông

dân gắn liền với phát huy vai trò, trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Nhất là về giáo dục đào tạo nghề, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chính sách an sinh xã hội, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân, kịp thời giải quyết những xung đột, mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư...gắn liền với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; coi trọng việc tư vấn, giải thích những băn khoăn, thắc mắc của nông dân trên địa bàn, liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Lào về xây dựng nông thôn mới.

*Thứ tư*, Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Bolikhamxay cần tăng cường đầu tư, đưa công nghiệp về nông thôn, xây dựng nông thôn mới, gắn liền phát triển kinh tế với xây dựng con người mới ở nông thôn. Mở rộng các mô hình kinh tế ở nông thôn theo hướng đầu tư về khoa học công nghệ, áp dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và quản lý xã hội. Cần gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu nông nghiệp và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương trên địa bàn tỉnh. Cần thực sự phát huy vai trò chủ thể của người dân. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, giá trị cao, bền vững và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, triển khai thực hiện đồng bộ kế hoạch tái cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp tỉnh Bolikhamxay giai đoạn 2021 - 2025.

*Thứ năm*, phát triển giáo dục, đào tạo (nhất là đào tạo nghề), y tế, văn hoá ở nông thôn, trong đó chú trọng phát triển hệ thống y tế cơ sở, xây dựng các trạm y tế cụm bản, bản với đủ trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia. Hỗ trợ tích cực để người nông dân có bảo hiểm y tế, được hưởng thụ các dịch vụ y tế nhiều hơn với chất lượng tốt hơn. Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Bolikhamxay cần nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” ở nông thôn gắn với thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cụm bản, bản. Xây dựng và thực hiện tốt các hương ước, quy ước cộng đồng; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá các bộ tộc Lào; xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, vững chắc, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh và đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở



nông thôn. Phát huy truyền thống đoàn kết trong nhân dân, bài trừ các hủ tục, thức hiện nếp sống mới ở nông thôn; xây dựng gia đình nông dân thực sự trở thành tế bào lành mạnh của xã hội; xây dựng cộng đồng nông thôn ổn định về chính trị, có cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn...trong xây dựng các mô hình nông thôn mới, không nên khuôn mẫu áp đặt chung cho mọi nơi.

*Thứ sáu*, Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Bolikhamxay cần thực hiện tổng hợp các cách thức huy động và sử dụng các nguồn lực phù hợp với thực tế ở mỗi cụm bản, bản. Lồng ghép sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ ngân sách của tỉnh, huyện và các nguồn lực từ xã hội hoá; việc huy động, đóng góp của người dân cần được thực hiện trên cơ sở thực sự tự nguyện, bàn bạc dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường vận động nguồn lực cho chương trình xây dựng nông thôn mới tương xứng với mục tiêu đề ra từ các nguồn xã hội hoá. Hệ thống chính trị cấp cơ sở cần huy động tối đa các nguồn lực trong cộng đồng vì mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, không được quá sức của dân và tạo cảm giác chương trình xây dựng nông thôn mới là một gánh nặng đối với nhân dân. Trong việc huy động sức dân, cần kiên trì, từng bước, tránh nóng vội.

#### **Kết luận chương 4**

Từ thực trạng xây dựng nông thôn mới của tỉnh Bolikhamxay giai đoạn 2016 - 2020, thực trạng thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay trong những năm vừa qua, tác giả đã tập trung phân tích các nội dung chính của chương 4. Cụ thể là phân tích một số nhân tố tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến các chiều hướng thực hiện các vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới; cũng như đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Trên cơ sở của việc nhận diện của các yếu tố tác động từ lý thuyết, tác giả đã phân tích các yếu tố tác động đến quá trình thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay. Theo đó, trình độ học vấn, năng lực chuyên môn là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến việc thực

hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của đội ngũ cán bộ ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay trong cả đánh giá của cán bộ - công chức và nhân dân được khảo sát. Đồng thời quá trình này chịu sự chi phối, tác động mạnh mẽ của nhiều yếu tố từ khách quan và cả chủ quan. Sự tác động của các yếu tố cũng là không ngang bằng nhau và đa chiều; do đó cần nhận thức rõ, đầy đủ những yếu tố tác động hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay mới có các giải pháp phát huy những tác động thuận lợi, tích cực và khắc phục những tác động tiêu cực, bất cập để lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở địa phương, cơ sở có kết quả tốt, bền vững trong thời gian tới.

Từ bằng chứng những kết quả đạt được và hạn chế trong thể hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới, tác giả đã tiến hành đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Mỗi giải pháp đều có vị trí, vai trò quan trọng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Bolikhamxay và hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay cần quán triệt quan điểm là để xây dựng nông thôn mới thành công mang tính bền vững cần không được coi nhẹ hoặc quá coi trọng một giải pháp nào. Mỗi giải pháp đều hướng tới khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay thời gian qua. Do đó, cần thực hiện tổng thể, có hệ thống, có kế hoạch, phù hợp từng giải pháp gắn với thời điểm, điều kiện cụ thể của địa phương để phát huy tối đa lợi ích của từng giải pháp đưa ra.

## KẾT LUẬN

*Một là*, 3 giả thuyết mà Luận án đưa ra đều được kết quả nghiên cứu kiểm nghiệm là đúng. Đối với giải thuyết thứ nhất, có thể khẳng định, vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay được thể hiện khá tốt, khá toàn diện. Đối với giả thuyết thứ 2, có thể khẳng định, năng lực, vai trò trách nhiệm của các thành tố tạo nên hệ thống chính trị cấp cơ sở đang đóng vai trò quyết định đối với sự thành công của chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Đối với giả thuyết thứ ba, dữ liệu nghiên cứu cho thấy, năng lực, trách nhiệm, tinh thần đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở đóng vai trò quyết định đối với việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay.

*Hai là*, xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay là một nội dung quan trọng trong chương trình tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của cả tỉnh, là sự cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng nhân dân cách mạng Lào về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Trong những năm qua, xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay đã đạt được nhiều kết quả tích cực, vững chắc, cụ thể: đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, cải thiện; lao động, việc làm ở khu vực nông thôn ngày càng được mở rộng; giảm nghèo đa chiều có nhiều bước chuyển tích cực; cơ sở hạ tầng nông thôn không ngừng được cải thiện; quốc phòng - an ninh không ngừng được củng cố và giữ vững;...Đạt được những thành quả đó là sự đóng góp không nhỏ của cả hệ thống chính trị trong đó có hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay.

*Ba là*, trong phạm vi mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án, nghiên cứu sinh đã luận giải, làm rõ về đặc điểm, nhiệm vụ của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; nhận diện rõ những nội dung, tiêu chí/tiêu chuẩn trên các khía cạnh của chương trình xây dựng nông thôn mới mà Đảng, Nhà nước Lào đã đặt ra; trình bày một cách có hệ thống

các quan điểm, chủ trương của Đảng nhân dân cách mạng Lào về xây dựng nông thôn mới.

*Bốn là*, trên cơ sở của cơ sở lý luận xây dựng, nghiên cứu sinh đã tiến hành đánh giá việc thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở dựa trên các khía cạnh: Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật; Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí; Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch; Huy động các nguồn lực; Tổ chức điều hành thực hiện; Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh; Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm; Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên. Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới được phân tích và làm rõ dựa trên cơ sở lý luận về hệ thống chính trị và xây dựng nông thôn mới, cũng như những điều kiện thực tiễn của tỉnh Bolikhamxay. Từ bằng chứng khảo sát cho thấy, trong các vai trò này, đều không thể thiếu được trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở. Tuy nhiên, số liệu khảo sát cho thấy, hệ thống chính trị cấp huyện, cụm bản đang tập trung thể hiện vai trò: nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật; tuyên truyền, vận động; xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới; huy động nguồn lực; trong khi đó các vai trò: tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát; đề xuất, kiến nghị chưa được quan tâm đúng mức. Qua thực tiễn thực hiện vai trò và thực tiễn những kết quả đạt được của chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay đã khẳng định rằng hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay về cơ bản đã hoàn thành ở mức khá tốt.

*Năm là*, từ kết quả nghiên cứu khảo sát có thể đưa ra nhận định: Hệ thống chính trị cấp cơ sở bao gồm các thành viên: Tổ chức cơ sở Đảng; UBHC bản; Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội trong quá trình xây dựng nông thôn mới đều thể hiện được vị thế, chỗ đứng của mình. Về cơ bản, hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay đã phát huy được vai trò của mình trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, nổi bật nhất là vai trò của tổ chức cơ sở Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống chính trị cấp huyện thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng nông

thôn mới. Song, đối với Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị-xã hội lại chưa thực sự được phát huy đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xây dựng nông thôn mới, nhất là trong vận động, tuyên truyền; kiểm tra, giám sát và huy động các nguồn lực đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới. Trong khi đó, vai trò của UBHC bản trong tổ chức thực hiện, huy động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới còn nhiều bất cập.

*Sáu là*, những kết quả trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay cũng như việc thực hiện các vai trò trong xây dựng nông thôn mới vẫn còn những hạn chế, bất cập cần khắc phục trong thời gian tới để đạt hiệu quả cao hơn. Nghiên cứu đã phân tích và chỉ ra nhiều nguyên nhân và đề xuất giải pháp liên quan trực tiếp đến vai trò của hệ thống chính trị cấp bản trong xây dựng nông thôn mới trong địa tỉnh Bolikhamxay. Tuy nhiên, rào cản và bất cập lớn nhất và trước hết đó chính là năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp huyện còn nhiều hạn chế so với mục tiêu, yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Do vậy, giải pháp hàng đầu để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp huyện, cụm bản trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay chính là phải tập trung nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp huyện, cụm bản đáp ứng được những yêu cầu và mục tiêu đặt ra của quá trình xây dựng nông thôn mới.

*Bảy là*, kết quả nghiên cứu có thể khái quát một số kinh nghiệm trong việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay. Đó là: 1) xem xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm; 2) phải đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư; 3) phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới là yếu tố quyết định cho sự thành công của chương trình; 4) phải bám sát định hướng xây dựng nông thôn mới của Nhà nước, vận dụng linh hoạt chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; 5) Xây dựng nông thôn mới phải gắn liền với quá trình đô thị hóa.

*Tám là*, kết quả nghiên cứu của luận án đã đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông

thôn mới, cụ thể là: 1) Đổi mới, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị cấp trên trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay; 2) Kiện toàn, đổi mới và phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, nhất là quán triệt Nghị quyết của tổ chức cơ sở đảng trong xây dựng nông thôn mới; 3) Nâng cao năng lực và phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cấp cơ sở trong lập kế hoạch chỉ tiêu và tổ chức xây dựng nông thôn mới; 4) Nâng cao năng lực, phát huy vai trò tập hợp lực lượng, tuyên truyền và giám sát của Mặt trận Lào xây dựng đất nước, tổ chức chính trị-xã hội cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới; 5) Đổi mới phương thức hoạt động, mối quan hệ giữa các thành viên góp phần phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới; Nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay; 6) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, làm tốt công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng và kỷ luật trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay; 7) Phát huy cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn cụm bản, bản ở tỉnh Bolikhamxay. Thực hiện đồng bộ, chặt chẽ những giải pháp cơ bản trên sẽ là tiền đề tạo nên những kết quả vững chắc hơn trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay thời gian tới.

*Chín là*, luận án đã tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ các vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới thông qua việc hệ thống, tổng hợp, khảo sát, phân tích và đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hệ thống chính trị và xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở đó NCS đã tập trung phân tích chỉ ra những thành tựu, hạn chế, nhân tố tác động và đề xuất các giải pháp nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng ở tỉnh Bolikhamxay, nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Mặc dù vậy, đây mới chỉ là bước đầu, công việc này cần phải được tiếp tục làm rõ hơn bằng những nghiên cứu tiếp theo.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ**

1. Kanha Senthammavong (2023), “Vai trò tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở tỉnh Bolikhamxay (Lào)”, *Tạp chí lý luận chính trị và truyền thông*, (1), tr.111-114.
2. Kanha Senthammavong (2023), “Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay, Lào”, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/4924-vai-tro-cua-he-thong-chinh-tri-cap-co-so-trong-xay-dung-nong-thon-moi-o-tinh-Bolikhamxay-lao.html>, 03/4/2023.
3. Kanha Senthammavong (2023), Quản lý xã hội trong xây dựng nông thôn mới ở Lào (Qua thực tiễn tỉnh Bolikhamxay), tại trang <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/5080-quan-ly-xa-hoi-trong-xay-dung-nong-thon-moi-o-lao-qua-thuc-tien-tinh-Bolikhamxay.html>, 4/7/2023.
4. Kanha Senthammavong (2023), “Các lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu về vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới (nghiên cứu trường hợp ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào)”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, (10), tr.50-56.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### \* Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Loan Anh (2015), *Để phát huy vai trò của nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới*, Tạp chí Cộng sản điện tử, tại trang [www.tapchicongsan.org.vn](http://www.tapchicongsan.org.vn), [truy cập ngày 28/10/2023].
2. Nguyễn Việt Anh (2014) “*Xây dựng nông thôn mới: lựa chọn mục tiêu ưu tiên. Nghiên cứu trường hợp xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang*”, Dẫn theo Đỗ Thị Ngân (2021), *Vai trò của vốn xã hội trong phát triển cơ sở hạ tầng thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới: Trường hợp xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội*, Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, Hà Nội.
3. Phạm Minh Anh (2011), *Vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở trong thực hiện bình đẳng giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Acemoglu và Robinson (2017), *Tại sao có quốc gia thất bại? Nguồn gốc của Quyền lực, Thịnh vượng và Nghèo đói*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Actionaid & Microsoft (2016), *Báo cáo những nét nổi bật. Dự án: Kết nối mọi người để tăng cường cứu hộ và cải thiện công tác chuẩn bị và ứng phó thiên tai ở khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long, Sóc Trăng*.
6. Hoàng Chí Bảo (2002) (Chủ biên), *Củng cố và tăng cường hệ thống chính trị ở cơ sở trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học độc lập cấp nhà nước.
7. Hoàng Chí Bảo (2004), *Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hoàng Chí Bảo (2006), “*Xã hội học chính trị - quan niệm và những vấn đề đặt ra*”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, truy cập từ <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/xa-hoi-hoc-chinh-tri-quan-niem-va-nhung-van-de-dat-ra-p24586.html>
9. Lê Ngọc Bảo (2016), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên*, tại trang <http://tapchiquptd.vn>, [truy cập ngày 07/7/2022].



10. BenedictJ.triaKerrkvliet, Jamesscott (2000), *Một số vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
11. Nguyễn Đức Bình, Trần Ngọc Hiền, Đoàn Trọng Tuyên, Nguyễn Văn Thảo, Trần Xuân Sầm (Đồng chủ biên) (1999), *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Vi Lưu Bình (2014), *Vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới*, tại trang <https://baonghean.vn/>, [truy cập ngày 22/2/2023].
13. Bộ Nội vụ, Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức Nhà nước (2006), *Dự án: Điều tra thực trạng về hội và tổ chức phi chính phủ ở nước ta hiện nay*, Hà Nội.
14. Bun Thong Chít Ma Ni (2011), “Một số giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đối với vấn đề xây dựng, phát triển nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (01).
15. Bun Thong Chit Ma Ni (2012), *Đảng Nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
16. Trần Quang Cảnh (2011), *Để phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị cơ sở Hà Nội*, tại trang [www.tapchicongsan.org.vn](http://www.tapchicongsan.org.vn), [truy cập ngày 25/7/2022].
17. Chăm Ma Ni Xêng (2003), *Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở nông thôn tỉnh Luông Nặm Tha Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
18. Tống Văn Chung (2011), *Giáo trình cơ sở xã hội học nông thôn Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
19. Nguyễn Sinh Cúc (2013), “Vài nét về xây dựng nông thôn mới ở Hải Phòng”, *Tạp chí Cộng sản*, (452), tr.41-50.

20. Trần Nhật Duật (2017), *Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Bắc*, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn>, [truy cập ngày 15/3/2023].
21. Trương Minh Dục (2014), “Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (12).
22. Bùi Quang Dũng, (2015) trong bài viết “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao trách nhiệm xã hội và vai trò của chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới”, Dẫn theo Đỗ Thị Ngân (2021), *Vai trò của vốn xã hội trong phát triển cơ sở hạ tầng thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới: Trường hợp xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội*, Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, Hà Nội.
23. Bùi Quang Dũng, Nguyễn Trung Kiên, Bùi Hải Yến và Phùng Thị Hải Hậu (2015), “Chương trình xây dựng nông thôn mới: một cái nhìn từ lịch sử chính sách”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (91).
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05-8-2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Ngô Huy Đức (2008), *Các mô hình dân chủ trên thế giới*, Đề tài KX 10.10 Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
26. FrakEllis (1994), *Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
27. Lương Thị Thu Hằng, (2015) “Chương trình xây dựng nông thôn mới: nhìn từ thực tế các xã thí điểm”, Dẫn theo Đỗ Thị Ngân (2021), *Vai trò của vốn xã hội trong phát triển cơ sở hạ tầng thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới: Trường hợp xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội*, Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, Hà Nội.
28. Cát Chí Hoa (2009), *Từ vùng quê đến nông thôn mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Trác Vệ Hoa (2008), *Lý luận và thực tiễn cải cách và phát triển nông thôn Trung Quốc 30 năm*, tại trang <http://www.nhandan.com.vn>, [truy cập ngày 21/7/2022].

30. Phạm Thị Bích Hồng (2014), *Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở Ninh Bình*, tại trang <https://tuyengiao.vn>, [truy cập ngày 26/3/2023].
31. Nguyễn Văn Hùng (2015), *Xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Bắc Ninh*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
32. Nguyễn Văn Hùng (2017), *Kinh tế tập thể trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi*, Luận án tiến sĩ kinh tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
33. Phạm Huỳnh Minh Hùng (Chủ nhiệm) (2017), *Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
34. Phạm Huỳnh Minh Hùng (chủ nhiệm) (2017), “*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bến Tre hiện nay*”, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Bến Tre.
35. Lê Ngọc Hùng (2016), *Tổng quan về lý thuyết cấu trúc - chức năng*, tại trang <http://viennccspt.hcmal.vn/ly-thuyet/tong-quan-ve-ly-thuyet-cau-truc-chuc-nang:-gs-.ts-le-ngoc-hung-a379.html>, [truy cập ngày 13/2/2022].
36. Đào Thu Huyền (2017), *Hệ thống chính trị cấp xã tổ chức, vận động xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Bình - kết quả và giải pháp*, tại trang <https://tenn.vn>, [truy cập ngày 20/4/2022].
37. Kham Bay Ma La Sinh (2012), *Vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở và những người có uy tín ở thôn bản trong phát triển cộng đồng ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (Nghiên cứu trường hợp tại huyện Xay Tha Ny và huyện Na Xai Thoong, thành phố Viêng Chăn)*, Luận án tiến sĩ Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
38. Kham Phouy Chan Tha Va Dy (2019), *Chất lượng tổ chức cơ sở đảng nông thôn ở các tỉnh phía Bắc Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai*

- đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Xây dựng đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
39. Lê Quốc Khởi (2017), *Các tỉnh uỷ ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
  40. Nguyễn Linh Khiếu (2007), *Nâng cao nhận thức của đội ngũ nhà báo về hệ thống chính trị cơ sở*, tại trang <http://tapchicongsan.org.vn>, [truy cập ngày 15/6/2022].
  41. Khung khái niệm (Paradigm) của Merton về sự lệch chuẩn là một trường hợp quan trọng của cấu trúc xã hội của hành vi sai lệch do Parsons đưa ra. Talcott Parsons. *The Social System*. Glencoe, Illinois: The Pree Press. 1951. Tr.257-258.
  42. Ki Kẹo Khảm Phăm Phị Thun (2019), *Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của chế độ dân chủ nhân dân tại Lào trong tình hình mới*, Kỷ yếu Hội thảo “Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới, Quảng Bình.
  43. Vũ Thị Hồng Khanh - Nguyễn Văn Thanh (2017), “Những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Khánh Hòa - Một kết quả điều tra xã hội học”, *Tạp chí Nghiên cứu khoa học Công đoàn*, Số 9 tháng 11/2017, tr.88-91.
  44. Nguyễn Huy Kiệm (2013), *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống chính trị cơ sở*, tại trang <http://tcnn.vn>, [truy cập ngày 31/8/2022].
  45. Phạm Đức Kiên (2015), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở các tỉnh Tây Bắc hiện nay*, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn>, [truy cập ngày 25/6/2022].
  46. Hoàng Thế Kiệt (1992), *Vấn đề xây dựng nông thôn mới ở Trung Quốc*, Học viện Thương mại - Đại học Quảng Tây, Hà Nội.

47. La Chay Sinh Xu Van (2012), *Đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
48. Nguyễn Thị Lan (2016), “Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Mặt trận*, (134).
49. Trương Giang Long, Nguyễn Thành Long (2011), *Liên kết “4 nhà” - giải pháp cơ bản góp phần xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
50. Lê Quốc Lý (2014), *Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Trịnh Duy Luân (2002), “Hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn qua ý kiến người dân”, *Tạp chí Xã hội học*, (1).
52. C.Mác, Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Sự thật, Hà Nội.
53. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
54. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
55. Đỗ Hoài Nam (chủ biên) (2008), *Vị trí đảng cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Nhà xuất bản Nông nghiệp (2017), *Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp giai đoạn 2016-2020*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
57. Dương Xuân Ngọc (1998), *Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cấp xã ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Hạnh Nhi (2013), *Phát huy vai trò chủ thể của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới*, tại trang [www.tapchiconsan.org.vn](http://www.tapchiconsan.org.vn), [truy cập ngày 25/7/2022].
59. Đặng Kim Oanh, Nguyễn Hữu Tài (2020), “Đảng lãnh đạo xây dựng nông thôn mới (2008-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (359), tr.51 - 56.

60. Bùi Nhật Phong (2011), “Một số lý thuyết và chủ đề nghiên cứu phát triển nông nghiệp - nông thôn qua lăng kính xã hội học”, *Tạp chí Khoa học*, (6), tr.71-77.
61. Nguyễn Trọng Phúc (2007), *Đổi mới ở Việt Nam thực tiễn và nhận thức lý luận*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Vũ Văn Phúc (2013), *Xây dựng nông thôn mới những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Nguyễn Thị Phương (2022), *Biến đổi văn hoá trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay*, Bài tham luận tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII-Xây dựng hệ giá trị và chuẩn mực con người Việt Nam, Hà Nội.
64. Hoàng Ngọc Phương (2021), *Hệ thống chính trị một đảng nổi trội - giá trị tham khảo cho Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
65. Chu Tiến Quang, Lê Xuân Đình (2007), “Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong phát triển nông thôn mới bền vững”, *Tạp chí Cộng sản*, (125).
66. Bùi Thọ Quang (2016), *Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Bình- thực trạng và giải pháp*, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn>, [truy cập ngày 5/8/2022].
67. Trần Hồng Quảng (2015), *Kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới ở huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình*, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
68. Đỗ Văn Quân (2014) trong bài viết “Phát huy vai trò của vốn xã hội trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 1 – 2014.
69. Đỗ Văn Quân - Trần Thị Minh Ngọc (2022), “Quản trị quốc gia ở Việt Nam: Một số vấn đề từ hướng tiếp cận xã hội học”, *Tạp chí Tuyên giáo điện tử*, số ra ngày 15/8/2022, truy cập từ <https://tuyengiao.vn/nghien-cuu/ly-luan/quan-tri-quoc-gia-o-viet-nam-mot-so-van-de-tu-huong-tiep-can-xa-hoi-hoc-140239>
70. Lê Minh Quân (2006) (Chủ biên), *Về một số xu hướng chính trị chủ yếu trên thế giới hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

71. Trần Quỳnh (2018), *Phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới*, tại trang <https://dangcongsan.vn/>, [truy cập ngày 23/12/2022].
72. Phạm Văn Quyết - Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
73. Robert Chamber (1991), *Phát triển nông thôn-Hãy bắt đầu từ những người cùng khổ*, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp Hà Nội.
74. Robert K. Merton (1968), *Lý thuyết xã hội và cấu trúc xã hội*, New York.
75. Tô Huy Rúa (2005) (Chủ nhiệm), *Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở một số nước trên thế giới*, Hà Nội.
76. Tô Huy Rúa (2008) (chủ biên), *Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị một số nước trên thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Sa Mut Thong Sôm Pa Nít (2018), “Hệ thống chính trị Lào và vấn đề nhất thể hóa các vị trí chủ chốt giữa Đảng và Nhà nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (7).
78. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (2001), *Cộng đồng làng xã Việt Nam hiện nay và thực hiện quy chế dân chủ và xây dựng chính quyền cấp xã ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (2005), *Thế chế dân chủ và phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Nguyễn Thái Sơn (2015), *Phát huy vai trò của tổ chức đảng trong xây dựng nông thôn mới*, tại trang [tapchiconsan.org.vn](http://tapchiconsan.org.vn), [truy cập ngày 27/10/2022].
81. Som Phon Kheo Ni Lăn Lăt (2011), “Bài học trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, kết hợp với xây bản, cụm bản phát triển ở Bàn U, Kum Xiêng, Huyện Khun”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (12), tr.42-43.
82. Lưu Văn Sùng (2013), *Cách tiếp cận nghiên cứu hệ thống chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Trịnh Thanh Tâm (2012), *Xây dựng đội ngũ nữ cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị cấp xã (qua khảo sát thực tiễn ở đồng bằng sông Hồng)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

84. Trịnh Tố Tâm (2017), *Một số giải pháp phát huy dân chủ ở cơ sở*, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn>, [truy cập ngày 25/9/2022].
85. Lê Xuân Tâm (2014), *Nghiên cứu phát triển làng nghề gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bắc Ninh*, Luận án tiến sĩ Kinh tế học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
86. Nguyễn Đình Tấn (2005), *Xã hội học*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
87. Nguyễn Mậu Thái (2015), *Nghiên cứu xây dựng nông thôn mới các huyện phái Tây thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Kinh tế học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
88. Hoàng Bá Thịnh (2016), “Xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc và Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (104), tr.3-11.
89. Hồ Diệu Thuý (2000), “Điểm qua các lý thuyết xã hội học về lệch lạc và tội phạm”, *Tạp chí Xã hội học*, (01), tr.95-101.
90. Phạm Ngọc Trâm (2012), *Quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam (1986- 2011)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Trung tâm Phát triển nông thôn, Dự án MISPA (2006), *Lý luận và thực tiễn xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa*, (Dịch giả Cù Ngọc Hương), Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
92. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2015), “Nghiên cứu các giải pháp huy động “vốn xã hội” cho phát triển ngành nghề phi nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới”. Hội thảo cuối kỳ, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.
93. Trương Xuân Trường (2020) (Chủ nhiệm), *Vai trò của văn hóa cộng đồng đối với chương trình xây dựng nông thôn mới*, Đề tài cấp Bộ 2018-2020 - Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
94. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Bách khoa, Hà Nội.
95. Võ Khánh Vinh (2015), *Hệ thống chính trị ở cơ sở phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên*, (mã số TN3/X03), Đề tài thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015, Hà Nội.



**Tài liệu nghiên cứu ở Lào**

96. Đảng bộ tỉnh Bolikhamxay (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 7 nhiệm kỳ 2020-2025*, Bolikhamxay.
97. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (1991), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V*, Nxb Quốc gia Lào, Viêng Chăn.
98. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Nhà nước, Viêng Chăn.
99. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Nhà nước, Viêng Chăn.
100. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Nhà nước, Viêng Chăn.
101. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Nhà nước, Viêng Chăn.
102. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Nhà nước, Viêng Chăn.
103. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Nhà nước, Viêng Chăn.
104. Trung tâm Thống kê tỉnh Bolikhamxay (2022), *Báo cáo thống kê năm 2022*, Bolikhamxay.
105. Ủy ban nhân dân tỉnh Bolikhamxay Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 (2016), *Báo cáo số 27/BCĐ, Báo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay và định hướng giai đoạn 2021 - 2025*, Bolikhamxay.
106. Ủy ban nhân dân tỉnh Bolikhamxay (2021), *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ 5 2021 - 2025*, Bolikhamxay.
107. Ủy ban nhân dân tỉnh Bolikhamxay (2021), *Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bolikhamxay 2021-2025*, Bolikhamxay.

108. Ủy ban nhân dân tỉnh Bolikhamxay (2021), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bolikhamxay và định hướng giai đoạn 2021 - 2025*, Bolikhamxay.

**Tài liệu tiếng Anh**

109. Dr. Dana de la Fontaine & Dr. Thomas Stehnen (2015), “The Political System of Brazil”, *Springer*, (18), pp. 329.
110. Melusky, Joseph A: *The American political system: An owner's manual*, Boston: McGraw - Hill, 2000.
111. Scoones (1998), *Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis*, IDS Working Paper, no. 72, p. 86-98.
112. Saemau Undong Central Training Institute (SUCTI) 1999, *Republic of Korea*.

**Website:**

113. <http://vietlao.vietnam.vn/kham-pha-viet-lao/he-thong-chinh-tri-cua-chdcnd-lao>

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1 PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN (Dùng cho cán bộ, công chức)

#### Kính thưa đồng chí!

Trong quá trình xây dựng NTM (XDNTM), HTCT bước đầu đã khẳng định được vai trò của mình và mang lại những kết quả tích cực, tuy vậy thực tế cũng cho thấy không ít bất cập vẫn còn tồn tại. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài: “*Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay*” hy vọng là nguồn thông tin khoa học có giá trị nhất định cho việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở gắn với việc xây dựng NTM của tỉnh Bolikhamxay.

Để góp phần vào sự thành công của đề tài chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp ý kiến của đồng chí. Mọi ý kiến của đồng chí sẽ được đảm bảo tính khuyết danh, sự tham gia của đồng chí vào cuộc trao đổi là hoàn toàn tự nguyện. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn các câu hỏi và các phương án trả lời, đồng chí vui lòng trả lời các câu hỏi bằng cách *khoanh tròn hoặc tích vào các phương án trả lời mà đồng chí cho là đúng. Xin đồng chí ghi rõ nếu có ý kiến khác.*

*Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!*

#### Phần I. NỘI DUNG TRƯNG CẦU

**Câu 1. Đồng chí đã tham gia các hoạt động nào liên quan đến XDNTM? (có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều phương án)**

1	Được nghe nói về XDNTM	<input type="checkbox"/>
2	Được đọc trực tiếp các văn bản liên quan đến XDNTM	<input type="checkbox"/>
3	Được hướng dẫn học tập, bồi dưỡng vấn đề liên quan đến XDNTM	<input type="checkbox"/>
4	Đã dành thời gian để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến XDNTM	<input type="checkbox"/>
5	Đã trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM	<input type="checkbox"/>
6	Đã trực tiếp tuyên truyền, vận động về XDNTM	<input type="checkbox"/>
7	Trực tiếp đóng góp tiền XDNTM	<input type="checkbox"/>
8	Trực tiếp đóng góp đất đai cho XDNTM	<input type="checkbox"/>
9	Trực tiếp đóng góp nguyên vật liệu cho XDNTM	<input type="checkbox"/>
10	Trực tiếp đóng góp ngày công cho XDNTM	<input type="checkbox"/>
11	Chưa tham gia hoạt động nào cả	<input type="checkbox"/>

**Câu 2. Đồng chí tiếp cận các thông tin về XDNTM như thế nào?**

Kênh/mức độ	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Đài tiếng nói	1	2	3	4	5
2. Truyền hình	1	2	3	4	5
3. Internet	1	2	3	4	5
4. Báo/sách/tạp chí	1	2	3	4	5
5. Tờ rơi/pano/khẩu hiệu	1	2	3	4	5
6. Hội họp	1	2	3	4	5
7. Tham gia lớp tập huấn	1	2	3	4	5
8. Nguồn khác (ghi cụ thể)	1	2	3	4	5

**Câu 3. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá việc thực hiện các bước XDNTM trên địa bàn huyện hiện nay?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 4. Xin đồng chí đánh giá mức độ thực hiện các vai trò của cấp ủy Đảng trong XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 5. Xin đồng chí đánh giá mức độ hoàn thành vai trò của cấp ủy Đảng trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 6. Xin đồng chí đánh giá vai trò của Ban bí thư đảng ủy cụm bản trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5

4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 7. Xin đồng chí đánh giá mức độ hoàn thành vai trò của Ban bí thư đảng ủy cụm bản trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 8. Xin đồng chí đánh giá vai trò của MTTQ huyện trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 9. Xin đồng chí đánh giá mức độ hoàn thành vai trò của MTTQ huyện trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 10. Xin đồng chí đánh giá mức độ hoàn thành vai trò của các tổ chức (Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Công đoàn, Đoàn Thanh niên huyện) trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 11. Đánh giá của đồng chí về các nội dung sau đây của đội ngũ cán bộ ở HTCT cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay trong thời gian qua?**

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Khả năng lắng nghe ý kiến của nhân dân	1	2	3	4	5
2. Khả năng gần gũi với nhân dân	1	2	3	4	5
3. Sự gần bó mật thiết với người dân	1	2	3	4	5
4. Lấy nhân dân làm gốc trong giải quyết công việc	1	2	3	4	5

**Câu 12. Đồng chí đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí XDNTM trên địa bàn huyện hiện nay?**

Lĩnh vực/mức độ	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Quy hoạch nông thôn	1	2	3	4	5
2. Hệ thống giao thông	1	2	3	4	5
3. Hệ thống thủy lợi	1	2	3	4	5
4. Hệ thống điện	1	2	3	4	5
5. Hệ thống trường học	1	2	3	4	5
6. Cơ sở vật chất văn hóa	1	2	3	4	5
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1	2	3	4	5
8. Thông tin và truyền thông	1	2	3	4	5
9. Nhà ở dân cư	1	2	3	4	5
10. Tăng thu nhập, mức sống người dân	1	2	3	4	5
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	1	2	3	4	5
12. Tăng tỷ lệ lao động có việc làm	1	2	3	4	5
13. Chuyển đổi cơ cấu KT, tổ chức sản xuất	1	2	3	4	5
14. Giáo dục, đào tạo dạy nghề	1	2	3	4	5
15. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	1	2	3	4	5
16. Văn hóa tinh thần	1	2	3	4	5
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	1	2	3	4	5
18. HTCT và tiếp cận pháp luật	1	2	3	4	5
19. Quốc phòng và an ninh	1	2	3	4	5

**Câu 13. Vào thời điểm hiện nay, các vấn đề sau đây ở địa phương đồng chí đã có chuyển biến như thế nào so với trước khi thực hiện XDNTM?**

Các nội dung	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
--------------	---------	-----	------------	-----	-----

1. Bầu không khí dân chủ ở địa phương	1	2	3	4	5
2. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện	1	2	3	4	5
3. Lòng tin của dân với Đảng, chính quyền	1	2	3	4	5
4. Tình hình phát triển KT-XH của địa phương	1	2	3	4	5
5. Công tác xây dựng Đảng của địa phương	1	2	3	4	5
6. Công tác xây dựng C.Quyền ở địa phương	1	2	3	4	5
7. Công tác xây dựng Mặt trận và các đoàn thể	1	2	3	4	5
8. Phong cách làm việc của cán bộ	1	2	3	4	5
9. Tình hình an ninh trật tự của địa phương	1	2	3	4	5
10. Trách nhiệm của người đứng đầu	1	2	3	4	5
11. Đời sống vật chất của người dân	1	2	3	4	5
12. Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm	1	2	3	4	5
13. Cơ sở hạ tầng nông thôn	1	2	3	4	5
14. Giáo dục, văn hóa, sức khỏe của cư dân	1	2	3	4	5
15. Nghề nghiệp, việc làm của người dân	1	2	3	4	5
16. Khác (ghi cụ thể).....					

**Câu 14. Việc triển khai XDNTM ở địa phương đồng chí được thực hiện như thế nào? (có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án thích hợp).**

1	Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm	<input type="checkbox"/>
2	Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	<input type="checkbox"/>
3	Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ	<input type="checkbox"/>
4	Đã ra Nghị quyết chuyên đề về XDNTM	<input type="checkbox"/>
5	Chưa lồng ghép vào Nghị quyết hay ra Nghị quyết chuyên đề riêng	<input type="checkbox"/>

**Câu 15a. Ở địa phương đồng chí có áp dụng hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ khi được giao nhiệm vụ thực hiện XDNTM? (chỉ lựa chọn 1 phương án).**

1	Đã có	<input type="checkbox"/>
2	Chưa có	<input type="checkbox"/>
3	Không biết	<input type="checkbox"/>

**Câu 15b. Nếu đã có, thì khi cán bộ làm tốt có được khen thưởng? (chỉ lựa chọn 1 phương án).**

1	Khen thưởng xứng đáng	<input type="checkbox"/>
2	Khen thưởng nhưng chưa xứng đáng	<input type="checkbox"/>
3	Chưa được khen thưởng	<input type="checkbox"/>
4	Không biết	<input type="checkbox"/>

**Câu 15c. Nếu đã có, khi cán bộ làm chưa tốt có bị kỷ luật? (lựa chọn 1 phương án).**

1	Không bị kỷ luật	<input type="checkbox"/>
2	Có bị kỷ luật nhưng chưa có tính nghiêm khắc	<input type="checkbox"/>
3	Bị kỷ luật thỏa đáng	<input type="checkbox"/>
4	Không biết	<input type="checkbox"/>

**Câu 16. Theo đồng chí những yếu tố sau đây đang tác động như thế nào đối với vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM?**

<b>Các yếu tố tác động</b>	<b>Rất lớn</b>	<b>Lớn</b>	<b>Ít lớn</b>	<b>Không tác động</b>	<b>Khó đánh giá</b>
1. Đường lối, chủ trương của Đảng, Đảng bộ tỉnh, huyện	1	2	3	4	5
2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước, Chính quyền các cấp	1	2	3	4	5
3. Điều kiện tự nhiên của địa phương	1	2	3	4	5
4. Điều kiện KT-XH của địa phương	1	2	3	4	5
5. Trình độ, kiến thức, sự hiểu biết của cán bộ cấp cơ sở	1	2	3	4	5
6. Năng lực, phương pháp làm việc của cán bộ cấp cơ sở	1	2	3	4	5
7. Đạo đức, ứng xử của cán bộ cấp cơ sở	1	2	3	4	5
8. Dân chủ hoá, công khai, minh bạch trong XDNTM	1	2	3	4	5
9. Trình độ dân trí	1	2	3	4	5
10. Sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân	1	2	3	4	5
11. Tác động của việc vận dụng khoa học - kỹ thuật	1	2	3	4	5
12. Vận dụng khoa học trong quản lý XDNTM	1	2	3	4	5
13. Yếu tố khác (ghi rõ).....					

**Câu 17. Đánh giá của đồng chí về tính cần thiết của các giải pháp chung nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM?**

<b>Các yếu tố tác động</b>	<b>Rất không cần thiết</b>	<b>Không cần thiết</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Cần thiết</b>	<b>Rất cần thiết</b>
1. Tăng cường vai trò lãnh đạo chỉ đạo của HTCT cấp trên	1	2	3	4	5
2. Thống nhất quan điểm XDNTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương	1	2	3	4	5
3. Nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở	1	2	3	4	5
4. Phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cơ sở trong lập kế hoạch, chỉ tiêu	1	2	3	4	5
5. Nâng cao năng lực, phát huy vai trò, tập hợp lực lượng và giám sát của các tổ chức CT-XH	1	2	3	4	5
6. Đổi mới phương thức hoạt động, mối quan hệ giữa các thành viên của HTCT cơ sở	1	2	3	4	5
7. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phát huy vai trò của cán bộ cơ sở	1	2	3	4	5
8. Tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ cơ sở	1	2	3	4	5



9. Đánh giá thi đua, khen thưởng, kỷ luật công bằng, công khai	1	2	3	4	5
10. Phát huy vai trò của cộng đồng, các tổ chức trên địa bàn	1	2	3	4	5
11. Giải pháp khác (ghi rõ).....					

**Câu 18. Từ kinh nghiệm thực tiễn, theo đồng chí để phát huy vai trò của từng thành viên của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM thì từng thành viên phải thực hiện như thế nào?**

**- Đối với cấp ủy Đảng:**

.....  
 .....

**- Đối với chính quyền huyện:**

.....  
 .....

**- Đối với MTLXDĐN huyện:**

.....  
 .....

**- Đối với các tổ chức đoàn thể huyện:**

.....  
 .....

**Câu 19. Ngoài những vấn đề trên, để phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM, xin đồng chí có thêm ý kiến.**

.....  
 .....

**Câu 22. Đồng chí có khuyến nghị, đề xuất như nào đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở cơ quan, đơn vị và địa phương?**

.....  
 .....

**Phần II. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

<b>1</b>	Tuổi ( <i>ghi rõ năm sinh</i> )	.....
<b>2</b>	Giới tính	1. Nam 2. Nữ
<b>3</b>	Tình trạng hôn nhân	1.Chưa kết hôn 2.Đang có vợ/ chồng 3.Ly thân/ ly hôn 4.Góa

4	Trình độ chuyên môn	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trung cấp chuyên nghiệp</li> <li>2. Cao đẳng</li> <li>3. Đại học</li> <li>4. Trên đại học</li> <li>5. Chưa có bằng cấp chuyên môn</li> </ol>
5	Trình độ lý luận chính trị	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chưa qua đào tạo</li> <li>2. Sơ cấp</li> <li>3. Trung cấp</li> <li>4. Cao cấp/ Cử nhân</li> </ol>
6	Quản lý nhà nước	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chưa qua đào tạo</li> <li>2. Bồi dưỡng ngắn hạn</li> <li>3. Chuyên viên</li> <li>4. Chuyên viên chính</li> <li>5. Chuyên viên cao cấp</li> </ol>
7	Khối công tác hiện nay	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đảng</li> <li>2. Ủy ban nhân dân</li> <li>3. MTLXĐĐN, Đoàn thể chính trị - XH</li> </ol>
8	Chức vụ hiện nay	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lãnh đạo, quản lý</li> <li>2. Nhân viên</li> </ol>

**Phụ lục 2**  
**PHIẾU TRƯNG CÂU Ý KIẾN**  
**(Dùng cho người dân)**

**Kính thưa ông/bà!**

Trong quá trình xây dựng NTM (XDNTM), HTCT bước đầu đã khẳng định được vai trò của mình và mang lại những kết quả tích cực, tuy vậy thực tế cũng cho thấy không ít bất cập vẫn còn tồn tại. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài: “*Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay*” hy vọng là nguồn thông tin khoa học có giá trị nhất định cho việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở gắn với việc xây dựng NTM của tỉnh Bolikhamxay.

Để góp phần vào sự thành công của đề tài chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp ý kiến của ông/bà. Mọi ý kiến của ông/bà sẽ được đảm bảo tính khuyết danh, sự tham gia của đồng chí vào cuộc trao đổi là hoàn toàn tự nguyện. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn các câu hỏi và các phương án trả lời, ông/bà vui lòng trả lời các câu hỏi bằng cách *khoanh tròn hoặc tích vào các phương án trả lời mà ông/bà cho là đúng. Xin đồng chí ghi rõ nếu có ý kiến khác.*

***Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!***

**Phần I. NỘI DUNG TRƯNG CÂU**

**Câu 1. Ông/bà đã tham gia các hoạt động nào liên quan đến XDNTM? (có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều phương án)**

1	Được nghe nói về XDNTM	<input type="checkbox"/>
2	Được đọc trực tiếp các văn bản liên quan đến XDNTM	<input type="checkbox"/>
3	Được hướng dẫn học tập, bồi dưỡng vấn đề liên quan đến XDNTM	<input type="checkbox"/>
4	Đã dành thời gian để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến XDNTM	<input type="checkbox"/>
5	Đã trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM	<input type="checkbox"/>
6	Đã trực tiếp tuyên truyền, vận động về XDNTM	<input type="checkbox"/>
7	Trực tiếp đóng góp tiền XDNTM	<input type="checkbox"/>
8	Trực tiếp đóng góp đất đai cho XDNTM	<input type="checkbox"/>
9	Trực tiếp đóng góp nguyên vật liệu cho XDNTM	<input type="checkbox"/>
10	Trực tiếp đóng góp ngày công cho XDNTM	<input type="checkbox"/>
11	Chưa tham gia hoạt động nào cả	<input type="checkbox"/>

**Câu 2. Ông/bà tiếp cận các thông tin về XDNTM như thế nào?**

Kênh/mức độ	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Đài tiếng nói	1	2	3	4	5
2. Truyền hình	1	2	3	4	5
3. Internet	1	2	3	4	5
4. Báo/sách/tạp chí	1	2	3	4	5
5. Tờ rơi/pano/khẩu hiệu	1	2	3	4	5
6. Hội họp	1	2	3	4	5
7. Tham gia lớp tập huấn	1	2	3	4	5
8. Nguồn khác (ghi cụ thể)	1	2	3	4	5

**Câu 3. Xin ông/bà cho biết ý kiến đánh giá việc thực hiện các bước XDNTM trên địa bàn huyện hiện nay?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 4. Xin ông/bà đánh giá mức độ thực hiện các vai trò của cấp ủy Đảng trong XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 5. Xin Ông/bà đánh giá mức độ hoàn thành vai trò của cấp ủy Đảng trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 6. Xin Ông/bà đánh giá vai trò của Ban bí thư đảng ủy cụm bản trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5

6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 7. Xin Ông/bà đánh giá mức độ hoàn thành vai trò của Ban bí thư đảng ủy cụm bản trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 8. Xin Ông/bà đánh giá vai trò của MTLXDĐN huyện trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 9. Xin Ông/bà đánh giá mức độ hoàn thành vai trò của MTLXDĐN huyện trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 10. Xin Ông/bà đánh giá mức độ hoàn thành vai trò của các tổ chức (Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Công đoàn, Đoàn Thanh niên huyện) trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây?**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
----------------------------------	---------	-----	------------	-----	-----

1. Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	1	2	3	4	5
2. Xây dựng KH thực hiện các tiêu chí	1	2	3	4	5
3. Tuyên truyền, vận động	1	2	3	4	5
4. Huy động các nguồn lực	1	2	3	4	5
5. Tổ chức điều hành thực hiện	1	2	3	4	5
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	1	2	3	4	5
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	1	2	3	4	5
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	1	2	3	4	5

**Câu 11. Đánh giá của Ông/bà về các nội dung sau đây của đội ngũ cán bộ ở HTCT cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay trong thời gian qua?**

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Khả năng lắng nghe ý kiến của nhân dân	1	2	3	4	5
2. Khả năng gần gũi với nhân dân	1	2	3	4	5
3. Sự gần bó mật thiết với người dân	1	2	3	4	5
4. Lấy nhân dân làm gốc trong giải quyết công việc	1	2	3	4	5

**Câu 12. Ông/bà đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí XDNTM trên địa bàn huyện hiện nay?**

Lĩnh vực/mức độ	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Quy hoạch nông thôn	1	2	3	4	5
2. Hệ thống giao thông	1	2	3	4	5
3. Hệ thống thủy lợi	1	2	3	4	5
4. Hệ thống điện	1	2	3	4	5
5. Hệ thống trường học	1	2	3	4	5
6. Cơ sở vật chất văn hóa	1	2	3	4	5
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1	2	3	4	5
8. Thông tin và truyền thông	1	2	3	4	5
9. Nhà ở dân cư	1	2	3	4	5
10. Tăng thu nhập, mức sống người dân	1	2	3	4	5
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	1	2	3	4	5
12. Tăng tỷ lệ lao động có việc làm	1	2	3	4	5
13. Chuyển đổi cơ cấu KT, tổ chức sản xuất	1	2	3	4	5
14. Giáo dục, đào tạo dạy nghề	1	2	3	4	5
15. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	1	2	3	4	5
16. Văn hóa tinh thần	1	2	3	4	5
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	1	2	3	4	5
18. HTCT và tiếp cận pháp luật	1	2	3	4	5
19. Quốc phòng và an ninh	1	2	3	4	5

**Câu 13. Vào thời điểm hiện nay, các vấn đề sau đây ở địa phương Ông/bà đã có chuyển biến như thế nào so với trước khi thực hiện XDNTM?**

Các nội dung	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Bầu không khí dân chủ ở địa phương	1	2	3	4	5
2. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện	1	2	3	4	5

3. Lòng tin của dân với Đảng, chính quyền	1	2	3	4	5
4. Tình hình phát triển KT-XH của địa phương	1	2	3	4	5
5. Công tác xây dựng Đảng của địa phương	1	2	3	4	5
6. Công tác xây dựng C.Quyền ở địa phương	1	2	3	4	5
7. Công tác xây dựng Mặt trận và các đoàn thể	1	2	3	4	5
8. Phong cách làm việc của cán bộ	1	2	3	4	5
9. Tình hình an ninh trật tự của địa phương	1	2	3	4	5
10. Trách nhiệm của người đứng đầu	1	2	3	4	5
11. Đời sống vật chất của người dân	1	2	3	4	5
12. Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm	1	2	3	4	5
13. Cơ sở hạ tầng nông thôn	1	2	3	4	5
14. Giáo dục, văn hóa, sức khỏe của cư dân	1	2	3	4	5
15. Nghề nghiệp, việc làm của người dân	1	2	3	4	5
16. Khác (ghi cụ thể).....					

**Câu 14. Việc triển khai XDNTM ở địa phương Ông/bà được thực hiện như thế nào?(có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án thích hợp).**

1	Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm	<input type="checkbox"/>
2	Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	<input type="checkbox"/>
3	Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ	<input type="checkbox"/>
4	Đã ra Nghị quyết chuyên đề về XDNTM	<input type="checkbox"/>
5	Chưa lồng ghép vào Nghị quyết hay ra Nghị quyết chuyên đề riêng	<input type="checkbox"/>

**Câu 15a. Ở địa phương Ông/bà có áp dụng hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ khi được giao nhiệm vụ thực hiện XDNTM? (chỉ lựa chọn 1 phương án).**

1	Đã có	<input type="checkbox"/>
2	Chưa có	<input type="checkbox"/>
3	Không biết	<input type="checkbox"/>

**Câu 15b. Nếu đã có, thì khi cán bộ làm tốt có được khen thưởng? (chỉ lựa chọn 1 phương án).**

1	Khen thưởng xứng đáng	<input type="checkbox"/>
2	Khen thưởng nhưng chưa xứng đáng	<input type="checkbox"/>
3	Chưa được khen thưởng	<input type="checkbox"/>
4	Không biết	<input type="checkbox"/>

**Câu 15c. Nếu đã có, khi cán bộ làm chưa tốt có bị kỷ luật? (lựa chọn 1 phương án).**

1	Không bị kỷ luật	<input type="checkbox"/>
2	Có bị kỷ luật nhưng chưa có tính nghiêm khắc	<input type="checkbox"/>
3	Bị kỷ luật thỏa đáng	<input type="checkbox"/>
4	Không rõ	<input type="checkbox"/>

**Câu 16. Theo Ông/bà những yếu tố sau đây đang tác động như thế nào đối với vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM?**

Các yếu tố tác động	Rất không lớn	Không lớn	Bình thường	Lớn	Rất lớn
1. Khâu kiểm tra, giám sát, đánh giá	1	2	3	4	5
2. Sự quan tâm sâu sắc của các cấp ủy Đảng	1	2	3	4	5
3. Sự thực hiện của chính quyền	1	2	3	4	5

4. Vai trò của Mặt trận Lào XĐĐN	1	2	3	4	5
5. Sự tham gia của các đoàn thể chính trị	1	2	3	4	5
6. Hoạt động của Ban chỉ đạo	1	2	3	4	5
7. Sự phối kết hợp đồng bộ của các bên tham gia	1	2	3	4	5
8. Trình độ dân trí	1	2	3	4	5
9. Năng lực thực hiện của cán bộ	1	2	3	4	5
10. Sự tham gia của nhân dân	1	2	3	4	5
11. Truyền thống, điều kiện thuận lợi	1	2	3	4	5
12. Có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của cấp trên	1	2	3	4	5
13. Yếu tố khác (ghi rõ).....					

**Câu 17. Đánh giá của Ông/bà về tính cần thiết của các giải pháp chung nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM?**

Các yếu tố tác động	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
1. Tăng cường vai trò lãnh đạo chỉ đạo của HTCT cấp trên	1	2	3	4	5
2. Thống nhất quan điểm XDNTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương	1	2	3	4	5
3. Nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở	1	2	3	4	5
4. Phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cơ sở trong lập kế hoạch, chỉ tiêu	1	2	3	4	5
5. Nâng cao năng lực, phát huy vai trò, tập hợp lực lượng và giám sát của các tổ chức CT-XH	1	2	3	4	5
6. Đổi mới phương thức hoạt động, mối quan hệ giữa các thành viên của HTCT	1	2	3	4	5
7. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phát huy vai trò của cán bộ cơ sở	1	2	3	4	5
8. Tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ cơ sở	1	2	3	4	5
9. Đánh giá thi đua, khen thưởng, kỷ luật công bằng, công khai	1	2	3	4	5
10. Phát huy vai trò của cộng đồng, các tổ chức trên địa bàn	1	2	3	4	5
11. Giải pháp khác (ghi rõ).....					

**Câu 18. Ngoài những vấn đề trên, để phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM, xin Ông/bà có thêm ý kiến.**

.....

.....

.....

.....

.....



**Phần II. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1	Tuổi (ghi rõ năm sinh)	.....
2	Giới tính	3. Nam 4. Nữ
3	Tình trạng hôn nhân	1.Chưa kết hôn 2.Đang có vợ/ chồng 3.Ly thân/ ly hôn 4.Góa
4	Dân tộc	1. Lào 2. Khác (ghi rõ):.....
5	Trình độ chuyên môn	6. Tốt nghiệp Tiểu học 7. Tốt nghiệp Trung học cơ sở 8. Tốt nghiệp Trung học phổ thông 9. Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng 10. Đại học, sau đại học
6	Nghề nghiệp	5. Nông dân 6. Công nhân 7. Buôn bán 8. Doanh nghiệp 9. Học sinh, sinh viên

**Phụ lục 3**  
**KẾT QUẢ TRƯNG CÂU Ý KIẾN**  
**(đối tượng cán bộ - công chức)**

**Câu 1. Việc tham gia các hoạt động nào liên quan đến XDNTM của đội ngũ cán bộ, công chức:**

STT	NỘI DUNG HỎI	SL	TL %
1	Được nghe nói về XDNTM	68	27,2
2	Được đọc trực tiếp các văn bản liên quan đến XDNTM	107	42,8
3	Được hướng dẫn học tập, bồi dưỡng vấn đề liên quan đến XDNTM	21	8,4
4	Đã dành thời gian để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến XDNTM	53	21,2
5	Đã trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM	50	20,0
6	Đã trực tiếp tuyên truyền, vận động về XDNTM	155	62,0
7	Trực tiếp đóng góp tiền XDNTM	143	57,2
8	Trực tiếp đóng góp đất đai cho XDNTM	32	12,8
9	Trực tiếp đóng góp nguyên vật liệu cho XDNTM	137	54,8
10	Trực tiếp đóng góp ngày công cho XDNTM	108	43,2
11	Chưa tham gia hoạt động nào cả	11	4,4

**Câu 2. Các kênh tiếp cận các thông tin về XDNTM của cán bộ, công chức:**

Kênh tiếp cận	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Đài tiếng nói	2,8	12,4	42,4	40,8	1,6
2. Truyền hình	2,8	34,4	51,2	10,4	1,2
3. Internet	0,0	6,8	27,2	54,8	11,2
4. Báo/sách/tạp chí	0,0	8,4	42,4	39,6	9,6
5. Tờ rơi/pano/khâu hiệu	0,0	8,4	42,8	43,6	5,2
6. Hội họp	0,0	8,0	20,4	56,8	14,8
7. Tham gia lớp tập huấn	2,4	44,4	38,4	11,2	3,6

**Câu 3. Đánh giá của cán bộ, công chức về việc thực hiện các vai trò XDNTM của Ủy ban nhân dân bản:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	3,2	26,4	35,2	17,2
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	1,6	35,6	53,6	9,2
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	0,0	21,6	52,4	26,0
4. Huy động các nguồn lực	0,0	0,8	32,0	57,2	10,0
5. Tổ chức điều hành thực hiện	5,2	1,6	45,2	45,6	5,6
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	3,2	58,0	37,2	1,6
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	4,0	37,2	52,8	6,0
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	4,0	30,8	55,6	9,6

**Câu 4. Đánh giá của cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành các vai trò XDNTM của Ủy ban nhân dân bản:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất	Kém	Trung	Khá	Tốt
----------------------------------	-----	-----	-------	-----	-----

	<b>kém</b> <b>%</b>	<b>%</b>	<b> bình</b> <b>%</b>	<b>%</b>	<b>%</b>
1. Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	0,0	12,0	74,4	13,6
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	0,8	38,8	58,0	2,4
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	0,0	20,0	65,6	14,4
4. Huy động các nguồn lực	0,0	0,0	24,0	69,2	6,8
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	0,8	36,8	60,0	2,4
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	4,4	45,6	50,0	0,0
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	3,2	33,2	62,0	1,6
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	2,4	25,6	68,0	4,0

**Câu 5. Đánh giá của cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò của cấp ủy**

**Đảng trong XDNTM:**

<b>Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM</b>	<b>Rất kém</b> <b>%</b>	<b>Kém</b> <b>%</b>	<b>Trung bình</b> <b>%</b>	<b>Khá</b> <b>%</b>	<b>Tốt</b> <b>%</b>
1. Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	0,0	15,2	75,2	9,6
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	0,8	45,2	30,8	3,2
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	0,0	24,8	61,6	13,6
4. Huy động các nguồn lực	0,0	0,0	33,2	58,4	8,4
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	1,6	47,6	50,8	0,0
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	2,0	48,0	47,6	2,4
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	9,6	30,0	54,8	5,6
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	3,2	24,8	64,0	8,0

**Câu 6. Đánh giá của cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò của Ban**

**bí thư đảng ủy cụm bản trong XDNTM:**

<b>Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM</b>	<b>Rất kém</b> <b>%</b>	<b>Kém</b> <b>%</b>	<b>Trung bình</b> <b>%</b>	<b>Khá</b> <b>%</b>	<b>Tốt</b> <b>%</b>
1. Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	2,4	16,8	73,6	7,2
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	10,0	45,2	40,4	4,4
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	4,8	19,2	60,0	16,0
4. Huy động các nguồn lực	0,0	0,0	34,0	52,8	13,2
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	8,8	46,0	39,2	6,0
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	0,8	51,2	45,6	2,4
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	10,4	33,2	50,4	6,0
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	1,6	26,0	64,0	8,4

**Câu 7. Đánh giá của cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò của các tổ**

**chức chính trị - xã hội ở bản trong XDNTM:**

<b>Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM</b>	<b>Rất kém</b> <b>%</b>	<b>Kém</b> <b>%</b>	<b>Trung bình</b> <b>%</b>	<b>Khá</b> <b>%</b>	<b>Tốt</b> <b>%</b>
1. Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	2,4	18,0	69,6	10,0
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	4,0	47,6	44,8	3,6

3. Tuyên truyền, vận động	0,0	8,8	18,8	52,8	19,6
4. Huy động các nguồn lực	0,0	6,4	33,6	49,6	10,4
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	14,4	39,2	41,6	4,8
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	14,8	35,6	44,8	4,8
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	8,4	38,8	45,6	7,2
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	2,4	42,8	45,2	9,6

**Câu 8. Đánh giá của cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội ở bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	2,4	23,6	65,6	8,4
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	5,6	69,6	19,2	5,6
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	8,8	20,8	52,4	18,0
4. Huy động các nguồn lực	0,0	2,8	41,6	42,4	13,2
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	8,0	37,6	47,6	6,8
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	1,6	41,2	52,8	4,4
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	4,0	36,4	52,8	6,8
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	1,6	28,8	57,6	12,0

**Câu 9. Đánh giá của cán bộ, công chức về việc thực hiện vai trò của MTLXD ĐN bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	0,0	9,6	80,0	10,4
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	2,4	49,6	43,2	4,8
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	0,8	20,0	58,4	20,8
4. Huy động các nguồn lực	0,0	0,8	22,8	61,6	14,8
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	2,4	44,8	42,4	10,4
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	5,6	40,8	47,2	6,4
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	8,0	36,8	46,8	8,4
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	3,2	30,8	56,4	9,6

**Câu 10. Đánh giá của cán bộ, công chức về mức độ hoàn thành vai trò của MTLXDDN bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	0,0	15,2	66,8	18,0
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	4,4	43,6	41,6	10,4
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	3,2	24,0	52,4	20,4
4. Huy động các nguồn lực	0,0	1,6	37,2	46,0	15,2
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	4,8	44,4	42,8	8,0
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	6,4	33,6	56,0	4,0
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	6,4	23,2	61,2	9,2

8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	4,0	14,8	70,8	10,4
------------------------------------	-----	-----	------	------	------

**Câu 11. Đánh giá của cán bộ, công chức về các nội dung của đội ngũ cán bộ ở HTCT cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay trong thời gian qua:**

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Khả năng lắng nghe ý kiến của nhân dân	0,0	0,0	16,0	62,0	22,0
2. Khả năng gần gũi với nhân dân	0,0	0,8	30,0	65,2	4,0
3. Sự gần bó mật thiết với người dân	0,0	2,4	30,0	63,6	4,0
4. Lấy nhân dân làm gốc trong giải quyết công việc	0,0	1,6	21,2	65,2	12,0

**Câu 12. Đánh giá của cán bộ, công chức kết quả thực hiện các tiêu chí XDNTM trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay:**

Lĩnh vực/mức độ	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Quy hoạch nông thôn	0,0	3,2	30,0	56,0	10,8
2. Hệ thống giao thông	0,8	13,2	39,2	25,6	1,2
3. Hệ thống thủy lợi	0,0	6,8	31,6	53,2	8,4
4. Hệ thống điện	0,0	3,2	18,0	45,6	33,2
5. Hệ thống trường học	0,0	0,0	14,0	75,4	10,8
6. Cơ sở vật chất văn hóa	0,0	0,0	30,8	62,4	6,8
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	0,8	12,4	57,2	28,8	0,8
8. Thông tin và truyền thông	0,0	11,6	54,4	33,2	0,8
9. Nhà ở dân cư	0,0	5,6	64,8	28,8	0,8
10. Tăng thu nhập, mức sống người dân	0,0	13,2	63,2	22,8	0,8
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	0,0	3,2	45,2	51,6	0,0
12. Tăng tỷ lệ lao động có việc làm	0,8	11,2	58,4	19,6	0,0
13. Chuyển đổi cơ cấu KT, tổ chức sản xuất	0,0	4,4	57,6	36,8	1,2
14. Giáo dục, đào tạo dạy nghề	0,0	14,4	65,6	20,0	0,0
15. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	0,0	1,6	26,4	61,6	10,4
16. Văn hóa tinh thần	0,0	1,6	31,6	58,4	8,4
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	0,0	0,0	22,4	57,2	20,4
18. HTCT và tiếp cận pháp luật	0,8	18,4	49,2	30,8	0,8
19. Quốc phòng và an ninh	0,0	0,8	21,6	58,4	19,2

**Câu 13. Đánh giá của cán bộ, công chức về việc chuyển biến các nội dung sau đây ở địa phương trước và sau khi thực hiện XDNTM:**

Các nội dung	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Bầu không khí dân chủ ở địa phương	0,0	0,0	24,6	52,8	23,2
2. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện	0,0	1,6	24,4	34,8	19,2
3. Lòng tin của dân với Đảng, chính quyền	0,0	0,0	8,8	55,2	36,0
4. Tình hình phát triển KT-XH của địa phương	0,0	2,4	42,4	41,6	13,6
5. Công tác xây dựng Đảng của địa phương	0,0	0,0	8,8	78,0	13,2
6. Công tác xây dựng C. Quyền ở địa phương	0,0	0,0	20,4	70,4	9,2
7. Công tác xây dựng Mặt trận và các đoàn thể	0,0	0,0	29,6	65,6	4,8

8. Phong cách làm việc của cán bộ	0,0	1,6	30,4	59,2	8,8
9. Tình hình an ninh trật tự của địa phương	0,0	2,0	23,2	62,8	12,0
10. Trách nhiệm của người đứng đầu	0,0	0,8	24,4	56,4	18,4
11. Đời sống vật chất của người dân	0,0	4,4	51,6	37,6	6,4
12. Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm	0,0	0,0	30,8	52,8	16,4
13. Cơ sở hạ tầng nông thôn	0,8	4,4	56,4	34,4	4,0
14. Giáo dục, văn hóa, sức khỏe của cư dân	0,0	2,4	39,6	52,4	5,6
15. Nghề nghiệp, việc làm của người dân	0,0	6,0	67,6	24,4	2,0

**Câu 14. Đánh giá của cán bộ, công chức về việc triển khai XDNTM ở địa phương:**

<b>NỘI DUNG HỎI</b>	<b>SL</b>	<b>TL %</b>
1. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm	102	23,5
2. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	233	53,7
3. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ	89	20,5
4. Đã ra Nghị quyết chuyên đề về XDNTM	10	2,3
5. Chưa lồng ghép vào Nghị quyết hay ra Nghị quyết chuyên đề riêng	0	0,0
<b>Tổng</b>	<b>434</b>	<b>100,0</b>

**Câu 15a. Đánh giá của cán bộ, công chức về hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ khi được giao nhiệm vụ thực hiện XDNTM:**

<b>NỘI DUNG HỎI</b>	<b>SL</b>	<b>TL %</b>
1. Đã có	244	97,6
2. Chưa có	6	2,4
3. Không biết	0	0,0
<b>Tổng</b>	<b>250</b>	<b>100,0</b>

**Câu 15b. Đánh giá của cán bộ, công chức về đội ngũ cán bộ làm tốt có được khen thưởng:**

<b>NỘI DUNG HỎI</b>	<b>SL</b>	<b>TL %</b>
1. Khen thưởng xứng đáng	147	58,8
2. Khen thưởng nhưng chưa xứng đáng	93	37,2
3. Chưa được khen thưởng	10	4,0
4. Không biết	0	0,0
<b>Tổng</b>	<b>250</b>	<b>100,0</b>

**Câu 15c. Về kết quả kỷ luật của đội ngũ cán bộ khi làm chưa tốt:**

<b>NỘI DUNG HỎI</b>	<b>SL</b>	<b>TL %</b>
1. Không bị kỷ luật	6	2,4
2. Có bị kỷ luật nhưng chưa có tính nghiêm khắc	122	48,8
3. Bị kỷ luật thỏa đáng	107	42,7
4. Không rõ	15	6,0
<b>Tổng</b>	<b>250</b>	<b>100,0</b>

**Câu 16. Đánh giá của cán bộ, công chức về những yếu tố tác động như thế nào đối với vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM:**

<b>Các yếu tố tác động</b>	<b>Rất không lớn %</b>	<b>Không lớn %</b>	<b>Bình thường %</b>	<b>Lớn %</b>	<b>Rất lớn %</b>
1. Đường lối, chủ trương của Đảng, Đảng bộ tỉnh, huyện	0,8	1,2	10,8	35,2	52,0

2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước, Chính quyền các cấp	2,0	2,0	8,0	17,2	70,8
3. Điều kiện tự nhiên của địa phương	2,0	2,4	9,2	25,6	66,8
4. Điều kiện KT-XH của địa phương	0,8	2,4	9,2	60,6	31,2
5. Trình độ, kiến thức, sự hiểu biết của cán bộ cấp cơ sở	2,0	1,2	9,2	60,4	27,2
6. Năng lực, phương pháp làm việc của cán bộ cấp cơ sở	0,8	3,2	7,2	23,6	65,2
7. Đạo đức, ứng xử của cán bộ cấp cơ sở	0,8	6,0	10,4	51,2	31,6
8. Dân chủ hoá, công khai, minh bạch trong XDNTM	0,8	1,2	10,8	50,0	37,2
9. Trình độ dân trí	0,8	3,6	6,8	32,8	56,0
10. Sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân	0,0	3,2	2,4	25,2	69,2
11. Tác động của việc vận dụng khoa học - kỹ thuật	0,0	3,2	4,8	36,4	55,6
12. Vận dụng khoa học trong quản lý XDNTM	0,0	0,0	3,2	30,8	60,0

**Câu 17. Đánh giá của cán bộ, công chức về tính cần thiết của các giải pháp nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM:**

Các giải pháp	Rất không cần thiết %	Không cần thiết %	Trung bình %	Cần thiết %	Rất cần thiết %
1. Tăng cường vai trò lãnh đạo chỉ đạo của HTCT cấp trên	0,0	0,0	6,8	30,8	62,4
2. Thống nhất quan điểm XDNTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương	0,0	0,0	12,0	56,0	32,0
3. Nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở	0,0	0,0	12,8	59,2	28,0
4. Phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cơ sở trong lập kế hoạch, chỉ tiêu	0,0	0,0	5,2	34,4	60,4
5. Nâng cao năng lực, phát huy vai trò, tập hợp lực lượng và giám sát của các tổ chức CT-XH	0,0	0,0	23,2	58,4	16,0
6. Đổi mới phương thức hoạt động, mối quan hệ giữa các thành viên của HTCT cơ sở	0,0	2,4	13,2	69,2	17,6
7. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phát huy vai trò của cán bộ cơ sở	0,0	0,0	4,8	37,2	58,0
8. Tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ cơ sở	0,0	0,0	5,6	32,4	62,0
9. Đánh giá thi đua, khen thưởng, kỷ luật công bằng, công khai	0,0	0,0	10,4	34,4	55,2
10. Phát huy vai trò của cộng đồng, các tổ chức trên địa bàn	0,0	0,0	10,0	57,2	32,8

**Phụ lục 4**  
**KẾT QUẢ TRƯNG CÂU Ý KIẾN**  
**(đối tượng nhân dân)**

Số lượng: 250

Thời gian điều tra: tháng 3/2022 đến tháng 6/2022

Kết quả cụ thể:

**Câu 1. Việc tham gia của người dân được khảo sát với các hoạt động nào liên quan đến XDNTM:**

STT	NỘI DUNG HỎI	SL	TL %
1	Được nghe nói về XDNTM	138	21,8
2	Được đọc trực tiếp các văn bản liên quan đến XDNTM	76	12,0
3	Được hướng dẫn học tập, bồi dưỡng vấn đề liên quan đến XDNTM	34	5,4
4	Đã dành thời gian để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến XDNTM	42	6,6
5	Đã trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM	17	2,7
6	Đã trực tiếp tuyên truyền, vận động về XDNTM	39	6,2
7	Trực tiếp đóng góp tiền XDNTM	51	8,1
8	Trực tiếp đóng góp đất đai cho XDNTM	17	2,7
9	Trực tiếp đóng góp nguyên vật liệu cho XDNTM	58	9,2
10	Trực tiếp đóng góp ngày công cho XDNTM	156	24,7
11	Chưa tham gia hoạt động nào cả	4	0,6
<b>Tổng</b>		<b>632</b>	<b>100,0</b>

**Câu 2. Các kênh tiếp cận các thông tin về XDNTM của người dân được khảo sát:**

Kênh tiếp cận	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Đài tiếng nói	3,2	15,2	17,6	34,4	29,6
2. Truyền hình	0,0	9,6	26,8	46,0	17,6
3. Internet	8,0	14,4	41,6	24,8	11,2
4. Báo/sách/tạp chí	9,6	37,2	33,6	18,0	1,6
5. Tờ rơi/pano/khâu hiệu	12,8	30,0	45,2	8,0	3,2
6. Hội họp	0,0	14,8	34,8	45,6	4,8
7. Tham gia lớp tập huấn	20,8	36,4	36,4	4,8	1,6

**Câu 3. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về việc thực hiện các vai trò của Ủy ban nhân dân bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Năm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	1,6	27,6	40,8	30,0
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	3,2	30,8	39,2	26,8
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	3,2	35,6	47,2	14,0
4. Huy động các nguồn lực	0,0	3,2	32,8	43,6	20,4
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	8,4	33,6	47,2	10,8
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	1,6	37,6	50,8	10,0



7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	6,4	40,8	39,6	13,2
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	4,8	32,4	42,0	20,8

**Câu 4. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về mức độ hoàn thành các vai trò của Ủy ban nhân dân bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	1,6	9,6	54,4	34,4
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	0,0	34,4	48,0	17,6
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	0,0	32,4	40,4	27,2
4. Huy động các nguồn lực	0,0	0,0	26,4	51,6	22,0
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	3,2	39,6	47,2	10,0
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	3,2	27,2	53,2	16,4
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	4,8	25,2	50,4	19,6
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	3,2	21,6	55,6	19,6

**Câu 5. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về việc thực hiện vai trò của cấp ủy Đảng trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	1,6	18,0	50,8	29,6
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	0,0	20,4	65,2	14,4
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	0,0	13,6	58,0	28,4
4. Huy động các nguồn lực	0,0		22,0	56,0	20,4
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	0,0	35,6	59,6	4,8
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	0,0	33,6	50,0	16,4
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	0,0	28,8	48,8	22,4
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	0,0	22,0	59,2	18,8

**Câu 6. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về mức độ hoàn thành vai trò của Ban bí thư đảng ủy cụm bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	0,0	9,6	48,0	42,4
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	3,2	24,8	52,8	19,2
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	0,0	26,0	34,0	40,0
4. Huy động các nguồn lực	0,0	0,0	33,6	37,6	28,8
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	2,8	37,2	39,2	20,8
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	33,2	47,6	19,2	19,2
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	4,8	22,4	48,8	24,0
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	25,2	57,2	17,6	17,6

**Câu 7. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về việc thực hiện vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội ở bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất	Kém	Trung	Khá	Tốt
----------------------------------	-----	-----	-------	-----	-----

	kém %	%	bình %	%	%
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	0,0	10,0	67,2	22,8
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	1,6	31,2	57,6	9,6
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	1,6	21,6	44,0	32,8
4. Huy động các nguồn lực	0,0	3,2	31,2	40,8	26,4
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	4,8	35,6	49,6	11,6
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	5,2	49,2	34,4	11,6
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	5,2	39,2	39,6	16,0
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	3,2	35,6	46,4	14,8

**Câu 8. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về mức độ hoàn thành vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội ở bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	1,6	18,0	54,4	26,0
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	4,8	42,4	43,2	9,6
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	3,2	13,6	66,8	16,4
4. Huy động các nguồn lực	0,0	1,6	24,8	57,6	16,0
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	1,6	42,4	38,0	18,0
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	4,8	40,4	43,6	11,2
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	3,2	30,8	53,2	12,8
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	3,2	27,6	54,8	14,4

**Câu 9. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về việc thực hiện vai trò của MTLXĐĐN bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	0,0	15,6	59,6	24,8
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	1,6	32,8	52,8	12,8
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	2,0	18,4	52,0	27,6
4. Huy động các nguồn lực	0,0	2,0	28,0	44,0	26,0
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	5,2	39,6	46,8	8,4
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	3,2	31,6	57,2	8,0
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	3,2	28,8	56,8	11,2
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	3,2	33,6	44,0	19,2

**Câu 10. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về mức độ hoàn thành vai trò của MTLXĐĐN bản trong XDNTM:**

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật	0,0	2,8	21,2	48,0	28,0

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	0,0	6,8	31,2	47,6	14,4
3. Tuyên truyền, vận động	0,0	9,6	23,6	34,0	32,8
4. Huy động các nguồn lực	0,0	6,4	28,4	40,4	24,8
5. Tổ chức điều hành thực hiện	0,0	9,6	20,4	49,2	29,8
6. Giám sát, kiểm tra, phản hồi, điều chỉnh	0,0	8,0	24,0	48,8	19,2
7. Sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm	0,0	10,0	22,8	44,8	22,4
8. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	0,0	6,8	19,6	49,6	24,0

**Câu 11. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về về các nội dung sau đây của đội ngũ cán bộ ở HTCT cấp cơ sở tỉnh Bolikhamxay:**

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Khả năng lắng nghe ý kiến của nhân dân	0,0	0,0	24,4	45,6	30,0
2. Khả năng gần gũi với nhân dân	0,0	3,2	44,0	40,0	12,8
3. Sự gần bó mật thiết với người dân	0,0	2,0	46,8	38,4	12,8
4. Lấy nhân dân làm gốc trong giải quyết công việc	0,0	1,6	38,0	40,8	19,6

**Câu 12. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về kết quả thực hiện các tiêu chí XDNTM:**

Lĩnh vực/mức độ	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Quy hoạch nông thôn	0,0	9,6	43,2	37,6	9,6
2. Hệ thống giao thông	6,4	24,8	52,8	11,2	4,8
3. Hệ thống thủy lợi	0,0	6,0	52,8	36,0	8,0
4. Hệ thống điện	0,0	1,6	24,0	41,6	32,8
5. Hệ thống trường học	0,0	0,0	32,4	54,8	12,8
6. Cơ sở vật chất văn hóa	0,0	0,0	2,0	57,6	40,4
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	0,0	0,0	26,4	49,6	24,0
8. Thông tin và truyền thông	0,0	23,2	55,2	16,8	4,8
9. Nhà ở dân cư	0,0	10,4	68,8	17,6	3,2
10. Tăng thu nhập, mức sống người dân	0,0	9,6	66,4	22,4	1,6
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	0,0	6,8	49,6	35,6	8,0
12. Tăng tỷ lệ lao động có việc làm	0,0	16,0	52,0	28,8	3,2
13. Chuyển đổi cơ cấu KT, tổ chức sản xuất	0,0	10,8	55,2	29,2	1,6
14. Giáo dục, đào tạo dạy nghề	0,0	16,4	56,4	24,0	3,2
15. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	0,0	2,0	35,6	54,4	8,0
16. Văn hóa tinh thần	0,0	5,2	39,6	46,8	8,4
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	0,0	3,6	18,4	54,8	23,2
18. HTCT và tiếp cận pháp luật	0,0	22,8	54,8	17,6	1,6
19. Quốc phòng và an ninh	0,0	2,0	6,4	54,4	36,2

**Câu 13. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về sự chuyển biến của các yếu tố so với trước khi thực hiện XDNTM:**

Các nội dung	Rất kém %	Kém %	Trung bình %	Khá %	Tốt %
1. Bầu không khí dân chủ ở địa phương	0,0	0,0	22,8	50,4	26,8

2. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện	0,0	3,2	28,0	38,8	30,0
3. Lòng tin của dân với Đảng, chính quyền	0,0	1,6	22,0	35,2	41,2
4. Tình hình phát triển KT-XH của địa phương	0,0	3,2	35,6	43,6	17,6
5. Công tác xây dựng Đảng của địa phương	0,0	0,0	27,6	58,8	17,6
6. Công tác xây dựng C.Quyền ở địa phương	0,0	0,0	29,2	62,0	8,8
7. Công tác xây dựng Mặt trận và các đoàn thể	0,0	0,0	37,2	55,6	7,2
8. Phong cách làm việc của cán bộ	0,0	0,0	42,0	47,6	10,4
9. Tình hình an ninh trật tự của địa phương	0,0	0,0	29,6	45,6	24,8
10. Trách nhiệm của người đứng đầu	0,0	0,0	27,6	54,0	18,4
11. Đời sống vật chất của người dân	0,0	0,0	49,2	37,6	8,4
12. Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm	0,0	0,0	27,2	51,6	21,2
13. Cơ sở hạ tầng nông thôn	0,0	10,0	52,0	34,8	3,2
14. Giáo dục, văn hóa, sức khỏe của cư dân	0,0	0,0	37,2	52,8	10,0
15. Nghề nghiệp, việc làm của người dân	0,0	9,6	63,6	25,2	1,6

**Câu 14. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về việc triển khai XDNTM ở địa phương đồng chí được thực hiện của HTCT:**

NỘI DUNG HỎI	SL	TL %
1. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm	96	23,2
2. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	172	43,2
3. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ	123	30,2
4. Đã ra Nghị quyết chuyên đề về XDNTM	16	3,9
5. Chưa lồng ghép vào Nghị quyết hay ra Nghị quyết chuyên đề riêng	0	0,0
<b>Tổng</b>	<b>406</b>	<b>100,0</b>

**Câu 15a. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về việc áp dụng hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ khi được giao nhiệm vụ thực hiện XDNTM.**

NỘI DUNG HỎI	SL	TL %
1. Đã có	149	59,6
2. Chưa có	17	6,8
3. Không biết	84	33,6
<b>Tổng</b>	<b>250</b>	<b>100,0</b>

**Câu 15b. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về việc khi cán bộ làm chưa tốt có bị kỷ luật:**

NỘI DUNG HỎI		
1. Không bị kỷ luật	4	1,6
2. Có bị kỷ luật nhưng chưa có tính nghiêm khắc	62	24,8
3. Bị kỷ luật thỏa đáng	75	30,0
4. Không rõ	109	43,6
<b>Tổng</b>	<b>250</b>	<b>100,0</b>

**Câu 16. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về sự tác động của các yếu tố dưới đây đối với vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM:**

Các yếu tố tác động	Rất lớn	Lớn	Ít lớn	Không tác động	Khó đánh giá
	%	%	%	%	%

1. Đường lối, chủ trương của Đảng, Đảng bộ tỉnh, huyện	44,4	34,4	9,6	4,8	6,8
2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước, Chính quyền các cấp	46,0	31,2	14,4	1,6	6,8
3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế của địa phương	40,0	42,0	6,4	8,0	3,6
4. Điều kiện văn hoá, xã hội của địa phương	24,8	47,6	11,2	9,6	6,8
5. Trình độ, kiến thức, sự hiểu biết của cán bộ cấp cơ sở	27,6	39,6	18,0	8,0	6,8
6. Năng lực, phương pháp làm việc của cán bộ cấp cơ sở	39,2	34,4	12,8	8,0	5,6
7. Đạo đức, ứng xử của cán bộ cấp cơ sở	28,8	41,2	16,4	8,0	5,6
8. Dân chủ hoá, công khai, minh bạch trong XDNTM	40,8	36,0	13,2	3,2	6,8
9. Trình độ dân trí	37,2	43,6	9,6	4,8	4,8
10. Sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân	51,6	24,4	14,4	9,6	0,0
11. Tác động của việc vận dụng khoa học - kỹ thuật	25,2	54,0	8,0	6,4	6,4
12. Vận dụng khoa học trong quản lý XDNTM	41,6	37,6	11,2	6,4	3,2

**Câu 17. Đánh giá của nhân dân được khảo sát về về tính cần thiết của các giải pháp phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM:**

Các giải pháp	Rất không cần thiết %	Không cần thiết %	Trung bình %	Cần thiết %	Rất cần thiết %
1. Tăng cường vai trò lãnh đạo chỉ đạo của HTCT cấp trên	0,0	0,0	8,4	21,6	70,0
2. Thống nhất quan điểm XDNTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương	0,0	0,0	12,0	50,0	38,0
3. Nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở	0,0	1,6	8,4	56,4	33,6
4. Phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cơ sở trong lập kế hoạch, chỉ tiêu	0,0	0,0	6,4	33,2	60,4
5. Nâng cao năng lực, phát huy vai trò, tập hợp lực lượng và giám sát của các tổ chức CT-XH	0,0	0,0	28,8	44,8	26,4
6. Đổi mới phương thức hoạt động, mối quan hệ giữa các thành viên	0,0	0,0	10,0	62,0	28,0
7. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phát huy vai trò của cán bộ cơ sở	0,0	0,0	8,0	33,6	58,4
8. Tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ cơ sở	0,0	0,0	6,4	36,4	57,2
9. Đánh giá thi đua, khen thưởng, kỷ luật công bằng, công khai	0,0	0,0	4,8	43,2	52,0
10. Phát huy vai trò của cộng đồng, các tổ chức trên địa bàn	0,0	0,0	6,8	56,3	36,0

## PHIẾU TRƯNG PHỎNG VẤN SÂU

(Dùng cho cán bộ cơ sở)

### ***Kính thưa đồng chí!***

Trong quá trình xây dựng NTM (XDNTM), HTCT bước đầu đã khẳng định được những kết quả tích cực, tuy vậy thực tế cũng cho thấy không ít bất cập vẫn còn tồn tại. Do vậy, với việc nghiên cứu đề tài: “*Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay*” hy vọng sẽ có những đóng góp nhất định trong thực hiện mục tiêu “kép”; đổi mới HTCT cấp cơ sở gắn liền XDNTM của tỉnh Bolikhamxay.

Để góp phần vào sự thành công của đề tài chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến của đồng chí thông qua các chủ đề dưới đây.

**Chủ đề 1.** Đánh giá của đồng chí về thực trạng XDNTM ở địa phương hiện nay: kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, kiến nghị đề xuất.

**Chủ đề 2.** Cấp ủy đảng thực hiện các vai trò, nhiệm vụ của mình trong XDNTM: nội dung, đặc điểm cách thức, kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và các kiến nghị đề xuất nhằm phát huy vai trò của cấp ủy đảng trong XDNTM.

**Chủ đề 3.** Ban bí thư đảng cụm bản, Ban cán sự làng trong thực hiện các vai trò, nhiệm vụ của mình trong XDNTM: nội dung, đặc điểm, cách thức, kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và các kiến nghị đề xuất nhằm phát huy vai trò của Ban bí thư đảng cụm bản, Ban cán sự làng trong XDNTM.

**Chủ đề 4.** Mặt trận LXĐĐN, các đoàn thể chính trị - xã hội trong thực hiện các vai trò, nhiệm vụ của mình trong XDNTM: nội dung, đặc điểm, cách thức, kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và các kiến nghị đề xuất nhằm phát huy vai trò của Mặt trận LXĐĐN, các đoàn thể chính trị - xã hội trong XDNTM.

**Chủ đề 5.** Đánh giá của nhân dân về trình độ, năng lực, phương pháp, chất lượng công việc XDNTM của đội ngũ cán bộ chính trị ở địa phương hiện nay như thế nào?

**Chủ đề 6.** Đồng chí có đề xuất, khuyến nghị như nào để góp phần thực hiện tốt công tác XDNTM nói chung và ở địa phương, đơn vị của đồng chí.

**Chủ đề 7.** Đồng chí có khuyến nghị, đề xuất như nào đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở cơ quan, đơn vị và địa phương.

***Trân trọng cảm ơn!***

## PHIẾU TRƯNG PHỎNG VẤN SÂU

(Dùng cho nhân dân địa phương)

***Kính thưa ông/bà!***

Xây dựng NTM là một chủ trương lớn, đúng đắn của Đảng và Nhà nước Lào, của HTCT các cấp. Thực tế xây dựng NTM cũng đã mang lại cho các tầng lớp nhân dân Lào sống ở khu vực nông thôn nhiều kết quả tích cực, đời sống nâng cao cả vật chất và tinh thần. Nhằm đánh giá tổng quát những kết quả đạt được và những hạn chế của việc thực hiện công việc đội ngũ cán bộ ở địa phương ông bà sinh sống về xây dựng NTM. Kính mời ông/bà tham gia thảo luận cùng tôi về các chủ đề dưới đây.

**Chủ đề 1.** Đánh giá tổng quát của ông/bà về hiệu quả của việc xây dựng NTM ở trên địa bàn: việc làm người dân, chăm sóc sức khỏe, y tế, tiếp cận nước sạch, hệ thống điện đường trường trạm có những thay đổi như thế nào so với trước đây?

**Chủ đề 2.** Sự quan tâm của đội ngũ cán bộ về: thông tin/nguyện vọng của người dân về quá trình xây dựng NTM; sự tiếp thu của đội ngũ cán bộ về các ý kiến phản biện của người dân địa phương trước các kế hoạch, chương trình hành động của chính quyền về xây dựng NTM?

**Chủ đề 3.** Đánh giá của ông/bà về tính hợp lý, đúng đắn của các chủ trương, kế hoạch, chương trình hành động trong xây dựng NTM của đội ngũ cán bộ ở địa phương?

**Chủ đề 4.** Theo ông/bà mức độ ủng hộ của người dân địa phương đối với đội ngũ cán bộ trong việc thực hiện kế hoạch, chương trình xây dựng NTM trên địa bàn? Tại sao lại như vậy?

**Chủ đề 5.** Đánh giá của ông/bà về những khó khăn và thuận lợi của đội ngũ cán bộ trong việc thực hiện kế hoạch, chương trình xây dựng NTM trên địa bàn? Những khó khăn và thuận lợi đó những nguyên nhân nào?

**Chủ đề 6.** Ông/bà có đề xuất, khuyến nghị như nào để góp phần thực hiện tốt công tác XDNTM nói chung và ở địa phương, đơn vị của đồng chí.

**Chủ đề 7.** Ông/bà có khuyến nghị, đề xuất như nào đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở cơ quan, đơn vị và địa phương.

***Trân trọng cảm ơn!***

**Phụ lục 5**  
**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG CHỨC TOÀN TỈNH BILIKHAMXAY**  
**ĐẾN THÁNG 6/2022**

	<b>Tổng số</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tiến sĩ</b>	<b>Thạc sĩ</b>	<b>Đại học</b>	<b>Cao đẳng</b>	<b>Trung cấp</b>	<b>Sơ cấp</b>	<b>Chưa qua đào tạo</b>
Cấp tỉnh	7.153	3.684	3.469	08	320	2.957	2.739	1.054	73	03
Huyện Phạc Săn	807	339	477	01	17	251	313	219	6	0
Huyện Tha Pha Bạt	594	222	372	0	16	194	257	121	5	1
Huyện Bo Li Khăn	840	434	406	0	11	240	431	146	11	1
Huyện Khăm Khót	1.137	577	560	0	14	447	437	214	24	1
Huyện Viêng Thong	717	430	287	0	11	209	386	108	3	0
Huyện Xay Chăm Phon	389	259	130	0	8	109	206	64	2	0
Huyện Phạc Cá Đỉnh	770	444	326	0	25	264	353	120	8	0
<b>Tổng</b>	<b>12.407</b>	<b>6.389</b>	<b>6.018</b>	<b>09</b>	<b>411</b>	<b>5.034</b>	<b>4.762</b>	<b>2.046</b>	<b>132</b>	<b>06</b>



## Phụ lục 6

**BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN VÀ CỤM BẢN ĐẠT CHUẨN NTM  
TRÊN ĐỊA BÀN TẠI TỈNH BOLIKHAMXAY GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Kèm theo Quyết định số 2265 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Bolikhamxay)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá	
<b>I. QUY HOẠCH</b>					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng bản được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của bản giai đoạn 2016-2020 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Sở Xây dựng	
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng bản và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt		
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường bản được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	95%	Sở Giao thông vận tải	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	95%		
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	95%	Sở Giao thông vận tải	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	80%		
		3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 70% trở lên	Vùng núi và gò đồi, cát ven biển	$\geq 70\%$	Sở Nông nghiệp và Lâm
			Đồng bằng	$\geq 80\%$	

3	<b>Thủy lợi</b>	3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ		Đạt	ngiệp
4	<b>Điện</b>	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Sở Công thương
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn		≥ 90%	
5	<b>Trường học</b>	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	a) Các bản có hơn 3 trường	95% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	Sở Giáo dục và Thể thao
			b) Các bản có từ 3 trường trở xuống	95% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	
6	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>	6.1. Bản có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn bản		Đạt	Sở Giáo dục và Thể thao
<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>		<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá</b>
		6.2. Bản có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt	Sở Giáo dục và Thể thao
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		95%	
7	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>	Bản có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	Sở Công thương
	<b>Thông tin và</b>	8.1. Bản có điểm phục vụ bưu chính		Đạt	Sở Thông tin và Truyền
		8.2. Bản có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	

8	truyền thông	8.3. Bản có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	thông	
		8.4. Bản có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Sở Xây dựng	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	95%		
<b>III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người ( <i>triệu kíp/người</i> )	Năm 2016	$\geq 36$	Cục Thống kê tỉnh
			Năm 2017	$\geq 39$	
			Năm 2018	$\geq 42$	
			Năm 2019	$\geq 45$	
			Năm 2020	$\geq 48$	
<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá</b>	
11	<b>Nghèo đa chiều</b>	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$< 8,5\%$	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
12	<b>Lao động</b>	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 45\%$	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 15\%$		

13	<b>Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn</b>	13.1. Bản có hợp tác hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác	Đạt	Sở Nông nghiệp và Lâm nghiệp	
		13.2. Bản có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt		
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận LaoGAP hoặc tương đương	Đạt		
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt		
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt		
<b>IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>					
14	<b>Giáo dục và đào tạo</b>		Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Sở Giáo dục và Thể thao
		14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt	
			Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	≥90%	
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt	

		Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt		
		Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại	Khá		
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 75\%$		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	Sở Y tế	
		15.2. Bản đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 25\%$		
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$		
16	Văn hóa	Tỷ lệ bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng NTM	$\geq 70\%$	Sở Văn hóa và Thể thao	
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Bản không thuộc khu vực III	$\geq 80\%$ ( $\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	Sở Nông nghiệp và Lâm nghiệp
			Bản khu vực III	$\geq 70\%$ ( $\geq 15\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	

17	<b>Môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm</b>	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥85%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Đạt	Sở Nông nghiệp và Lâm nghiệp
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥65%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 75\%$	Sở Y tế
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	90%	Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 20\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 40\%$	
<b>V. HTCT</b>				
18	<b>HTCT và tiếp cận pháp luật</b>	18.1. Cán bộ, công chức bản đạt chuẩn	Đạt	Sở Nội vụ
		18.2. Đảng bộ, chính quyền bản được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của bản được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	90%	

		18.4. Bản đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Sở Tư pháp
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng NTM cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển bản	Đạt	Văn phòng Điều phối NTM tỉnh
19	<b>Quốc phòng và an ninh</b>	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an tỉnh